## TUẦN 20

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  03/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 91,92. BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu, cảm nhận được nghệ thuật lập luận, giá trị nội dung và ý nghĩa thực tiễn của văn bản: Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đọc sách và phương pháp đọc sách. Phương pháp đọc sách cho có hiệu quả.

***2. Kĩ năng:***

- Biết cách đọc - hiểu một văn bản dịch( không sa đà vào phân tích ngôn từ).

- Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong một văn bản nghị luận.

- Rèn thêm cách viết một bài văn nghị luận.

***3. Thái độ:***

**-**  Trân trọng, yêu quý sách. Có quan niệm, phương pháp đọc sách đúng đắn.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.

- Phương pháp đọc sách cho có hiệu quả.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong một văn bản nghị luận.

- Cách viết một bài văn nghị luận.

***3. Thái độ:***

**-**  Trân trọng, yêu quý sách. Có quan niệm, phương pháp đọc sách đúng đắn.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nghệ thuật lập luận, giá trị nội dung và ý nghĩa thực tiễn của văn bản:

*+ Nội dung của hoạt động:*Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đọc sách; những khó khăn, nguy hại trong việc đọc sách ngày nay; phương pháp đọc sách cho có hiệu quả.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:*Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:2’**

- Kiểm tra bài soạn của HS. Giới thiệu chương trình học kì II.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm theo bàn: Nêu tầm quan trọng của việc đọc sách, những kinh nghiệm về việc đọc sách mà em tích lũy được từ trước đến nay.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ: thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 70’   Mục tiêu: Thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đọc sách và phương pháp đọc sách. Phương pháp đọc sách cho có hiệu quả. Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong một văn bản nghị luận.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, thuyết trình… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ, 321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  - Đọc chú thích \* và nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm ?  - Kiểm tra việc đọc, hiểu chú thích của học sinh.  - Hướng dẫn đọc: Đọc rõ ràng mạch lạc nhưng vẫn giữ giọng tâm tình như người trò chuyện. Chú ý hình ảnh so sánh.  - Đọc mẫu một đoạn, gọi học sinh đọc, nhận xét.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm: Xác định kiểu loại văn bản? Bố cục? Hệ thống luận điểm? | **I.Tìm hiểu chung**  - Dựa vào chú thích trả lời.  - Tìm hiểu chú thích.  - Nghe  - Đọc văn bản   * + Thảo luận theo bàn trình bày. | **I.Tìm hiểu chung**  1.Chú thích:  a.Tác giả  - Chu Quang Tiềm (1897- 1986) là nhà mĩ học, lí luận văn hoá nổi tiếng của Trung Quốc.  b.Tác phẩm.  - Bài viết là quá trình tích luỹ kinh nghiệm, dày công suy nghĩ..  c.Từ khó  - Sgk.  2. Đọc:  3. Kiểu loại văn bản:  - Văn bản nghị luận  (lập luận và giải thích 1 vấn đề xã hội)  - Bàn về đọc sách  4. Hệ thống luận điểm:  - Sự cần thiết và ý nghĩa của việc đọc sách (Từ đầu...thế giới mới)  - Khó khăn, nguy hại của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay (tiếp....lực lượng)  - Phương pháp chọn sách và cách đọc sách (còn lại) |
| **# HD phân tích:**  \*HD phân tích luận điểm 1.  + **Giao nhiệm vụ**: HĐ cá nhân:  - Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm em thấy sách có tầm quan trọng như thế nào ?  ? Với tầm quan trọng của sách thì đọc sách có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi con người?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - GV chốt KT: Đọc sách có ý nghĩa lớn lao và lâu dài đối với mỗi con người. Dù văn hoá nghe nhìn, thực tế cuộc sống đang là những con đường học tập quan trọng khác, nhưng không bao giờ có thể thay được cho việc đọc sách)  ***(Hết tiết 91, chuyển tiết 92)***  **\* HD phân tích luận điểm 2:**  - Đọc đoạn 2 văn bản.  + Phương pháp: vấn đáp, HĐ cá nhân:  ? Cái hại đầu tiên trong việc đọc sách hiện nay, trong tình hình sách nhiều vô kể là gì?  ? Để chứng minh cho cái hại đó, tác giả so sánh, biện thuyết như thế nào?  ? Tìm chỉ ra cái hại thứ hai của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay?  ? Sự so sánh ở đây có gì khác biệt?  - So sánh với việc đánh trận thất bại vì tự tiêu hao lực lượng của mình là khá mới mẻ mà vẫn quen thuộc và lí thú  **\* HD phân tích luận điểm 3:**  **+ Giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm theo bàn.  Tác giả khuyên chúng ta nên chọn sách như thế nào ?  ? Em hiểu thế nào là sách chuyên môn, phổ thông?  ? Theo tác giả cách đọc sách đúng đắn nên như thế nào ?  ? Cái hại của việc đọc sách hời hợt được tác giả chế giễu như thế nào ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức:  -> Đọc sách còn là chuyện rèn luyện tính cách, chuyện làm người. | **II. Phân tích**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Đọc.   * + Suy nghĩ trả lời.   + Suy nghĩ trả lời.   + Phát hiện trả lời.   + Nhận xét.   + Thảo luận, nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **II. Phân tích**  **1.Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.**  + Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn - con đường tích luỹ nâng cao vốn tri thức vì:  - Sách đã ghi chép, cô đúc và lưu truyền mọi tri thức, thành tựu mà loài người tìm tòi, tích luỹ qua từng thời đại.  - Những cuốn sách giá trị là những cột mốc trên con đường phát triển học thuật của nhân loại.  - Sách trở thành kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu lượm, suy ngẫm suốt mấy ngàn năm.  ***+*** Đọc sách là sự chuẩn bị để có thể làm cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, đi phát hiện thế giới mới.  **2.Khó khăn nguy hại của việc đọc sách .**  - Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu, dễ sa vào lối “ăn tươi nuốt sống” chứ không kịp tiêu hoá , không biết nghiền ngẫm.  - Sách nhiều khiến người ta khó lựa chọn, lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn sách không có ích.  **3.Phương pháp chọn sách và cách đọc sách.**  ***\* Cách chọn sách:***  - Chọn cho tinh, không cốt lấy nhiều (đọc nhiều không thể coi là vinh dự (nếu nhiều mà dối), đọc ít cũng không phải là xấu hổ (nếu đọc ít mà kĩ)  -Tìm đọc những cuốn thực sự có giá trị và cần thiết với bản thân.  - Chọn lọc có mục đích, định hướng rõ ràng, không tuỳ hứng, nhất thời.  - Sách chọn nên hướng vào hai loại:  +Loại phổ thông  +Loại chuyên môn  \* Cách đọc sách:  - Đọc kĩ, đọc đi, đọc lại, đọc nhiều lần, đến thuộc lòng  - Đọc với sự say mê, suy ngẫm, suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích luỹ, kiên định mục đích  - Đọc có kế hoạch, hệ thống, không nên đọc tràn lan. |
| **\* HD tổng kết:**  ? Theo em tính hấp dẫn và thuyết phục của văn bản là do đâu ?  ? Qua đó tác giả muốn thể hiện nội dung gì? | **III.Tổng kết**   * + Thảo luận trả lời.   - Khái quát trả lời. | **III.Tổng kết**   1. **Nghệ thuật:**   - Nội dung của lời bàn và cách trình bày của tác giả thấu tình, đạt lí: các ý kiến nhận xét đưa ra thật xác đáng, có lí lẽ. Tác giả trình bày bằng cách phân tích cụ thể, bằng giọng chuyện trò, tâm tình thân ái.  - Bố cục văn bản chặt chẽ, hợp lí, các ý kiến được dẫn dắt tự nhiên.  - Cách viết giàu hình ảnh, ví von cụ thể, thú vị.  **2. Nội dung:**  - Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn-con đường tích luỹ nâng cao vốn tri thức..  - Kết hợp đọc rộng với đọc sâu, đọc sách chuyên môn với sách thường thức.  - Đọc có kế hoạch, hệ thống, không nên đọc tràn lan.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **IV. Luyện tập** :  - Yêu cầu HS làm bài tập: | **IV.Luyện tập**  Trình bày. | **IV. Luyện tập:**  ? Phát biểu điều mà em thấm thía nhất khi học “Bàn về đọc sách”? |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  ? Em học được điều gì về phương pháp đọc sách qua văn bản "Bàn về đọc sách" của Chu Quang Tiềm?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Nêu điều đã học được về phương pháp đọc sách qua văn bản "Bàn về đọc sách" của Chu Quang Tiềm. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  - Tìm đọc thêm những bài viết về phương pháp đọc sách, ghi lại những kinh nghiệm mình tích lũy được sau quá trình đọc tài liệu.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Đọc thêm những bài viết về phương pháp đọc sách, ghi lại những kinh nghiệm mình tích lũy được sau quá trình đọc tài liệu. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Lập lại hệ thống luận điểm trong toàn bài.

- Ôn lại những phương pháp nghị luận đã học.

- Chuẩn bị bài “Khởi ngữ”.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  04/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 93. KHỞI NGỮ**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được đặc điểm và công dụng của khởi ngữ trong câu.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện khởi ngữ ở trong câu. Đặt câu có khởi ngữ.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng khởi ngữ một cách phù hợp để đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm của khởi ngữ. Công dụng của khởi ngữ.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện khởi ngữ ở trong câu. Đặt câu có khởi ngữ.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng khởi ngữ một cách phù hợp để đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ví dụ, HS nắm được đặc điểm và công dụng của khởi ngữ trong câu, nhận diện khởi ngữ ở trong câu, đặt câu có khởi ngữ.

*+ Nội dung của hoạt động:* Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***2. Kiểm tra bài cũ****: 5’*

\* Hỏi: Phát biểu điều mà em thấm thía nhất khi học “Bàn về đọc sách”?

\*Trả lời: HS nêu những bài học về cách chọn sách, phương pháp đọc sách tốt nhất mà mình rút ra được từ văn bản trên.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não. | | |
| Cho câu văn sau:  ***Khoa là người thông minh nhất lớp.***  **+ Giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm theo bàn: Hãy diễn đạt câu văn trên theo các cách khác nhau sao cho làm nổi bật được đề tài cần nói đến trong câu.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 12’   Mục tiêu: Nắm được đặc điểm và công dụng của khởi ngữ trong câu. Biết đặt câu có khởi ngữ.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu đặc điểm và công dụng của khởi ngữ trong câu:**  - Đưa ví dụ của SGK lên bảng phụ  - Gọi học sinh đọc ví dụ.  - Yêu cầu HS xác định chủ ngữ trong các ví dụ vừa học.  ? Phân biệt các từ ngữ in đậm trong mỗi câu với chủ ngữ?  ? Vai trò của các từ in đậm trong mỗi câu văn?  ? Thế nào là khởi ngữ? Đặc điểm của khởi ngữ?  - GV chốt kiến thức. | **I. Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ:**  - Đọc ví dụ, chú ý các từ in đậm trong câu.  - Xác định chủ ngữ.   * + Suy nghĩ trả lời.   + Suy nghĩ trả lời.   - Rút ra nội dung ghi nhớ.  - Nghe, ghi chép. | **I. Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ trong câu.**  **1. Xét ngữ liệu:**  \* Ví dụ: Sgk/7  - Chủ ngữ: + VD(a): anh  + VD(b): tôi  + VD(c): chúng ta  - Các từ in đậm: “anh”, “giàu”, “các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ” đứng trước chủ ngữ.  => Các từ in đậm không có quan hệ C-V với vị ngữ.  - Báo trước nội dung thông tin trong câu (hoặc thông báo về những đề tài được nói đến trong câu)  - Có thể thêm quan hệ từ: còn, về, đối với....  ***2.Bài học:***  ***Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.***  ***-Trước khởi ngữ, thươìng có thêm các quan hệ từ về, đối với.***  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 18’  - Mục tiêu: Nhận diện được khởi ngữ ở trong câu. Biết đặt câu có khởi ngữ.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, chơi trò chơi.  - Kĩ thuật: Các mảnh ghép. | | |
| **\* HD luyện tập:**  - GV chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm làm một bài tập.( HS trong nhóm thảo luận theo bàn)  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho các nhóm nhận xét chéo.  - GV nhận xét, bổ sung.  - GV chia lớp thành 2 đội chơi, cho HS thi tiếp sức: Đặt câu có sử dụng khởi ngữ ( 4’) | **II.Luyện tập:**   * + Thảo luận nhóm.   + N1: BT 1  + N2: BT2  - Đại diện trình bày.  -Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  - Tham gia trò chơi. Đặt câu. | **II.Luyện tập:**  Bài tập 1. Xác định khởi ngữ:  a. Điều này  b. Đối với chúng mình  c.Một mình  d.Làm khí tượng  e. Đối với cháu  Bài tập 2  Viết lại các câu sau bằng cách chuyển phần in đậm thành khởi ngữ.  a.Anh ấy làm bài cẩn thận lắm  =>Làm bài, anh ấy cẩn thận lắm.  b.Tôi hiểu rồi nhưng chưa giải được  =>Hiểu thì tôi hiểu rồi nhưng giải thì tôi chưa giải được.  Bài tập3 ( Bài tập bổ sung)  Đặt câu có khởi ngữ.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 3’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi.   Kĩ thuật: động não, 321 | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  ? Đặt một đoạn hội thoại ngắn có sử dụng khởi ngữa. Chỉ rõ khởi ngữ đã dùng.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm.  + GV nhận xét, đánh giá. | * Đặt được một đoạn hội thoại ngắn có sử dụng khởi ngữa. Chỉ rõ khởi ngữ đã dùng. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * - Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS.   - Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.  Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm câu có thành phần khởi ngữ trong một văn bản đã học.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + B/c kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ, lưu sp | - Tìm câu có thành phần khởi ngữ trong một văn bản đã học. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: “Phép phân tích và tổng hợp” ( Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  04/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 94. PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được đặc điểm của phép lập luận phân tích và tổng hợp. Sự khác nhau giữa hai phép lập luận phân tích và tổng hợp.

- Thấy được tác dụng của hai phép lập luận phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện được phép phân tích lập luận và tổng hợp.

- Vận dụng hai phép lập luận này khi tạo lập và đọc - hiểu văn bản nghị luận.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp vào giao tiếp một cách có hiệu quả.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm của phép lập luận phân tích và tổng hợp. Sự khác nhau giữa hai phép lập luận phân tích và tổng hợp.

- Tác dụng của hai phép lập luận phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận.

***2. Kĩ năng:****.*

- Nhận diện và vận dụng hai phép lập luận này khi tạo lập và đọc - hiểu văn bản nghị luận.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp vào giao tiếp một cách có hiệu quả.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

III. Chuẩn bị

1.Thầy:

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích VD, HS nắm được đặc điểm của phép lập luận phân tích và tổng hợp.Sự khác nhau giữa hai phép lập luận phân tích và tổng hợp. Tác dụng của hai phép lập luận phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận.

*+ Nội dung của hoạt động:* Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp, luyện tập.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

2.Trò:

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm theo bàn: Bằng vốn hiểu biết của em hãy trình bày cách hiểu về phép phân tích và tổng hợp trong nói , viết.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả. ( HS có thể chưa trả lời đugs hoặc chưa đầy đủ)  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:15’  - Mục tiêu: Nắm được đặc điểm của phép lập luận phân tích và tổng hợp. Sự khác nhau giữa hai phép lập luận phân tích và tổng hợp. Tác dụng của hai phép lập luận phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: Động não, 321, XYZ... | | |
| **\* HD tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp:**  - Cho HS đọc văn bản “Trang phục” trong SGK ?  \* HD tìm hiểu phép phân tích:  **+ Giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm theo bàn:  ? Bài văn đã trình bày về vấn đề gì ?  ? Tác giả đã làm sáng vấn đề đó bằng những luận điểm nào? Ở mỗi luận điểm ấy tác giả lại làm sáng rõ bằng những dẫn chứng nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả, nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  ? Vậy việc lập luận như trên là phép phân tích qua đó em hiểu như thế nào là phép phân tích ?  - Tích hợp với các tiết giảng văn trước.  **\* HD tìm hiểu phép tổng hợp:**  + Hoạt động cá nhân, phương pháp vấn đáp.  ? Câu “Ăn mặc...xã hội.” có phải là câu tổng hợp các ý đã phân tích ở trên không ? Nó có thâu tóm được các ý trong từng dẫn chứng cụ thể nêu trên không ?  ? Từ tổng hợp các quy tắc ăn mặc trên bài viết đã mở rộng sang vấn đề ăn mặc đẹp như thế nào?  ? Qua việc đọc văn bản trên em thấy phần tổng hợp thường có vị trí ở phần nào của văn bản ?  ? Qua đó em hiểu như thế nào là phép tổng hợp? Vai trò của nó?  - Tích hợp với giảng văn.  - Cho HS chốt lại nội dung phần ghi nhớ/10. | **I.Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp.**  - Đọc văn bản sgk  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Suy nghĩ trả lời.  - Rút ra kết luận.  - Trả lời cá nhân  - Khái quát trả lời.  - Khái quát trả lời. | **I.Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp.**  **\* Tìm hiểu văn bản: "Trang phục"**  **1. Phép phân tích**  - Vấn đề: Văn hóa trong trang phục, vấn đề các qui tắc ngầm của văn hóa buộc mọi người phải tuân theo.  - Tác giả đã làm sáng tỏ vấn đề bằng 3 luận điểm:  *(1)Ăn mặc phải chỉnh tề*: “Có lẽ không ai… mọi người.”  *(2) Ăn mặc phải phù hợp với hoàn cảnh riêng, chung:*  + Cô gái một mình trong hang sâu…  + Anh thanh niên đi tát nước…  + Đi đám cưới không ai…  + Đi đám ma không ai…  *(3)Ăn mặc phải phù hợp với đạo đức:*  + Giản dị hòa mình vào cộng đồng.  + Người có văn hóa, biết ứng xử.  - Có hai quy tắc “ăn cho mình mặc cho người” và “ y phục xứng kì đức”.  ***=> Là phép lập luận trình bày từng bộ phận, phương diện của 1 vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật hiện tượng.***  **2.Phép tổng hợp.**  - Câu “Ăn mặc...xã hội.” là ý tổng hợp cho các ý đã phân tích ở trên.  - Nó đã thâu tóm được các ý trong từng dẫn chứng nêu trên.  - Mở rộng sang vấn đề ăn mặc đẹp: có phù hợp thì mới đẹp, sự phù hợp với môi trường với hiểu biết, phù hợp với đạo đức.  - Thường đặt ở cuối đoạn hay cuối bài ở phần kết luận của một phần hoặc toàn bộ văn bản.  ***=> Phép lập luận rút ra cái chung từ nhiều điều đã phân tích.***  **3.Vai trò của phép lập luận phân tích và tổng hợp**  - Giúp ta hiểu nội dung văn bản trên.  - Phép phân tích giúp cho vấn đề được cụ thể chi tiết, rõ ràng  - Phép tổng hợp giúp khái quát, thâu tóm toàn bộ vấn đề đã trình bày  - Phép phân tích, tổng hợp để làm rõ ý nghĩa của một sự vật, hiện tượng nào đó.  ***-> Đây là 2 vấn đề đối lập nhưng không thể tách rời. Phân tích rồi phải tổng hợp mới có ý nghĩa và ngược lại phải dựa trên cơ sở của phân tích mới có tổng hợp.***  **\* *Ghi nhớ SGK/10***  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt... |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 18’  - Mục tiêu: Nhận diện được phép phân tích lập luận và tổng hợp.Vận dụng hai phép lập luận này tạo lập và đọc - hiểu văn bản nghị luận  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, vấn đáp...  - Kĩ thuật: động não, 321, XYZ... | | |
| **\* HD luyện tập:**  -Gọi HS đọc BT1, xác định yêu cầu. Thực hiện (HĐ nhóm 2 bàn).  -Gọi HS đọc BT2, xác định yêu cầu. Thực hiện.  -Gọi HS đọc BT3, xác định yêu cầu. Thực hiện.  -Gọi HS đọc BT4, xác định yêu cầu. Thực hiện. | **II.Luyện tập:**  -HS đọc, chia nhóm thảo luận.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Suy nghĩ cá nhân trả lời.  - Nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Suy nghĩ cá nhân trả lời.  - Nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Suy nghĩ cá nhân trả lời. | **II.Luyện tập:**  Bài tập1(10)  \*Phân tích bằng tính chất bắc cầu mối quan hệ qua lại giữa ba yếu tố: sách-nhân loại - học vấn.  \*Phân tích đối chiếu: nếu không đọc, nếu xoá bỏ ⇒ nhấn mạnh tầm quan trọng của đọc sách với việc nâng cao học vấn.  Bài tập 2(10)  Lí do phải chọn sách mà đọc:  -Sách nhiều, chất lượng khác nhau → chọn sách tốt mà đọc mới có ích.  -Sức người có hạn, không chọn sách mà đọc thì lãng phí sức mình.  -Sách có loại chuyên môn, có loại thường thức, chúng liên quan nhau, nhà chuyên môn cũng đọc sách thường thức.  Bài tập3(10)  Tầm quan trọng của việc đọc sách.  -Không đọc thì không có điểm xuất phát cao.  -Đọc là con đường ngắn nhất để tiếp cận tri thức.  Không chọn lọc sách thì đời người ngắn ngủi không đọc xuể, đọc không có hiệu quả.  -Đọc ít mà kỹ quan trọng hơn đọc nhiều mà qua loa, không ích lợi gì.  Bài tập4(10)  Phương pháp phân tích rất cần thiết trong lập luận, vì có qua sự phân tích lợi - hại, đúng - sai, thì các kết luận rút ra mới có sức thuyết phục.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5 (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  - Hãy chỉ rõ phép phân tích, tổng hợp trong một văn bản nghị luận bất kì?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Chỉ ra phép phân tích, tổng hợp trong một văn bản nghị luận bất kì. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Đọc thêm các văn bản nghị luận, tìm hiểu vai trò của phép phân tích, tổng hợp trong văn bản.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Đọc thêm các văn bản nghị luận, tìm hiểu vai trò của phép phân tích, tổng hợp trong văn bản. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Biết thực hiện phép phân tích và tổng hợp trong những văn cảnh cụ thể.

- Chuẩn bị bài: Luyện tập phép lập luận phân tích và tổng hợp.

(Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi/ Sgk).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  04/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 95. LUYỆN TẬP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được mục đích, đặc điểm, tác dụng của phép phân tích và tổng hợp.

- Nhận diện được rõ hơn văn bản có sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp.

***2. Kĩ năng:***

- Sử dụng phép phân tích và tổng hợp thuần thục hơn khi đọc - hiểu và tạo lập văn bản nghị luận. Có kĩ năng phân tích, tổng hợp trong lập luận.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp vào giao tiếp một cách có hiệu quả.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Mục đích, đặc điểm, tác dụng của phép phân tích và tổng hợp.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện được rõ hơn văn bản có sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp.

- Sử dụng phép phân tích và tổng hợp thuần thục hơn khi đọc - hiểu và tạo lập văn bản nghị luận

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp vào giao tiếp một cách có hiệu quả.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ngữ liệu HS nắm được: mục đích, đặc điểm, tác dụng của việc phép phân tích và tổng hợp. Nhận diện được rõ hơn văn bản có sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp

*+ Nội dung của hoạt động:*Nhận diện phép lập luận; thực hành phân tích một vấn đề.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, quy nạp ...

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra khi luyện tập.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực**  **cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề   Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| **+ Giao nhiệm vụ**:  Suy nghĩ độc lập, trả lời:  ? Nững điều em thu nhận được về phép phân tích, tổng hợp trong tiết họ trước?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:  Tiết trước chúng ta đã tìm hiểu thế nào là phép phân tích, tổng hợp? Mối quan hệ giữa chúng? Trong tiết luyện tập này chúng ta sẽ thực hiện các bài tập theo hai phương diện kĩ năng: kĩ năng nhận dạng văn bản phân tích và tổng hợp, kĩ năng viết văn bản phân tích, tổng hợp. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | |
| - Thời gian:10’  - Mục tiêu: Mục đích, đặc điểm, tác dụng của việc phép phân tích và tổng hợp. Nhận diện được rõ hơn văn bản có sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm...  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn... | | |
| ***\* HD HS nhận diện phép lập luận*** :  -GV: Yêu cầu học sinh đọc nội dung phần hai đoạn văn a, b, ở bài tập 1 (SGK – 11).  -Yêu cầu HS thảo luận:  **?** Theo em trong đoạn văn (a) tác giả sử dụng phép phân tích hay tổng hợp? Vì sao?  **?** Khi phân tích tác giả còn sử dụng phép lập luận nào khác?  - Phép chứng minh  + Cái thú vị ở các giai điệu xanh trong bài thơ.  + Hay ở những cử động trong bài thơ.  + Hay ở các vần thơ.  + Hay vì cả bài thơ không chữ nào non ép, đặc biệt ở câu 3, 4.  → *Thu điếu* là bài thơ hay cả nội dung và hình thức nghệ thuật.  GV: Yêu cầu học sinh đọc đoạn văn (b).  -Yêu cầu HS thảo luận:  **?** Trình tự lập luận của đoạn văn này là gì? Hãy chỉ rõ phép lập luận trong đoạn văn?  **GV:** Khi kết luận tác giả khẳng định nguyên nhân của sự thành đạt và nêu lại khái niệm *"thành đạt"* cho người đọc nắm rõ. | ***I. Nhận diện phép lập luận.***  - Đọc.  - Thảo luận theo bàn trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Đọc.  - Thảo luận theo bàn trả lời.  - Nghe. | ***I. Nhận diện phép lập luận.***  Bài tập 1(11)  a. Bài văn bình về bài Thu điếu do Xuân Diệu viết với phép lập luận phân tích. (lối diễn dịch.)  + Mở đầu đoạn là ý khái quát : “*Thơ hay… hay cả bài”*  + Tiếp theo là sự phân tích tinh tế làm sáng tỏ cái hay, cái đẹp của bài *Thu điếu*  - Các điệu xanh…  - Những cử động…  - Các vần thơ…  b. Sử dụng phép lập luận phân tích:  - Sau khi đặt vấn đề *"Mấu chốt của thành đạt là ở đâu?",* tác giả đã đi vào phân tích các nguyên nhân của sự thành đạt.  - Các nguyên nhân gồm:  + Nguyên nhân khách quan:  **.** Do gặp thời.  **.** Do hoàn cảnh bức bách.  **.** Do có điều kiện được học tập.  **.** Do tài năng trời cho.  → Có tác động, ảnh hưởng đến sự thành đạt của con người nhưng không phải là mấu chốt của sự thành đạt.  + Nguyên nhân chủ quan: ở ý thức rèn luyện tinh thần phấn đấu của mỗi con người → là nguyên nhân quyết định tới sự thành đạt.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:23’  - Mục tiêu: Sử dụng phép phân tích và tổng hợp thuần thục hơn khi đọc - hiểu và tạo lập văn bản nghị luận.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, thực hành phân tích, luyện viết...  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép... | | |
| ***\* HD thực hành phân tích một vấn đề.***  -GV: Yêu cầu học sinh đọc nội dung bài tập 2,3.  - Chia lớp thành 2 nhóm lớn. Nhóm 1: BT2; Nhóm 2: BT3  - Yêu cầu HS thảo luận theo bàn, viết bài  - Cho đại diện HS trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, bổ sung.  \* Gợi ý:  **?** Tình huống nêu ra trong bài tập 2 là gì?  **?** Nhiệm vụ của chúng ta là gì?  **?** Biết triển khai những ý nào?  - Học sinh thảo luận trả lời theo yêu cầu SGK hỏi.  **GV:** Cho học sinh dựa vào nội dung bài tập 1, phần luyện tập ở tiết trước để làm bài tập 3 này.  - Cho HS làm việc cá nhân. | ***II. Thực hành phân tích một vấn đề.***  - Nêu yêu cầu bài tập 2,3.  - Thảo luận theo bàn, viết bài  + Nhóm 1 trình bày BT 2.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  + Nhóm 2 trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  - HS làm việc cá nhân. | ***II. Thực hành phân tích một vấn đề.***  **Bài tập 2(12)**  a. Bản chất của lối học đối phó :  - Không xác định đúng mục đích của việc học.  - Không chủ động trong học tập mà chủ yếu để đối phó với yêu cầu của thầy cô, của những lần kiểm tra, thi cử.  - Là học vẹt, học tủ, không có thực chất.  b. Tác hại của lối học đối phó :  - Đối với bản thân : Kiến thức chắp vá, vụn vặt, hoàn toàn không có gốc rễ, không còn hào hứng trong học tập.  - Đối với xã hội : Dù có bằng cấp nhưng đầu óc rỗng tuếch, không đáp ứng được yêu cầu của xã hội, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội.  **Bài tập 3(12)**  Lý do khiến mọi người phải đọc sách :  - Sách đúc kết tri thức của nhân loại đã tích lũy từ xưa đến nay.  - Đọc sách là chọn được một xuất phát điểm cao nhất. Nếu không sẽ là kẻ lạc hậu, thụt lùi.  - Đọc sách là thừa hưởng trí tuệ nhân loại, giúp con đường học vấn của bản thân được tiến xa.  **Bài tập 4(12)**  Viết đoạn văn tổng hợp những điều đã phân tích trong bài *"Bàn về đọc sách"* – Chu Quang Tiềm.  Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn vì sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại. Nhưng sách hôm nay rất nhiều và xấu, tốt lẫn lộn nên cần phải lựa chọn sách để đọc. Có hai loại sách cần đọc là sách phổ thông và sách chuyên môn. Không quan trọng việc đọc nhiều mà nên đọc cho kĩ, cho sâu. Biết cách chọn sách và đọc sách sẽ giúp việc học vấn được tiến xa.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ**:  Chọn một vấn đề, thử lập luận theo cách đi từ phân tích đến tổng hợp hoặc “Tổng -Phân – Hợp” ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | HS chọn được một vấn đề và lập luận theo cách đi từ phân tích đến tổng hợp hoặc “Tổng -Phân – Hợp” ? |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Xem lại một văn bản nghị luận em đã viết. Trên cơ sở đó, xác định phép lập luận phân tích hoặc tổng hợp trong từng đoạn văn của bài.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Xem lại một văn bản nghị luận đã viết. Xác định phép lập luận phân tích hoặc tổng hợp trong từng đoạn văn của bài. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Ôn lại lí thuyết, hoàn thiện các bài tập.

- Chuẩn bị văn bản “Tiếng nói của văn nghệ.

( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi. Xác định rõ hệ thống luận điểm, luận cứ trong văn bản)

## TUẦN 21

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  05/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 96, 97. TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu được nội dung của văn nghệ và sức mạnh kì diệu của nó đối với đời sống con người.

- Thấy được nét đặc sắc trong nghệ thuật lập luận của nhà văn Nguyễn Đình Thi trong văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản nghị luận.

- Rèn luyện thêm cách viết một văn bản nghị luận.

- Thể hiện những suy nghĩ, tình cảm về một tác phẩm văn nghệ.

***3. Thái độ:***

- Trân trọng, yêu thích các tác phẩm văn nghệ.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Nội dung và sức mạnh của văn nghệ trong cuộc sống của con người.

- Nghệ thuật lập luận của nhà văn Nguyễn Đình Thi trong văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn luyện thêm cách viết một văn bản nghị luận.

- Thể hiện những suy nghĩ, tình cảm về một tác phẩm văn nghệ.

***3. Thái độ:***

- Trân trọng, yêu thích các tác phẩm văn nghệ.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc - hiểu, phân tích văn bản, HS hiểu được nội dung và sức mạnh của văn nghệ trong cuộc sống của con người. Thấy được nghệ thuật lập luận của nhà văn Nguyễn Đình Thi trong văn bản.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. Phân tích.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* vấn đáp,hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

\* Hỏi:

Tác giả Chu Quang Tiềm muốn gửi tới người đọc điều gì qua văn bản “Bàn về đọc sách” ?

\* Trả lời:

HS nêu những điều mà tác giả bàn về:

+ Sự cần thiết và ý nghĩa của việc đọc sách

+ Khó khăn, nguy hại của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay

+ Phương pháp chọn sách và cách đọc sách

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp. | | | |
| **+ Giao nhiệm vụ**:  HĐ cá nhân: Hãy nhớ lại những cảm xúc của em mỗi khi được thưởng thức một tác phẩm văn nghệ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Trong xã hội hiện đại, giữa cuộc sống bộn bề vẫn không thể thiếu những tác phẩm văn nghệ. Vì sao có thể nói như vậy? Văn nghệ có tác dụng như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 67’   Mục tiêu: Hiểu nội dung và sức mạnh của văn nghệ trong cuộc sống của con người. Thấy được nghệ thuật lập luận của nhà văn Nguyễn Đình Thi trong văn bản.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, phân tích, giảng bình… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  **+ Giao nhiệm vụ**  ? Em hiểu gì về tác giả, tác phẩm?  - Yeu cầu HS giải thích các từ khó.  - Yêu cầu HS đề xuất cách đọc.  - GV hướng dẫn, đọc mẫu.  - Gọi học sinh đọc  Học sinh nhận xét?  + Yêu cầu HS thaor luận nhóm theo bàn:  **?** Văn bản thuộc kiểu văn bản gì? Được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?  **?** Vấn đề nghị luận của văn bản này là gì?  ? Văn bản được chia làm mấy luận điểm? Đó là những luận điểm nào?  **?** Em có nhận xét gì về hệ thống luận điểm này?  - Luận điểm đầy đủ, lô-gíc, chặt chẽ…  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | | **I. Tìm hiểu chung**  - Dựa vào chú thích trả lời.  - Giải thích từ khó.  - Đề xuất cách đọc.  - Nghe.  - Đọc  - Phát hiện trả lời.  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1.Chú thích***  ***a.Tác giả: Sgk***  + Nguyễn Đình Thi (1924-2003), quê: Hà Nội.  +Ông từng làm thơ, viết văn, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận, phê bình..  ***b.Tác phẩm:***  - Tiểu luận “Tiếng nói văn nghệ”, được tác giả viết năm 1948, in trong “Mấy vấn đề văn học”- xuất bản 1956.  ***c. Từ khó: Sgk***  ***2. Đọc***  ***3. Kiểu loại văn bản:***  -Nghị luận về một vấn đề văn nghệ (lập luận giải thích và chứng minh)  \*Vấn đề nghị luận: *Vai trò và ý nghĩa của văn nghệ đối với đời sống con người.*  ***4. Bố cục:***  - Chia làm 3 luận điểm chính:  + Luận điểm 1: Từ đầu → *cách sống của tâm hồn*: Nội dung của văn nghệ.  + Luận điểm 2: Tiếp theo → *tiếng nói của tình cảm*: Nghệ thuật với đời sống tình cảm của con người.  + Luận điểm 3: Còn lại: Sức mạnh là kỳ diệu, khả năng cám hoá văn nghệ. |
| **\* HD phân tích**   * +**GV: Hướng dẫn học sinh phân tích theo ba phần đã nêu trên.**   -GV: Lưu ý học sinh: Văn nghệ gần giống với văn học nghệ thuật và văn hoá nghệ thuật.  **+ Giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm (2 bàn):  - Nhóm 1, 2,3: Luận điểm 1.  - Nhóm 4,5,6: Luận điểm 2.  ? Nội dung phản ánh của văn nghệ thể hiện như thế nào?  ? Để minh chứng cho nhận định trên tác giả đưa ra phân tích những dẫn chứng nào? Tác dụng?  ? Vì sao tác giả viết lời gửi của nghệ sĩ cho nhân loại cho đời sâu phức tạp hơn phong phú và sâu sắc hơn nhiều bài học luân lí triết lí ở đời ...?  ? Nội dung của văn nghệ khác nội dung của các môn khoa học khác như dân tộc học, xã hội học, lịch sử... ở điểm nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV khẳng định: Nó khám phá miêu tả đúc kết bộ mặt tự nhiên xã hội các quy luật khách quan. Còn văn nghệ tập trung khám phá thể hiện chiều sâu tính cách số phận con người ***Nội dung chủ yếu của văn nghệ là hiện thực mang tính cụ thể sinh động là đời sống tình cảm của con người qua cái nhìn và t/c có tính chất cá nhân của người nghệ sĩ***.  **(Hết tiết 96, chuyển tiết 97)**  GV cho HS đọc phần thứ 2 trong SGK.  - Nhóm 4,5,6  .? Nhận xét về phép lập luận của đoạn văn này ?  *( Phép phân tích tổng hợp )*  **?** Theo em, cuộc sống con người có thể thiếu tiếng nói của văn nghệ được không? Vì sao?  **?** Dựa vào văn bản và cho biết, văn nghệ có ý nghĩa như thế nào với đời sống tình cảm của con người?  ? Điều đó được khẳng định như thế nào?  **?** Theo tác giả chỗ đứng của văn nghệ là ở đâu?  **?** Em hiểu gì về câu nói của Tôn-xtôi: *"Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm"* ?  **?** Em có thể nhận xét như thế nào về những lý lẽ, dẫn chứng mà tác giả đưa ra để lập luận?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  \*HD tìm hiểu luận điểm 3:  Phương pháp gợi tìm, vấn đáp, trao đổi cặp đôi:  - Học sinh đọc thầm lại phần 3 của văn bản.  **?** Văn nghệ là hiện thực khách quan được phản ánh qua lăng kính chủ quan của người nghệ sỹ. Văn nghệ đến với con người bằng cách nào?  ? Vậy theo em, văn nghệ có sức cảm hoá như thế nào với con người?  - Học sinh trao đổi cặp đôi ý kiến: *"Văn nghệ là một thứ tuyên truyền – không tuyên truyền nhưng lại hiệu quả và sâu sắc hơn cả".*  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức:  → Tác phẩm văn nghệ chân chính bao giờ cũng được soi sáng bởi một tư tưởng tiến bộ, hướng người đọc, người nghe vào một lẽ sống, cách nghĩ đúng đắn nhân đạo mà vẫn có tác dụng tuyên truyền cho một quan điểm, một giai cấp, một dân tộc nào đó.  GV: Qua tình cảm, văn nghệ lay động toàn bộ con tim khối óc chúng ta, *"Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi… sống được nhiều hơn nghệ thuật giải phóng được cho con người… đời sống tâm hồn xã hội".*  - Ví dụ: Bài thơ thần *"Nam quốc sơn hà"*, văn bản *"Hịch tướng sĩ",* câu chuyện *"Bó đũa",* bài hát chủ đề *"Biết ơn cha mẹ, thầy cô, yêu quê hương đất nước"…* | | **II. Phân tích**  - Nghe.  + Nhận nhiệm vụ hình thành nhóm.  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.   * Đọc.   + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.   * Đọc.   - Suy nghĩ trả lời  - Suy nghĩ trả lời  - Trao đổi trả lời.  + Đại diện các cặp chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **II. Phân tích**  **1. Nội dung của văn nghệ**  - Phản ánh hiện thực cuộc sống một cách cụ thể, sinh động thông qua cái nhìn của người nghệ sĩ .  - Nội dung tiếng nói của văn nghệ còn là rung cảm nhận thức của từng người tiếp nhận. Nó được mở rộng và phát huy qua từng thế hệ người đọc, người xem.  -> Là hiện thực mang tính cụ thể sinh động là đời sống tình cảm của con người qua cái nhìn và t/c có tính chất cá nhân của người nghệ sĩ.  **2. Vai trò, ý nghĩa của văn nghệ đối với đời sống con người.**  - Văn nghệ giúp cho chúng ta được sống phong phú hơn, “làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”; là sợi dây kết nối con người với cuộc sống đời thường; mang lại niềm vui, ước mơ và những rung cảm thật đẹp cho tâm hồn.  ⇒ Dẫn chứng đưa ra tiêu biểu, cụ thể, sinh động, lập luận chặt chẽ đầy sức thuyết phục, phân tích một cách cụ thể theo sự cần thiết của văn nghệ đối với đời sống con người.  **3.Sức mạnh kì diệu của văn nghệ.**  - Văn nghệ tuyên truyền bằng con đường đặc biệt: *Con đường tình cảm.*  -> Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm. Nó có sức mạnh kỳ diệu, sức mạnh cảm hoá to lớn, lay động cảm xúc, tâm hồn và làm thay đổi nhận thức của con người…, hướng con người đến giá trị chân-thiện -mĩ ở đời.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HD tổng kết:**  HĐ cá nhân:  .- Yêu cầu HS thảo luận theo bàn rút ra nội dung ghi nhớ.  **?** Nêu lại nét đặc sắc nghệ thuật làm nên thành công của văn bản này?  **?** Em hiểu gì về tiếng nói của văn nghệ qua văn bản này? | | **III.Tổng kết**  - Khái quát lại những nét chính về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản. | **III.Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Bố cục: Chặt chẽ, hợp lý, dẫn chứng tự nhiên.  - Luận điểm sắp xếp theo một hệ thống hợp lý.  - Cách viết: Giàu hình ảnh, nhiều dẫn chứng tiêu biểu, đa dạng, có sức thuyết phục cao.  - Lời văn: Chân thực, say sưa, nhiệt tình và chân thành.  2. Nội dung:  - Văn nghệ nối sợi dây đồng cảm kỳ diệu giữa nghệ sĩ với bạn đọc, thông qua những rung động mãnh liệt, sâu xa của trái tim. Văn nghệ giúp con người được sống phong phú hơn và tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình.  \* Ghi nhớ/sgk  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:10'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Thuyết trình, bình.  - Kĩ thuật: Động não. | | | |
| **\*HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS làm bài tập  - Gọi HS trình bày.  - GV nhận xét, cho điểm. | **IV.Luyện tập**  - HS làmviệc cá nhân.  - Trình bày BT.  - Nghe, cảm thụ. | | **IV. Luyện tập:**  Nêu một tác phẩm văn nghệ mà em yêu thích, phân tích ý nghĩa, tác dụng của tác phẩm ấy đối với bản thân? |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + **Giao nhiệm vụ:**  - Lập lại hệ thống luận điểm của văn bản?  - Nhận diện và phân tích các phép lập luận trong văn bản.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Lập lại được hệ thống luận điểm của văn bản.  - Nhận diện và phân tích các phép lập luận trong văn bản. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Trình bày những tác động, ảnh hưởng của một tác phẩm văn học đối với bản thân?  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Trình bày được những tác động, ảnh hưởng của một tác phẩm văn học đối với bản thân. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Đọc lại, nắm nội dung, hệ thống luận điểm của văn bản “Tiếng nói của văn nghệ”.

- Chuẩn bị bài “Các hành phần biệt lập trong câu” (Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  06/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 98. CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được đặc điểm và công dụng của các thành phần biệt lập tình thái, cảm thán trong câu.

- Biết đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết thành phần tình thái và cảm thán trong câu.

- Đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng thành phần biệt lập một cách hợp lí trong nói viết để đạt hiệu quả cao nhất.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm của thành phần tình thái và cảm thán.

- Công dụng của các thành phần trên.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết thành phần tình thái và cảm thán trong câu.

- Đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng thành phần biệt lập một cách hợp lí trong nói viết để đạt hiệu quả ca nhất.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ngữ liệu, HS nắm được đặc điểm và công dụng của các thành phần biệt lập tình thái, cảm thán trong câu.

*+ Nội dung của hoạt động:* thành phần biệt lập tình thái; thành phần biệt lập cảm thán trong câu.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

- Trình bày công dụng và đặc điểm của khởi ngữ trong câu

Đặt câu có khởi ngữ?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  GV cho một tình huống: Trời sắp có mưa.  - Yêu cầu HS dùng các cách diễn đặt khác nhau để nhận định sự việc. Nhận xét về sắc thái ý nghĩa của từng cách diễn đạt  - HS trao đổi cặp đôi.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các cặp chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**  - Thời gian:15’  - Mục tiêu: Nắm được đặc điểm và công dụng của các thành phần biệt lập tình thái, cảm thán trong câu.  - Phương pháp: HĐ nhóm, dạy học theo mẫu...  - Kĩ thuật: Động não, 321, XYZ... | | | | | |
| **\* HD tìm hiểu thành phần tình thái**  - GVđưa bảng phụ có VD / I  **+ Giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HSđọc các câu sau và thảo luận theo bàn (1') trả lời câu hỏi.  **?** Những từ ngữ: (chắc,có lẽ) là nhận định của người nói đối với sự việc hay là bản thân chúng diễn đạt sự việc?  ? Các từ đó thể hiện thái độ gì?  **?** Nếu không có những từ ngữ đó thì sự việc của câu có khác không?  **?** Thế nào là thành phần tình thái? Tìm những từ những có ý nghĩa tương tự ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV chốt kiến thức*: Thành phần tình thái là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.*  **\* HD tìm hiểu thành phần cảm thán**  - HĐ cá nhận, phương pháp vấn đáp.  - GV đưa bảng phụ có VD, yêu cầu HS đọc, nêu yêu cầu.  **?** Các từ ngữ (ồ, trời ơi) nó dùng để chỉ đồ vật hay sự việc gì không?  **?** Nhờ những từ ngữ nào trong câu mà chúng ta hiểu được tại sao người nói kêu: ồ,trời ơi ?  - Những phần câu phía sau giải thích cho người nghe biết tại sao nói người cảm thán.  **?** Các từ ngữ này có dùng để gọi ai không?  - Không dùng gọi ai cả, để giúp người nói dùng để giải bày nỗi lòng của mình.  **?** Từ việc phân tích ví dụ trên, cho biết thế nào là thành phần cảm thán ?  ? Vị trí của nó trong câu ?  - GV chốt kiến thức*: Thành phần cảm thán là thành phần được dùng để bộc lộ thái độ, tình cảm, tâm lý của người nói ( vui, buồn, mừng, giận… ); có sử dụng những từ ngữ như “chao ôi, a, ơi, trời ơi …”. Thành phần cảm thán có thể tách ra thành một câu riêng theo kiểu câu đặc biệt.*  **?** Phần tình thái, phần cảm thán, có mối quan hệ gì đối với sự việc được nói đến trong câu?  **?** Thế nào là phần biệt lập?  - GV cho HS nhắc lại các định nghĩa về phần tình thái phần cảm thán.  => Các thành phần tình thái, cảm thán là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.  **?** Nêu điểm giống nhau và khác nhau giữa hai phần này trong câu?  -Giống phần( biệt lập)  - Khác ( định nghĩa) | | | **I.Thành phần tình thái**  - Đọc VD  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  **II. Thành phần cảm thán**  - Đọc VD.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Rút ra khái niệm thành phần cảm thán.  - Nghe, ghi chép.  - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | | **I. Thành phần tình thái**  ***1. Xét ngữ liệu:***  ***\*Ví dụ:*** Sgk/18    ***\* Nhận xét:***  a. Chắc -> Thể hiện thái độ tin cậy cao  b. có lẽ -> Thái độ tin cậy chưa cao .  -Chúng không tham gia vào việc diễn đạt sự việc.  ***2. Bài học***: Sgk/18  ***Thành phần tình thái là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.***  **II. Thành phần cảm thán**  **1. Xét ngữ liệu:**  **\*Ví dụ**: Sgk/18  a.- Ồ, sao mà độ ấy vui thế.  (Kim Lân)  b) – Trời ơi, chỉ còn có năm phút !  (Nguyễn Thành Long)  \*Nhận xét:  => Những từ được gạch chân bộc lộ thái độ, tình cảm, tâm lý của người nói  **2. Bài học**:  *Thành phần cảm thán là thành phần được dùng để bộc lộ thái độ, tình cảm, tâm lý của người nói (vui, buồn, mừng, giận…); có sử dụng những từ ngữ như “chao ôi, a, ơi, trời ơi …”. Thành phần cảm thán có thể tách ra thành một câu riêng theo kiểu câu đặc biệt.*  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:22’  - Mục tiêu: Nhận biết thành phần tình thái và cảm thán trong câu. Đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán.  - Phương pháp: vấn đáp, thảo luận nhóm...  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321. | | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  -Gọi HS đọc BT1, xác định yêu cầu. Làm bài tập.  -Gọi HS đọc BT2, xác định yêu cầu. Thực hiện.  \* Yêu cầu HS sắp xếp nhanh.  - Nhóm nào sắp xếp nhanh hơn, chính xác hơn sẽ được tuyên dương trước lớp .  -Gọi HS đọc BT3, xác định yêu cầu. Thực hiện.  -Gọi HS đọc BT4, xác định yêu cầu, về nhà thực hiện. | **II.Luyện tập:**  - Tìm các thành phần tình thái, cảm thán.  - Xác định yêu cầu của bài tập.  -Suy nghĩ, trình bày.  - Thảo luận nhanh theo bàn trả lời.  - Làm ở nhà. | | | **II. Luyện tập:**  **Bài tập 1.** Tìm các thành phần tình thái, cảm thán trong các câu sau đây :   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Câu* | *TPBL* | *Từ ngữ* | | a | Tình thái | Có lẽ | | b | Cảm thán | Chaoôi | |  | Tình thái | Hình như | |  | Tình thái | Chả nhẽ |   **Bài tập 2:** Sắp xếp theo mức độ tăng dần.  dường như - hình như -> có vẻ như  -> có lẽ -> chắc là -> chắc  ->chắc chắn.    **Bài tập 3**. Xác định mức độ cao nhất, mức độ thấp nhất của trách nhiệm mà người nói phải chịu trong ba cách diễn đạt sau. Lý giải tại sao Nguyễn Quang Sáng chọn từ chắc.  a. Xác định :  - Mức độ cao nhất của trách nhiệm :  chắc chắn  - Mức độ thấp nhất của trách nhiệm : hình như.  b. Lý giải khi tác giả dùng từ “chắc”:  Nếu xét theo lẽ thường của tình cha con thiêng liêng thì sự việc ắt là sẽ phải xảy ra như vậy. Nhưng tác giả vẫn không phải là ngươi trong cuộc nên cũng không thể chắc chắn sự việc sẽ diễn ra như vậy. Do đó, tác giả dùng từ chắc, thể hiện mức độ vừa phải mà thôi.  **Bài tập 4**  Viết một đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của em khi được thưởng thức một tác phẩm văn nghệ (truyện, thơ, phim ảnh, tượng…), trong đoạn văn đó có câu chứa thành phần tình thái hoặc cảm thán.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp tiếng Việt. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  -Tự thực hiện một cuộc hội thoại với bạn bè, người thân, trong đó có sử dụng câu có thành phần cảm thán, thành phần tình thái.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | | -Thực hiện được một cuộc hội thoại với bạn bè, người thân, trong đó có sử dụng câu có thành phần cảm thán, thành phần tình thái.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề,sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  Tự tìm trong các văn bản đã học những câu văn có chứa thành phần biệt lập cảm thán và tình thái.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | | Tự tìm trong các văn bản đã học những câu văn có chứa thành phần biệt lập cảm thán và tình thái.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp tiếng Việt. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Viết một đoạn văn có câu chứa thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

- Hoàn thành bài tập 4/19.

- Chuẩn bị bài “ Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống” (Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  06/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 99. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Hiểu và biết cách làm một bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

***2. Kĩ năng:***

- Làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

***3. Thái độ:***

- Có quan điểm tích cực trước các sự việc, hiện tượng trong đời sống.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

***2. Kĩ năng:***

- Làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

***3. Thái độ:***

- Có quan điểm tích cực trước các sự việc, hiện tượng trong đời sống.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích VD, HS nắm được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

*+ Nội dung của hoạt động:*Tìm hiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; xác định được hienj tượng đáng viết bài nghị luận.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

- Thế nào là văn nghị luận? Phân biệt lập luận phân tích và lập luận tổng hợp?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   -Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm theo bàn:  Hãy nêu một số hiện tượng đáng quan tâm xung quanh cuộc sống chúng ta? Để thuyết phục mọi người nghe theo quan điểm riêng của mình , chúng ta cần làm gì?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, giới thiệu bài. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’   Mục tiêu: Nắm được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống:**  - Gọi học sinh đọc văn bản “Bệnh lề mề”.  **+ Giao nhiệm vụ:**  - Cho HS thảo luận theo bàn các câu hỏi /sgk:  ? Văn bản bàn luận về hiện tượng gì trong đời sống ?  ? Nêu rõ biểu hiện của hiện tượng đó?  ? Nguyên nhân hiện tượng là do đâu?  ? Những tác hại của bệnh lề mề được tác giả phân tích như thế nào?  ? Bài viết đã đánh giá hiện tượng đó ra sao?  ? Tại sao phải kiên quyết chữa bệnh lề mề?(Thái độ, ý kiến của người viết)  - Cuộc sống văn minh hiện đại đòi hỏi mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác với nhau. Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hoá.  ? Bố cục bài viết có mạch lạc, chặt chẽ không ? Vì sao?  ? Qua tìm hiểu em hiểu thế nào là nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống ? Yêu cầu về nội dung của bài nghị luận này?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức:  -Yêu cầu về nội dung của bài nghị luận này là phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề; phân tích mặt sai, mặt đúng, mặt lợi, mặt hại của nó; chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến nhận định của người viết.  -Về hình thức, bài viết phải có bố cục mạch lạc; có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực. Phép lập luận phù hợp; lời văn chính xác, sống động. | **I.Tìm hiểu bài nghị luận về ...**  - Đọc VB.  - Thảo luận theo bàn (5’)  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | **I.Tìm hiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống**  **1. Xét ngữ liệu:**  ***\* Ví dụ:***  Văn bản: “Bệnh lề mề”  ***\* Nhận xét:***  - Bàn về một sự việc, hiện tượng trong đời sống: hiện tượng “giờ cao su”.  +Biểu hiện:  - Sai hẹn, đi chậm.  - Coi thường giờ giấc....  + Nguyên nhân:  - Coi thường việc chung.  - Thiếu tự trọng.  -Thiếu tôn trọng người khác.  + Phân tích mặt sai, mặt có hại của vấn đề:  - Làm phiền mọi người.  - Nảy sinh cách đối phó.  - Tạo ra một thói quen kém văn hoá.  - Đưa ra ý kiến: Phê phán, kêu gọi mọi người phải kiên quyết chữa bệnh lề mề.  - Bố cục mạch lạc, luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực…  **2. Bài học:**  *\*Ghi nhớ: SGK*  *- ...Là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.*  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 18’  - Mục tiêu: Nhận diện được sự việc, hiện tượng đời sống được bàn luận đến trong một văn bản cụ thể. Phân tích cách trình bày lập luận trong văn bản. Tập làm dàn ý cho một bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, vấn đáp.  - Kĩ thuật: Khăn trải bàn, động não. | | |
| **\* HD luyện tập:**  **+ Giao nhiệm vụ**  .- Cho HS đọc, nêu yêu cầu BT.  - Cho HS thảo luận nhóm 4 người.(2’)  ? Hãy nêu các sự việc, hiện tượng tốt, đáng biểu dương của các bạn, trong nhà trường, ngoài xã hội ?  - Gọi đại diện trình bày, nhận xét chéo.  - GV nhận xét, bổ sung.  ? Sự việc hiện tượng nào đáng để viết một bài nghị luận xã hội và sự việc hiện tượng nào thì không cần viết?  - Gọi HS đọc bài tập 2.  ? Cuộc điều tra trong bài có phải là hiện tượng đáng viết một bài nghị luận không ? Vì sao? | **II. Luyện tập**  - Đọc, xác định yêu cầu.  - Thảo luận nhóm (2’)  - Đại diện trình bày  -> nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  - Đọc.  - Suy nghĩ trả lời. | **II. Luyện tập**  Bài tập 1(21)  a.Giúp đỡ bạn học tốt  b.Góp ý phê bình khi bạn có khuyết điểm  c.Bảo vệ cây xanh trong khuôn viên nhà trường  d.Giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ....  - Trường hợp a, c, d có thể viết thành bài nghị luận xã hội  Bài tập 2( 21)  - Đáng viết bài nghị luận vì:  + Liên quan đến vấn đề sức khoẻ của cá nhân người hút, cộng đồng...  + Liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường....  + Gây tốn kém cho người hút....  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.  \***Rút** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  Theo em trong học đường của chúng ta hiện nay sự việc nào đáng viết thành bài nghị luận?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | VD: Hiện tượng say mê trò chơi điện tử, đốt pháo, vứt rác bừa bãi, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ,… |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  - Tự tìm hiểu, viết bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tìm hiểu và viết được bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Dựa vào dàn ý, viết đoạn văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Chuẩn bị bài “Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

(Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  06/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 100. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC,HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**(CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Biết xác định đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

- Nắm được bố cục của kiểu bài nghị luận này.

- Nắm được yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

***2. Kĩ năng:***

- Quan sát các hiện tượng của đời sống, hiện tượng đời sống.

- Rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tuân thủ các bước tiến hành khi làm bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đối tượng, bố cục của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

***2. Kĩ năng:***

- Quan sát các hiện tượng của đời sống, hiện tượng đời sống.

- Rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tuân thủ các bước tiến hành khi làm bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản.

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ngữ liệu, HS xác định được đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. Yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

*+ Nội dung của hoạt động:*Tìm hiểu đề bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống, cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

**\* Hỏi:** Thế nào là nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội?Nêu những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài nghị luận về sự việc, hiện tượng?

**\* Trả lời:**

-Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.

-Yêu cầu về nội dung của bài nghị luận này là phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề; phân tích mặt sai, mặt đúng, mặt lợi, mặt hại của nó; chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến nhận định của người viết.

-Về hình thức, bài viết phải có bố cục mạch lạc; có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực. Phép lập luận phù hợp; lời văn chính xác, sống động.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề   Kĩ thuật: động não. | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  ? Hãy kể tên các sự việc hiện tượng đời sống đáng khen, đáng chê mà em đã gặp? Hướng giải quyết vấn đề?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’   Mục tiêu: Xác định được đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. Yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu đề bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống**:  - Yêu cầu HS đọc đề /22.  **+ Giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm theo bàn:  Quan sát kĩ đề 1, đề 4.  ? Ở đề 1, đề bài yêu cầu bàn luận về hiện tượng gì?  ?Nội dung nghị luận gồm mấy ý? Ý nào?  ? Tư liệu chủ yếu dùng để viết bài nghị luận là gì?  ? Ở đề 4 em thấy Nguyễn Hiền sinh ra trong hoàn cảnh ntn?  +Ông có điểm gì đặc biệt?  +Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới thành công của ông?  ? Các đề bài có gì giống và khác nhau?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  ? Mỗi HS hãy nghĩ ra một đề bài tương tự các đề trên?  **\* HD tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống**  + Phương pháp: vấn đáp, hđ cá nhân.  - Yêu cầu HS đọc đề bài SGK.  - Suy nghĩ trả lời các câu hỏi/skg/23  ? Đề bài thuộc thể loại gì?  ? Đề nêu sự việc, hiện tượng gì?  ? Đề yêu cầu làm gì?  ?Những việc làm của Nghĩa nói lên điều gì?  ?Vì sao Thành đoàn phát động phong trào học tập bạn Nghĩa?  ? Nếu mọi người làm theo bạn Nghĩa thì có tác dụng như thế nào ?  ? Sắp xếp ý theo bố cục của bài nghị luận?  - Bước tiếp theo của quy trình làm một bài TLV?  - Viết đoạn văn nêu một ý của phần thân bài?  ? Công đoạn cuối cùng của quy trình làm một bài TLV?  \*Qua tìm hiểu hãy rút ra kết luận về cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống ? | **I.Tìm hiểu đề bài nghị luận về ...**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Tự bộc lộ.  **II.Cách làm bài nghị luận về một ...**  - Đọc đề.  - Xác định yêu cầu của đề.  - Trả lời các câu hỏi để tìm ý cho đề văn.  - Lập dàn ý.  - Xác định bước tiếp theo của việc lập dàn ý.  - Nêu công đoạn cuối .  - Khái quát, rút ra nội dung ghi nhớ. | **I.Tìm hiểu đề bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống**:  1. Ví dụ:  - Đọc các đề văn: sgk/22  - So sánh sự giống và khác nhau giữa các đề1- 4:  \*Giống: Hai đề bài đều có sự việc, hiện tượng tốt cần ca ngợi -tấm gương vượt khó.  - Yêu cầu nêu nhận xét, suy nghĩ về sự việc, hiện tượng đó.  \*Khác:  - Đề 1 yêu cầu phải phát hiện sự việc hiện tượng để bàn luận.  - Đề 4 cung cấp sự việc hiện tượng để người viết bàn luận...  **II.Cách làm bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống**  Đề bài: SGK  1.Tìm hiểu đề, tìm ý:  a.Tìm hiểu đề:  - Đề thuộc loại nghị luận về 1 sự việc, hiện tượng đời sống  -Nêu hiện tượng người tốt, việc tốt (tấm gương Phạm Văn Nghĩa)  -Yêu cầu: nêu suy nghĩ về hiện tượng ấy  b.Tìm ý:  - Có ý thức sống có ích thì mỗi người hãy bắt đầu cuộc sống của mình từ những việc làm bình thường có hiệu quả  - Vì: Nghĩa là tấm gương tốt với những việc làm giản dị(....)  - Có hiếu với cha mẹ, có ý thức học tập....=> đơi sống sẽ vô cùng tốt đẹp.  2.Lập dàn ý:  a.Mở bài:  - Giới thiệu hiện tượng Phạm Văn Nghĩa  - Nêu tóm tắt ý nghĩa của tấm gương  b.Thân bài:  - Phân tích ý nghĩa những việc làm...  - Đánh giá việc làm...  - Nêu ý nghĩa của việc phát động phong trào thi đua.  c.Kết bài:  - Ý nghĩa giáo dục của tấm gương  - Rút ra bài học cho bản thân  3.Viết bài:  4. Đọc lại bài viết và sửa chữa.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 22’  - Mục tiêu: Lập được dàn bài hoàn chỉnh cho một đề văn nghị luận về một hiện tượngđời sống.  - Phương pháp: Thực hành lập dàn ý, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não... | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân, lập dàn ý cho đề 4 (về Nguyễn Hiền).  - Gọi 2-3 em trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, uốn nắn. | **III.Luyện tập:**  - Lập dàn ý.  - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, rút kinh nghiệm. | **III.Luyện tập:**  Lập dàn ý cho đề 4/mục I (về Nguyễn Hiền).  ***\* Gợi ý:***  1.Mở bài: Giới thiệu chung về Nguyễn Hiền.  2.Thân bài:  -Hoàn cảnh của Nguyễn Hiền.  -Tinh thần ham học.  -Ý thức tự trọng.  -Kết quả, sự thành đạt của ông.  3.Kết bài: Học tập tấm gương của Nguyễn Hiền.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  Lập dàn ý chi tiết cho một trong 4 đề /sgk.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Lập được dàn ý chi tiết cho một trong 4 đề /sgk.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  - Tìm hiểu một sự việc, hiện tượng đời sống ở địa phương và trình bày ngắn gọn ý kiến của bản thân về sự việc, hiện tượng ấy.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ, lưu sản phẩm. | - Tìm hiểu một sự việc, hiện tượng đời sống ở địa phương và trình bày ngắn gọn ý kiến của bản thân về sự việc, hiện tượng ấy.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: Chương trình địa phương phần Tập làm văn(quan sát, xem xét tình hình ở địa phương về một số hiện tượng cần viết bài nghị luận)

## TUẦN 22

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  12/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 101. HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**(Phần Tập làm văn)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Củng cố lại những kiến thức cơ bản về kiểu bài nghị luận về sự việc, hiện tượng của đời sống.

- Biết tìm hiểu và có những ý kiến về sự việc, hiện tượng của đời sống ở địa phương.

- Biết cách vận dụng kiến thức về kiểu bài nghị luận về sự việc, hiện tượng của đời sống.

***2. Kĩ năng:***

- Thu thập thông tin về những vấn đề nổi bật, đáng quan tâm của địa phương.

- Suy nghĩ, đánh giá về một hiện tượng, một sự việc thực tế ở địa phương.

- Làm một bài văn trình bày một vấn đề mang tính xã hội nào đó với suy nghĩ, kiến nghị riêng của mình

***3.Thái độ:***

- Có ý thức quan tâm đến tình hình chung của đời sống cộng đồng. Dám nêu quan điểm tích cực của mình về các vấn đề đó, góp phần xây dựng đời sống tốt đẹp hơn.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Cách vận dụng kiến thức về kiểu bài nghị luận về sự việc, hiện tượng của đời sống.

- Những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa ở địa phương.

***2. Kĩ năng:***

- Thu thập thông tin về những vấn đề nổi bật, đáng quan tâm của địa phương.

- Suy nghĩ, đánh giá về một hiện tượng, một sự việc thực tế ở địa phương.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức quan tâm đến tình hình chung của đời sống cộng đồng. Dám nêu quan điểm tích cực của mình về các vấn đề đó, góp phần xây dựng đời sống tốt đẹp hơn.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua thảo luận, HS nắm được những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa ở địa phương. Hiểu được bản chất của nó.

*+ Nội dung của hoạt động:* Tìm hiểu và viết bài về những vấn đề thường xảy ra ở địa phương em.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

- Cách làm một bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống ?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu các nhóm chọn một sự việc, hiện tượng đáng quan tâm ở địa phương em, thảo luận nhóm ( 6 HS) xây dựng một tiểu phẩm ngắn, giải quyết tình huống trên.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:** | | |
| - Thời gian: 13’  - Mục tiêu: Nắm bắt được những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa ở địa phương. Hiểu được bản chất của nó.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, vấn đáp.  - Kĩ thuật: Động não, dùng phiếu học tập... | | |
| ***\* HD tìm hiểu những vấn đề thường xảy ra ở địa phương:***  **+ Giao nhiệm vụ:**  Cho HS thảo luận nhóm theo bàn(1’):  ? Hãy kể tên những vấn đề xã hội mà em biết ?  + Gọi đại diện các nhóm trình bày.  + GV tổng hợp, định hướng một số vấn đề nóng bỏng.  ***\* HD*** *đ****ịnh hướng vấn đề:***  ***-*** HS hoạt động cá nhân; phương pháp vấn đáp, gợi mở.  - Hãy chọn vấn đề để triển khai ?  ? Đặt luận điểm cho vấn đề môi trường ?  ? Triển khai bằng hệ thống luận cứ như thế nào?  ? Đặt luận điểm cho vấn đề về quyền trẻ em ?  ? Tìm hệ thống luận cứ?  ? Trong gia đình em được quan tâm như thế nào ?  - Hãy kể tên một vấn đề mà địa phương em đang quan tâm?  - Những công việc được giúp đỡ ?  ? Sự việc hiện tượng thế nào bị coi là tệ nạn? | ***I. Những vấn đề thường ...***  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  + Nghe, lưu sản phẩm.  ***II. Định hướng vấn đề***  - Lựa chọn vấn đề cần nghị luận.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | ***I. Những vấn đề thường xảy ra ở địa phương em.***  - Môi trường.  - Quyền trẻ em  **-** Tệ nạn cờ bạc.  - Vấn đề dân số kế hoạch hoá gia đình...  ***II. Định hướng vấn đề.***  1.Vấn đề môi trường.  \* Môi trường với sự sống của con người.  - Vai trò của môi trường với con người?  - Thực trạng của môi trường ở địa phương em?  - Hậu quả của việc phá rừng với các thiên tai lũ lụt, hạn hán.  -Chặt phá cây xanh với việc ô nhiễm môi trường, không khí đô thị.  Rác thải khó tiêu huỷ…  - Lời cảnh báo, quan điểm của mình về vấn đề trên?  - Giải pháp thực hiện?  2. Quyền trẻ em.  \* Trẻ em sinh ra phải được hưởng đầy đủ những quyền con người.  - Những quyền trẻ em:  Chăm sóc, nuôi dạy, học hành…  - Sự quan tâm của chính quyền địa phương xây dựng khu vui chơi …  Sự quan tâm của nhà trường.  - Xây dựng khung cảnh sư phạm, tổ chức dạy học, hoạt động tham quan.  Sự quan tâm của gia đình.  Tấm gương tốt.  Nạn bạo hành gia đình.  3. Vấn đề xã hội.  - Sự quan tâm, giúp đỡ đối với các gia đình chính sách (thương binh, liệt sĩ…)  - Những tấm gương sáng về lòng nhân ái, đức hi sinh của người lớn và trẻ em.  - Những vấn đề có liên quan đến tham nhũng, tệ nạn xã hội.(cờ bạc, ma tuý…)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 17’  - Mục tiêu: Biết cách vận dụng kiến thức về kiểu bài nghị luận về sự việc, hiện tượng của đời sống vào việc nghị luận một vấn đề cụ thể.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD luyện tập**  - Yêu cầu HS triển khai một trong những vấn đề trên.  ? Trình bày miệng dàn ý về một vấn đề đã tìm hiểu ?  - Cho HS tập viết đoạn văn nghị luận -> Trình bày. | **III. Luyện tập**  - Suy nghĩ, làm bài -> Trình  bày.  -Trình bày miệng.  - Viết đoạn văn, trình bày. | **III. Luyện tập**  Triển khai một trong những vấn đề trên.  **\* VD**: Vấn đề về môi trường.  Luận điểm: Môi trường với sự sống của con người.  - Hệ thống luận cứ:  + Luận cứ 1: Vai trò của môi trường với con người.  + Luận cứ 2: Hiện trạng môi trường đang bị ô nhiễm huỷ hoại.  Phá rừng -> lũ lụt…  Chặt phá cây xanh làm ô nhiễm môi trường đô thị.  Rác thải khó tiêu huỷ ở nông thôn.  Ô nhiễm môi trường biển do đánh bắt cá hải sản bừa bãi.  + Luận cứ 3: Lời cảnh báo, quan điểm của người viết.  + Luận điểm 4: Lời kêu gọi bảo vệ môi trường.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  ? Vấn đề nào có tính thời sự nhất ở địa phương em hiện nay? Nêu quan điểm của em về vấn đề đó?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  - Tiếp tục tìm hiểu và viết bài về các sự việc hiện tượng có tính cấp thiết ở địa phương em?  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Dựa vào dàn bài, hoàn thành bài viết nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống với dẫn chứng cụ thể, thuyết phục, có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, không quá 1500 chữ.

- Chuẩn bị bài: Các thành phần biệt lập (Tiếp)

Yêu cầu: Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi/ sgk.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  12/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 102. CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP *(tiếp)***

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được đặc điểm và công dụng của các thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú trong câu.

- Biết đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết thành phần gọi - đáp và thành phần phụ chú trong câu.

- Biết đặt câu có sử dụng thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng các thành phần biệt lập một các hợp lí trong nói, viết để đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm của thành phần gọi - đáp và thành phần phụ chú.

- Công dụng của thành phần gọi - đáp và thành phần phụ chú.

***2. Kĩ năng:***

- Đặt câu có sử dụng thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng các thành phần biệt lập một các hợp lí trong nói, viết để đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ví dụ, HS nắm được đặc điểm và công dụng của các thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú trong câu. Biết đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

*+ Nội dung của hoạt động:*thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

? Thế nào là thành phàn biệt lập? Tành phần biệt lập tình thái, cảm thán? Đặt câu minh họa.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, 321 | | | | |
| - Cho tình huống: Bạn A rủ bạn B đi học.  **+ Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hiện một cuộc hội thoại với tình huống trên. Có thành phần nao không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu hay không?  + Yêu cầu HS nhận xét chéo, phản biện.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Phần gọi - đáp và thành phần phụ chú là hai thành phần phụ trong câu. Nó có tác dụng đáng kể nhưng đôi khi lại ít được chú ý một cách thỏa đáng. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn tác dụng của hai thành phần này. | - Thực hiện cuộc giao tiếp.  - Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe, suy nghĩ. | | | -  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:** | | | | |
| - Thời gian:16’  - Mục tiêu: Nắm được đặc điểm và công dụng của thành phần gọi - đáp và thành phần phụ chú.  - Phương pháp: Phân tích ngữ liệu, vấn đáp.  - Kĩ thuật: động não... | | | | |
| **\* HD tìm hiểu thành phần gọi-đáp:**  - Đưa ví dụ lên bảng phụ  **+ Giao nhiệm vụ:**  - Gọi học sinh đọc ví dụ và nhận xét.  ? Trong số các từ in đậm ở ví dụ, từ nào dùng để gọi, từ nào dùng để đáp?  ? Những từ ngữ dùng để gọi đáp có tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu hay khộng ? Tại sao?  ? Trong các từ ngữ gọi đáp trên, từ ngữ nào được dùng để tạo lập cuộc thoại? Từ ngữ nào được dùng để duy trì cuộc thoại?  - Rút ra kết luận gì về thành phần gọi-đáp?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  \***HD tìm hiểu** t**hành phần phụ chú:**  - Đưa ví dụ lên bảng phụ  + Giao nhiệm vụ:  -Yêu cầu HS đọc VD.  - Trao đổi cặp đôi:  ? Ở các ví dụ nếu lược bỏ từ in đậm thì nghĩa sự việc của mỗi câu có thay đổi không ? Vì sao?  - Ở VD (a) thành phần biệt lập chú thích cho cụm từ nào?  +Ở VD (b)?  ? Qua tìm hiểu em rút ra kết luận gì về thành phần phụ chú?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I.Thành phần gọi-đáp**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  **II.Thành phần phụ chú**  - Quan sát, đọc.  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong cặp đôi.  + Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **I.Thành phần gọi-đáp**  ***1.Xét ngữ liệu:***  \* Ví dụ: Sgk/31  - Từ “này”dùng để gọi: tạo quan hệ giao tiếp (cuộc thoại)  - Từ ngữ “thưa ông” dùng để đáp: duy trì quan hệ giao tiếp(cuộc thoại)  - Không tham gia vào vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu. vì chúng là thành phần biệt lập.  2.Bài học:  ***Thành phần gọi đáp được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.***  **II.Thành phần phụ chú**  ***1. Xét ngữ liệu:***  \* Ví dụ  - Sgk/31  a/- chú thích cho cụm từ “đứa con gái”  b/- chú thích điều suy nghĩ riêng của nhân vật”  2.Bài học:  ***- Thành phần phụ chú dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.***  ***- Thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa một dấu gạch ngang với một dấu phẩy.***  ***- Có thể đặt sau dấu hai chấm.*** | | |
| **\* HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:17’  - Mục tiêu: Nhận biết thành phần gọi - đáp và thành phần phụ chú trong câu. Đặt câu có sử dụng thành phần gọi - đáp,thành phần phụ chú.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép, 321 | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  **+ Giao nhiệm vụ:**  -Gọi HS đọc các BT, xác định yêu cầu. HĐ nhóm (2 bàn). Mỗi nhóm làm 1 bài tập.  ? Quan hệ giữa người nói và người nghe?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **III. Luyện tập**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **III. Luyện tập**  **Bài tập 1**  ? Tìm thành phần gọi-đáp trong đoạn trích. Chỉ rõ từ để gọi, từ để đáp?  Từ "này": dùng để gọi  Từ "vâng": dùng để đáp   * quan hệ trên - dưới   (gần gũi)  **Bài tập 2**  ? Tìm thành phần gọi đáp trong câu ca dao? Cho biết lời gọi- đáp đó hướng đến ai?  - Thành phần gọi đáp: “bầu ơi”. Đối tượng hướng tới của sự gọi: là tất cả mọi người trong cộng đồng người Việt.  **Bài tập 3**  ? Tìm thành phần phụ chú và cho biết chúng bổ sung điều gì?  a/ TP phụ chú: kể cả anh -> Giải thích cho cụm từ “mọi người”.  b/ TP phụ chú “các thầy, cô …. người mẹ” -> giải thích cho cụm từ “những người nắm giữ chìa…này”  c/ TP phụ chú “những người chủ…tới” giải thích cho cụm từ “lớp trẻ”.  d/ TP phụ chú “có ai ngờ” thể hiện sự ngạc nhiên; “thương thương quá đi thôi” thể hiện tình cảm trìu mến. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  - HS làm bài tập : Viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về việc thanh niên chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, trong đó có câu chứa thành phần phụ chú.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | - HS làm bài tập : Viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về việc thanh niên chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, trong đó có câu chứa thành phần phụ chú. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| **+ Giao nhiệm vụ:**  - Đọc lại một số văn bản đã học, ghi lại một số câu văn có thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | - Đọc lại một số văn bản đã học, ghi lại một số câu văn có thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Viết đoạn văn có sử dụng thành phần phụ chú.

- Ôn tập văn nghị luận, chuẩn bị cho bài viết số 5.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  12/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 103. LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nâng cao nhận thức và kĩ nắng sử dụng một số phép liên kết câu và liên kết đoạn văn.

- Hiểu được liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu và các đoạn văn, một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

- Sử dụng một số phép liên kết câu, liên kết đoạn trong việc tạo lập văn bản.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng các phép liên kết câu cho hợp lí khi tạo dựng văn bản.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu và các đoạn văn.

- Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

- Sử dụng một số phép liên kết câu, liên kết đoạn trong việc tạo lập văn bản.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng các phép liên kết câu cho hợp lí khi tạo dựng văn bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ví dụ, HS nắm được liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu và các đoạn văn, một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản. Sử dụng một số phép liên kết câu, liên kết đoạn trong việc tạo lập văn bản.

*+ Nội dung của hoạt động:*Khái niệm liên kết câu; luyện tập .

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

Chấm khoảng 3 - 5 HS viết đoạn bài tập 5 trang 33

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS xem lại đoanvăn dã viết ở bài tập 3/55. Hãy cho biết các câu trog đoạn văn được liên kết với nhau bằng cách nào?  + HS thảo luận theo bàn:  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’ * Mục tiêu: Nắm được liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu và các đoạn văn. Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu khái niệm liên kết câu:**  - Yêu cầu HS đọc đoạn văn trong sgk. Và  - Thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi .  (đưa đoạn văn lên bảng phụ)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | **I.Khái niệm liên kết câu**  - Quan sát.  - Đọc.  - Thảo luận.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **I. Khái niệm liên kết câu**  **1. Xét ngữ liệu**  **\* Ví dụ: Sgk** |
| Câu hỏi:  ? Đoạn văn trên bàn về vấn đề gì? Chủ đề ấy có liên quan như thế nào với chủ đề chung của văn bản? | - HS phát hiện trả lời. | a. Liên kết nội dung:  - Bàn về cách phản ánh thực tại của người nghệ sĩ. Cách phản ánh thực tại (thông qua những suy nghĩ, tình cảm của cá nhân người nghệ sĩ) là một bộ phận làm nên “tiếng nói văn nghệ” nghĩa là giữa chủ đề của đoạn văn và chủ đề của văn bản có quan hệ: bộ phận, toàn thể. |
| ? Nội dung chính của mỗi câu trong đoạn văn là gì? | HS suy nghĩ trả lời. | \*Nội dung chính của các câu:  - Câu 1: Tác phẩm nghệ thuật phản ánh thực tại.  - Câu 2: Khi phản ánh thực tại, người nghệ sĩ muốn nói lên một điều gì đó mới mẻ.  - Câu 3: Cái mới mẻ ấy là thái độ, tình cảm và lời nhắn gửi của người nghệ sĩ. |
| Những nội dung câu ấy có quan hệ như thế nào với chủ đề của đoạn? Nêu nhận xét trình tự sắp xếp các câu trong đoạn ? | HS suy nghĩ trả lời: |  |
| \*Sự gắn kết lô-gic giữa đoạn văn với văn bản, sự gắn kết lô gic giữa các câu với đoạn văn gọi là liên kết nội dung. ?Vậy thế nào là liên kết nội dung?  \* GV chốt: Các đoạn câu văn phải hướng tới chủ đề chung của văn bản.  - Các câu văn phải phục vụ chủ đề của câu.  - Các câu đoạn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. | - Khái quát trả lời.  - Nghe, ghi chép. |  |
| HS tiếp tục thảo luận theo bàn câu hỏi 3  ? Mối quan hệ chặt chẽ về nội dung giữa các câu trong đoạn văn được thể hiện bằng những biện pháp nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | - Thảo luận.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | b. Liên kết hình thức |
| \* Mối quan hệ chặt chẽ về nội dung giữa các câu được thể hiện:  - Lặp từ vựng: tác phẩm-tác phẩm  - Dùng từ ngữ cùng trường liên tưởng: tác phẩm, nghệ sĩ (tác giả, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ...)  -Phép thế: dùng từ “anh” thay thế từ “nghệ sĩ”, dùng cụm từ “cái đã có rồi” thay thế cho cụm từ “những vật liệu mượn ở thực tại”.  - Phép nối: dùng quan hệ từ “nhưng”. |
| ? Như vậy về hình thức, các đoạn văn trong một văn bản, các câu trong một đoạn thường liên kết với nhau bằng những biện pháp nào?  ? Qua đó em hiểu thế nào là liên kết về liên kết câu và liên kết đoạn?  \* GV chốt KT. | - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời, rút ra nội dung phần ghi nhớ.  - Nghe, ghi ý chính. | **2. Bài học:**  \* Ghi nhớ: Sgk/43  *- Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.*  *- Về nội dung: đảm bảo liên kết chủ đề và lo-gic.*  *- Về hình thức: các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính: phép lặp, phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng, phép thế, phép nối.* |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 18’  - Mục tiêu: Nhận biết và sử dụng được một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm  - Kĩ thuật:Động não, khăn trải bàn... | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Gọi HS đọc, xác định yêu cầu của đề.  - Cho HS thảo luận nhóm các câu hỏi trong sgk:  ? Chủ đề của đoạn văn?  ? Nội dung các câu trong đoạn văn ?  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét. | **II. Luyện tập**  - Đọc, nêu yêu cầu.  - Các nhóm thảo luận .  - Đại diện trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | **II. Luyện tập**  **Bài tập: Sgk/43**  - Chủ đề: khẳng định vị trí của con người VN và quan trọng hơn là những hạn chế cần khắc phục. Đó là sự thiếu hụt về kiến thức, khả năng thực hành sáng tạo yếu do cách học thiếu thông minh gây ra.  - Nội dung các câu trong đoạn văn đều hướng vào chủ đề đó của đoạn:  + Câu 1: Cái mạnh của con người VN: thông minh – nhạy bén với cái mới  + Câu 2: Bản chất trời phú ấy (cái mạnh ấy), thông minh và sáng tạo là yêu cầu hàng đầu.  + Câu 3: Bên cạnh cái mạnh còn tồn tại cái yếu.  + Câu 4: Thiếu hụt về kiến thức cơ bản  + Câu 5: Biện pháp khắc phục lỗ hổng ấy mới thích ứng nền kinh tế mới. |
| ? Phân tích sự liên kết về hình thức giữa các câu trong đoạn văn ? | - HS suy nghĩ trả lời. | - Các câu được liên kết bằng các phép liên kết  + Bản chất trời phú ấy (chỉ sự thông minh, nhạy bén với cái mới) liên kết câu (2) - (1).  + Từ “nhưng” nối câu (3) với câu (2)  + Từ “ấy” nối câu (4) - (3)  + Từ “lỗ hổng” được lặp lại ở câu (4) và câu (5)  + Từ “thông minh” ở câu (5) được lặp lại ở câu (1) |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Phân tích cách liên kết câu trong đoạn văn 1 của văn bản “Bàn về đọc sách” ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Phân tích đượccách liên kết câu trong đoạn văn 1 của văn bản “Bàn về đọc sách” ? |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm các ví dụ về liên kết câu và liên kết đoạn.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Lấy được các ví dụ về liên kết câu và liên kết đoạn. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Nhớ được các biểu hiện của liên kết câu và liên kết đoạn văn.

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: Mùa xuân nho nhỏ( đọc trước bài, tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Trả lời câu hỏi /Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày nộp đề: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 104,105. VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Viết bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội: hiện tượng vứt rác bừa bãi nơi công cộng và tác hại của hiện tượng đó

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn, tạo lập văn bản nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội.

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sống.

- Có thái độ học bài, làm bài nghiêm túc.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Viết bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội: hiện tượng vứt rác bừa bãi nơi công cộng và tác hại của hiện tượng đó

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn, tạo lập văn bản nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội.

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sống.

- Có thái độ học bài, làm bài nghiêm túc.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, sáng tạo

Năng lực chuyên biệt: tư duy, tạo lập văn bản...

**III. Chuẩn bị**

- GV: Ra đề kiểm tra nộp BGH, lấy đề.

- HS : nghiên cứu kiến thức các bài đã học và giấy kiểm tra.

**IV. Tổ chức dạy và học :**

**Bước 1.**  ***Ổn định tổ chức lớp:*** Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2. *KT sự chuẩn bị của HS.***

**Bước *3. Bài mới :***

**\* Hoạt động 1:** GV nêu yêu cầu giờ kiểm tra:

- Nội dung: đảm bảo đúng yêu cầu đề ra.

- Hình thức: làm bài đúng thời gian quy định.

- Thái độ: nghiêm túc, có ý thức tự giác, chủ động làm bài kiểm tra.

**\* Hoạt động 2:** GV phát đề kiểm tra cho HS.

**\* Hoạt động 3:** HS làm bài kiểm tra.

\* **Hoạt động 4:** GV thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

**Bước *3. Hướng dẫn tự học:***

- Xem lại kiến thức có liên quan tới bài kiểm tra.

- Trao đổi với bạn về bài làm của mình.

- Chuẩn bị bài: “Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí"

## TUẦN 23

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  19/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 106,107.** **CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được nghệ thuật lập luận, giá trị nội dung và ý nghĩa thực tiễn của văn bản.

- Tính cấp thiết của vấn đề được đề cập đến trong văn bản.

- Nắm được hệ thống luận cứ và phương pháp lập luận trong văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- Trình bày những suy nghĩ, nhận xét, đánh giá về một vấn đề xã hội. Học tập cách trình bày một vấn đề có ý nghĩa thời sự.

- Rèn luyện thêm cách viết đoạn văn, bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức rèn luyện, tu dưỡng bản thân: phát huy điểm mạnh, loại bỏ điểm yếu tạo hành trang vững vàng cho tương lai.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Tính cấp thiết của vấn đề được đề cập đến trong văn bản.

- Hệ thống luận cứ và phương pháp lập luận trong văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- Trình bày những suy nghĩ, nhận xét, đánh giá về một vấn đề xã hội.

- Rèn luyện thêm cách viết đoạn văn, bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức rèn luyện, tu dưỡng bản thân: phát huy điểm mạnh, loại bỏ điểm yếu tạo hành trang vững vàng cho tương lai.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nét chính về ; thấy được vẻ đẹp của

*+ Nội dung của hoạt động:*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Theo tác giả Nguyễn Đình Thi, ta có thể nói thế nào về sức mạnh kì diệu của văn nghệ ? Con đường văn nghệ đến với người đọc, người nghe, người tiếp nhận có những nét riêng nào?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta phải làm gì đẻ huẩn bị hành trang cho bản thân?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Lâu nay, khi nói tới phẩm chất của con người Việt Nam, chúng ta thường nói tới những phẩm chất tốt đẹp. Hiện nay, dân tộc ta đang đứng trước những yêu cầu và nhiệm vụ to lớn để vượt nghèo nàn, lạc hậu vươn lên. Vậy để chuẩn bị hành trang cho thế kỷ mới chúng ta cần phải làm gì? Tác giả Vũ Khoan đã cho chúng ta biết điều đó qua văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”? | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 65’   Mục tiêu: Hiểu được tính cấp thiết của vấn đề được đề cập đến trong văn bản. Nắm được hệ thống luận cứ và phương pháp lập luận trong văn bản. Rèn luyện thêm cách viết đoạn văn, bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung**  - Trình bày về tác giả, tác phẩm?  - Kiểm tra việc đọc chú thích của học sinh  - Hướng dẫn cách đọc: giọng rõ ràng, mạch lạc, tình cảm và phấn chấn.  - Đọc mẫu, gọi học sinh đọc, nhận xét.  - Xác định kiểu loại văn bản ?  - Bố cục văn bản ? Xác định luận điểm? | **I.Tìm hiểu chung**  - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.  - Giải thích từ khó.  - Nghe.  - Đọc, nhận xét chéo.  - Nhận diện trả lời.  - Nêu bố cục. | **I. Tìm hiểu chung**    **1.Chú thích:**  a.Tác giả:  -Vũ Khoan, nhà hoạt động chính trị, nhiều năm là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Thương mại, nguyên là Phó Thủ tướng Chính Phủ.  b. Tác phẩm:  -Viết năm 2001, thời điểm đầu thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới.  c.Từ khó: Sgk  **2. Đọc**  **3.Kiểu loại văn bản**:  Nghị luận về một vấn đề xã hội (nghị luận giải thích)  **4. Bố cục:**  3 phần:  +Nêu vấn đề (đoạn 1)  +Giải quyết vấn đề  +Kết thúc vấn đề (đoạn cuối) |
| **\* HD phân tích:**  - Đọc đoạn mở đầu. ?  ? Nhận xét cách nêu vấn đề của tác giả ?  -Vấn đề được nêu một cách trực tiếp, rõ ràng, ngắn gọn.  ? Đặt vấn đề trong thời điểm hiện tại có ý nghĩa như thế nào ?  ***(Hết tiết 106, chuyển tiết 107)***  - Yêu cầu HS đọc phần 2 văn bản.  - Giao việc: Yêu cầu HS thảo luận nhóm ,trình bày.  (Mỗi nhóm một luận cứ)  + Định hướng:  ? Luận cứ đầu tiên được triển khai là gì? Được làm sáng tỏ bằng những luận chứng như thế nào ?  ? Ngoài luận cứ trên còn luận cứ nào nữa khi nhìn rộng ra cả nước, cả thời đại, cả thế giới?  ? Nêu rõ 3 nhiệm vụ phải giải quyết đồng thời của đất nước ta?  ? Tác giả đã nêu cái mạnh, cái yếu của người Việt Nam như thế nào? Chủ ý của người viết?  ? Tác giả nêu lại mục đích và sự cần thiết của khâu đầu tiên có ý nghĩa quyết định là gì? Vì sao?  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  ? Tác giả kết thúc vấn đề như thế nào? | **II. Phân tích**  - Đọc thầm.  - Nhận xét.  - Suy nghĩ trả lời.  - Đọc thầm.  - Nhận nhiệm vụ, khám phá, bàn luận đi đến thống nhất.  - Chia sẻ trước lớp, phản biện tích cực.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Phát hiện trả lời. | **II. Phân tích**  ***1. Nêu vấn đề:***  - Rèn luyện chuẩn bị để bước vào thế kỉ mới - thời điểm thiêng liêng.  ***2.Giải quyết vấn đề:***  a.Sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất:  +Từ cổ chí kim, con người bao giờ cũng là động lực phát triển của lịch sử  +Trong thời kì kinh tế tri thức thì vai trò của con người ngày càng nổi trội.  b.Thế giới khoa học công nghệ phát triển như huyền thoại, sự giao thoa hội nhập giữa các nền kinh tế ngày càng sâu rộng  - Nước ta phải giải quyết 3 nhiệm vụ:  + Thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.  + Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.  + Tiếp cận ngay nền kinh tế tri thức.  c. Cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam:  + Thông minh nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.  + Cần cù sáng tạo nhưng thiếu tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen cường độ khẩn trương.  + Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc nhưng thường đố kị.  + Bản tính thích ứng nhanh nhưng lại nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ kì thị kinh doanh, quen bao cấp, thói sùng ngoại hoặc thói khôn vặt, ít giữ chữ tín.  =>người biết tôn trong sự thực, nhìn nhận vấn đề một cách khách quan toàn diện...  ***3.Kết thúc vấn đề:***  - Nêu yêu cầu đối với hành trang của con người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới. |
| **\* HD tổng kết**  - Qua văn bản trên em thấy tác giả muốn trình bày quan điểm gì?  ? Những yếu tố nào làm nên sức thuyết phục của văn bản? | **III. Tổng kết**  - Khái quát trả lời. | **III. Tổng kết**  \*Ghi nhớ: Sgk/30  Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, thế hệ trẻ Việt Nam cần nhìn rõ điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt nam, rèn cho mình những đức tính và thói quen tốt.  - Để đưa đất nước đi lên, chúng ta cần phát huy những diểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, hình thành những thói quen tốt ngay từ những việc nhỏ. |
| **\* Hoạt động 3. Luyện tập:**  - Thời gian: 12’  - Mục tiêu: Củng cố những kiến thức đã học về văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, dùng phiếu học tập. | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS đọc đề BT 1. xác định yêu cầu của đề.  - Cho HS thảo luận theo bàn, trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét. | **IV.Luyện tập:**  - Đọc, nêu yêu cầu của đề.  - Thảo luận nhóm, trình bày.  -Nhận xét chéo.  - Nghe.  - HS suy nghĩ, trình bày. | **IV. Luyện tập:**  Bài tập1/31  Hãy nêu những dẫn chứng trong thực tế xã hội và nhà trường để làm rõ một số điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Em nhận thấy bản thân em có những điểm mạnh, điểm yếu nào trong những điều tác giả đã nêu và cả những điều tác giả chưa nói tới? Nêu phương hướng khắc phục những điểm yếu đó?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Nêu rõ bản thân có những điểm mạnh, điểm yếu nào trong những điều tác giả đã nêu và cả những điều tác giả chưa nói tới. Nêu được phương hướng khắc phục những điểm yếu đó. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tiếp tục tìm những dẫn chứng trong thực tế để chứng tỏ rằng những điều tác giả nêu ra trong bài viết là đúng đắn.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tìm được những dẫn chứng trong thực tế để chứng tỏ rằng những điều tác giả nêu ra trong bài viết là đúng đắn. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Nắm ý nghĩa văn bản. Lập lại hệ thống luận điểm của văn bản.

- Chuẩn bị cho bài: Nghị luận về một tư tưởng đạo lí ( Đọc trước bài, trả lời các cau hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  20/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 108. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

- Hiểu và biết cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

***2. Kĩ năng:***

- Bước đầu biết làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

***3. Thái độ:***

**-** Có ý thức bày tỏ quan điểm tích cực của mình trước một tư tưởng đạo lí trong đời sống XH.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

***2. Kĩ năng:***

- Làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

***3. Thái độ:***

**-** Có ý thức bày tỏ quan điểm tích cực của mình trước một tư tưởng đạo lí trong đời sống XH.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt…

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ví dụ, HS nắm được đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí; hiểu và biết cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

*+ Nội dung của hoạt động:*Tìm hiểu bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí; luyện tập.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

\* Hỏi:

? Nêu cách làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện t­ượng đời sống.

\* Trả lời: Muốn làm tốt bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng, đời sống, phải tìm hiểu kĩ đề bài, phân tích sự việc, hiện tượng, đó để tìm ý, lập dàn bài, viết bài và sửa chữa sau khi viết. Bài viết có bố cục 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu chung sự việc, hiện tượng có vấn đề.

+ Thân bài: Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, đánh giá nhận định.

+ Kết bài: Kết luận, khẳng định, phủ định lời khuyên.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não. | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Để thuyết phục mọi người nghe theo các tư tưởng, đạo lí như: *cần có lòng biết ơn, phải có tinh thần tương thân tương ái, hút tuốc lá có hại cho sức khỏe…* thì ta phải làm gì?  - HS thảo luận nhóm theo bàn:  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’   Mục tiêu: Nắm được đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | | | | |
| **\* HD tìm hiểu bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí:**  - GV gọi HS đọc bài: Tri thức là sức mạnh?  ? Văn bản bàn về vấn đề gì? | **I. Tìm hiểu bài văn nghị luận ...**  - Đọc.  - Khái quát trả lời. | | | **I. Tìm hiểu bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.**  ***1.Xét ngữ liệu:***  Ví dụ***:***  Văn bản: Tri thức là sức mạnh.  \* VB bàn về giá trị của tri thức khoa học và người trí thức trong sự phát triển của xã hội. | |
| ? Văn bản có thể chia làm mấy phần? Chỉ ra nội dung của mỗi phần và mối quan hệ giữa chúng với nhau?  - Phần mở bài (đoạn 1): Nêu vấn đề cần bàn luận.  - Phần thân bài (2 đoạn tiếp theo): Nêu hai ví dụ chứng minh tri thức là sức mạnh.  + Một đoạn nêu tri thức có thể cứu một cái máy khỏi số phận một đống phế liệu.  + Một đoạn nêu tri thức là sức mạnh của cách mạng. Bác Hồ đã thu hút nhiều nhà trí thức lớn theo Người tham gia đóng góp cho cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ thành công.  - Phần kết bài:(còn lại): Phê phán một số biểu hiện không biết quý trọng tri thức, sử dụng không đúng chỗ. | - Xác định bố cục VB. | | | \* VB chia làm 3 phần:  ⇒ Mối quan hệ giữa các phần là chặt chẽ, cụ thể:  - Phần mở bài: Nêu vấn đề  - Phần thân bài: Lập luận chứng minh vấn đề  - Phần kết bài: Mở rộng vấn đề để bàn luận. | |
| ? Chỉ ra các câu mang luận điểm chính trong bài?  ? Các luận điểm ấy diễn đạt được rõ ràng, dứt khoát ý kiến của người viết chưa? | - Xác định luận điểm chính.  - Nêu nhận xét. | | | \* Các câu mang luận điểm trong bài:  - 2 câu đầu tiên của đoạn mở bài  - Câu đầu tiên của đoạn thứ 2: Tri thức đúng là là sức mạnh.  - 2 câu kết của đoạn 2. Câu mở đoạn 3  - Câu mở đoạn 4 và câu kết đoạn 4  - Các luận điểm trên đã diễn đạt được rõ ràng, dứt khoát ý kiến của người viết. Nói cách khác, người viết muốn tô đậm, nhấn mạnh hai ý:  - Tri thức là sức mạnh  - Vai trò to lớn của người tri thức trên mọi lĩnh vực của đời sống. | |
| ? Văn bản sử dụng phép lập luận nào là chính? Cách lập luận có thuyết phục hay không ? | - Xác định phép lập luận. | | | - VB đã sử dụng phép lập luận chứng minh là chủ yếu. | |
| + Cho HS thảo luận nhóm, trình bày.  ? Bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí khác với bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống như thế nào?  - Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xuất phát từ thực tế đời sống (các sự việc, hiện tượng) để khái quát thành một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí: Bắt đầu từ một tư tưởng, đạo lí, sau đó dùng lập luận giải thích, chứng minh, phân tích... để làm sáng tỏ các tư tưởng, đạo lí quan trọng đối với đời sống con người, để thuyết phục người đọc nhận thức đúng vấn đề tư tưởng, đạo lí đó. | - Thảo luận, chia sẻ. | | |  | |
| ? Vậy em hiểu thế nào là nghị luận về một tư tưởng đạo lí? Yêu cầu chung đối với kiểu bài này?  \* GV chốt KT: Nghị luận về một tư tưởng đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.  + Yêu cầu về nội dung của kiểu bài này là phải làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lí bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích... để chỉ ra chỗ đúng, hay chỗ sai của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.  + Về hình thức, bài viết phải có bố cục 3 phần, có luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, lời văn chính xác, sinh động. | - Khái quát trả lời.  - Nghe, ghi ý chính. | | | ***2.Bài học:***  (Ghi nhớ sgk/36)  ***Nghị luận về một tư tưởng đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.***  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; giao tiếp tiếng Việt. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 17’ * Mục tiêu: Vận dụng kiến thứ đã học vào giải quyết các bài tập. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép, 321… | | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Gọi HS đọc văn bản .  - Cho HS thảo luận cặp đôi các câu hỏi /sgk.  ? Văn bản trên thuộc loại nghị luận nào?  ? Văn bản nghị luận về vấn đề gì ? Chỉ ra các luận điểm chính của văn bản ấy?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | **II. Luyện tập**  - Đọc  - Thảo luận cặp đôi, báo cáo, phản biện tích cực. | | | | **II. Luyện tập**  \*Văn bản: “Thời gian là vàng”  - Thuộc loại nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Văn bản bàn luận về giá trị của thời gian. Các luận điểm chính của văn bản là:  + Thời gian là sự sống.  + Thời gian là thắng lợi.  + Thời gian là tiền.  + Thời gian là tri thức. |
| ? Phép lập luận chủ yếu trong văn bản là gì? Cách lập luận ấy có vai sức thuyết phục không ? |  | | | | - Phép lập luận chủ yếu của văn bản là phân tích và chứng minh. Cách lập luận ấy có sức thuyết phục vì giản dị, dễ hiểu.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Dựa vào dàn ý trên, viết một đoạn văn nghị luận bàn về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | | | - Dựa vào dàn ý trên, viết một đoạn văn nghị luận bàn về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tìm hiểu  Tìm đọc các bài nghị luận về một tư tưởn đạo lí, xác định luận điểm, luận cứ.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, lưu sản phẩm. | | | | Tìm đọc các bài nghị luận về một tư tưởn đạo lí, xác định luận điểm, luận cứ.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học lí thuyết.

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: Liên kết câu và liên kết đoạn văn(đọc trước bài, trả lời câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  20/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 109,110. MÙA XUÂN NHO NHỎ**

**I.Mức độ cần đạt**

***1. Kiến thức***

- Cảm nhận được vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước.

- Cảm nhận được những xúc cảm mùa xuân thiên nhiên đất nước và khát vọng đẹp đẽ dâng hiến cho cuộc đời của tác giả.

***2. Kĩ năng***

- Biết đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại.

- Biết trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản.

***3. Thái độ***

- Xây dựng cho HS thái độ học tập và rèn luyện sống có ích cho gia đình, xã hội.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức***

- Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước.

- Lẽ sống cao đẹp của tác giả-sống là cống hiến hết mình cho quê hương, đất nước.

***2. Kĩ năng***

- Đọc-hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại.

- Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản.

***3. Thái độ***

- Xây dựng cho HS thái độ học tập và rèn luyện sống có ích cho gia đình, xã hội.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ.

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nét chính về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó; cảm nhận được vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước; những xúc cảm mùa xuân thiên nhiên đất nước và khát vọng đẹp đẽ dâng hiến cho cuộc đời của tác giả.

*+ Nội dung của hoạt động:*Tìm hiểu chung, phân tích văn bản.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ *5’*** (HS đứng tại chỗ trả lời.)

- Văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” của Vũ Khoan đã gợi cho em suy nghĩ gì về việc chuẩn bị hành trang cho bản thân?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS HĐ cá nhân.  Hãy bày tỏ mục đích, lí tưởng sống của riêng em?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 55’ * Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản; thấy được vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước, lẽ sống cao đẹp của tác giả. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | | |
| **\* HD I.Tìm hiểu chung:**  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Thanh Hải ?  ? Hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  - Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta mới thống nhất lại đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách gay gắt.  - Yêu cầu HS giải thích từ khó.  ? Trước khi đọc bài thơ, hãy nhận xét về thể thơ, nhịp điệu, giọng điệu của bài thơ? Từ đó nói rõ cách đọc bài thơ?  GV gọi 2 học sinh đọc.  ? Xác định thể thơ?  ? Nêu phương thức biểu đạt của bài thơ?  ? Cảm nhận ban đầu của em về bài thơ này?  - Vui, yêu đời. Đã được hát lên bằng âm nhạc của nhạc sĩ Trần Hoàn  (Nếu có điều kiện cho hs nghe bài hát)  ? Hãy chỉ ra bố cục của bài thơ này? Nêu nội dung chủ đạo của mỗi đoạn?  - Bố cục 4 phần: | **I.Tìm hiểu chung**  - Phát hiện trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Giải nghĩa từ.  - Suy nghĩ trả lời.  - Đọc.  - Phát hiện trả lời.  - Tự bộc lộ.  - Xác định bố cục. | | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích:**  a. Tác giả: Sgk  - Thanh Hải (1930 – 1980)  tên thật là Phạm Bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế.  - Ông hoạt động văn nghệ từ cuối năm kháng chiến chống Pháp.  - Thơ: chân chất và bình dị, đôn hậu và chân thành”  b. Tác phẩm  - Hoàn cảnh: 11.1980  c. Từ khó: Sgk.  **2. Đọc**  **3. Thể thơ**  - Ngũ ngôn  **4.Phương thức biểu đạt**  Biểu cảm. Kết hợp: miêu tả (khổ1) và lập luận (khổ 3)  **5. Bố cục:** 4 phần  + Khổ 1: Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời.  + Khổ 2, 3: Cảm xúc về mùa xuân đất nước.  + Khổ 4, 5: Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ trước mùa xuân đất nước;  + Khổ cuối: Lời ngợi ca quê hương đất nước qua điệu dân ca xứ Huế. |
| **\* HD phân tích:**  - Gọi HS đọc khổ thơ đầu của bài thơ. Nhắc lại nội dung chính?  ? Hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên được phác họa qua những hình ảnh nào?  + Dòng sông xanh.  + Bông hoa tím biếc.  + Tiếng chim chiền chiện hót vang.  ? Các hình ảnh đó có gì nổi bật?  - Màu sắc hài hòa dịu nhẹ, tươi tắn ⇒ màu sắc đặc trưng của xứ Huế.  ? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở câu thơ này?  Tác dụng?  ? Một khung cảnh như thế nào gợi lên từ những hình ảnh và âm thanh đó? | **II. Phân tích**   * Đọc   - Phát hiện trả lời.  - Cảm nhận trả lời.  - Phát hiện, phân tích.  - Nêu cảm nhận. | | II. Phân tích  *1. Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời (khổ 1)*  *- Bằng vài nét chấm phá, nghệ thuật đảo ngữ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tác giả phác hoạ một bức tranh mùa xuân vô cùng tươi đẹp, đầy sức sống.* |
| ? Trước cảnh đất trời vào xuân, nhà thơ có cảm xúc như thế nào? Em hiểu "Từng giọt long lanh rơi" nghĩa là như thế nào?  - Giọt sương. Giọt nắng. Giọt mùa xuân. Giọt hạnh phúc.Giọt âm thanh.-> Nghệ thuật chuyển đổi cảm giác thể hiện cảm xúc say xưa, ngây ngất, xốn xang, rạo rực trước cảnh đất trời vào xuân, sự trân trọng vẻ đẹp của thi nhân.  - Gọi HS đọc hai khổ tiếp theo của bài thơ.Nhắc lại nội dung chính?  ? Xúc cảm về mùa xuân trong 2 khổ thơ này được diễn tả qua những hình ảnh nào ?  + Mùa xuân – người cầm súng  + Lộc giắt đầu quanh lưng  + Mùa xuân – người ra đồng  + Lộc trải dài nương mạ  - Lộc non chồi biếc: hình ảnh tượng trưng, kết cấu đối xứng.  + Cho HS thảo luận cặp đôi:  ? Tại sao tác giả nhắc đến "người cầm súng" và "người ra đồng"? Ý nghĩa của những hình ảnh thơ này?  ? Nghệ thuật nổi bật của hai khổ thơ?  ? Từ đó, cảnh tượng mùa xuân hiện lên như thế nào?  - Mùa xuân sôi động và hứa hẹn nhiều điều tốt đẹp. | - Suy nghĩ trả lời.  - Đọc.  - Suy nghĩ trả lời.  - Thảo luận cặp đôi (1') trả lời.  - Phát hiên, phân tích nghệ thuật.  - Nêu cảm nhận. | | *- Thể hiện cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước vẻ đẹp của đất trời vào xuân.*  ***2. Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của đất nước***  *- Hình ảnh "người cầm súng" và "người ra đồng" biểu tượng cho hai nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước.* |
| ? Ở đây, tác giả đã suy tư những gì về đất nước?  - Đất nước gian lao  + Đất nước bốn ngàn năm  + Vất vả và gian lao.  - Đất nước tươi sáng.  + Đất nước như vì sao.  + Cứ đi lên phía trước. | - Suy nghĩ trả lời. | |  |
| ? Nêu cảm nhận của em về lời thơ:  “Đất nước như vì sao  Cứ đi lên phía trước”?  - Hình ảnh nhân hóa, so sánh: sự trường tồn vĩnh cửu của thiên nhiên được so sánh với tầm vóc của dân tộc Việt Nam, gợi liên tưởng đến vẻ đẹp, ánh sáng và hi vọng. Đó cũng là sức sống không ngừng của đất nước vào xuân.  ? Như vậy trong khổ thơ này, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Giá trị biểu đạt? | - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện, phân tích nghệ thuật. | | ***- Với nghệ thuật điệp ngữ, so sánh, nhân hoá tác giả cho thấy khí thế khẩn trương, hối hả, xôn xao cũng như sức sống bền bỉ của mùa xuân đất nước.*** |
| - Gọi HS đọc diễn cảm khổ 4,5.  ? Nghệ thuật nào đã được sử dụng và có tác dụng gì?  - Điệp từ “ta” và điệp ngữ “ta làm” được đặt ở đầu 3 câu thơ liên tiếp. Tác dụng: tô đậm tâm niệm tự nguyện dâng hiến của tác giả với đất nước, với nhân dân. | - Đọc.  - Suy nghĩ trả lời. | | **3. Tâm niệm của nhà thơ** |
| ? Điều tâm niệm của nhà thơ là gì? Tâm niệm ấy được thể hiện qua những hình ảnh nào và nét đặc sắc của những hình ảnh ấy là gì ?  - Nhà thơ tâm niệm:  + Ta làm con chim hót  + ... một nhành hoa  + ... một nốt trầm xao xuyến  ⇒ Hình ảnh tự nhiên, đẹp, giản dị, khiêm nhường. | - Suy nghĩ trả lời. | |  |
| ? Điều đó thể hiện mong ước gì?  - Mong ước tự góp mình vào vẻ đẹp và sức sống mùa xuân, ý nguyện được chung sống, được sẻ chia buồn vui với mọi người.  -GV liên hệ: Tố Hữu cũng có những suy ngẫm tương tự cũng trong thời gian này: | - Tự bộc lộ.  - Nghe, cảm thụ. | |  |
| Nếu là con chim chiếc lá  Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh  Lẽ nào vay mà không có trả  Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình?  ? Ý nguyện dâng hiến của nhà thơ có gì khác so với thông thường?  - Tâm niệm chân thành tha thiết của nhà thơ: dâng hiến những gì tốt đẹp nhất của cuộc đời mình dù là nhỏ bé cho cuộc sống. Cống hiến một cách thầm lặng, suốt cuộc đời.  ? Từ tình cảm trào dâng suy tư đó của tác giả, em cảm nhận thêm được một quan niệm cống hiến như thế nào?  \*Tích hợp liên môn:  ? Âm nhạc đã diễn tả nguyện ước này như thế nào?  ? Kết thúc bài thơ là câu hát “Câu Nam ai, nam bình..” Khi tác giả muốn hát “câu nam ai nam bình” của xứ Huế thì em hiểu ý nguyện của tác giả như thế nào?  - Nam Ai nam Bình là những điệu ca Huế nổi tiếng. Đó là ý nguyện của người tha thiết với vẻ đẹp của tâm hồn quê hương đất nước mình. | - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Hát đoạn nhạc tương ứng trong bài hát của Trần Hoàn.  - Tự bộc lộ. | | *- Điệp từ, điệp ngữ: "ta", "ta làm", ẩn dụ "mùa xuân nho nhỏ", "một cành hoa", con chim hót, "nốt trầm" nhấn mạnh, thể hiện sự tự nguyện cống hiến một cách thầm lặng, suốt cuộc đời những gì tốt đẹp nhất của cuộc đời mình dù là nhỏ bé cho đất nước, cho cách mạng.*  *- Đó là cách sống giản dị, tốt đẹp, cao cả.*  **4. Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.**  *- Thể hiện niềm tin yêu của tác giả vào vào cuộc ssống, vào đất nước.* |
| **\* HD tổng kết:**  + Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn:  ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ? | | **III. Tổng kết**  - Thảo luận theo bàn, khái quát trả lời. | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Thể thơ 5 chữ gần với các điệu dân ca, đặc biệt là dân ca miền Trung, có âm hưởng nhẹ nhàng, tha thiết.  - Kết hợp hài hoà giữa những hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị với những hình ảnh ẩn dụ, vừa có ý nghĩa thực vừa có ý nghĩa tượng trưng, khái quát.  - Cấu tứ bài thơ chặt chẽ, giọng điệu biến đổi phù hợp tâm trạng, cảm xúc: say xưa, ngây ngất, trang nghiêm và thiết tha của nhà thơ |
| ? Qua đó tác giả muốn thể hiện nội dung gì? | | - Khái quát trả lời. | 2. Nội dung:  - Bài thơ thể hiện những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, đất nước, khát vọng được cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời.lời  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 10’   - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản. Biết trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ.  - Phương pháp: Vấn đáp, bình.  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi. | | **IV. Luyện tập**  - HS tự bộc lộ. | **IV. Luyện tập**  ? Em hiểu gì về nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” ?  ? Hình ảnh thơ nào để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em? Vì sao? |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 10’(Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu HS đọc diễn cảm bài thơ mà mình thích.  Viết một đoạn lời bình một khổ hoặc một câu thơ.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - HS đọc diễn cảm bài thơ.  Viết một đoạn bình một khổ hoặc một câu thơ.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, , sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Sưu tầm những bài thơ có cùng đề tài. So sánh nét đặc sắc của từng bài thơ.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Sưu tầm những bài thơ có cùng đề tài. So sánh nét đặc sắc của từng bài thơ.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn La Phông- ten ( Đọc kĩ văn văn bản, trả lời câu hỏi/ Sgk)

## TUẦN 24

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  26/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 111,112. CHÓ SÓI VÀ CỪU TRONG THƠ NGỤ NGÔN**

**CỦA LA PHÔNG - TEN**

**(H. Ten)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Qua việc so sánh hình tượng con cừu và con sói trong thơ ngụ ngôn của La Phông - Ten với những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Buy-phông, hiểu được đặc trưng của những sáng tác nghệ thuật.

- Thấy được cách lập luận của tác giả trong văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản dịch về nghị luận văn chương.

- Nhận ra và phân tích được các yếu tố của lập luận (luận điểm, luận cứ, luận chứng) trong văn bản.

***3. Thái độ:***

- Yêu thích, khám phá nét độc đáo của các tác phẩm nghệ thuật, trân trọng giá trị của lao động nghệ thuật.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là yếu tố tưởng tượng và dấu ấn cá nhân của tác giả.

- Cách lập luận của tác giả trong văn bản

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản dịch về nghị luận văn chương.

- Nhận ra và phân tích được các yếu tố của lập luận (luận điểm, luận cứ, luận chứng) trong văn bản.

***3. Thái độ:***

- Yêu thích, khám phá nét độc đáo của các tác phẩm nghệ thuật, trân trọng giá trị của lao động nghệ thuật.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tư duy hình tượng

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS hiểu được đặc trưng của những sáng tác nghệ thuật; thấy được cách lập luận của tác giả trong văn bản.

*+ Nội dung của hoạt động:Tìm hiểu tác giả, xuất xứ văn bản, phân tích.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:**

- Kết hợp kiểm tra trong phần khởi động

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề   Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Văn bản “Tiếng nói của văn nghệ”, Nguyễn Đình Thi đã giúp em hiểu được điều gì về cách phản ánh thực tại của người nghệ sĩ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * - Thời gian: 70’   -Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản. Qua tìm hiểu văn bản hiểu được đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là yếu tố tưởng tượng và dấu ấn cá nhân của tác giả. Nhận ra và phân tích được các yếu tố của lập luận (luận điểm, luận cứ, luận chứng) trong văn bản.   * - Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…   - Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung**  - GV giới thiệu ngắn gọn về La Phông-ten (1621 – 1695)?  ? Xuất xứ văn bản?  - Yêu cầu HS đề xuất cách đọc.  - HD đọc: Đọc diễn cảm, phân biệt 3 giọng đọc: thơ La Phông-ten, lời dẫn đoạn nghiên cứu của Buy-phông, lời luận chứng của tác giả.  - GV đọc mẫu.  - Yêu cầu HS đọc và giải thích từ khó.  - Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông Ten là nhan đề văn bản do người biên soạn sgk đặt.  ? Theo em, vì sao có thể đặt cho văn bản cái tên ấy?  - Tên ấy nêu được nội dung chính của văn bản: bình luận về chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông - ten.  ? Nếu cần một nhan đề khác cho văn bản này thì em sẽ có những tên nào?  ? Xác định kiểu loại văn bản?  ? Vì sao văn bản này gọi là văn bản nghị luận văn học ?  - Đối tượng nghị luận là tác phẩm văn học (ở đây là lời bàn về đặc điểm sáng tạo nghệ thuật của La Phông- ten qua hình tượng chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của ông)  ? Hãy xác định bố cục của văn bản này | **I.Tìm hiểu chung**  - Dựa vào sgk trả lời.  - Dựa vào sgk trả lời.  - Đề xuất cách đọc.  - Nghe.  - Đọc.  - Giải thích từ khó.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Xác định kiểu loại VB.  - HS suy nghĩ trả lời  - Xác định bố cục. | **I.Tìm hiểu chung**  ***1. Chú thích***  ***a. Tác giả:***  - H.Ten là một triết gia người Pháp thế kỉ XIX, tác giả công trình nghiên cứu văn học nổi tiếng: La Phông-ten và thơ ngụ ngôn của ông.  ***b. Tác phẩm:***  Xuất xứ văn bản:  “Chó sói và cừu non...” được trích từ công trình trên.  **c. Từ khó:** Sgk.  ***2. Đọc:***  - Nhan đề.  - Kiểu loại VB: nghị luận văn học  - Bố cục: 3 phần:  + Phần thứ nhất:  Từ đầu đến “tốt bụng như thế”: Hình tượng cừu dưới ngòi bút của La Phông Ten và Buy -phông.  + Còn lại: Hình tượng chó sói dưới ngòi bút của La Phông Ten và Buy phông. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **\* HD phân tích**  + Đọc đoạn 1.  ? Dưới con mắt của nhà khoa học Buy phông, cừu là con vật như thế nào ?  - HS tái hiện qua những chi tiết trong văn bản, GV tổng kết lại. | **II. Phân tích**  - Đọc.  - Phát hiện trả lời. | | **II. Phân tích**  **1.Hình tượng cừu dưới ngòi bút của La Phông - ten và Buy -phông** |
| ? Từ đó, Buy-phông nêu bật đặc điểm nào của cừu ?  ? Nhận xét của Buy-phông về cừu có đáng tin cậy không? Vì sao?  - Đáng tin, vì Buy-phông đã dựa trên những hoạt động bản năng của cừu do trực tiếp quan sát được để nhận xét. | - Khái quát trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | | ***- Dưới mắt nhà khoa học Buy Phông: Cừu là con vật đần độn, sợ hãi, thụ động, không biết trốn tránh hiểm nguy.*** |
| - HS đọc bài thơ của La Phông ten, sau đó thảo luận câu hỏi 3 sgk.  ? Để xây dựng hình ảnh con cừu trong thơ ngụ ngôn, La Phông ten đã làm như thế nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | - Đọc.  + Thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | ***- Trong con mắt của nhà thơ La Phông-ten:*** |
| ? Nhận xét về cách lựa chọn đối tượng của La Phông ten và cách khắc họa tính cách ?  + Khắc họa tính cách qua: thái độ, ngôn từ, đặc điểm vốn có của loài cừu: hiền lành, nhút nhát, không hại ai.  ? Tìm chi tiết minh hoạ ? | - Nhận xét  - Phát hiện trả lời. | |  |
| ? Qua cuộc đối thoại với chó sói, em cảm nhận được gì về cừu non? Trong cái nhìn của La Phông ten, cừu có phải là con vật đần độn và sợ hãi không? Vì sao?  - Ý thức là kẻ yếu nên hết sức nhún nhường tới mức nhút nhát.  - Nhờ đâu mà La Phông ten viết được như vậy?  - Nhờ trí tưởng tượng phóng khoáng và tình yêu thương loài vật. La phông ten đã động lòng thương cảm với bao nỗi buồn rầu và tốt bụng như thế...  ***(Hết tiết 111, chuyển tiết 112)*** | Suy nghĩ trả lời. | | ***⇒ Ngoài những đặc tính trên, cừu còn là con vật dịu dàng, tội nghiệp, đáng thương, tốt bụng, giàu tình cảm. Cừu có sợ sệt nhưng không đần độn.*** |
| + Đọc hiểu đoạn 2  - Tóm tắt những ghi chép của Buy-phông về chó sói ? ở đây Buy phông đã nhìn thấy những đặc điểm nào của chó sói?  ? Tình cảm của ông đối với con vật này ra sao? | - Đọc  - Phát hiện, trả lời.  -Suy nghĩ trả lời. | | **2. Hình tượng chó sói dưới ngòi bút của La Phông - ten và Buy -phông**  ***a. Dưới ngòi bút nhà khoa học:***  -“Thù ghét mọi sự kết bè kết bạn...tính hư hỏng”.  ⇒ Đó là những biểu hiện bản năng về thói quen và mọi sự xấu xí. |
| ? Nhận xét của Buy Phông về chó sói có đúng không? Vì sao?  Đúng, vì dựa trên sự quan sát những biểu hiện bản năng xấu của loài vật này. | - Suy nghĩ trả lời. | | ***- Chó sói đơn giản là tên bạo chúa khát máu, đáng ghét... sống gây hại, chết vô dụng, bẩn thỉu, hôi hám, hư hỏng...*** |
| ? Trong thơ La Phông ten, chó sói hiện ra như thế nào?  ? Để xây dựng hình tượng chó sói, nhà thơ đã làm như thế nào ?  ? La Phông ten dựa trên cơ sở nào để khắc hoạ tính cách của sói?  - Dựa trên đặc tính săn mồi của sói: ăn tươi nuốt sống những con vật bé nhỏ yếu hơn mình (giống nhận xét của Buy Phông).  - Chó sói được nhân hóa dưới ngòi bút phóng khoáng của tác giả.  - Sói đáng ghét bởi nó gian giảo, hống hách, bắt nạt kẻ yếu, là một bạo chúa. | - Phát hiện, trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ, trả lời. | | **b. Dưới ngòi bút La Phông ten:**  ***- Tính cách phức tạp: độc ác mà khổ sở, trộm cướp bất hạnh, vụng về, gã vô lại thường xuyên đói meo, bị ăn đòn, bị truy đuổi, đáng ghét và đáng thương.***  ***⇒ Tàn bạo và đáng thương.*** |
| ? Tình cảm của La Phông ten đối với chúng ra sao?  ? Em nghĩ gì về cách cảm nhận này ? | - Nhận xét. | | ***- Tình cảm của tác giả: vừa ghê sợ, vừa thương cảm.*** |
| ? Trong hai cách nhìn nhận trên về loài vật, em thích cách nhìn nhận nào hơn? Vì sao? | HS tự bộc lộ | |  |
| ? Tác giả đã bình luận về 2 cách nhìn ấy như sau: “Nếu nhà bác học... nên hóa rồ”  ? Em hiểu “đầu óc phóng khoáng” hơn của nhà thơ như thế nào?  -“Đầu óc phóng khoáng”: suy nghĩ tưởng tượng không bị gò bó, khuôn phép theo định kiến.  ? Nhà thơ đã thấy và hiểu về con sói khác với nhà bác học ở những điểm nào?  - Nhà thơ đã thấy và hiểu con sói là một kẻ độc ác khổ sở, trộm cướp ngờ nghệch hóa rồ vì luôn bị đói khát. | -HS suy nghĩ trả lời. | | ***3. Sự sáng tạo của nhà nghệ sĩ*** |
| ? Từ đó em hiểu như thế nào về nhận định của tác giả: “nhưng một tính cách thì phức tạp?  - Tính cách phức tạp là tính cách không đơn giản một chiều, có nhiều biểu hiện khác nhau trong một tính cách. | - Suy nghĩ trả lời. | |  |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm:  ? Em hiểu như thế nào về lời bình luận sau đây của tác giả: Buy phông dựng một vở kịch về sự độc ác. La Phông ten dựng hài kịch về sự ngu ngốc.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức:  ( Nhà nghệ thuật thường cảm nhận và xây dựng những tính cách như thế trong tác phẩm. Điều này làm thành tính chân thực của sự phản ánh bằng nghệ thuật.) | -Thảo luận theo bàn.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | |  |
| ? Theo em, Buy Phông đã tả hai con vật bằng phương pháp nào nhằm mục đích gì? | - Suy nghĩ trả lời. | |  |
| ? Còn La phông ten, nhà nghệ sĩ, ông cũng tả hai con vật ấy bằng phương pháp nào, nhằm mục đích gì khác ? | - Suy nghĩ trả lời. | |  |
| ? Như vậy ở đây tác giả muốn nhấn mạnh điều gì về cách nhìn nhận cùng một đối tượng của một nhà khoa học và một nhà nghệ sĩ?  \* GV chốt:  \* Tóm lại:  - Cùng viết về một đối tượng là chó sói và cừu, cách viết của nhà khoa học là nêu lên những đặc tính cơ bản một cách chính xác dựa trên quan sát, nghiên cứu, phân tích để khái quát những đặc tính cơ bản của từng loài vật, làm cho người đọc thấy rõ đặc trưng cơ bản của hai loài vật.  - Nhà nghệ sĩ dựa trên một số đặc tính cơ bản của loài vật, đồng thời nhân hóa loài vật như con người. Người nghệ sĩ tả với sự quan sát tinh tế, nhạy cảm trái tim, trí tưởng tượng phong phú. Mục đích là để xây dựng hình tượng nghệ thuật (cừu con đáng thương, chó sói độc ác, đáng ghét. Từ đó nêu bật đặc trưng sáng tác nghệ thuật. | HS suy nghĩ trả lời.  - Nghe, ghi ý chính. | | - Nhà nghệ sĩ dựa trên một số đặc tính cơ bản của loài vật, đồng thời nhân hóa loài vật như con người. Người nghệ sĩ tả với sự quan sát tinh tế, nhạy cảm trái tim, trí tưởng tượng phong phú. Mục đích là để xây dựng hình tượng nghệ thuật .  ***- Từ đó nêu bật đặc trưng sáng tác nghệ thuật là in đậm dấu ấn, cách nhìn, cách nghĩ riêng của nhà văn.*** |
| **\* HD tổng kết:**  ? Từ cách viết của La Phông ten, tác giả so sánh sự khác biệt giữa hai cách viết của Buy- phông và La Phông-ten nhằm mục đích gì ?  ? Cách luận chứng của Ten trong văn bản là gì và như thế nào? Tác dụng*?*  ? Mạch lập luận trong văn bản như thế nào? Tác dụng. | **III.Tổng kết**  - Thảo luận nhóm trả lời. | | **III. Tổng kết:**  **1.Nghệ thuật nghị luận của H.Ten:**  - Phân tích, so sánh, đối chiếu hai cách nhìn khác nhau về cùng một đối tượng, chứng minh ⇒ Tác dụng: luận điểm được nổi bật, sáng tỏ, sống động, thuyết phục.  - Mạch nghị luận được triển khai theo trình tự: từng con vật hiện ra dưới ngòi bút của La phông ten của Buy phông, rồi của La Phông ten. |
| ? Nhờ đó em hiểu gì về văn bản “chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông ten”?  ? Qua phân tích bài văn này, em hiểu thêm đặc trưng nào của sáng tạo nghệ thuật.  - Nhà nghệ thuật có cái nhìn về nhân vật phóng khoáng hơn nhà khoa học.  - Trong khi phản ánh nhân vật, nhà nghệ thuật thường bộc lộ thái độ qua cảm xúc.  -Nhân vật trong tác phẩm văn học thường là những tính cách phức tạp.  - Do đó, nghệ thuật có thể phán ánh đời sống một cách chân thực và xúc động. | - HS trả lời. | | **2. Nội dung:**  - Qua so sánh cách viết của nhà khoa học với một nhà thơ tác giả nêu bật đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là in đậm dấu ấn, cách nhìn, cách nghĩ riêng của nhà văn.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 10’ * Mục tiêu: Vận dụng kiến thứ đã học vào giải quyết các bài tập. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, 321… | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Đọc bài đọc thêm/41  - Tập đưa ra những nhận xét, đánh giá về một tác phẩm văn chương. | **IV.Luyện tập**  - Suy nghĩ trả lời. | **IV.Luyện tập**  - Đọc bài đọc thêm/41  - Tập đưa ra những nhận xét, đánh giá về một tác phẩm văn chương.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Làm BT:  Qua văn bản em hiểu gì về lao động nghệ thuật của những nhà văn, nhà thơ như La Phông ten ?  - Quan sát và xúc cảm để có thể cảm nhận và miêu tả đối tượng như những tính cách phức tạp, nhằm đưa tới người đọc những hình tượng chân thực và xúc động.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả.  -Lưu sản phẩm. | \* Định hướng:  - Quan sát và xúc cảm để có thể cảm nhận và miêu tả đối tượng như những tính cách phức tạp, nhằm đưa tới người đọc những hình tượng chân thực và xúc động.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp; sáng tạo. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tư duy, cảm thụ thẩm mĩ. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm đọc các bài nghị luận văn chương, học cách làm văn nghị luận.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ:  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tìm đọc các bài nghị luận văn chương, học cách làm văn nghị luận.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, cảm thụ thẩm mĩ. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Ôn lại những đặc trưng cơ bản của một bài nghị luận văn chương.

- Chuẩn bị bài: Liên kết câu và liên kết đoạn văn (luyện tập).

Đọc trước bài, làm các bài tập/ Sgk.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  27/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 113. LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

**(Luyện tập)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Củng cố hiểu biết về liên kết câu và liên kết đoạn văn.

- Nhận ra và sửa được một số lỗi về liên kết.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết được phép liên kết câu, liên kết đoạn trong văn bản.

- Nhận ra và sửa được một số lỗi về liên kết.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng các phép liên kết một cách phù hợp khi viết đoạn văn, tạo lập văn bản.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

- Một số lỗi liên kết có thể gặp trong văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận ra và sửa được một số lỗi về liên kết.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng các phép liên kết một cách phù hợp khi viết đoạn văn, tạo lập văn bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua làm bài tập, HS được củng cố hiểu biết về liên kết câu và liên kết đoạn văn.

- Nhận ra và sửa được một số lỗi về liên kết.

*+ Nội dung của hoạt động:*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra bài tập của HS. KT lý thuyết trong khi luyện tập.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Vấn đáp, thuyết trình * Kĩ thuật: động não,, 321 | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS HĐ cá nhân:  Hãy tự giới thiệu về bản thân trong khoảng 6 – 8 câu. Hãy chỉ ra các phép liên kết câu trong đoạn văn bản em vừa trình bày.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:5’  - Mục tiêu: Nắm chắc một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản. Nhận biết một số lỗi liên kết có thể gặp trong văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\*HD ôn lý thuyết:**  ? Em hiểu như thế nàolà liên kết câu? | **I. Lý thuyết**  - Nhắc lại những kiến thức cơ bản về liên kết câu, liên kết đoạn. | **I. Lý thuyết**  - Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.  - Về nội dung: đảm bảo liên kết chủ đề và lo-gic.  - Về hình thức: các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính: phép lặp,phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng, phép thế, phép nối. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 30’  - Mục tiêu: Nhận biết được phép liên kết câu, liên kết đoạn trong văn bản. Nhận ra và sửa được một số lỗi về liên kết.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thực hành sửa lỗi.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD luyện tập:**  - GV đưa bảng phụ có bài tập 1.  ? Chỉ ra các phép liên kết câu và liên kết đoạn trong các đoạn văn?  - GV chữa, nhận xét | **II. Luyện tập**  - Quan sát.  - 3 HS lên bảng làm bài tập.  - Các HS còn lại theo dõi, làm vào vở.  - Nghe, ghi bài. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1(50)**  Chỉ ra các phép liên kết câu và liên kết đoạn trong các đoạn văn:  Câu a: Liên kết câu: phép lặp (lặp từ “trường học”)  Liên kết đoạn : từ “như thế” ở đoạn sau chỉ vấn đề được nêu ở đoạn trước (trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến).  Câu b: Liên kết câu: phép lặp (“văn nghệ” lặp ở các câu 1,2).  Liên kết đoạn: từ "sự sống "ở câu 2 đoạn trước được lặp lại ở câu 1 đoạn sau. Từ “văn nghệ” ở đoạn trước cũng được lặp lại ở đoạn sau.  Câu c: Liên kết câu: phép lặp: từ “thời gian” được lặp lại ở cả 3 câu  Câu d: Liên kết câu – dùng từ trái nghĩa: yếu đuối (1) – mạnh (2), hiền lành (1) - ác (2). |
| - HS đọc bài tập 3,4 sgk và nêu yêu cầu của các bài tập.  - Chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm ( 2'):  + Nhóm 1: Phần (a) bài 3.  + Nhóm 2: Phần (b) bài 3.  + Nhóm 3: Phần (a) bài 4.  + Nhóm 4: Phần (b) bài 4.  ? Chỉ ra các lỗi về liên kết trong đoạn trích?  ? Nêu cách sửa lỗi theo yêu cầu của từng bài?  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày.  - Cho các nhóm nhận xét chéo.  - GV nhận xét, cho điểm. | - Đọc.    - Thành lập nhóm.  - Thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | **Bài tập 3 (51)**  Đoạn a: Các câu không phục vụ chủ đề chung của đoạn văn - liên kết chủ đề.  - Sửa: “ Cắm đi một mình trong đêm. Trận địa đại đội 2 ***của*** anh ở phía trước bãi bồi bên một dòng sông. ***Anh chợt nhớ hồi đầu mùa lạc***, hai bố con anh cùng viết đơn xin ra mặt trận. ***Bây giờ***, mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối.”  Đoạn b:  Lỗi về liên kết nội dung: trật tự các sự việc nêu trong câu không hợp lí.  Câu 2: Kể lại thời gian chăm sóc trước khi chồng mất của người vợ.  Để sửa câu 2, có thể viết thêm trạng ngữ chỉ thời gian vào trước câu 2. Ví dụ: suốt hai năm anh ốm nặng...  **Bài tập 4( 51)**  Tìm sửa lỗi liên kết hình thức:  Đoạn a: dùng từ (nó, chúng) ở câu 2, câu 3 không thống nhất |
| Chữa: mọi biện pháp chống lại chúng...tìm cách bắt chúng (câu 3).  Đoạn b: Từ “văn phòng” và từ “hội trường” không cùng nghĩa với nhau trong trường hợp này.  Cách chữa: thay từ “hội trường” ở câu 2 bằng từ “văn phòng”.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn, chỉ ra được liên kết về nội dung và hình thức của đoạn văn ấy.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Viết đoạn văn, chỉ ra được liên kết về nội dung và hình thức của đoạn văn ấy.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề , sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Lấy một bài văn của mình phân tích cách liên kết câu, sửa lỗi liên kết (nếu có).  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả, lưu sản phẩm. | - Lấy một bài văn của mình phân tích cách liên kết câu, sửa lỗi liên kết (nếu có).  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học, hợp tác, sáng tạo |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Viết đoạn văn, chỉ ra được liên kết về nội dung và hình thức của đoạn văn ấy.

- Chuẩn bị bài: “Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí.”

(Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  27/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 114. CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu và biết cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí.

***2. Kĩ năng:***

- Vận dụng kiến thức đã học để làm được bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.

***3. Thái độ:***

- Có thái độ, quan điểm tích cực trước các vấn đề thuộc tư tưởng, đạo lí XH

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

***2. Kĩ năng:***

- Vận dụng kiến thức đã học để làm được bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.

***3. Thái độ:***

- Có thái độ, quan điểm tích cực trước các vấn đề thuộc tư tưởng, đạo lí XH

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt…

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua tìm hiểu ngữ liệu, HS biết cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí. Vận dụng kiến thức đã học để làm được bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.

*+ Nội dung của hoạt động:*Tìm hiểu các dạng đề nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí; cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra15’**

* Đề bài:

***Câu 1. (2 điểm)***

Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải.

***Câu 2 (8 điểm).***

Viết đoạn văn ngăn giới thiệu về nhà thơ Thanh Hải, trong đó có sử dụng phép lặp, phép thế để liên kết câu. Xác định rõ các phép liên kết đã dùng.

* Đáp án -Biểu điểm:

Câu 1.(2 điểm)

* HS nêu được: “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải được sáng tác vào tháng 11 năm 1980 - không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời.

Câu 2 ( 8 điểm)

* Viết đúng hình thức đoạn văn, không mắc lỗi về chính tả, câu: 1 điểm.
* Có phép lặp, phép thế, xác định đúng: 2 điểm.
* Giới thiệu đủ thông tin về Thanh Hải: 5 điểm.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não. | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Hãy kể tên một số vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo lí. Nêu hướng giải quyết vấn đề của em?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 25’   Mục tiêu: cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí. Vận dụng kiến thức đã học để làm được bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, XYZ, 321… | | | | |
| **\* HD tìm hiểu các dạng đề nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí (10’)**  ? Gọi HS đọc 10 đề trong sgk và trả lời câu hỏi:  - Cho HS thảo luận cặp đôi (1') trả lời:  ? Các đề bài trên có điểm gì giống nhau và khác nhau?  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét.  - GV chốt kiến thức:  \* Dạng đề có kèm theo mệnh lệnh là:  + Đề 1:Suy nghĩ từ truyền ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường”  + Đề 3: Bàn về tranh giành và nhường nhịn  + Đề 10: Suy nghĩ từ câu ca dao:  “Công cha như núi Thái Sơn...”  \* Dạng đề không kèm theo mệnh lệnh: các đề còn lại. Chỉ nêu lên một tư tưởng đạo lí là đã ngầm ý đòi hỏi người viết bài nghị luận lấy tư tưởng đạo lí ấy làm nhan đề để viết bài.  ? Yêu cầu học sinh ghi nhanh ra giấy một số đề bài tương tự, gọi 1 em lên bảng.  **Ví dụ:**  a.Có kèm theo mệnh lệnh.  - Bàn về chữ hiếu.  - Suy nghĩ về câu tục ngữ: “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”. | | **I. Tìm hiểu các dạng đề …**  - Đọc.  - Thảo luận theo bàn.  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi nhớ.  - Ghi ra phiếu học tập, trình bày. | **I. Tìm hiểu các dạng đề nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.**  ***1. Xét ngữ liệu:***  Các đề  ***2. Nhận xét***  \* Giống nhau: các đề đều yêu cầu nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  \* Khác nhau:  - Dạng đề có kèm theo mệnh lệnh.  - Dạng đề không kèm theo mệnh lệnh: các đề còn lại  ***3. Tự ra một số đề*** | |
| b. Không kèm theo mệnh lệnh.  - Ăn vóc học hay.  - Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.  - Lòng nhân ái.  - Lá lành đùm lá rách. | |  |  | |
| **\* HD tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí(15’)**  - Yêu cầu HS xét VD/52.  ? Để làm được một bài văn hoàn chỉnh, thông thường ta phải tiến hành các bước nào?  - Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, viết bài, đọc và sửa chữa.  ? Tìm hiểu đề cho đề bài trên?  ? Cho biết ý nghĩa của từ “suy nghĩ” trong phần nêu yêu cầu của đề”  - “Suy nghĩ ” thực chất là cách cảm, hiểu và bài học về đạo lí rút ra từ câu tục ngữ một cách có sức thuyết phục.  ? Cần có vốn tri thức ở đâu để làm rõ nội dung nghị luận trên?  + Vốn sống trực tiếp: tuổi đời, nghề nghiệp, hoàn cảnh, kinh nghiệm...  + Vốn sống gián tiếp: hiểu biết về tục ngữ Việt Nam, về phong tục, tập quán, văn hóa dân tộc. | | **II.Cách làm bài nghị luận về một vấn đề ...**  - Xét ví dụ.  - Nhớ lại kiến thức cũ trả lời.  - Xác yêu cầu của đề.  - Trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | **II. Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**  **1. Xét ngữ liệu:**  **Đề bài**: Suy nghĩ về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”  ***\* Bước 1: Tìm hiểu đề***  - Thể loại: nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Nội dung: nêu suy nghĩ về câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.  - Tri thức cần có: Vốn sống trực tiếp, gián tiếp. | |
| ? Để tìm ý cho bài văn ta cần làm như thế nào?  - Đặt ra các câu hỏi và trả lời.  ?Giải thích câu tục ngữ: nghĩa đen và nghĩa bóng?  (Quan trọng nhất là nghĩa bóng)  ? Câu tục ngữ thể hiện đạo lí gì của người Việt Nam? | | - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | ***\* Bước 2:Tìm ý***  a. Giải thích nghĩa đen: (ngắn gọn)  - Nước là sự vật tự nhiên, thể lỏng, mềm, mát, cơ động, linh hoạt trong mọi địa hình... có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống.  - Nguồn: là nơi bắt đầu của mọi dòng chảy  b. Giải thích nghĩa bóng  - Nước: là mọi thành quả mà con người được hưởng thụ, từ các giá trị của đời sống vật chất (như cơm ăn, áo mặc, nhà ở, điện thắp sáng, non sông gấm vóc, thống nhất hòa bình...) cho đến các giá trị tinh thần văn hóa (văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, nghệ thuật...)  – “Nguồn” là những người làm ra thành quả, là lịch sử, truyền thống sáng tạo, bảo vệ thành quả.  - “Nguồn” là tổ tiên, xã hội, dân tộc, gia đình...  c. Đạo lí “uống nước nhớ nguồn” là đạo lí của người hưởng thụ thành quả đối với “nguồn” của thành quả.  - “Nhớ nguồn” là lương tâm, trách nhiệm đối với nguồn  - Nhớ nguồn là sự biết ơn, giữ gìn và tiếp nối sáng tạo.  - “Nhớ nguồn” là không vong ân bội nghĩa  - “Nhớ nguồn” là học “nguồn” để sáng tạo những thành quả mới.  - Đạo lí này là tinh thần gìn giữ các giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc.  - Đạo lí này là một nguyên tắc làm người của người Việt Nam. | |
| - Yêu cầu HS trao đổi theo nhóm, thống nhất, lập dàn ý cho đề văn trên, trình bày.  - Cho HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét. | | - Thảo luận, lập dàn ý, trình bày trước lớp.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | ***\* Bước 3. Lập dàn ý:***  a. Mở bài:  - Giới thiệu câu tục ngữ và nội dung đạo lí: đạo lí làm người, đạo lí cho toàn xã hội  b. Thân bài:  \* Giải thích câu tục ngữ  - “Nước” ở đây là gì? Cụ thể hóa ý nghĩa của “nước”  - “Uống nước” có nghĩa là gì  - “Nguồn” ở đây là gì ? Cụ thể hóa nội dung của “nguồn”  - Nhớ nguồn ở đây là thế nào? Cụ thể hóa nội dung của nhớ nguồn  b. Nhận định, đánh giá (tức bình luận)  - Câu tục ngữ nêu đạo lí làm người  - Câu tục ngữ nêu truyền thống tốt đẹp của dân tộc  - Câu tục ngữ nêu một nền tảng tự duy trì và phát triển của xã hội.  - Câu tục ngữ là lời nhắc nhở đối với những ai vô ơn  - Câu tục ngữ khích lệ mọi người cống hiến cho xã hội, dân tộc.  c. Kết bài  Câu tục ngữ thể hiện một nét đẹp của truyền thống và con người Việt Nam. | |
| ? Bước tiếp theo để hoàn thiện bài văn?  ? Như vậy để làm tốt một bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí ta cần chú ý những gì?  ***(Hết tiết 114, chuyển tiết 115)*** | | - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát, rút ra nội dung ghi nhớ. | ***\* Bước 4. Viết bài, đọc lại bài viết và sửa chữa.***  **2. Bài học:**  ***- Cần chú ý vận dụng linh hoạt các phép lập luận giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp.***  ***\* Dàn bài chung:***  ***+ Mở bài: Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lí.***  ***+ Thân bài: - Giải thích, chứng minh nội dung vấn đề, tư tưởng, đạo lí.***  ***- Nhận định, đánh giá vấn đề tư tưởng, đạo lí đó trong bối cảnh của cuộc sống riêng, chung.***  ***+ Kết bài: Kết luận, tổng kết, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động.***  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:42’  - Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm được dàn ý bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình, thực hành lập dàn ý.  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS lập dàn bài cho đề 7 ở mục 1.  - Gọi 2-3 HS trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, bổ sung, cho điểm. | | **III. Luyện tập**  - Lập dàn ý  -Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, sửa chữa, bổ sung. | **III. Luyện tập**  Lập dàn ý cho đề văn:  Tinh thần tự học.  ( Bên dưới)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu HS tập viết đoạn văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. |  | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm hiểu trên sách, báo, In- tơ – nét các bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác... | |

**Dàn ý:**

**\* Mở bài:**

- Giới thiệu tinh thần tự học.

**\* Thân bài:**

+ Giải thích:

? Học là gì?

- Học là hoạt động thu nhận kiến thức và hình thành kĩ năng của một chủ thể học tập nào đó. Hoạt động học có thể diễn ra dưới hai hình thức:

- Học tập dưới sự hướng dẫn của thầy, cô giáo: hoạt động này diễn ra trong những không gian cụ thể, thời gian cụ thể, những điều kiện và những qui tắc cụ thể...

- Tự học: dựa trên cơ sở của những kiến thức và kĩ năng đã được học ở trường để tiếp tục tích luỹ tri thức và rèn luyện kĩ năng.

Hình thức học này không có giới hạn về thời gian, nghĩa là học suốt đời.

? Tinh thần tự học là gì?

- Là có ý thức tự học, ý thức ấy dần dần trở thành một nhu thường trực đối với chủ thể học tập.

- Là có ý chí vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để tự học một cách có hiệu quả.

- Là có phương pháp tự học phù hợp với trình độ của bản thân, hoàn cảnh sống cụ thể, các điều kiện vật chất cụ thể.

- Là khiêm tốn, học hỏi ở bạn bè và những người khác.

+ Dẫn chứng:

- Các tấm gương trong sách báo.

- Các tấm gương ở bè bạn xung quanh mình.

**\* Kết bài:**

- Khẳng định vai trò của tự học và tinh thần tự học trong việc phát triển và hoàn thiện nhân cách của mỗi con người.

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Học thuộc ghi nhớ, lập dàn ý cho một trong mười đề văn ở mục I.

- Chú ý về kỹ năng lập luận trong bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí

- Soạn bài: Viếng lăng Bác ( Đọc kĩ bài thơ, tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác, trả lời các câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  27/01/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 115. TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- HS nhận ra những ưu nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa chữa những lỗi cơ bản trong bài viết.

- Nắm vững cách nghị luận về một hiện tượng có ý nghĩa đối với học sinh hiện nay: ý thức bảo vệ môi trường.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài nghị luận xã hội.

- Kĩ năng dùng từ, đặt câu...

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sửa lỗi sau khi viết bài, có quan điểm, tư tưởng đúng đắn trước trước hiện tượng vứt rác bừa bãi; có ý thức bảo vệ môi trường.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Nghị luận về một hiện tượng một hiện tượng có ý nghĩa đối với học sinh hiện nay: ý thức bảo vệ môi trường.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài nghị luận xã hội.

- Kĩ năng dùng từ, đặt câu...

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sửa lỗi sau khi viết bài, có quan điểm, tư tưởng đúng đắn trước hiện tượng vứt rác bừa bãi; có ý thức bảo vệ môi trường.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua tiết trả bài, HS nhận ra những ưu nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa chữa những lỗi cơ bản trong bài viết.

- Nắm vững cách nghị luận về một hiện tượng có ý nghĩa đối với học sinh hiện nay: không với hiện tượng vứt rác bừa bãi; có ý thức bảo vệ môi trường.

*+ Nội dung của hoạt động: Xây dựng đáp án, biểu điểm; nhận xé chung; sửa lỗi.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

Chấm bài, thống kê ưu nhược điểm, những lỗi cơ bản trong bài viết của học sinh.

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT trong tiết học.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Làm thế nào để làm tốt một bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:  Các em đã viết bài TLV số 5: đó là kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm: được những gì, còn điều gì chưa hoàn thành hoặc cần tránh. Tất cả những điều trên, chúng ta cùng nhau thực hiện trong giờ học này. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 17'  - Mục tiêu: HS nhận thấy những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có hướng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| **\* Cho HS nhắc lại đề bài:**  **\* HD HS phân tích đề:**  ? Xác định yêu cầu của đề?  **\* HD xây dựng đáp án, biểu điểm**:  - Giáo viên giúp học sinh xây dựng đáp án, biểu điểm.  **\* HD lập dàn ý:**  ? Lập dàn ý cho bài văn?  **\*GV nhận xét chung:**  - Nhận xét ưu- nhược điểm trong bài viết của học sinh. | **\* Đề bài:**  - Nhắc lại đề bài.  **I. Phân tích đề:**  - Xác định yêu cầu của đề.  **II. Đáp án, biểu điểm**  - Học sinh nắm được biểu điểm để đối chiếu với bài viết để tự đánh giá.  **III. Dàn ý:**  - Xây dựng dàn ý.  **IV. Nhận xét chung**  - Nghe, rút kinh nghiệm. | | **\* Đề bài:**  Vứt rác bừa bãi ra đường hoặc nơi công cộng đang là hiện tượng khá phổ biến hiện nay. Hãy đặt một nhan đề để gọi tên sự việc ấy và viết bài văn nêu suy nghĩ của mình.  **I. Phân tích đề:**  1. Yêu cầu của đề  - Thể loại: Nghị luận  - Nội dung: Hiện tượng vứt rác bừa bãi.  **II. Đáp án, biểu điểm**  \*Yêu cầu chung  ***+Về kĩ năng:***  - HS làm đúng kiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống xã hội.  ***+Về nội dung:***  - Bài viết phải nêu rõ được suy nghĩ, ý kiến của mình về những tấm gương vượt lên hoàn cảnh, không chịu thua số phận.  ***+ Về phương diện hình thức:*** Bài văn có bố cục ba phần, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu.  **III. Dàn ý:**  **(I.) Mở bài:** - Đặt nhan đề phù hợp cho bài viết.  - Dẫn dắt vấn đề nghị luận  - Nêu vấn đề nghị luận: hiện tượng vứt rác bừa bãi nơi công cộng và tác hại của hiện tượng đó  **II.Thân bài:  1. Giải thích: *1.Giới thiệu hiện tượng – nêu những biểu hiện của hiện tượng thiếu văn minh đó****:*  - Dù ở nhà hay nơi công cộng, nhiều người tiện tay vứt rác bừa bãi. Ngồi bên hồ đẹp người ta cuãng tiện tay vứt rác, nơi trường học, công viên và thậm chí những nơi tôn nghiêm như chùa chiền người ta cũng sẵn sàng vứt rác bừa bãi mà không ngần ngại...  ***2. Phân tích nguyên nhân dẫn hiện tượng thiếu văn minh trên****:*  + Do lối sống ích kỉ chỉ nghĩ đến sạch nhà mình, tiện mình mà không nghĩ người khác.   + Do thói quen xấu đã tồn tại từ bao đời nay.   + Do không nhận thức được hành vi của mình: vứt rác bừa bãi là thiếu văn hoá, gây ô nhiễm môi trường .  + Do việc giáo dục chưa thường xuyên, tuyên truyền chưa đáp ứng được nhu cầu nhận thức  + Nhiều nơi chưa có tổ thu gom rác, chưa có thùng rác công cộng. - Chưa có biện pháp xử phạt hợp lí, nghiêm khắc đối với việc vứt rác bừa bãi nơi công cộng.  ***3. Hậu quả của việc vứt rác bừa bãi***  + Mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người.  + Làm mất mĩ quan đường làng, ngõ phố...  + Tạo thói quen không tốt.  ***4. Giải pháp khắc phục:***  + Mỗi công dân cần có ý thức giữ vệ sinh chung bảo vệ môi trường.  + Chính quyền, tổ chức cần tạo thùng rác nơi công cộng.  + Tiến hành thu gom rác một cách tập trung.  + Xử phạt một cách nghiêm minh đối với các tổ chức, cá nhận vi phạm.  + Tuyên truyền mọi người hiểu về tác hại của việc vứt rác bừa bãi. Kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ môi trường sống, ý thức được hành động của mình chấm dứt ngay thói quen vứt rác bừa bãi…  **(III). Kết bài: (1 điểm)** - Khẳng định lại vấn đề.  -Liên hệ bản thân, đưa ra lời khuyên.  **IV. Nhận xét chung**  1. Ưu điểm  - Về cơ bản các bài làm đúng thể loại, hiểu vấn đề.  - Biết đặt nhan đề cho bài viết.  - Bố cục ba phần rõ ràng.  2.Nhược điểm:  - Nhiều bài còn sơ sài, thiếu ý, ch­ưa bàn bạc cụ thể vấn đề.  - Một số bài chỉ lý thuyết suông còn thiếu những dẫn chứng cụ thể.  - Một số bài kĩ năng phân tích, tổng hợp còn yếu.  - Một số bài còn thiếu tính liên kết rời rạc lủng củng.  - Nhiều bài viết cẩu thả, sai chính tả, |
| **\* Hoạt động 5: Luyện tập:**  - Thời gian: 20'  - Mục tiêu: Biết phát hiện và sửa lỗi cho bài viết của mình và của bạn.  - Phương pháp: Vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | |
| **\* HD HS chữa lỗi:**  - Giáo viên chữa lỗi cho học sinh trên bài viết của HS học sinh :  + Nêu những lỗi thường gặp về hình thức.  -+ Gọi HS sửa lỗi.  + GV sửa lỗi.  - GV nêu những lỗi thường gặp về nội dung; kĩ năng.  - Gọi HS sửa lỗi.  - GVnhận xét, sửa lỗi.  **V.Trả bài:**  - Trả bài.  - Gọi 1-2 em viết tốt đọc. (Duyên, Hoàng Linh)  - Yêu cầu HS sửa lỗi trong bài viết của mình vào phần giấy còn lại, trao | **IV.Chữa lỗi**   * + Phát hiện lỗi.   - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  **V.Trả bài:**   * + Nghe, học hỏi.   - Suy nghĩ trả lời. | | **IV. Chữa lỗi**  ***1. Về hình thức:***  \* Lỗi chính tả: ( Thương, Lăng, … )  Sai - Đúng  - sử lí -> xử lí  - cho lên -> cho nên  - nối sống -> lối sống  ***\* Lỗi viết tắt, chưa viết hoa đúng quy định, thiếu nét:*** *(Mai)*  ***2. Về nội dung:***  + Nội dung sơ sài, hiểu vấn đề chưa sâu sắc (Thương, Lộc... )  ***3. Về kĩ năng:***  \* Lỗi lặp từ, diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ.  **V. Trả bài**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm | 0- >5 | 5-7 | 8-10 | Trên TB | | Số bài |  |  |  |  |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, cặp đôi   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Trao đổi bài cho bạn bên cạnh, sửa lỗi (nếu có)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.   * Nghe, sửa lỗi. | |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm hiểu, chọn một hiện tượng đáng bàn trong cuộc sống. Viết bài nghị luận.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | |  |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Xem lại bài của mình và rút kinh nghiệm.

- Chuẩn bị bài mới: Nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

(Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)

## TUẦN 25

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  01/2/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 116,117. VIẾNG LĂNG BÁC**

**- Viễn Phương -**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Cảm nhận được niềm xúc cảm chân thành, tha thiết của người con miền Nam đối với Bác Hồ kính yêu.

- Thấy được sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả thể hiện trong bài thơ: về hình ảnh tứ thơ, giọng điệu của bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc, phân tích một văn bản thơ.

- Có khả năng trình bày suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ...

***3. Thái độ:***

- Giáo dục về lòng yêu kính, biết ơn, trân trọng đối với Bác Hồ kính yêu.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Những tình cảm thiêng liêng của tác giả, một người con từ miền Nam ra viếng lăng Bác.

- Những đặc sắc về hình ảnh tứ thơ, giọng điệu của bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc, phân tích một văn bản thơ.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục về lòng yêu kính, biết ơn, trân trọng đối với Bác Hồ kính yêu.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

***5. Lồng ghép giáo dục an ninh, quốc phòng***

- Tình cảm của nhân dân ta và bạn bè năm châu dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được niềm xúc cảm chân thành, tha thiết của người con miền Nam đối với Bác Hồ kính yêu. Thấy được sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả thể hiện trong bài thơ: về hình ảnh tứ thơ, giọng điệu của bài thơ.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Phân tích văn bản.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân; Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 1’**

* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não | | | | | | |
| - Cho HS nghe bài hát Bác Hồ - một tình yêu bao la”  + Giao nhiệm vụ:  Bài hát đã gợi cho em xúc cảm gì? Em hiểu gì về tình cảm của nhân dân ta và bạn bè năm châu dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp.  - Lắng nghe. | | | ***Lồng ghép giáo dục an ninh, quốc phòng:*** Cảm nhận được tình cảm của nhân dân ta nói riêng, nhân dân thế giới nói chung đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.  - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 30’   Mục tiêu: Qua đọc - hiểu, phân tích HS nắm được nét chính về tác giả, tác phẩm; thấy được niềm xúc cảm chân thành, tha thiết của tác giả - người con miền Nam đối với Bác Hồ kính yêu. Thấy được sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả thể hiện trong bài thơ.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | | | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  - Cho Hs quan sát chân dung Viễn Phương.  ? Nêu một vài nét về tác giả Viễn Phương?  -Viễn Phương tên thật Phan Thanh Viễn (1928-2005).  - Quê: Long Xuyên – An Giang  - Là một trong những cây bút xuất hiện sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam.  - Ông là nhà thơ, chiến sĩ suốt hai cuộc sáng khiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ.  - Thơ Viễn Phương thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và chất mơ mộng ngay trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt ở chiến trường. | **I. Tìm hiểu chung**  - Quan sát.  - Dựa vào phần chú thích trả lời. | | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích**  **a. Tác giả**  - Viễn Phương tên thật Phan Thanh Viễn( 1928-2005).  - Là một trong những cây bút xuất hiện sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam. | | |
| ? Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  - Cho HS quan sát ảnh lăng Bác.  -Giới thiệu: 4/1976, công trình xây dựng lăng vừa mới hoàn thành, miền Nam vừa được giải phóng, Viễn Phương cùng đồng bào miền Nam ra viếng Bác. | - Trả lời .  - Quan sát, nghe. | | | **b. Tác phẩm:**  \* Sáng tác: 4/1976 | | |
| - Hướng dẫn đọc: Cần đọc với giọng điệu tình cảm vừa trang nghiêm, vừa tha thiết, có cả sự đau xót lẫn niềm tự hào, nhịp chậm, lắng sâu. Riêng khổ cuối đọc nhanh hơn một chút và giọng hơi cao lên.  - Gv đọc mẫu.  - Yêu cầu HS đọc.  - Cho HS nhận xét chéo. | - Nghe  - Nghe.  - Đọc.  - Nhận xét chéo. | | | **2. Đọc**  **3. Từ khó.** | | |
| - Cho HS thảo luận theo bàn (3'), tìm hiểu khái quát văn bản:  + Nêu phương thức biểu đạt của văn bản ?  + Xác định thể thơ?  + Tâm trạng của nhà thơ được diễn tả theo trình tự không gian và thời gian nào? Mạch cảm xúc ấy được trình bày trong những phần tương ứng nào của văn bản?  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét chốt kiến thức.  \*Bố cục: 4 phần  + Khổ thơ đầu: Cảm xúc của tác giả khi từ xa nhìn về lăng Bác.  + Khổ thơ thứ 2: Cảm xúc của tác giả khi đứng trước lăng Bác.  + Khổ thứ ba: Cảm xúc của tác giả khi vào trong lăng Bác.  + Khổ cuối: Cảm xúc của tác giả trước khi rời lăng Bác. | - Thảo luận  theo bàn.  - Đại diện trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi ý chính. | | | \* Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm (kết hợp với miêu tả)  \* Thể thơ: 8 chữ  **\*** Cảm xúc bao trùm bài thơ: là niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau khi tác giả từ Miền Nam ra viếng lăng Bác.  \* Bố cục: 4 phần | | |
| **\* HD phân tích:**  - GV chiếu khổ thơ 1 lên bảng điện tử.  - Yêu cầu HS đọc.  ? Câu thơ đầu cho ta hiểu điều gì?  ? Cách xưng hô "con" - "Bác" thể hiện tình cảm gì của tác giả đối với Bác?  - Câu thơ như một lời tâm sự, từ ngữ dung dị, tự nhiên, cách xưng hô thân mật, gần gũi, giọng điệu cảm xúc (như người con về thăm cha). Câu thơ thể hiện được tình cảm thương nhớ và kính yêu Bác.  ? Tại sao tác giả dùng từ “thăm” chứ không dùng từ “viếng”?  - Kìm nén đau thương, khẳng định Bác còn sống mãi trong lòng nhân dân miền Nam.  ? Ấn tượng đầu tiên mà tác giả cảm nhận được về lăng Bác là gì?  - Hàng tre:  + Bát ngát trong sương  + Xanh xanh Việt Nam  + Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng  ? Vì sao, ấn tượng đầu tiên với tác giả lại là hàng tre nơi lăng Bác? ở đây tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng?  - GV cho HS quan sát ảnh hàng tre bên lăng Bác, bình:  - Hàng tre: Hình ảnh vừa tả thực vừa tượng trưng, gợi tả được sự giản dị, gần gũi nhưng cũng rất thiêng liêng. Cây tre đã thành biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường của dân tộc.  - Gợi cảm giác gần gũi thân thuộc ... (Xung quanh Lăng Bác trồng nhiều tre và trúc).  ? Từ truyền thuyết Thánh Gióng đến hình ảnh cây tre trong ca dao, trong văn Thép Mới, trong thơ Nguyễn Duy... và trong thơ ca, hình ảnh cây tre còn mang ý nghĩa ẩn dụ nào ?  - Tượng trưng cho vẻ đẹp hiền hậu và đức tính đoàn kết, kiên cường của người con Việt Nam trong cuộc sống lao động và đấu tranh.  ? Ý nghĩa của từ cảm thán, “ôi” trong lời thơ này?  - Trực tiếp bộc lộ cảm xúc, thương mến, tự hào đối với đất nước, dân tộc.  ? Như vậy qua khổ thơ, tác giả muốn bộc lộ cảm xúc gì khi đến lăng Bác?  - Yêu cầu HS theo dõi tiếp khổ thứ hai.  - Cho HS thảo luận theo bàn (2'):  ? Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở đây? Chỉ rõ các biện pháp nghệ thuật đó trong khổ thơ?  Có những “mặt trời” nào xuất hiện trong câu thơ: “ngày ngày... rất đỏ”?  ? Hình ảnh thơ nào gây ấn tượng sâu sắc nhất đối với em?  ? Ý nghĩa của hình ảnh “mặt trời” thứ hai là gì ? | **II. Phân tích**  - Quan sát.  - Đọc.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nêu cảm nhận.  - Suy nghĩ trả lời.  - HS suy nghĩ trả lời.  - Tự nhận xét  - Quan sát, nghe, cảm thụ.    - Tự bộc lộ.  - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời.  - Đọc.  - Thảo luận trả lời.  - Tự bộc lộ.  - Trình bày cảm nhận. | | | **II. Phân tích**  ***1. Khổ thơ đầu***  ***- Với cách xưng vừa gần gũi vừa trân trọng, nghệ thuật ẩn dụ tác giả thể hiện niềm xúc động, thành kính, niềm tự hào dân tộc khi đến thăm lăng Bác.***  ***2. Khổ thơ thứ hai***  ***- Nghệ thuật: điệp ngữ, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ.*** | | |
| ? Điều này nói lên tình cảm nào của nhà thơ ? |  | | |  | | |
| ? Câu thơ “Ngày ngày dòng người... mùa xuân” gợi lên một cảnh tượng như thế nào ?  - Ngày ngày dòng người đi trong không gian đặc biệt: thương nhớ.  + Điệp từ “ngày ngày” diễn tả thời gian bất tận, dòng người bất tận, nỗi tiếng thương bất tận... cứ lặng lẽ lần lượt vào lăng viếng Bác. | HS suy nghĩ trả lời. | | |  | | |
| + Hình ảnh “Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân” có ý nghĩa như thế nào?  là một ẩn dụ đẹp và sáng tạo của nhà thơ (Dòng người vào lăng viếng Bác ngày ngày là những vòng hoa lớn dâng lên Bác)  ? Qua những hình ảnh thơ đó tác giả muốn bộc lộ cảm xúc gi? |  | | | ***- Ca ngợi sự vĩ đại của Bác. Thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ , của nhân dân đối với Bác.*** | | |
| - Đọc khổ thơ thứ 3.  ? Khổ thơ thể hiện điều gì?  - Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả khi vào trong lăng.  ? Cảm xúc ấy được diễn tả như thế nào?  ? Không thể có vầng trăng thật trong lăng, nhưng vì sao tác giả vẫn hình dung giấc ngủ của Bác giữa một vầng trăng sáng dịu hiền?  - Bác đang ngủ bình yên giữa vầng trăng sáng dịu hiền.  ⇒ Câu thơ diễn tả chính xác và tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm và ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác. Đồng thời hình ảnh “vầng trăng” dịu hiền lại gợi nghĩ đến tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn đầy ánh trăng của Người.  ? Những hình ảnh thơ ấy được sáng tạo bằng trí tưởng tượng hay còn bằng điều gì khác nữa?  - Bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quý những vẻ đẹp trong nhân cách chủ tịch HCM. | - Đọc. | | | ***3. Khổ thơ thứ 3*** | | |
| - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | | |
| ? Trong lời thơ tiếp theo, xuất hiện một hình ảnh ẩn dụ. Đó là hình ảnh nào ? Ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh này là gì ? Vì sao tác giả có được ẩn dụ đó?  ? Từ nào đó lời thơ ấy có sức biểu cảm trực tiếp? Cảm nhận của em về lời thơ này qua từ “biểu cảm” trực tiếp đó?  - Từ “nhói”: đau đột ngột, quặn thắt  - Nghe nhói ở trong tim: là nỗi đau tinh thần | HS suy nghĩ trả lời.  HS suy nghĩ trả lời. | | | ***- Hình ảnh ẩn dụ: vầng trăng, trời xanh khẳng định sự trường tồn vĩnh cửu của Bác.*** | | |
| - Tác giả tự cảm nỗi đau mất mát trong đáy sâu tâm hồn mình về sự ra đi của Bác.  ? Hai câu cuối khổ 3 đã bộc lộ nỗi niềm nào của tác giả? Nghệ thuật?  ? Như vậy khổ thơ thứ 3 cho ta hiểu gì về cảm xúc của tác giả khi vào trong lăng Bác?  - Niềm tự hào pha lẫn xót đau.  - Đọc khổ thơ thứ 4.  ? Nghệ thuật của khổ thơ?  ? Giá trị biểu đạt của các biện pháp đó?  ? Tác giả đã nguyện ước những gì?  Em hiểu những ước nguyện đó như thế nào?  ? Cuối bài thơ, hình ảnh cây tre được lặp lại là dụng ý của tác giả?  - Tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng, tô đậm hình ảnh, gây ấn tượng sâu sắc và dòng cảm xúa được trọn vẹn. | HS suy nghĩ trả lời.  - Đọc.  - Phát hiện trả lời .  - Phân tích.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | | | ***- Câu hỏi tu từ thể hiện niềm xúc động, xót thương đối với Bác.***  ***4. Khổ thơ thứ 4***  ***- Nghệ thuật điệp ngữ diễn tả tâm trạng lưu luyến của tác giả đối với Bác.***  ***- Ước nguyện được ở mãi bên lăng Bác.*** | | |
| **\* HD tổng kết:**  + Giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi:  ? Khái quát những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ?  ? Qua đó tác giả muốn thể hiện nội dung gì?  ? Em hiểu thêm tình cảm nào của đồng bào miền Nam đối với Bác qua tiếng lòng của nhà thơ Nam Bộ Viễn Phương ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | | **III. Tổng kết**  **\* Nghệ thuật**:  Ẩn dụ, nhân hoá, … giọng điệu trang trọng, tha thiết, ngôn ngữ bình dị và cô đúc thể hiện sự vĩ đại của Bác trong lòng người dân Việt.  **\*Nội dung:**  Tình cảm thiêng liêng, thành kính của tác giả, nhân dân Việt Nam đối với Bác.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 5’  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng trình bày suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, tác phẩm thơ.  - Phương pháp: Vấn đáp, bình.  - Kĩ thuật: Động não. | | | | | | |
| IV. **Luyện tập**  ? Bình một khổ thơ mà em thích.  - GV cho điểm. | | | **IV. Luyện tập**  - Tự bộc lộ.  - Liên hệ bản thân. | | | **IV.Luyện tập**  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Bài thơ đã nói hộ lòng ta những tình cảm nào với Bác Hồ?  ? Em học tập được gì từ nghệ thuật biểu cảm của tác giả trong bài thơ này ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | |  | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Sưu tầm thêm thơ ca viết về Bác  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | |  | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (’)**

- Học thuộc lòng bài thơ và ghi nhớ.

- Viết 1 đoạn văn bình khổ 2 hoặc khổ 3 bài thơ.

- Lập dàn ý cho bài viết số 5.Chuẩn bị cho tiết trả bài.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  02/2/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 118. NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN**

**(HOẶC ĐOẠN TRÍCH)**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu rõ khái niệm và yêu cầu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), biết cách làm bài nghị luận này.

- Biết cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện được bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) và kĩ năng làm bài nghị luận thuộc dạng này.

- Đưa ra được những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) đã học trong chương trình.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục thái độ sống có ích, cống hiến cho đất nước: sự cảm thông với số phận của người dân trước Cách mạng. Từ đó biết trân trọng, yêu quý cuộc sống hôm nay.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Những yêu cầu đối với bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

- Cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện được bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) và kĩ năng làm bài nghị luận thuộc dạng này.

- Đưa ra được những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) đã học trong chương trình.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục thái độ sống có ích, cống hiến cho đất nước: sự cảm thông với số phận của người dân trước Cách mạng. Từ đó biết trân trọng, yêu quý cuộc sống hôm nay.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ngữ liệu, HS nắm được khái niệm và yêu cầu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), biết cách làm bài nghị luận này. Biết cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

*+ Nội dung của hoạt động:*Tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích); Luyện tập.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 2’**

- Kiểm tra việc lập dàn bài cho đề 7 trang 52.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  Hãy nêu cacchs tìm hiểu một văn bản truyện mà em từng được biết qua các tiết giảng Văn?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 17’  - Mục tiêu: Hiểu rõ khái niệm và yêu cầu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), biết cách làm bài nghị luận này.  - Phương pháp: HĐ cá nhân, vấn đáp, dạy học theo mẫu...  - Kĩ thuật: Động não... | | | | |
| **\* HD tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)**  - Yêu cầu HS đọc ví dụ.  GV: Vấn đề nghị luận trong văn bản là tư tưởng cốt lõi, là chủ đề của một bài văn nghị luận.  ? Trong văn bản này, vấn đề nghị luận là gì?  ? Vấn đề nghị luận được triển khai qua những luận điểm nào?  ? Các luận điểm ấy được cụ thể hóa qua những luận cứ nào?  ? Nhận xét cách viết? (người viết bày đã thể hiện nội dung nào? Trình bày nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật anh thanh niên.  - Để khẳng định các luận điểm, người viết đã trình bày rõ ràng, ngắn gọn ba luận điểm. Cả ba đều tập trung vào vấn đề nghị luận.  - Từng luận điểm được phân tích, chứng minh một cách thuyết phục bằng các lí lẽ (luận cứ) dẫn chứng trong tác phẩm. | | **I.Tìm hiểu bài nghị luận về ...**  - Đọc  - Nghe  - Suy nghĩ trả lời.  - HS suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Nhận xét | | **I. Tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)**  **1. Xét ngữ liệu:**  ***\* Ví dụ: Sgk***  + Vấn đề nghị luận là: những phẩm chất đức tính đẹp đẽ, đáng yêu của nhân vật anh thanh niên... trong “Lặng lẽ Sa Pa”  - Câu nêu vấn đề: 2 câu cuối phần kết bài  - Đặt tên: một vẻ đẹp nơi Sa Pa lặng lẽ (vẻ đẹp của anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa”  \* Hệ thống luận điểm, luận cứ:  + Luận điểm 1:... đẹp ở tấm lòng yêu đời, yêu nghề, ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc lắm gian khổ của mình.  - Hoàn cảnh sống  - Công việc  - Yêu công việc  - Lo toan tổ chức cuộc sống khoa học, nề nếp, ngăn nắp  + Luận điểm 2: Nhưng anh thanh niên thật đáng yêu ở nỗi thèm người, lòng hiếu khách đến nồng nhiệt, ở sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.  - Vui được đón khách, thái độ nhiệt tình  - Say sưa kể về công việc của mình  - Đón mọi người đến thăm nơi ở của mình, tặng hoa cho cô gái trẻ.  + Luận điểm 3: Công việc vất vả, có những đóng góp quan trọng cho đất nước như thế nhưng người thanh niên hiếu khách và sôi nổi ấy lại rất khiêm tốn (câu nêu luận điểm).  - Thấy đóng góp của mình là nhỏ bé so với người khác.  - Từ chối về vẽ chân dung, giới thiệu người khác...  Đoạn kết bài:  - Ý nghĩa: cô đúc vấn đề nghị luận |
| ? Bố cục văn bản đã hợp lí chưa? Văn bản gồm mấy phần ? Mỗi phần đảm nhiệm vai trò gì? | | - Xác định bố cục. | | \* Về bố cục: 3 phần:  - Mở bài: nêu vấn đề nghị luận.  - Thân bài : Phân tích diễn giải từng luận điểm  - Kết bài: khẳng định, nâng cao vấn đề nghị luận. |
|  | |
| ?Trên đây là bài nghị luận về một tác phẩm truyện. Vậy em hiểu thế nào là nghị luận về một tác phẩm truyện, đoạn trích?  ? Yêu cầu chung đối với bài nghị luận về một tác phẩm truyện( đoạn trích)?  ***\* GV chốt KT***: -Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể.  -Những nhận xét, đánh giá về truyện phải xuất phát từ ý nghĩa của cốt truyện, tính cách, số phận của nhân vật và nghệ thuật trong tác phẩm được người viết phát hiện và khaí quát.  -Các nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) trong bài nghị luận phải rõ ràng, đúng đắn, có luận cứ và lập luận thuyết phục.  -Bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cần có bố cục mạch lạc, có lời văn chuẩn xác, gợi cảm. | | - Rút ra nội dung phần ghi nhớ.  - Nghe, ghi ý chính. | | **2. Bài học:**  *-Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể...*  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:18’  - Mục tiêu: Nhận diện được bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích),có kĩ năng làm bài nghị luận thuộc dạng này. Đưa ra được những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) đã học trong chương trình.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, thuyết trình.  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  - Gọi hs đọc văn bản trong sgk trang 66. Cho – Yêu cầu HS thảo luận theo bàn trả lời câu hỏi:  ? Vấn đề nghị luận của đoạn văn là gì? Đoạn văn nêu những ý kiến chính nào?  ? Các ý kiến ấy giúp ta hiểu được gì thêm về nhân vật lão Hạc?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II. Luyện tập**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **II. Luyện tập**  Đoạn văn mẫu: Sgk  - Vấn đề nghị luận: Tình thế lựa chọn nghiệt ngã của nhân vật lão Hạc và vẻ đẹp nhân vật này.  - Các ý kiến được nêu:  + Đấu tranh nội tâm: những mâu thuẫn giằng xé xung quanh việc lựa chọn giữa sống và chết. Sống thì ra sao? Chết thì ra sao? (Phân tích nội tâm nhân vật).  + Hành động: Cuối cùng lão chọn cái chết thảm khốc.  + Sự nhận thức, đánh giá về nhân vật lão Hạc.  =>Một nhân cách đáng kính trọng, một tấm lòng hi sinh cao quý vì con của lão Hạc.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Viết đoạn văn cảm nhận về một nét đẹp của nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Viết được đoạn văn cảm nhận về một nét đẹp của nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm đọc các bài nghị luận về tác phẩm truyện ( đoạn trích), ghi lại hệ thống luận điểm, luận cứ của bài viết.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | Đọc các bài nghị luận về tác phẩm truyện ( đoạn trích), ghi lại hệ thống luận điểm, luận cứ của bài viết. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Học thuộc ghi nhớ, làm bài tập trang 63, 64

- Chuẩn bị bài: Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện.( Lập dàn ý cho 1 đề văn /sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  02/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 119. CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN**

**(HOẶC ĐOẠN TRÍCH)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được yêu cầu và cách làm bài nghị luận về tác một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

- Biết xác định được yêu cầu của đề bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

- Năm được các bước làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

***2. Kĩ năng:***

- Xác định yêu cầu nội dung và hình thức một bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

- Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài, viết bài, đọc lại bài và sửa chữa cho bài nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích).

***3. Thái độ:***

- Giáo dục lòng yêu nước qua bài nghị luận về truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đề bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

- Các bước làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

***2. Kĩ năng:***

- Xác định yêu cầu nội dung và hình thức một bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

- Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài, viết bài, đọc lại bài và sửa chữa cho bài nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích).

***3. Thái độ:***

- Giáo dục lòng yêu nước qua bài nghị luận về truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ví dụ, HS nắm được yêu cầu và cách làm bài nghị luận về tác một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), biết xác định được yêu cầu của đề bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích. Nắm được các bước làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

*+ Nội dung của hoạt động:*Đề bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích); . Các bư­ớc làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Cho đề văn sau: *Cảm nhận về nhân vật ông Sáu trọng truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng*  ? Với đề bài trên, em sẽ làm như thế nào?  HS thảo luận nhóm theo bàn:  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:20’  - Mục tiêu: Hiểu được yêu cầu của đề bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích). Nắm được các bước làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).  - Phương pháp:Vấn đáp, thảo luận nhóm...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | | | |
| **\* HD tìm hiểu đề bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích):**  + Giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi, trả lời các câu hỏi:  ? Đọc các đề bài trong SGK?  ? Các đề đã nêu ra những vấn đề nghị luận nào về tác phẩm truyện?  ? Các đề nêu yêu cầu “suy nghĩ” đòi hỏi làm bài phải như thế nào?  ? Các đề yêu cầu phân tích đòi hỏi làm bài phải như thế nào?  ? Đây có phải là 2 kiểu đề khác nhau không? Vì sao?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  **\* HD tìm hiểu các bư­ớc làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích):**  - Phương pháp: vấn đáp; HĐ cá nhân...  ? Đọc đề bài và nêu các yêu cầu của đề?  ? Đọc phần 1 trong SGK?  ? Để tìm hiểu đề và tìm ý cho bài văn ta cần làm gì?  - Đặt và trả lời các câu hỏi.  -Yêu cầu HS đọc phần lập dàn bài.  ? Mở bài yêu cầu nội dung gì?  - Giới thiệu tác phẩm và nhân vật.  ? Thân bài đ­ược triển khai như thế nào? Gồm mấy luận điểm?  - Tình yêu làng, tình yêu đất nước (sử dụng các dẫn chứng, lí lẽ chứng minh).  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật (sử dụng các lí lẽ và dẫn chứng chứng minh)  ? Phần kết bài cần nêu những nội dung gì?  -Nhận xét khái quát khẳng định lại vấn đề.  ? Đọc phần viết bài trong sgk?  ? Có mấy cách mở bài?  ? Yêu cầu khi viết bài cần phải như­ thế nào?  - Bài văn cần có những cảm nhận đánh giá về đặc điểm nổi bật của nhân vật về đặc sắc trong cách thể hiện của nhà văn, các luận điểm của bài văn phải đư­ợc phân tích, chứng minh bằng những dẫn chứng cụ thể, sinh động trong tác phẩm.  ? Đọc phần 4 trong SGK?  ? Phần đọc lại và sửa chữa có tác dụng gì?  - Kiểm tra lại và sửa.  ? Qua việc tìm hiểu trên em rút ra kết luận gì?  ***\* GV chốt KT:*** Bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có thể bàn về, nhân vật, cốt truyện, nghệ thuật của truyện.  -Trong quá trình triển khai các luận điểm, luận cứ, cần thể hiện sự cảm thụ và ý kiến riêng của người viết về tác phẩm.  -Giữa các phần, các đoạn của bài văn cần có sự liên kết hợp lí, tự nhiên. | | **I.Đề bài nghị luận về tác phẩm ...**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  **II.Các bước làm bài nghị luận...**  - Đọc.  - Đọc, xác định yêu cầu của đề bài.  - Đọc  - Nêu nhiệm vụ phần MB  - Phát hiện trả lời.  -Nêu nhiệm vụ phần KB.  - Đọc  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Đọc  - Rút ra nội dung ghi nhớ  - Nghe, ghi nhớ. | **I .Đề bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)**  **\*Xét ngữ liệu:**  Xét các đề trong sgk.  - Đ1,3,4 yêu cầu suy nghĩ về nhân vật, đời sống tình cảm...  - Đ2: Yêu cầu phân tích.  + Các đề nêu yêu cầu “suy nghĩ” đòi hỏi làm bài phải đ­ưa ra những nhận xét, đánh giá về đối tư­ợng nào đó trên cơ sở tác phẩm.  + Các đề yêu cầu phân tích đòi hỏi làm bài phải phân tích đối tư­ợng để từ đó rút ra nhận xét đánh giá.  -> Đây không phải là 2 kiểu bài khác nhau mà là 2 dạng của nghị luận về tác phẩm truyện.  **II. Các bư­ớc làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)**  **1. Xét ngữ liệu:**  \* Đề bài: ***Suy nghĩ về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.***  1. Tìm hiểu đề và tìm ý.  2. Lập dàn bài  3. Viết bài  4. Đọc sửa chữa.  **2. Bài học**  -Bài làm cần đảm bảo đầy đủ các phần của một bài nghị luận:  ***+Mở bài: Giới thiệu tác phẩm (tuỳ theo yêu cầu cụ thể của đề bài) và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.***  ***+Thân bài: Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm; có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực.***  ***+Kết bài: Nêu nhận định, đánh giá chung của mình về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).*** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:12’  - Mục tiêu: Xác định yêu cầu nội dung và hình thức một bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài, viết bài, đọc lại bài và sửa chữa cho bài nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích).  - Phương pháp: thực hành luyện viết, thuyết trình...   * - Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép, 321… | | | | |
| **III. Luyện tập**  - Yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của đề bài?  - Cho HS viết mở và 1 đoạn thân bài theo nhóm, mỗi nhóm viết một đoạn.  - Gọi HS trình bày. | **III. Luyện tập**  - Đọc đề, xác định yêu cầu của đề bài.  - Làm bài tập.  - Trình bày. | | | **III. Luyện tập**  Suy nghĩ của em về truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học thuộc phần ghi nhớ.

- Viết bài và phân nhóm, viết các phần thân bài cho đề bài SGK trang 68

- Chuẩn bị bài: Luyện tập làm bài nghị luận về tác phẩm truyện ..

( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  02/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TẾT 120. LUYỆN TẬP LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ**

**TÁC PHẨM TRUYỆN (HOẶC ĐOẠN TRÍCH)**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6 (Ở nhà)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững hơn cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

- Củng cố đặc điểm, yêu cầu và cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

- Biết cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), vận dụng làm các đề cụ thể.

***2. Kĩ năng:***

- Xác định các bước làm bài, viết bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cho đúng với các yêu cầu đã học.

- Rèn kĩ năng tìm ý, lập dàn ý, tạo lập văn bản.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục tình cảm phụ tử thiêng liêng. Sự cảm thông với cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Từ đó biết yêu thương, quý trong cuộc sống hôm nay.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm, yêu cầu và cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

***2. Kĩ năng:***

- Kĩ năng tìm ý, lập dàn ý,viết bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

***3. Thái độ:***

- Giáo dục tình cảm phụ tử thiêng liêng. Sự cảm thông với cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Từ đó biết yêu thương, quý trong cuộc sống hôm nay.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tíchthực hành, luyện tập, HS nắm vững hơn cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích). Biết cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), vận dụng làm các đề cụ thể.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho một đề văn cụ thể.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Hãy chia sẻ trước lớp kinh nghiệm làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo.  - Nghe, lưu sản phẩm. | |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:5’  - Mục tiêu: Củng cố đặc điểm, yêu cầu và cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).  - Phương pháp: Vấn đáp  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| **\* HD ôn lí thuyết:**  ? Thế nào là bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?  - GV có thể lấy điểm miệng. | **I.Lí thuyết**  - Nhớ lại kiến thức trả lời. | | **I.Lí thuyết**  - Những yêu cầu đối với một bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là gì?  - Bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích có thể bàn về chủ đề, nhân vật, cốt truyện, nghệ thuật của truyện.  - Bài làm cần đảm bảo đủ các phần của một bài văn nghị luận:  + Mở bài: Giới thiệu tác phẩm (tùy theo yêu cầu cụ thể của đề bài) và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.  + Thân bài: Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm: có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực.  + Kết bài: Nêu nhận định, đánh giá chung của mình về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).  - Trong quá trình triển khai các luận điểm, luận cứ, cần thể hiện sự cảm thụ và ý kiến riêng của người viết về tác phẩm.  Giữa các phần, các đoạn của bài văn cần có sự liên kết hợp lí, tự nhiên. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 32’  - Mục tiêu: Vận dụng lí thuyết tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho một đề văn cụ thể.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm thực hành luyện viết.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép... | | | |
| **\* HD luyện tập:**  ? Đọc và xác định yêu cầu của đề bài?  - Yêu cầu HS tìm ý  + Giao nhiệm vụ:  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm lập dàn ý rồi triển khai viết đoạn. Giáo viên giao cho mỗi nhóm viết 1 đoạn.  ? Nhóm 1: Viết mở bài  ? Nhóm 2: Viết đoạn 1 thân bài.  ? Nhóm 3: Viết đoạn 2 thân bài.  ? Nhóm 4: Viết đoạn 3 thân bài.  ? Nhóm 5: Viết đoạn kết bài.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.- GV dành 20' cho các nhóm viết và trình bày, gọi nhóm khác nhận xét chéo.  - Giáo viên tổng hợp đánh giá kết quả. | | **II. Luyện tập**  - Xác định yêu cầu của đề.  - Tìm ý: Trả lời các câu hỏi gợi ý trong SGK  - Lập dàn ý  Làm việc theo nhóm. | **II. Luyện tập**  **Đề bài:** Truyện ngắn "Làng" của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của ngư­ời nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp?  ***1. Tìm hiểu đề và tìm ý***  a. Tìm hiểu đề:  - Yêu cầu về cách thức nghị luận: cảm nhận  - Yêu cầu về vấn đề nghị luận: Chuyển biến mới trong tình cảm của ngư­ời nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp qua truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.  b. Tìm ý  ***2. Lập dàn ý***  ( Bên dưới)  ***3. Viết bài***  ***4. Đọc lại bài và sửa chữa.***  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  (HS viết bài số 6)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV chấm điểm, nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Nộp bài | Viết bài số 6 ( nộp vào đầu tiết học tiếp theo) |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tập đặp ccs đề văn và viết bài nghị luận về các tác phẩm truyện đã học.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. |  |

**\* Dàn ý** (tham khảo)

I - Mở bài: - Giới thiệu về truyện ngắn Làng và hoàn cảnh sáng tác truyện.

- Nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ về những chuyển biến mới trong tình cảm của các nhân vật ông Hai, các nhân vật khác: Đó là tình yêu làng gắn liền với tình yêu n­ước.

II - Thân bài.

1. Tình yêu làng của ông Hai: là sự gắn bó sâu nặng với làng có tình cảm truyền thống.

- Nhớ làng. Tự hào về làng. Khoe và kể về làng

2. Sự chuyển biến về tình cảm với làng.

- Tự hào về làng theo một cách mới là tự hào về tinh thần kháng chiến của làng.

- Nghe tin làng theo giặc thì đau xót và thù làng.

- Càng yêu làng hơn khi nghe tin cải chính.

- Mọi người đều quan tâm tới việc theo giặc hay không theo giặc.

đ Tình yêu làng hòa quyện với tình yêu n­ước, tinh thần kháng chiến.

3. Đánh giá thành công của truyện ngắn.

III - Kết bài:

- Khẳng định lại những chuyển biến mới trong tình cảm của ngư­ời nông dân Việt Nam thời chống Pháp trong văn bản “Làng”.

- Rút ra bài học về tình yêu làng, yêu nư­ớc cho bản thân.

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- HS viết bài ở nhà bài Tập làm văn số 6 - văn nghị luận văn học.Nộp vào tiết sau.

**Bài viết số 6 - nghị luận văn học** (ở nhà)

**Đề bài :**

*“...- Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa - Người con trai bất chợt quyết định - Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có ảnh hưởng quyết định với gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cái cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh sáng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy vết cháy mà định nắng. Đây là máy vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Ban đêm không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá, hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm: bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.”*

(Trích “Lặng lẽ Sa Pa”)

Qua đoạn trích trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp và bài học cuộc sống mà nhân vật anh thanh niên đã mang lại cho em.

**\* Dàn bài:**

**I. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Đánh giá sơ bộ về vẻ đẹp của nhân vật qua văn bản.

**II.Thân bài:**

***1. Khái quát, giới thiệu vị trí đoạn văn bản trong sự phát triển của cốt truyện:***

- Là nhân vật chính của truyện, tuy tác giả không cho nhân vật xuất hiện ngay từ đầu, chỉ gián tiếp qua lời giới thiệu rất ấn tượng của bác lái xe và qua cuộc gặp gỡ, tình cờ, ngắn ngủi với các nhân vật khác để rồi lại khuất vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi non Sa Pa nhưng anh đã để lại trong lòng người đọc một ấn tượng đẹp.

- Đoạn trích trên nằm ở khoảng giữa của truyện. Sau khi đón khách dưới chân núi, đưa khách lên thăm nơi ở và làm việc, cắt hoa tặng cô kĩ sư trẻ, anh thanh niên mời khách uống trà và tâm sự về công việc của mình.

***2. Cảm nhận:***

***2.1 Đọc đoạn trích người đọc dễ dàng nhận thấy công việc của anh rất phức tạp, hoàn cảnh sống và làm việc của anh vô cùng khó khăn***. Anh sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao hai nghìn sáu trăm mét, quanh năm làm bạn với mây mù, cây cỏ. Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây và đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Một công việc gian khó và đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ “ốp” thì cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc. Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống có phần đơn điệu, giản đơn... là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Và anh đã vượt qua được hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp, rất giản dị mà sâu sắc.

***2.2 Song cũng trong hoàn cảnh ấy, qua những lời tâm sự của anh về công việc, ta thấy ở anh tỏa sáng những vẻ đẹp về phẩm chất, tâm hồn.***

***a. Trước hết ta thấy anh*** ***là người có lí tưởng sống cao đẹp, rất yêu yêu nghề, thạo việc, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc lắm gian khổ.***

- Công việc của anh thật gian khổ vậy mà anh nói về nó một cách rất bình thản: “Công việc nói chung cũng dễ chỉ cần chính xác”.

- Qua lời kể của anh “ban đêm không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá, hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió” ta thấy anh là người rất thạo việc.

- Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào. “Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác”.Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Nó như nước để uống, như khí trời để thở, là nguồn hạnh phúc của anh và là cái đích anh vươn tới bấy lâu nay. Chính suy nghĩ tích cực đó đã làm nên chất men say để anh lao động và thầm lặng cống hiến cho đất nước, làm cho cuộc sống của anh thanh niên không còn cô đơn, buồn tẻ nữa. Anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

***2.3. Với tinh thần trách nhiệm, niềm say mê công việc, lí tưởng sống được cống hiến của mình anh đã khắc phục được khó khăn gian khổ, luôn hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.***

- Làm việc trên đỉnh núi cao không ai giám sát, thúc giục, anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo “ốp” đúng giờ. Phải ghi và báo về trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc một giờ sáng vẫn không ngần ngại.

***-*** Anh hiểu rõ công việc thầm lặng của mình là cần thiết và có ích cho mọi người, nó gắn liền với mọi người và cuộc sống chung của đất nước. Anh hiểu rằng bên cạnh còn có biết bao những anh em, đồng chí, công việc và nhiệm vụ của mình chỉ là một mắt xích nhỏ trong chuỗi dài những nhiệm vụ trước mắt mà nhân dân, đất nước mình phải hoàn thành trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Anh đã không bỏ qua, không chậm trễ một lần nào trong những giờ đi ốp dù ban ngày hay ban đêm, khi gió lớn hay mưa tuyết.

***c. Không chỉ vậy, vẻ đẹp của anh thanh niên còn thể hiện ở sự cởi mở,chân thành, hiếu khách.***

Sống giữa non xanh lặng lẽ đó trong hoàn cảnh tưởng như “cô độc nhất thế gian” nhiều người đã tự thu mình lại trong nỗi cô đơn. Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “thèm người”, lòng hiếu khách đến cuồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.

- Sự nhiệt thành của anh với ông hoạ sĩ và cô gái mới lần đầu tiên gặp gỡ đã nói lên điều đó. Anh vui sướng cuống cuồng khi có khách đến thăm nhà, đón tiếp khách một cách nồng nhiệt, ân cần, chu đáo hái một bó hoa to rực rỡ sắc màu tặng người con gái chưa hề quen biết. Ở phần trước của đoạn trích, ta đã thấy anh bộc lộ niềm vui mừng của mình một cách hồn nhiên, thành thật đến cảm động. Anh nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ: “Tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tuỳ ý. Cô cứ cắt một bó rõ to vào. Có thể cắt hết nếu cô thích.” Ai mà chẳng hả lòng hả dạ trước cách đón khách độc đáo và nồng nhiệt ấy.

- Anh pha trà mời khách và trò chuyện rất cởi mở với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc, cuộc sống của mình.

- Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vô cùng quý báu này: “Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi”,. “Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm”. Rõ ràng chính ở Sa Pa nơi lạnh nhất của Tổ quốc thì tình người lại trọn vẹn và ấm nồng nhất. Những cử chỉ, hành động của anh là những biểu hiện thể hiện sự cởi mở, chân thành hiếu khách vô cùng đáng quý.

**3. Đánh giá nghệ thuật, liên hệ:**

Nguyễn Thành Long rất thành công khi khắc hoạ nhân vật anh thanh niên. Với bút pháp “vẽ mây nẩy trăng” tác giả dùng nhân vật phụ để tôn vẻ đẹp của nhân vật chính. Anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, chủ yếu qua lời kể, suy nghĩ, việc làm và những lời nhận xét, đánh giá của các nhân vật khác nhưng tác giả đã khắc hoạ được chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc. Nguyễn Thành Long không đặt cho anh một cái tên riêng, phải chăng tác giả muốn nói với chúng ta rằng ta có thể gặp những con người như anh ở bất cứ nơi đâu, lúc nào trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ Quốc .

**4. Bài học cuộc sống anh thanh niên để lại trong ta:**

- Anh là hình ảnh tiêu biểu cho những con người ở Sa Pa, là chân dung con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Là hình ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam những năm 70 của thế kỉ XX, những con người sống có lí tưởng, lao động thầm lặng, cống hiến hết mình cho đất nước.

- Liên hệ mở rộng.

***III. Kết bài:***

- Khẳng định lại giá trị đoạn trích.

- Liên hệ bản thân.

## TUẦN 26

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  16/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 121. SANG THU**

**(Hữu Thỉnh)**

**I. Mức độ cần đạt:**

**1. *Kiến thức:***

- Hiểu được những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu.

- Thấy được vẻ đẹp thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả.

***2. Kĩ năng:***

- Có kĩ năng đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại. Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một tác phẩm.

***3. Thái độ:***

- Có tình cảm yêu mến, tự hào vẻ đẹp thiên nhiên đất trời, biết rung động tinh tế trước sự biến đổi của thiên nhiên đất trời.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Vẻ đẹp thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại.

- Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, khổ thơ, một tác phẩm.

***3. Thái độ:***

- Có tình cảm yêu mến, tự hào vẻ đẹp thiên nhiên đất trời, biết rung động tinh tế trước sự biến đổi của thiên nhiên đất trời.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS hiểu được những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Thấy được vẻ đẹp thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác gải, tác phẩm, xuất xứ, phân tích văn bản.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân; vấn đáp, giảng bình…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:5’**

- Đọc thuộc lòng diễn cảm bài thơ: “Viếng lăng Bác”. Phân tích một vài hình ảnh thơ mà em tâm đắc nhất ?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Những cảm xúc của em mỗi độ thu về?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | | + Suy nghĩ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 27'  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó. Qua phân tích văn bản thấy được vẻ đẹp thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả.  - Phương pháp: hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…vấn đáp, giảng bình, thảo luận nhóm nhỏ...  - Kĩ thuật: Động não, tia chớp, XYZ,321… | | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm.  ? Nêu hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ bài thơ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Yêu cầu HS giải thích các từ khó. | | **I. Tìm hiểu chung**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Giải nghĩa từ | | **I. Tìm hiểu chung**  **1 Chú thích:**  **a. Tác giả:**  - Nguyễn Hữu Thỉnh sinh năm 1942 - quê ở Tam Dương- Vĩnh Phúc.  - Là nhà thơ chiến sĩ. Thơ Hữu Thỉnh ấm áp tình người và giàu sức gợi cảm. Ông viết nhiều và hay về con người, cuộc sống ở nông thôn về mùa thu.  - Tham gia ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam các khoa: III, IV, V.  - Từ năm 2000, là Tổng thư kí Hội nhà văn Việt Nam.  **b.Tác phẩm**  - Sáng tác 1977, in lần đầu trên báo văn nghệ.  + Rút từ tập “Từ chiến hào đến thành phố”  **c.Từ khó:** Sgk |
| - HD: Đọc với giọng nhẹ, nhịp chậm, khoan thai, trầm lắng và thoáng suy tư.  - Gọi 1-2 HS đọc.  ? Bài thơ viết theo thể thơ nào? Từ đó rút ra cách đọc bài thơ?  - Nhịp thơ năm chữ: nhịp nhàng, khoan thai, êm ái, trầm lắng và thoáng chút suy tư... thể hiện một bức tranh thu trong sáng, đáng yêu ở vùng nông thôn Bắc Bộ.  ? Nhân vật trữ tình xuất hiện như thế nào và cần được xác định như thế nào trong quan hệ với tác giả?  - Thống nhất với tác giả.  ? Từ đó, xác định phương thức biểu đạt của văn bản này.  ? Có nhất thiết phải chia bố cục cho bài thơ không? Vì sao?  - Không. Vì cả bài thơ là những quan sát và cảm nhận của tác giả về thiên nhiên vào thu, từng khổ nối tiếp nhau nên không cần thiết phải chia đoạn. | | - Nghe.  - Đọc.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - HS suy nghĩ trả lời. | | **2. Đọc**  **3.Thể thơ**  - Thơ ngũ ngôn  **4. Phương thức biểu đạt**  - Biểu cảm kết hợp với miêu tả . |
| **\* HD phân tích:**  + Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình, giảng bình.  - Đọc diễn cảm khổ 1.  ? Con người cảm nhận “mùa thu hình như đã về” từ những dấu hiệu nào của thiên nhiên?  + Hương ổi: mùa ổi chín rộ.  ? Từ “bỗng” diễn tả trạng thái của sự cảm nhận ?  + Bỗng: có phần ngạc nhiên, bất ngờ trước sự thay đổi của thời tiết tác động đến cảm giác bản thân.  ? Con người ở đây, cảm nhận mùa thu từ “hương ổi”. Điều đó có ý nghĩa gì?  - Thu được cảm nhận từ nơi làng quê, trong cảm nhận của người sống gắn bó với làng quê, các dân tộc ở phía Bắc đất nước.  Mùa quả chín, ổi chín, mùa ổi đã từng trở thành nhan đề cho cả một bộ phim truyện nổi tiếng, ở đây đã thành mùi hương của mùa thu miền Bắc VN. | | **II. Phân tích**  - Đọc.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | | **II. Phân tích**  **\* Sự chuyển đổi của đất trời và không gian lúc sang thu:**  **1. Khổ thơ 1:** |
| ? Hương ổi phả vào trong gió se”. Em cảm nhận như thế nào về nội dung lời thơ này?  + Hương ổi phả vào trong gió se: mùi hương ổi toả vào trong gió se lạnh làm thức dậy cả không gian vườn ngõ.  - Từ “phả” có thể thay bằng các từ “thổi”, đưa, bay, lan, tan... Nhưng cả bấy nhiêu từ đều không có cái nghĩa đột ngột, bất ngờ.  - Hương ổi ở độ đậm nhất thơm nồng, quyến rũ, hòa vào gió heo may của mùa thu lan tỏa khắp không gian tạo ra một mùi thơm ngọt mát, của những trái ổi chín vàng – hương thơm nồng nàn hấp dẫn của những vườn cây sum suê trái ngọt ở nông thôn VN. | | - Trình bày cảm nhận. | |  |
| ? Lời thơ: “Sương chùng chình qua ngõ” gợi một hình dung như thế nào? Tác giả sử dụng nghệ thuật gì?  - Nhân hóa những giọt sương nhỏ li ti giăng mắc như một làn sương mỏng nhẹ nhàng trôi, đang chuyển động chầm chậm như muốn ngừng lại nơi đường thôn ngõ xóm. | | - Suy nghĩ trả lời. | |  |
| ? Vì sao nhà thơ lại viết lời thơ cuối đoạn: “Hình như thu đã về”!  - Hình như: còn có chút gì chưa thật rõ ràng trong cảm nhận. Vì đó là những cảm nhận nhẹ nhàng, thoáng qua (mùi hương). | | - Suy nghĩ trả lời. | |  |
| ? Từ đó, em cảm nhận được điều gì từ tâm hồn nhà thơ khi thu về? | | - Khái quát trả lời. | | ***-Với nghệ thuật nhân hoá, sự cảm nhận tinh tế từ tín hiệu của mùa thu, tác giả cảm nhận mùa thu đến bằng nhiều giác quan với cảm xúc bâng khuâng ngỡ ngàng.*** |
| - Yêu cầu HS theo dõi khổ thơ thứ hai :  ? Đất trời sang thu được cảm nhận từ những biểu hiện không gian nào?  + Sông, cánh chim, đám mây.  ? Một cảnh tượng như thế nào được gợi lên từ lời thơ "Sông được lúc dềnh dàng".  ⇒ Hình ảnh nhân hóa đã khiến con sông trở nên duyên dáng, thướt tha, mềm mại, khoan thai, hiền hòa trôi một cách nhanh thản, gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu.  ? Nhưng tại sao những “cánh chim” lại bắt đầu “vội vã”? Cánh chim vội vã là cánh chim như thế nào? Báo hiệu điều gì?  + Chim vội vã: Tránh rét =>Tín hiệu của mùa thu  ? Cảm nhận của em về lời thơ: có đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu ?”  + Đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu => một liên tưởng thú vị, một hình ảnh đầy chất thơ mới mẻ, gợi cảm. Gợi hình ảnh làn mây mỏng nhẹ, kéo dài của mùa hạ còn sót lại, vẻ đẹp của bầu trời sang thu. | | - Đọc.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Trình bày cảm nhận. | | **2. Khổ thơ 2:** |
| ? Em cảm nhận được tâm hồn thơ Hữu Thỉnh như thế nào qua khổ thơ này ?  - ... Qua đó ta cảm nhận được hồn thơ giàu xúc cảm, thiết tha với quê hương đất nước của nhà thơ. | | - Khái quát trả lời.  HS suy nghĩ trả lời. | | ***- Với nghệ thuật nhân hoá, trí tưởng tượng phong phú, tác giả thể hiện những rung cảm mãnh liệt trước mùa thu. Thu đến rất nhẹ, rất dịu êm mơ hồ như cả đất trời đang thay áo mới.*** |
| - Gọi HS đọc khổ thơ cuối:  ? Con người còn cảm thấy những biểu hiện khác biệt nào của thời tiết khi chuyển từ hạ sang thu?  ? Ý nghĩa tả thực của các chi tiết không gian này là gì?  ? Em hiểu cái nắng của thời điểm giao mùa này như thế nào ?  ? Theo em, nét riêng của thời điểm giao mùa hạ - thu này được tác giả thể hiện đặc sắc nhất qua hình ảnh câu thơ nào?  ? Ý nghĩa ẩn dụ từ những chi tiết trên là gì?  - Nắng, mưa, sấm, hàng cây là ẩn dụ cho những thay đổi, vang động của cuộc đời, xã hội cũng là những thay đổi của tuổi đời sang thu, nghĩa là tuổi đời của con người đã từng trải.  ? Như vậy tác giả còn muốn nói với người đọc điều gì? | | - Đọc.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ.  - Suy nghĩ trả lời.  - HS suy nghĩ trả lời. | | **3.Khổ thơ thứ 3:**  ***+ Nghĩa tả thực:***  ***- Cảnh vật, thời tiết thay đổi. Tất cả còn những dấu hiệu của mùa hạ nhưng giảm dần mức độ, cường độ, lặng lẽ vào thu.***  ***+ Nghĩa ẩn dụ****: C****on người đã đứng tuổi, từng trải thì cũng ít bị chấn động bởi những biến cố bất thường của cuộc đời.*** |
| **\* HD tổng kết:**  - Yêu cầu HS thảo luận rút ra nội dung ghi nhớ:  ? Hãy nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | | **III. Tổng kết**  - Thảo luận, khái quát trả lời. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ 5 chữ. Nhịp thơ chậm, âm điệu nhẹ nhàng.  - Nhiều từ có giá trị gợi tả, gợi cảm sâu sắc.  - Sự cảm nhận tinh tế, thú vị, gợi những liên tưởng bất ngờ.  - Hình ảnh chọn lọc mang nét đặc trưng của sự giao mùa hạ - thu  **2. Nội dung**  - Từ cuối hạ sang đầu thu, đất trời có những biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt. Sự biến chuyển này đã được Hữu Thỉnh gợi lên bằng cảm nhận tinh tế, qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm trong bài Sang thu.  - Lòng yêu thiên nhiên tha thiết của nhà thơ Hữu Thỉnh.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:5'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản. Biết trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ.  - Phương pháp: Vấn đáp, bình  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| **\* HD luyện tập**  - Gọi HS đọc. | **IV.Luyện tập**  - Đọc diễn cảm. | | **IV. Luyện tập**  Đọc diễn cảm bài thơ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * - Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * - Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  -Bình một khổ thơ mà em thích.  - Em học tập được gì về cách sử dụng hình ảnh thơ của Hữu Thỉnh?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | - Bình một khổ thơ mà em thích.  - Em học tập được gì về cách sử dụng hình ảnh thơ của Hữu Thỉnh?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:   * Tìm đọc các bài thơ cùng đề tài. Tìm đọc thêm các bài nghị luận về bài thơ “Sang thu”   + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | * Tìm đọc các bài thơ cùng đề tài. Tìm đọc thêm các bài nghị luận về bài thơ “Sang thu”   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, hợp tác, cảm thụ thẩm mĩ. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học thuộc và phân tích bài thơ

- Soạn bài: Nói với con ( Đọc trước bài, tìm hiểu tác giả, trả lời câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  16/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 122. NÓI VỚI CON**

**(Y Phương)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Cảm nhận được tình cảm gia đình ấm cúng, tình yêu quê hương thắm thiết, niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của “ người đồng mình” và mong mỏi của một người cha với con qua cách diễn tả độc đáo của nhà thơ Y Phương.

- Thấy đuợc hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo của tác giả trong bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình.

- Phân tích cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi

***3. Thái độ:***

- Bồi đắp tình cảm gia đình, tình yêu, niềm tự hào quê hương đất nước.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Tình cảm thắm thiết của cha mẹ đối với con cái.

- Tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt của quê hương.

- Hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo của tác giả trong bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Phân tích cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi

***3. Thái độ:***

- Bồi đắp tình cảm gia đình, tình yêu, niềm tự hào quê hương đất nước.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được ảm nhận được tình cảm gia đình ấm cúng, tình yêu quê hương thắm thiết, niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của “ người đồng mình” và mong mỏi của một người cha với con qua cách diễn tả độc đáo của nhà thơ Y Phương. Thấy đuợc hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo của tác giả trong bài thơ.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu chung, phân tích văn bản.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

- Đọc thuộc lòng bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh. Phân tích khổ thơ thứ 3.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Hãy nói lên đôi điều về tình phụ tử mà em được biết đến qua các tác phẩm văn học.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 27’   Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.Phân tích để thấy được tình cảm thắm thiết của cha mẹ đối với con cái.Tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt của quê hương. Hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo củ tác giả trong bài thơ.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp,giảng bình… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  **HĐ cá nhân :**  ? Nêu vài nét về tác giả Y Phương?  ? Hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  - Yêu cầu HS giải thích từ khó.  - HD đọc: Đọc diễn cảm thể hiện được tình cảm cha con, thể hiện được vóc dáng của con người miền núi.  - GV đọc mẫu.  - Gọi HS đọc.  ? Văn bản "Nói với con" là bài thơ trữ tình. Theo em, vì sao có thể xác định như­ thế?  ? Từ đó xác định ph­ương thức biểu đạt của bài thơ?  - Phư­ơng thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp với miêu tả và tự sự  ? Lời thơ trong bài thơ này có gì mới lạ so với các bài thơ đã học?  - Thể thơ tự do, rất ít vần, gần với lời nói hàng ngày.  +Mộc mạc chân thành.  +Hình ảnh lạ.  ? Bài thơ có bố cục như thế nào? | **I. Tìm hiểu chung**  - Phát hiện trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Giải nghĩa từ.  - Nghe.  - Nghe.  - Đọc  - Tự bộc lộ.  - So sánh.  - Xác định bố cục.  - Phát hiện trả lời. | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Chú thích:**  **a. Tác giả**  Y Phương, tên thật là Hứa Vĩnh Sước, sinh 1948.  - Quê Trùng Khánh – Cao Bằng – dân tộc Tày  - 1993 Chủ tịch hội Văn nghệ Cao Bằng  - Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy đầy hình ảnh của con người miền núi.  **b. Tác phẩm:**  - Trích trong cuốn "Thơ Việt Nam" (1945-1985)  **c. Từ khó:** Sgk.  **3. Đọc**  **4.Phư­ơng thức biểu đạt**  - Biểu cảm kết hợp với miêu tả và tự sự  **5. Thể thơ**  - Thể thơ tự do  **6. Bố cục:** 2 phần  + Đoạn1: (Từ đầu đến " ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời"): Nói với con về tình cảm cội nguồn (tình yêu thư­ơng của cha mẹ, sự đùm bọc của quê h­ương đối với con)  + Đoạn 2: còn lại: Nói với con về sức sống bền bỉ, mãnh liệt của quê hư­ơng |
| **\* HD phân tích:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  ? Ngư­ời cha đã nói với con về những tình cảm cội nguồn nào?  ? Nghệ thuật gì được sử dụng ở đây? Tác dụng?  ? Cách nói "ngư­ời đồng mình yêu lắm" có gì riêng?  ? Em hiểu nh­ư thế nào về các hình ảnh: đan lờ cài nan hoa-Vách nhà ken câu hát”, "rừng cho hoa -con đường cho những tấm lòng?"  ? Những hình ảnh đó gợi về một cuộc sống như­ thế nào?  ? Nêu cảm nhận chung của em về đoạn thơ trên?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  ? Nhắc lại nội dung đoạn 2?  ? Những đặc điểm nào trong cuộc sống của quê hư­ơng đư­ợc gợi nhắc trong những lời ng­ười cha nói với con?  ? Một không gian sống nh­ư thế nào hiện lên từ những chi tiết ấy?  ? Vì sao trong lời nói với con, ngư­ời cha nhắc tới điều này?  - Để con không quên và thương quý mảnh đất, con ng­ười nơi quê h­ương gian khó.  ? Nh­ưng ngư­ời cha còn nói nhiều hơn với con về ý chí của ng­ười đồng mình giữa không gian ấy qua những câu thơ nào?  ? Nhận xét cách diễn đạt trong lời thơ này.  ? Từ đó ng­ười cha muốn nói với con điều gì về ng­ười đồng mình?  ? Cách nói "ngư­ời đồng mình thô sơ da thịt" của tác giả gợi lên cho em hình dung nh­ư thế nào về con ngư­ời nơi đây?  ? Em cảm nhận như thế nào về lời thơ "người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương – còn quê hương thì làm phong tục  ? Người cha nói với con về "người đồng mình chẳng mấy ai nhỏ bé và không bao giờ nhỏ bé được". Em hiểu như thế nào về ý muốn của người cha?  + Giao nhiệm vụ:  HS trao đổi cặp đôi:  ? Qua những lời nói với con, tình cảm nào của người cha đối với quê hương được bộc lộ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  -Tình cảm của người cha với quê hương:  + Thương yêu quê hương, gian lao, vất vả.  + Tự hào về khí phách và ý chí vươn lên của con người nơi quê hương.  + Yêu quý bản sắc văn hoá riêng của dân tộc.  + Hi vọng thế hệ trẻ nối tiếp truyền thống tốt đẹp của quê hương, dân tộc. | **II. Phân tích**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phân tích, bình.  - Suy nghĩ trả lời  - Khái quát trả lời.  - Trình bày cảm nhận.  - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời.  - Phân tích, bình.  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **II. Phân tích**  **1. Nói với con về tình cảm cội nguồn.**  + Lời đầu tiên của ngư­ời cha nói với con lại là nhắc nhở con về tình cảm ruột thịt, cội nguồn sinh dưỡng của mỗi ngư­ời:  Với nghệ thuật điệp ngữ, cách nói giàu hình ảnh mà cân thực, tác gải muốn khẳng định: Con đ­ược nuôi d­ưỡng và lớn lên trong tình yêu thương, che chở, nâng đón và mong chờ của cha mẹ.Từng b­ước đi, từng tiếng nói, tiếng cư­ời của con đều được cha mẹ chăm chút, mừng vui đón nhận.  ***-*** Tiếp theo người cha nhắc nhở con về tình làng xóm***:***  Bằng những hình ảnh cụ thể, nghệ thuật điệp ngữ, những động từ có sức gợi tả, tác giả khẳng định con đư­ợc trư­ởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê h­ương.  **2. Nói với con về sức sống bền bỉ, mãnh liệt của quê hương.**  - Cuộc sống cằn cỗi, hiểm trở, gian khổ.  ***- Với cách diễn đạt mộc mạc của người miền núi, nghệ thuật so sánh, điệp ngữ, dùng thành ngữ, tác giả ca ngợi những đức tính tốt đẹp của người đồng mình:***  - Can trư­ờng, dũng cảm, vư­ợt lên gian khổ, yêu quý, gắn bó với mảnh đất quê hương bằng ý chí bằng niềm tin của mình  - Chân chất, mộc mạc nhưng khoẻ mạnh giàu ý chí, tự tin trong cuộc sống, không nhỏ bé, tầm thường.  - Lao động sáng tạo để tồn tại, giữ vững truyền thống dân tộc, không chịu chùn bước trước khó khăn gian khổ.  ***- Người cha muốn con nhận thức rõ vẻ đẹp, đức tính quý báu, truyền thống lao động sáng tạo, văn hóa của người đồng mình để nhắc nhở con không được quên cội nguồn, phải biết kế tục xứng đáng truyền thống tốt đẹp của tổ tiên.*** |
| **\* HD tổng kết:**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm:  ? Những nét nghệ thuật đặc sắc làm nên sức hấp dẫn của bài thơ?  ? Qua đó tác giả muốn thể hiện nội dung gì?  -Yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo, nhận xét, phản biện | **III. Tổng kết**  - Thảo luận.  - Báo cáo kết quả, nhận xét, phản biện. | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Giọng điệu thiết tha, trìu mến. Xây dựng các hình ảnh cụ thể mà có tính khái quát, mộc mạc và vẫn giàu chất thơ.Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên.  2.Nội dung:  - Thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình.  - Gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 5’ * Mục tiêu: Vận dụng kiến thứ đã học vào giải quyết các bài tập. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…   Kĩ thuật: động não,321… | | |
| **\* HD luyện tập:**  ? Hãy bình một khổ thơ mà em thích nhất.  -Yêu cầu HS trình bày cảm nhận, nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **IV. Luyện tập**  -Trình bày cảm nhận, nhận xét chéo. | **IV. Luyện tập**  Hãy bình một khổ thơ mà em thích nhất. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Viết bài văn ngắn, trình bày cảm nhận về một đoạn thơ mà em thích trong bài thơ “Nói với con”.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả .  -Lưu sản phẩm. | Viết bài văn ngắn, trình bày cảm nhận về một đoạn thơ mà em thích trong bài thơ “Nói với con”.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:   * Tìm đọc các bài thơ cùng đề tài. So sánh cách viết của các nhà thơ.   + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | * Tìm đọc các bài thơ cùng đề tài. So sánh cách viết của các nhà thơ.   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học thuộc bài thơ, nắm vững nội dung tư tưởng của bài thơ.

- Chuẩn bị bài: Nghĩa tường minh và hàm ý:

(Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập /Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  17/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 123. NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý.

- Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý ở trong câu.

- Thấy được tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hàng ngày.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết được nghĩa tường minh và hàm ý ở trong câu.

- Giải đoán được hàm ý trong văn cảnh cụ thể.

- Sử dụng hàm ý sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng trong nói, viết phù hợp và đạt hiệu quả giao tiếp.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Khái niệm nghĩa tường minh và hàm ý.

- Tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hàng ngày.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết, giải đoán được hàm ý trong văn cảnh cụ thể.

- Sử dụng hàm ý sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng trong nói, viết phù hợp và đạt hiệu quả giao tiếp.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ví dụ, HS nắm được hiểu thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý. Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý ở trong câu.Thấy được tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hàng ngày. Vận dụng trong giao tiếp.

*+ Nội dung của hoạt động:*Nghĩa tường minh và hàm ý; Luyện tập.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.** Kiểm tra bài cũ: 5’

? Nêu hiểu biết của em về liên kết câu, liên kết đoạn văn? Cho ví dụ minh họa?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Đóng vai * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - GV cho tình huống: Một nhóm học sinh đi học về nhưng còn mải chơi dọc đường. Nếu em là một thành viên trong nhóm em có thể thông báo bằng những cách nào để các bạn biết rằng thời gian đã muộn, cần về gấp?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn:  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 12’   Mục tiêu: Nắm được khái niệm nghĩa tường minh và hàm ý. Tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hàng ngày.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, XYZ,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu nghĩa tường minh và hàm ý:**  - GV treo bảng phụ có VD. Yêu cầu HS đọc đoạn trích.  Qu?a câu: *"Trời ơi, chỉ còn 5 phút."* em hiểu anh thanh niên muốn nói điều gì?  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi ( 2’), trình bày.  VD:- Anh thanh niên muốn nói: anh rất tiếc vì thời gian còn lại có 5 phút. Không còn đủ thời gian để được trò chuyện, tâm tình. Thế là tôi lại thui thủi một mình....  Giá nhà hoạ sĩ và cô kỹ sư còn ở lại thêm một thời gian nữa thì hay biết bao!Tại sao con người cứ phải chia tay nhau nhỉ?.....  ? Vì sao anh không nói thẳng điều đó với hoạ sĩ và cô gái?  **?** Trong câu thứ hai "Ồ! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này" của anh thanh niên, có ý gì khác không?  ? Vậy em hiểu thế nào là nghĩa tường minh? Hàm ẩn?  \*Lưu ý: hàm ý là nội dung thông báo trong câu nói nhưng lại không được nói ra bằng những từ ngữ trong câu nên có hai đặc tính:  - Hàm ý có thể giải đoán được: người nghe có năng lực thì có thể đoán ra hàm ý trong lời nói có chứa hàm ý.  - Hàm ý có thể chối bỏ được: người nói luôn luôn có thể chối bỏ rằng họ không thông báo hàm ý nào đó trong lời nói của mình, tức là người nói có thể không chịu trách nhiệm và hàm ý chứa trong lời nói của chính họ (chối bỏ trách nhiệm). Khi giao tiếp phải thận trọng chú ý đến tình huống giao tiếp. | **I.Nghĩa tường minh và hàm ý:**  - Đọc  Hoạt động nhóm: ( 2’)  - HS suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nghe  - Tự rút ra nội dung ghi nhớ.  - Nghe, ghi nhớ. | **I. Nghĩa tường minh và hàm ý:**  **1. Xét ngữ liệu:**  \* Ví dụ (sgk trang 74-75)  \*Câu 1: Trời ơi, chỉ còn năm phút.  - Anh thanh niên muốn nói: anh rất tiếc vì thời gian còn lại có 5 phút.  - Anh không muốn nói thẳng điều đó vì anh còn ngại ngùng, vì anh còn muốn che dấu tình cảm của mình.  \*Câu thứ 2: Ồ! Cô còn quên chiếc khăn mùi soa đây này.  - Câu này không chứa ẩn ý mà thể hiện trực tiếp ý muốn nói về điều đó.  **2. Bài học:**  ***- Nghĩa tường minh:là phần thông báo được diễn tả trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.***  ***- Nghĩa hàm ẩn: là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.***  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 18’  - Mục tiêu: Nhận biết được nghĩa tường minh và hàm ý ở trong câu. Giải đoán được hàm ý trong văn cảnh cụ thể. Sử dụng hàm ý sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu học sinh đọc và phân tích yêu cầu của bài tập 1.  ? Câu nào cho ta thấy hoạ sĩ cũng chưa muốn chia tay anh thanh niên? Từ ngữ nào giúp em cảm nhận được điều ấy.  ? Tìm những từ ngữ diễn tả thái độ của cô gái trong câu cuối đoạn văn?Thái độ ấy giúp em nghĩ tới điều gì liên quan đến chiếc mùi soa?  \*GVdiễn giải thêm: Cô gái ngượng vì anh thanh niên thì ít, vì anh thật thà tới mức vụng về, mà cô ngượng với ông hoạ sĩ dày dạn kinh nghiệm kia nhiều hơn đến mức gọi là "ngượng đỏ chín mặt". Đây cũng là đặc trưng của ngôn ngữ hình tượng. | **II.Luyện tập**  - Đọc, xác định yêu cầu của đề.  - HS suy nghĩ trả lời  HS suy nghĩ trả lời  - Nghe | **II.Luyện tập**  ***Bài tập 1( 76)***  Câu "Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy." cho ta thấy hoạ sĩ cũng chưa muốn chia tay anh thanh niên. Cụm từ "tặc lưỡi"giúp ta biết điều ấy.  - Trong câu cuối của đoạn văn, những từ ngữ miêu tả thái độ của cô gái liên quan đến chiếc mùi soa là;  +Mặt đỏ ửng: ngượng ngùng, khó nói.  +Nhận lại chiếc khăn: một hành động thay cho lời "cảm ơn"  +Quay vội đi: lúng túng, bối rối, không thể thốt lên lời và cũng không đủ can đảm kéo dài khoảng thời gian đứng rất gần nhau để nhìn ... anh thanh niên. |
| + Giao nhiệm vụ:  Chia lớp làm 3 nhóm thảo luận, thảo luận theo bàn nội dung bài tập 2,3,4 *(SGK – 76)*  *-* Nhóm 1: Bài tập 2  - Nhóm 2: Bài tập 3  - Nhóm 3: Bài tập 4  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | ***Bài tập 2 ( 76)***  Hàm ý của câu: Tuổi già cần nước chè; ở Lào Cai đi sớm quá: Nhà hoạ sĩ chưa kịp uống nước chè đã phải đi.  ***Bài tập 3( 76)***  Câu chứa hàm ý: “Cơm chín rồi.”  - Hàm ý: Bé Thu muốn bảo ông Sáu vô ăn cơm.  ***Bài tập 4 (76)***  - Các câu in đậm ở trong đoạn trích không chứa hàm ý.  + Câu in đậm 1: ***"Hà, nắng gớm, về nào…"*** là câu nói lảng (nói sang chuyện khác tránh đề tài đang bàn, còn gọi là *"đánh trống lảng").*  + Câu in đậm 2: ***"Tôi thấy người ta đồn…"*** là câu nói còn dở dang, chưa hết ý, câu bỏ lửng…  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Yêu cầu HS tự viết đoạn hội thoại có sử dụng hàm ý.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  -Lưu sản phẩm. | HS viết được đoạn hội thoại có sử dụng hàm ý. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Xem lại một số tác phẩm truyện đã học. Trao đổi với người thân, banj bè, ghi lại các câu văn có hàm ý.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Chia sẻ, lưu sản phẩm. | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Viết đoạn văn trong đó có câu chứa hàm ý chỉ rõ nội dung hàm ý

- Soạn bài: Nghị luận về một tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích):

Tìm hiểu ví dụ/ Sgk.

Dự kiến trả lời các câu hỏi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  17/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 124. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Bước đầu hiểu và biết cách làm một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện được bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Tạo lập văn bản nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

***3. Thái độ:***

- Biết yêu quý thơ văn. Luôn cố ý thức cảm nhận, bình thơ.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện được bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Tạo lập văn bản nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

***3. Thái độ:***

- Biết yêu quý thơ văn. Luôn cố ý thức cảm nhận, bình thơ.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ngữ liệu, HS xác định đ­­ược đối t­ợng của kiểu bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một một bài thơ, đoạn thơ.

*+ Nội dung của hoạt động:*Tìm hiểu đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***2. Kiểm tra bài cũ : 5’***

***\* Hỏi:*** Cách làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện, đoạn trích?.

***\* Trả lời:*** Bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có thể bàn về, nhân vật, cốt truyện, nghệ thuật của truyện.

-Bài làm cần đảm bảo đầy đủ các phần của một bài nghị luận:

+Mở bài: Giới thiệu tác phẩm (tuỳ theo yêu cầu cụ thể của đề bài) và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.

+Thân bài: Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm; có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực.

+Kết bài: Nêu nhận định, đánh giá chung của mình về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

-Trong quá trình triển khai các luận điểm, luận cứ, cần thể hiện sự cảm thụ và ý kiến riêng của người viết về tác phẩm.

- Giữa các phần, các đoạn của bài văn cần có sự liên kết hợp lí, tự nhiên.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS HĐ cá nhân.  Các em đã được học các văn bản nghị luận và thực hành phân tích trong các bài văn học hãynêu những hiểu biết của em về cách nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ ?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:***  Muốn làm tốt bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ, cần có năng lực cảm thụ văn chương, đồng thời cần nắm vững, thành thục phương pháp làm một bài nghị luận. Tiết học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu bước đầu về bài nghị luận một đoạn thơ, bài thơ. | | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 17’  - Mục tiêu : Nắm đ­ợc đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  - Ph­ương pháp: Vấn đáp, dạy học theo mẫu. Thảo luận nhóm...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | | | |
| **\* HD tìm hiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:**  + Giao nhiệm vụ:  - Đọc văn bản /77.  - HS thảo luận nhóm  ? Văn bản này nghị luận về vấn đề gì?  ? Vấn đề này được tác giả triển khai trong một bài nghị luận có bố cục mấy phần? Hãy xác định bố cục của văn bản trên?  ? Văn bản đã nêu lên những luận điểm gì về hình ảnh mùa xuân trong bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ"? Người viết đã sử dụng những luận cứ nào để làm sáng tỏ các luận điểm đó?  + Gọi đại diện các nhóm trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  + GV nhận xét và chốt kiến thức . | | **I.Tìm hiểu bài nghị luận về ...**  ***Thực hiện nhiệm vụ:***   * HS làm việc cá nhân   - Thảo luận, thống nhất trong nhóm.  xác định hệ thống luận điểm, luận cứ.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, lưu sản phẩm | | **I. Tìm hiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:**  **1. Xét ngữ liệu:**  ***\*Ví dụ:***  Văn bản "Khát vọng hoà nhập, dâng hiến cho đời" (trang 77)  \* Nhận xét:  ***a. Vấn đề nghị luận: Hình ảnh mùa xuân và cảm xúc của nhà thơ Thanh Hải trong bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ"***  b***.Hệ thống luận điểm:***  ***Luận điểm1:Hình ảnh mùa xuân và cảm xúc của Thanh Hải mang nhiều tầng ý nghĩa***  ***Luận điểm 2: Hình ảnh mùa xuân hiện lên trong cảm xúc thiết tha, trìu mến của nhà thơ.***  ***Luận điểm 3: Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ thể hiện khát vọng hoà nhập, dâng hiến của nhà thơ.***  \*Luận cứ;  - Chọn giảng bình các câu thơ, hình ảnh đặc sắc.  -Phân tích giọng điệu trữ tình, kết cấu của bài thơ. |
| + HS thảo luận cặp đôi:  ? Nhận xét về bố cục của bài nghị luận?  ? Bài văn nghị luận này dù viết rất ngắn gọn nhưng vừa đúng lại vừa hay. Hãy chỉ ra cái hay của bài viết?  -Lời văn điễn đạt như thế nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  ? Người viết đã chọn được những cái hay, cái đẹp của bài thơ để biểu cảm chưa?  ? Văn bản trên là bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Vậy em hiểu thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài bài thơ? | | - HS thảo luận cặp đôi.  - Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời. | | ***c: Bố cục gồm đủ ba phần:***  -Mạch lạc, rõ ràng  -Cách lập luận chặt chẽ, súc tính  -Cách nêu và giải quyết từng luận điểm trong bài văn rất lôgíc....  - Giữa các phần của bài văn có sự liên kết về ý và về diễn đạt.d. Nhận xét về cách diễn đạt:  - Cách dẫn dắt vấn đề hợp lý; bắt đầu từ mùa xuân của thiên nhiên... đến mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải.  - Cách phân tích hợp lý: bắt đầu từ mùa xuân trong bài thơ mang nhiều tầng ý nghĩa đến việc phân tích các hình ảnh "dòng sông, bông hoa tím, lộc" và cảm xúc thiết tha, trìu mến của nhà thơ.  - Cách tổng kết, khái quát hoá có sức thuyết phục: "như vậy, giữa các khổ, các phần của bài thơ có sự gắn kết tự nhiên, chặt chẽ, vừa luyến láy vừa được nâng cao"  =>Với sự đồng cảm sâu sắc, tác giả đã chỉ ra được cái hay, cái đẹp của bài thơ.  **2. Bài học:** Ghi nhớ/Sgk  *- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ là trình bày nhận xét, đánh giá của mình về nội và nghệ thuật của bài thơ ấy.*  *- Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ được thể hiện qua ngôn từ hình ảnh, giọng điệu... Bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy để có những nhận xét, đánh giá cụ thể xác đáng.*  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 15’  - Mục tiêu : Nhận diện được bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Tạo lập văn bản nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  - Ph­ơng pháp: Thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn | | | | |
| **II.Luyện tập**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 người, trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, bổ sung. | **II.Luyện tập**  Thảo luận nhóm.  - Trình bày  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | | **II.Luyện tập**  Bài tập:  Phát hiện thêm các luận điểm về bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”?  - Luận điểm về nhạc điệu của bài thơ.  - Luận điểm về :"Bức tranh mùa xuân của bài thơ".  - Luận điểm về "Ước mong hoà nhập cống hiến của nhà thơ"  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn phát triển luận điểm: nét đặc sắc về nghệ thuật bài thơ ?  + Cho HS trao đổi và tìm ý; thực hành viết đoạn.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá.. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Trao đổi và tìm ý.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Luyện viết đoạn  Đoạn văn hoàn chỉnh:  - Về hình thức: số câu, có mở kết, chữ viết…  - Về nội dung: đảm bảo theo đúng chủ đề và ý hợp lý.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm hiểu trên sách, báo, In- tơ – nét các bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Ghi lại những điều em học được về cách nghị luận về một bài thơ.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, chia sẻ, lưu sản phẩm. | | Tìm hiểu trên sách, báo, In- tơ – nét các bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Ghi lại những điều em học được về cách nghị luận về một bài thơ.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác... | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Học thuộc ghi nhớ hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị bài: Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:

(Đọc trước bài, tìm hiểu ví dụ.Dự kiến trả lời các câu hỏi.)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  17/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 125. CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ**

**MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

\* Nắm vững hơn cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:

- Đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Các bước khi làm nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Tiến hành các bước làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Tổ chức, triển khai các luận điểm.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục lòng yêu mến thơ ca, yêu quê hương đất nước.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Các bước khi làm nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Tiến hành các bước làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Tổ chức, triển khai các luận điểm.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục lòng yêu mến thơ ca, yêu quê hương đất nước…

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ngữ liệu, HS xác định đ­­ợc đối t­ợng của kiểu bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một một bài thơ, đoạn thơ.

*+ Nội dung của hoạt động:*Tìm hiểu đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ , cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân; nêu vấn đề, quy nạp…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra phần chuẩn bị của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Hãy kể tên một số vấn đề thuộc vấn đề nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?  Nêu hướng giải quyết vấn đề của em?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.  Ở tiết học trước các em đã hiểu bước đầu về bài nghị luận một đoạn thơ, bài thơ. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về cách làm bài nghị luận một đoạn thơ, bài thơ. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:17’  - Mục tiêu: Nắm được đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.Các bước khi làm nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, dạy học theo mẫu.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD tìm hiểu đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:**  - G. đưa 4 đề lên bảng phụ.  + Giao nhiệm vụ:  - Đọc đề bài, trả lời câu hỏi:  ? Các đề bài trên có cấu tạo như thế nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức, bổ sung:  - Đối với những đề đã ***định hướng rõ*** những yêu cầu của đề thì thường chứa đựng các từ ngữ: phân tích, cảm nhận, suy nghĩ.SGK phần b tr 80, đã gợi ý rất rõ sự khác biệt của ba từ này. Sắc thái khác biệt ở đây chính là yêu cầu về dung lượng, mức độ bài viết.  +Phân tích: Chỉ định về phương pháp; chia tách các luận điểm, luận cứ, gắn với các chi tiết hình ảnh để hướng tới chủ đề của tác phẩm (sắc thái khách quan).  + Cảm nhận: lưu ý đến ấn tượng, cảm thụ của người viết (giàu sắc thái chủ quan, Yếu tố biểu cảm nhiều)  +Từ suy nghĩ: nhấn mạnh tới nhận định, phân tích của người làm bài. Mức độ phân tích sâu (có kèm theo phân tích và cảm nhận).  - Những đề chưa có lệnh rõ thì người viết tự xác định để tập trung vào hướng nào, vào phương diện nào đáng chú ý nhất của đối tượng (khía cạnh nội dung, cảm xúc, tâm trạng, nghệ thuật, đoạn kết, khổ cuối...)  - Dù là đoạn thơ hay bài thơ thì cách thức phân tích như nhau (nội dung và nghệ thuật)  => Đề bài văn nghị luận về đoạn thơ, đoạn văn cũng rất phong phú và đa dạng, hiểu chắc cấu tạo của đề bài là cơ sở để ta làm bài tốt.  **\* HD tìm hiểu cách làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.**  - Phương pháp vấn đáp, gợi tìm  + Giao nhiệm vụ:  Đọc đề văn/ Sgk. Trả lời các câu hỏi sau:  ? Để viết một bài nghị luận nói chung sẽ có các bước như thế nào?  ? Sgk đã gợi ý phần tìm hiểu đề và tìm ý đối với đề văn này như thế nào? Nhìn vào đó, em rút ra ghi nhớ gì khi tìm hiểu đề cho một bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.  ? Thao tác tìm ý được thực hiện bằng cách nào?  ? Những câu hỏi tìm ý trong sgk hướng vào những giá trị nào của bài thơ?  ? Từ đó rút ra điều gì khi tìm ý cho một bài văn nghị luận về đoạn thơ, bài thơ?  ? Nhận xét gì về bố cục dàn ý của sgk?  ? Phần mở bài nêu những ý gì?  ? Vậy thì mở bài của một bài văn nghị luận về một đoạn thơ bài thơ có mấy ý?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức  **Chốt:**  - Phần mở bài: Tìm hiểu những thông tin liên quan về tác giả, thời điểm và hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm và đưa ra ý kiến khái quát nhất để thể hiện cảm nhận và hiểu biết của mình về bài thơ, đoạn thơ.  - Có nhiều cách mở bài khác nhau: trực tiếp và gián tiếp ... Dù mở bài theo cách nào thì chúng ta vẫn phải đảm bảo đủ các ý: giới thiệu tác giả, tác phẩm và đưa ra ý kiến của mình về bài thơ, đoạn thơ.  + HD tìm hiểu nhiệm vụ phần thân bài:  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận theo bàn:  ? Phần thân bài có mấy luận điểm?  ? Để làm rõ cho những luận điểm, có những luận cứ nào? Những luận cứ ấy hướng vào giá trị nào của bài thơ?  ? Đối chiếu với những yêu cầu về một bài văn nghị luận về một đoạn thơ bài thơ đã học ở tiết trước, em có nhận xét gì về cách triển khai luận cứ ở phần thân bài này?  ? Hãy bổ sung một luận cứ về nghệ thuật để làm rõ cho luận điểm 1?  ? Từ đó ta rút ra bài học gì khi lập dàn ý?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  ? Phần kết bài, người viết đã đưa ra những lời nhận xét như thế nào? Từ đó, ta rút ra những ý gì cần có khi lập dàn ý kết bài cho kiểu văn nghị luận này?  - Tổng kết và khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ, từ đó nhấn mạnh thêm ý nghĩa sâu sắc, lớn lao của bài thơ đối với sự nghiệp sáng tác của tác giả, đối với cuộc đời, đối với bạn đọc.  \* Khi đã có dàn ý, muốn tạo văn bản thì cái khó nhất là cách tổ chức, triển khai luận điểm => chuyển phần 2.  ? Trong văn bản, đâu là phần thân bài? Phần thân bài liên kết với mở bài và kết bài ra sao?  ? Câu hỏi ở phần này nhắc nhở tới người đọc chú ý tới điều gì đã dẫn dắt, khẳng định những suy nghĩ, ý kiến của mình như thế nào?  G. lấy ví dụ về việc phân tích đoạn 2 (luận điểm 2)  - Sự phân tích, ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu.  - Lời lẽ phân tích có cảm xúc (yếu tố biểu cảm)  ? Từ đó rút ra bài học gì qua cách làm bài nghị luận này?  \*GV chốt KT. | **I. Đề bài nghị luận về...**  + Thực hiện nhiệm vụ.  - Quan sát, đọc.  - Suy nghĩ trả lời câu hỏi.  +Báo cáo kết quả: chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  **II.Cách làm bài văn nghị luận ...**  + Thực hiện nhiệm vụ.  - Suy nghĩ trả lời.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Nhận xét.  - Quan sát, đọc.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  + Thực hiện nhiệm vụ: thảo luận theo bàn  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | **I. Đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:**  ***1. Các đề:***  **Đề 1**:Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh.  **Đề 2**: Cảm nhận và suy nghĩ của em về đoạn kết trong bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.  **Đề 3**: Hình tượng người chiến sĩ lái xe trong "bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.  **Đề 4**: Bài thơ "Con cò" của Chế Lan Viên gợi cho em những suy nghĩ gì?  ***2. Nhận xét:***  ***Cấu tạo:***  ***- Dạng 1 (có định hướng rõ)***  ***+Yêu cầu về nghị luận***  ***+Yêu cầu về vấn đề nghị luận***  ***- Dạng 2: Yêu cầu về vấn đề nghị luận (định hướng ngầm)***  **II.Cách làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.**  **Đề bài:** Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh,  1. **Các bước làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:**  ***a.Tìm hiểu đề, tìm ý:***  \*Tìm hiểu đề:  - Đọc kỹ đề bài để xác định vấn đề nghị luận và cách thức nghị luận  \*Tìm ý:  - Đọc kỹ bài thơ để xác nhận vấn đề nghị luận rồi đặt câu hỏi tìm những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  ***b/ Lập dàn ý:***  \* Mở bài:  \* Thân bài:  - Có 3 luận điểm: những luận cứ hướng vào giá trị nội dung của bài thơ.  - Triển khai những cảm nhận, đánh giá về tác phẩm thành những luận điểm chính của bài văn. Các luận điểm được sắp xếp theo trình tự hợp lý (theo bố cục hoặc theo mạnh cảm xúc của tác giả)  Sau đó trình bày các luận cứ ở mỗi luận điểm.  \* Kết bài:  c***. Viết bài***  ***e. Đọc lại bài và sửa lỗi.***  **2. Tìm hiểu cách tổ chức, triển khai luận điểm**  a.Văn bản"Quê hương trong tình thương nỗi nhớ"  b. Nhận xét  - Bố cục mạch lạc, rõ ràng theo 3 phần có sự liên kết chặt chẽ.  - Trình bày theo: khái quát – phân tích – tổng hợp.  - Tính thuyết phục, hấp dẫn:  + Cảm xúc riêng của người viết trong nhận xét, đánh giá.  -Sự phân tích, bình giá ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu, nội dung, cảm xúc...  **# Bài học:(SGK)**  Bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ cần được bố cục mạch lạc theo các phần:  ***-Mở bài: Giới thiệu đoạn thơ, bài thơ và bước đầu nêu nhận xét, đánh giá của mình.***  ***-Thân bài: Lần lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ.***  ***-Kết bài: Khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ.***  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 20’  - Mục tiêu: Vận dụng lí thuyết tiến hành các bước làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Tổ chức, triển khai các luận điểm.  - Phương pháp: vấn đáp, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | |
| **\* HD luyện tập:**  ? Hãy đọc bài tập luyện và thực hiện bước thứ nhất: tìm hiểu đề và tìm ý.  - Lưu ý học sinh: Vấn đề nghị luận chưa rõ => phải nêu được nội dung cảm xúc của khổ thơ là gì? phần này, sgk đã gợi ý rất cụ thể, căn cứ vào đó để tìm ý và lập dàn ý cho bài văn.  ? Yêu cầu học sinh triển khai luận điểm theo nhóm.  - Nhóm 1,2: luận điểm 1; nhóm 3,4 luận điểm 2  + Lưu ý học sinh trước khi viết:  - Căn cứ vào dàn ý  - Dựng đoạn, tách đoạn hợp lý, chú ý liên kết câu trong đoạn, đoạn với đoạn. | **III. Luyện tập**  - Đọc, xác định yêu cầu của đề.  - Tìm hiểu đề, tìm ý.  - Lập dàn ý, triển khai các luận điểm. | **III. Luyện tập**  Đề bài: Phân tích khổ thơ đầu bài "Sang thu" của Hữu Thỉnh  1.Tìm hiểu đề, tìm ý  a*- Tìm hiểu đề:*  - Vấn đề nghị luận: khổ thơ đầu bài "Sang thu"  - Về cách thức nghị luận: Phân tích  c. Giới hạn kiến thức: bài thơ "Sang thu"- khổ 1  *b- Tìm ý (Gợi ý Sgk)*  **2. Lập dàn ý**  **\*Mở bài**  - Dẫn dắt: đề tài mùa thu trong thi ca và "Sang thu" của Hữu Thỉnh.  - Nêu vấn đề:  - Khổ 1: đất trời chuyển sang thu nhẹ nhàng mà rõ rệt qua sự cảm nhận tinh tế, hình ảnh giầu sức biểu cảm.  - Chép khổ thơ  **\*Thân bài:** Nhận xét, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của khổ 1  - Cảnh sang thu của đất trời  + Nghệ thuật: Hình ảnh "hương ổi, gió, sương"  - Từ ngữ gợi tả, biểu cảm: "phả, se, chùng chình"  + Nội dung: tín hiệu sang thu nhẹ nhàng, mơ hồ.  - Cảm xúc của nhà thơ:  + Nghệ thuật: từ ngữ gợi tả, biểu cảm "bỗng, hình như"  + Nội dung: tâm trạng ngỡ ngàng, bâng khuâng....  **\*Kết bài:**  Giá trị, ý nghĩa của khổ 1.  - Nghệ thuật; cảm nhận tinh thế, hình ảnh giầu sức biểu cảm.  - Nội dung: đất trời chuyển sang thu nhẹ nhàng mà rõ rệt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ thực hành viết đoạn.  - Yêu cầu HS tập viết đoạn văn nghị luận : phân tích khổ 1 bài thơ Sang thu  Cho hs trao đổi và tìm ý, viết đoạn.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  Trao đổi và tìm ý  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Luyện viết đoạn văn hoàn chỉnh:  - Về hình thức: số câu, có mở kết, chữ viết…  - Về nội dung: đảm bảo theo đùng chủ đề và ý hợp lý.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ;cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm hiểu trên sách, báo, In- tơ – nét các bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ .  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh  - Đoạn thêm tác phẩm văn học học tập cách viết. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ, lưu sản phẩm. | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác... |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Viết thành văn bài phân tích khổ đầu bài thơ "Sang thu"

- Soạn bài: Mây và sóng ( Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi)

## TUẦN 27

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  23/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 126. MÂY VÀ SÓNG**

**(Ta-go)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Cảm nhận được ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử và nghệ thuật trong việc sáng tạo những cuộc đối thoại tưởng tượng và xây dựng hình ảnh thiên nhiên của tác giả.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại thơ văn xuôi.

- Phân tích và thấy được ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.

***3. Thái độ:***

- Biết quý trọng tình cảm gia đình, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đối thoại tưởng tượng giữa em với những người sống trên “mây và sóng”.

- Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại thơ văn xuôi.

- Phân tích và thấy được ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.

***3. Thái độ:***

- Biết quý trọng tình cảm gia đình, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được đư­ợc tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đối thoại t­ưởng tượng giữa em với những ngư­ời sống trên “mây và sóng”. Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí t­ưởng tượng bay bổng của tác giả.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Phân tích văn bản.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân; Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:5’**

- Chấm chữa 3 - 5 bài nói ngắn về cảm xúc suy nghĩ của mình khi nghe lời cha nói với con nếu đặt mình là người con trong bài thơ "Nói với con".

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp:HĐ cá nhân, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não. | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Quan sát hình ảnh đất nước Ấn Độ , chân dung nhà thơ Ta-go  -Nói một vài hiểu biết về đất nước Ấn độ và hiểu biết về nhà thơ Ta –go ?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.*** Ta-go là một nhà thơ đã gặp nhiều điều không may trong cuộc sống gia đình. Trong 6 năm, từ 1902 đến 1907, ông mất 5 người thân: vợ, con gái thứ hai, cha, anh, con trai đầu. Đó cũng chính là một trong những nguyên nhân khiến cho tình cảm gia đình đã trở thành một trong những đề tài quan trọng của thơ Ta-go, mà bài học hôm nay sẽ là một minh chứng cho điều ấy. | | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 28'  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó. Phân tích bài thơ để thấy được tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đối thoại tưởng tượng giữa em với những người sống trên “mây và sóng”. Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả.  - Phương pháp: Đọc diễn cảm, vấn đáp, giảng bình, thảo luận nhóm nhỏ...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  - Hướng dẫn học sinh đọc chú thích (sgk)  ? Nêu những hiểu biết của em về Tagor?  ? Xuất xứ bài thơ?  - GV bổ sung: Bài thơ được viết từ lòng yêu con trẻ và cả nỗi đau buồn vì mất hai đứa con thân yêu.  - Cho HS tìm hiểu một số từ khó/Sgk  - Hướng dẫn đọc: Đọc chậm rãi, thể hiện tình cảm trìu mến thiết tha.  - Yêu cầu HS đọc bài thơ.  - Gọi HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, uốn nắn.  ? Phương thức biểu đạt? Thể thơ?  ? Bài thơ là lời của ai nói với ai? Lời đó chia làm mấy phần?  ? Các phần đó có gì giống nhau và khác nhau?( Về số dòng thơ, cách xây dựng hình ảnh, cách tổ chức khổ thơ)? Tác dụng trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ?  ? Câu thơ trong bài thơ có gì đặc biệt?  \*GV thuyết trình: Hai phần giống nhau về số dòng thơ, có sự lặp lại một số từ ngữ, cấu trúc, cách xây dựng hình ảnh nhưng không hoàn toàn trùng lặp.  - Lời tâm tình của em bé đặt trong hai tình huống thử thách khác nhau, diễn tả tình cảm dạt dào, dâng trào của em.  - Mỗi phần của em bé đều gồm:  + Lời rủ rê của những người trên mây, trong sóng  + Lời từ chối và lý do từ chối của em bé.  + Nêu lên trò chơi của em bé (tự nghĩ ra để chơi cùng với mẹ)  - Thể thơ văn xuôi: câu thơ dài ngắn khác nhau, nhưng vần có nhạc điệu do yếu tố lặp lại và nhịp điệu bên trong của lời thơ. | | **I. Tìm hiểu chung**  - Đọc  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Giải thích từ khó.  - Nghe.  - Đọc.  - Nhận xét.  - Nghe.  - Xác định phương thức biểu đạt, thể thơ.  - Xác định nhân vật trữ tình, bố cục của bài thơ.  -Thảo luận nhóm, trả lời.  - Nghe, ghi nhớ. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích:**  **a.Tác giả:**  **-**Ta-gor (1861-1941)  - Là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ, từng đến Việt Nam (1916)  - Để lại gia tài văn hoá nghệ thuật đồ sộ phong phú cả văn, thơ, nhạc, hoạ, kịch....  - Nhà thơ đầu tiên của Châu Á nhận giải thưởng Nô-ben văn học với tập "Thơ dâng" – 1913  - Thơ ông thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình thắm thiết, chất triết lý thâm trầm.  - Thơ ông còn sử dụng thành công những hình ảnh của thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng.  **b. Tác phẩm:**  - Xuất xứ: Bài thơ được viết bằng tiếng Ben-gan, được chính tác giả dịch ra tiếng Anh, đưa vào tập "Trăng non" (trẻ thơ). Tập thơ là tặng vật vô giá của Ta-gor dành cho tuổi thơ. xuất bản 1909 và được chính Ta-go dịch ra tiếng Anh, in trong tập *trăng non*, xuất bản 1915.  **c. Từ khó:** Sgk  **2. Đọc**  **3. Phương thức biểu đạt:**  Biểu cảm kết hợp với tự sự, miêu tả  **4. Thể thơ**:  **- Thơ** văn xuôi tự do (trữ tình)  \* Nhân vật trữ tình: em bé (biểu lộ tình cảm của mình đối với mây, sóng và mẹ).  **5. Bố cục:** 2 phần  + Phần 1. Cuộc trò chuyện của em bé với mẹ về mây và trò chơi do em sáng tạo.  + Phần 2. Cuộc trò chuyện của em bé với mẹ về sóng và trò chơi do em sáng tạo. |
| **\* HD phân tích**  ***Phương pháp: Gợi tìm, vấn đáp, giảng bình...***  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  ? Những người trên mây, trong sóng đã nói gì với bé? Thế giới mà họ vẽ ra như thế nào?  ? Em bé đã có tâm trạng gì khi nói rằng "Nhưng làm thế nào mình lên đó được? Mình ra ngoài đó được" ?  ? Họ đáp lại em bé như thế nào?  ? Tại sao khi em bé từ chối họ lại mỉm cười bay đi?  ? Hãy đọc lại những lời em bé nói với mây và sóng. Lời nói đó cho thấy em bé có sự lựa chọn như thế nào?  ? Tại sao tác giả không để em bé từ chối ngay?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  GV bình: Nếu em bé từ chối ngay lời rủ rê của những người sống trên mây và trong sóng thì tình cảm sẽ thiếu chân thực vì trẻ em nào cũng rất ham chơi. Em phần nào đã bị lôi cuốn, song vấn đề là không thể đánh đổi thú vui chơi với việc xa rời mẹ.  ? Qua đây em hiểu gì về tình cảm của em bé? | | **II. Phân tích**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Khái quát trả lời. | **II. Phân tích**  **1. Lời mời gọi của những người sống trên mây, trên sóng.**  - Những người sống trên mây trên sóng đã vẽ ra những thế giới vô cùng hấp dẫn giữa vũ trụ rực rỡ sắc màu với bình minh vàng, vầng trăng bạc, tiếng đàn ca du dương bất tận và được đi khắp nơi.  - Cách đến và hoà nhập với họ rất thú vị và hấp dẫn, chỉ trong khoảnh khắc như trong cổ tích:  + Đưa tay lên trời.  + Nhắm nghiền mắt lại  **2. Lời từ chối của em bé**  - Em bé không đi chơi vì biết mẹ mình đang đợi ở nhà, buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, không thể thể rời mẹ mà đi được.  => Em bé rất yêu mẹ. Là đứa con ngoan, hiếu thảo.  Tác giả muốn khẳng định sức níu giữ của tình mẫu tử . |
| ? Em bé đã tưởng tượng ra những trò chơi khác nhau như thế nào?  ? Hãy đọc thầm lời bé nói với mẹ về những trò chơi do em tưởng ra.  ? Trò chơi được mô tả như thế nào? Có gì đặc biệt?  ? Phát hiện các hình ảnh, chi tiết thể thể hiện tình mẹ con? Cảm xúc của em về những hình ảnh được mô tả qua lời em bé?  ? Cảm nhận của em bé về cái hay trong câu thơ "con lăn, lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ"  \*Tích hợp với “Trong lòng mẹ”.  - Câu thơ cuối nâng lên một tầm khái quát cao hơn: "Và không ai trên thế gian này, biết mẹ con ta ở chốn nào". Hàm ý của câu thơ chính là "mẹ con ta" ở khắp mọi nơi, không ai có thể chia cách được tình cảm mẹ con ta, và như vậy thì tình mẫu tử ở khắp nơi, thiêng liêng, bất diệt. Câu thơ đã khắc sâu và tô đậm chủ đề của tác phẩm.  **\* HD tổng kết :**  - GV đưa bảng phụ có bài tập:  ***1. Dòng nào sau đây thể hiện đúng nhất nội dung cảm xúc của cả bài thơ?***  A. Tình yêu sâu nặng, tha thiết của con với mẹ.  B. Ngợi ca tình mẹ con thiêng liêng bất diệt.  C. Tấm lòng yêu thương, trân trọng của các giả đối với trẻ thơ.  D. Cả 3 ý trên đều đúng.  ***2 Ý kiến dưới đây nêu đúng và đủ nhất đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.***  A. Thơ văn xuôi, lời kể đan xen đối thoại, phép lặp biến hoá, phát triển.  B. Hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng; phép lặp biến hoá.  C. Thơ văn xuôi, lời kể đan xen đối thoại, phép lặp biến hoá, phát triển, hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.  D. Hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng; phép lặp biến hóa và phát triển.  - Đáp lại: (câu 1: D, câu 2:C) | | - Phát hiện trả lời.  -Tưởng tượng, mô tả, tái hiện lại từng trò chơi.  -Trình bày cảm nhận.  - Nghe.  **III. Tổng kết**  - Đọc, xác định yêu cầu, làm bài tập.  - Làm bài tập để rút ra nội dung ghi nhớ. | **3. Trò chơi của bé:**  - Trò chơi có bé, cùng mẹ, với mẹ - trò chơi do em tự nghĩ được hoà quyện cùng thiên nhiên, ấm áp tình mẹ con. Thiên nhiên thơ mộng qua trí tưởng tượng ngây thơ càng trở nên lung linh.  - Hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng: mẹ, con, tình mẫu tử thiêng liêng mà gần gũi, bất diệt.  - Ý nghĩa của 2 câu thơ cuối: lời kết cho phần 2, cho cả bài: tình mẫu tử thiêng liêng và bất diệt.  **III. Tổng kết**  \* Nghệ thuật: Nghệ thuật độc đáo: thơ văn xuôi, lời kể đan xen đối thoại, xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.  \* Nội dung:  - Là bài ca tình mẹ con.  - Thể hiện tấm lòng thương yêu con trẻ, yêu thương con người sâu sắc của tác giả.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP**  - Thời gian:5'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Đọc diễn cảm, đóng vai...  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Gọi 1 HS đọc lại bài thơ.  - Yêu cầu HS làm bài tập 2.  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **IV. Luyện tập**  **-** Đọc diễn cảm.  - Nhập vai, trả lời câu hỏi, nhận xét chéo.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **IV. Luyện tập**  Bài tập 1: Đọc diễn cảm bài thơ.  Bài tập 2/Sgk  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * - Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Văn bản “Mây và sóng” của R.Tago gợi cho em suy nghĩ gì về việc tạo lập hạnh phúc trong cuộc sống và sức níu giữ của tình mẫu tử?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm | | - Nêu suy nghĩ gì về việc tạo lập hạnh phúc trong cuộc sống và sức níu giữ của tình mẫu tử?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: - Đọc thêm các bài thơ khác viết về tình mẫu tử của tác giả Ta-go  - Trao đổi với người thân về nội dung bài học, như: kể cho người thân nghe về câu  chuyện vừa học, hỏi về ý nghĩa của câu chuyện, v.v…  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | * Hoàn thành nhiệm vụ được giao.   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp... |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

? Nếu là em bé trong bài thơ, em sẽ làm gì tr­ớc những lời mời của mây và sóng ?

- Học thuộc ghi nhớ, bài thơ

- Chuẩn bị ôn tập về thơ (kẻ bảng thống kê theo mẫu trang 89).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  23/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 127. ÔN TẬP VỀ THƠ**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống lại và nắm được những kiến thức về các văn bản thơ đã học trong trương trình Ngữ văn lớp 9.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá liến thức về các tác phẩm thơ đã học.

- Rèn kĩ năng hệ thống hóa, khái quát, cảm thụ, bình giá văn học.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục tình cảm gia đình, tình cảm cộng đồng, tình yêu quê hương đất nước.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Kiến thức về các tác phẩm thơ đã học trong trương trình Ngữ văn lớp 9.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng hệ thống hóa, khái quát, cảm thụ, bình giá văn học.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục tình cảm gia đình, tình cảm cộng đồng, tình yêu quê hương đất nước.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nắm được những kiến thức về các văn bản thơ đã học trong trương trình Ngữ văn lớp 9.

*+ Nội dung của hoạt động:*  lập bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại, sắp xếp theo giai đoạn, tìm hiểu đặc sắc về nội dung, nghệ thuật.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:*Dạy học dự án,hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***-*** Kiểm tra trong quá trình ôn tập.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Ở học kì I và đầu học kì II lớp 9 em đã được học những bài thơ nào của ai? Nêu những điều em cảm nhận được từ những tác phẩm đó ? Các tác phẩm đó đã thể hiện nh­ thế nào về cuộc sống của đất n­ớc và t­­ t­ởng tình cảm của con ng­ời?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.*** | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 10’  - Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập, hệ thống hoá kiến thức cơ bản về các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam học trong chương trình ngữ văn lớp 9.  - Phương pháp: Dạy học dự án (Lập bảng thống kê), thuyết trình...  - Kĩ thuật: Động não... | | |
| **I. Lập bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại.** | **I. Lập bảng thống kê ...** | **I. Lập bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại.** |
| Phương pháp: Dạy học dự án, thuyết trình.  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  - Giáo viên yêu cầu HS lập bảng thống kê kiến thức cơ bản về thơ hiện đại.  - Đọc diễn cảm theo trí nhớ các bài thơ đã học.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả, nhận xét chéo.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | - Làm ở nhà, thống nhất trong nhóm, trình bày.  - Đọc  -Nhận xét, phản biện. |  |

**Bảng thống kê...**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Tác giả** | **Thời gian** | | **Thể loại** | **Nội dung** | | **Nghệ thuật** |  |
| Đồng chí | Chính Hữu | 1948 | | Thơ tự do | Tình đồng chí gắn bó keo sơn tự nhiên, bình dị, sâu sắc của những người lính cách mạng trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Tình đồng chí trở thành sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của anh bộ đội cụ Hồ. | | - Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ, giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm  - Hình ảnh sáng tạo vừa hiện thực vừa lãng mạn: Đầu súng trăng treo |  |
| Bài thơ về tiểu đội xe không kính | Phạm Tiến Duật | 1969 | | Tự do | Hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng Miền Nam | | - Tứ thơ độc đáo:những chiếc xe không kính.  - Giàu chất liệu hiện thực chiến trường.  - Ngôn ngữ, giọng điệu mang nét tự nhiên, khoẻ khoắn, vui tếu có chút ngang tàng, lời thơ gần với lời văn xuôi, lời nói thường ngày. |  |
| Đoàn thuyền đánh cá | Huy Cận | 1958 | | 7 chữ | - Thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niền vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống | | - Sáng tạo hình ảnh thơ bằng liên tưởng, tượng tượng phong phú, độc đáo.  - Âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan |  |
| Bếp lửa | Bằng Việt | 1963 | | Thất ngôn trường thiên | Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ đã gợi lại những kỷ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. | | - Kết hợp giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận.  - Hình ảnh thơ sáng tạo, giàu ý nghĩa biểu tượng: Bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà. |  |
| Khúc hát ru những em bé.... | Nguyễn Khoa Điềm | 1971 | | Tám chữ – hát ru | - Tình yêu thương con gắn liền với tình yêu nước và ước vọng của người mẹ dân tộc Tà-ôi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước | | Giọng điệu thơ tha thiết, ngọt ngào, trìu mến.  - Bố cục đặc sắc: hai lời ru đan xen ở mỗi khổ thơ tạo nên một khúc hát ru trữ tình, sâu lắng. |  |
| Ánh trăng | Nguyễn Duy | 1978 | | Năm chữ | - Bài thơ là lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, bình dị, hiền hậu  - Từ đó, gợi nhắc người đọc | | - Giọng điệu tâm tình tự nhiên. Kết hợp giữa yếu tố trữ tình và tự sự.  - Hình ảnh giàu tính biểu cảm: Trăng giầu ý nghĩa biểu tượng. |  |
| Mùa xuân nho nhỏ | Thanh Hải | 1980 | | Năm chữ | Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên và củ đất nước, thể hiện ước nguyện chân thành góp mùa xuân nho nhỏ của đời mình vào cuộc đời chung. | | Thể thơ 5 chữ có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, hình ảnh đẹp giản dị, những so sánh ẩn dụ sáng tạo. |  |
| Viếng lăng Bác | Viễn Phương | 1976 | | Tám chữ | Lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ đối với Bác Hồ trong một lần từ Miền Nam ra viếng lăng Bác. | | Giọng điệu trang trọng và thiết tha, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm; ngôn ngữ bình dị, hàm súc. |  |
| Sang thu | Hữu Thỉnh | Sau 1975 | | Năm chữ | Biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa từ hạ sang thu qua sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ. | | Hình ảnh thiên nhiên được gợi tả bằng nhiều cảm giác tinh nhạy, ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. |  |
| Nói với con | Y Phương | Sau 1975 | | Tự do | Bằng lời trò chuyện với con, bài thơ thể hiện sự gắn bó, niềm tự hào về quê hương và đạo lý sống của dân tộc. | | Cách nói giàu hình ảnh, vừa cụ thể, gợi cảm, vừa gợi ý nghĩa sâu xa. |  |
| Mây và sóng | Tagor | Trong tập Trăng non (1909) | | Tự do (bản dịch từ tiếng Anh) | Qua lời trò chuyện của em bé với mẹ, thể hiện tình yêu mẹ vô ngần của em; ca ngợi tình mẹ con bất diệt và thiêng liêng. | | Kết cấu 2 phần đối xứng và nối tiếp, độc thoại lòng đối thoại, giọng điệu hồn nhiên, nhiều hình ảnh đẹp bay bổng tưởng tượng. |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 27’  - Mục tiêu: Củng cố những tri thức về thể loại thơ trữ tình đã hình thành quá trình học các tác phẩm thơ trong chương trình ngữ văn lớp 9 và các lớp dưới. Bước đầu hình thành hiểu biết sơ lược về đặc điểm và thành tựu của thơ Việt Nam từ sau CMT8 1945.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | | | | | |  |
| **\* HD sắp xếp các tác phẩm đó theo các giai đoạn văn học**  - Hãysắp xếp các tác phẩm đó theo các giai đoạn văn học?  ? Các tác phẩm đó đã thể hiện như thế nào về cuộc sống của đất nước và tư tưởng tình cảm của con người?  \* Kết luận chung:  - Các tác phẩm thơ ca Việt Nam từ sau CMT8 1945 đã tái hiện cuộc sống, đất nước và hình ảnh con người Việt Nam suốt một thời kỳ lịch sử nhiều giai đoạn.  + Đất nước con người Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với nhiều gian khổ, hi sinh nhưng rất anh hùng.  + Cộng cuộc lao động xây dựng đất nước và quan hệ tốt đẹp của con người.  - Các tác phẩm thơ thể hiện tâm hồn – tình cảm – tư tưởng của con người Việt Nam trong một thời kỳ lịch sử có nhiều biến động lớn, thay đổi lớn: Tình yêu nước, yêu quê hương, tình đồng chí, sự gắn bó với cách mạng, lòng kính yêu với Bác Hồ, tình mẹ con, bà cháu trong sự thống nhất với những tình cảm chung rộng lớn.  **III. Các đề tài lớn, điểm chung và điểm riêng của mỗi tác phẩm.**  - Hướng dẫn HS hoạt động nhóm.  ***?*** Nêu các đề tài lớn, điểm chung và điểm riêng của mỗi tác phẩm?  ? Đề tài về tình mẹ con?  ? Đề tài về người lính và tình đồng đội?  **VI. Nghệ thuật sáng tạo hình ảnh thơ:**  ? Nhận xét bút pháp xây dựng hình ảnh thơ trong các bài thơ? | | | **II. Sắp xếp các tác phẩm ...**  - Sắp xếp các tác phẩm…  - Trả lời.  - Nghe, ghi nhớ.  **III.Các đề tài lớn, điểm chung ...**  - Thảo luận nhóm, trình bày.  - Kể tên các bài thơ.  - Chỉ ra nét chung.  - Chỉ ra nét riêng.  **VI. Nghệ thuật sáng tạo hình ảnh thơ:**  -Nhận xét. | | | **II. Sắp xếp các tác phẩm đó theo các giai đoạn văn học**  - 1945 – 1954 : Đồng chí  - 1954 – 1964 : Đoàn thuyền đánh cá; Bếp lửa; Con cò  - 1964 – 1975 : Khúc hát những em bé lớn trên lưng mẹ, Bài thơ về tiểu đội xe không kính.  - 1975 đến nay: Ánh trăng; Viếng lăng Bác; Mùa xuân nho nhỏ, Nói với con, Sang thu.  **III. Các đề tài lớn, điểm chung và điểm riêng của mỗi tác phẩm.**  ***1. Đề tài về tình mẹ con***  a. Những điểm chung:  Ca ngợi tình mẹ con thắm thiết, thiêng liêng, gần gũi.  b. Nét riêng biệt:  - Khúc hát ru .... : sự thống nhất về tình mẹ con với lòng yêu nước, gắn bó với cách mạng và ý chí chiến đấu của người mẹ dân tộc Tà ôi trong hoàn cảnh hết sức gian khổ ở chiến khu Miền Tây – Thừa Thiên Huế trong kháng chiến chống Mỹ.  - Con cò: khai thác và phát triển ý thơ từ hình tượng con cò quen thuộc trong bài ca dao hát ru để ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa lời ru.  - Mây và sóng: nhà thơ hoá thân vào lời trò chuyện hồn nhiên ngây thơ của em bé với mẹ, thể hiện tình yêu mẹ thắm thiết. Mẹ đối với em là vẻ đẹp niềm vui, sự hấp dẫn lớn nhất, sâu xa và vô tận hơn tất cả những điều hấp dẫn khác trong vũ trụ.  ***2. Đề tài về người lính và tình đồng đội.***  \* Kể tên những bài thơ về đề tài này:  +Đồng chí - Chính Hữu.  + Bài thơ về tiểu đội xe không kính- Phạm Tiến Duật  + Ánh trăng - Nguyễn Duy  \* Nét chung của ba bài: đều viết về hình ảnh người lính với vẻ đẹp tâm hồn đáng quý nhưng cách khai thác của mỗi bài khác nhau.  \* Nét riêng:  - Đồng chí: viết về người lính ở thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, họ là những người nông dân mặc áo lính: cùng chung cảnh ngộ – cùng chia sẻ gian khổ – cùng lý tưởng chiến đấu, đây chính là cơ sở tạo nên sức mạnh của tình đồng chí đồng đội.  - Bài thơ ..... kính: Viết về người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn chống Mỹ với tinh thần dũng cảm bất chấp mọi khó khăn gian khổ, niềm lạc quan – họ là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.  - Ánh trăng: Tâm sự của người lính đã đi qua hai cuộc chiến tranh, nay đã sống giữa thành phố trong hoà bình – gợi lại những kỷ niệm gắn bó của người lính với đất nước với đồng đội trong những năm tháng gian lao đấu tranh nhắc nhở đạo lý thuỷ chung tình nghĩa.  **VI. Nghệ thuật sáng tạo hình ảnh thơ:**  - Các bài thơ sử dụng bút pháp nghệ thuật khác nhau trong xây dựng hình ảnh thơ:  + Đồng chí: bút pháp hiện thực – những chi tiết hiện thực – hình ảnh thực của cuộc sống người lính và thơ gần như là trực tiếp. Hình ảnh đẹp giàu ý nghĩa biểu tượng "đầu súng trăng treo".  + Đoàn thuyền đánh cá: Bút pháp hiện thực, kết hợp lãng mạn, tượng trưng.  + Bài thơ về tiểu đội xe không kính: bút pháp hiện thực, miêu tả cụ thể sinh động những chiếc xe không kính.  + Ánh trăng có nhiều hình ảnh chi tiết thực, bình dị, bút pháp gợi tả là chủ yếu, không đi vào chi tiết là hướng tới khái quát, biểu tượng.  \* Tóm lại: mỗi bút pháp có giá trị riêng phù hợp với tư tưởng, cảm xúc của bài thơ và phong cách riêng của mỗi tác giả. | |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | | | | |  |
| + Giao nhiệm vụ:   * Yêu cầu HS viết bài, trình bày.   - GV cho lớp nhận xét chéo.  - GV nhận xét, uốn nắn.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | | + Thực hiện nhiệm vụ.  - Làm việc cá nhân- viết bài.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | | **Bài tập cảm thụ văn học:**  Bằng một bài văn ngắn, hãy trình bày cảm nhận về một khổ thơ mà em thích trong các tác phẩm đã học. | |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | | | |  |
| + Giao nhiệm vụ:  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | |  | |  |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ.

**4.Củng cố: 3’**

? Những tác phẩm thơ hiện đại đã học và đọc thêm đã bồi đắp cho em tình cảm gì?

**5.HDVN: 2’**

- Chuẩn bị ôn tập kỹ các tác phẩm thơ của học kỳ II để kiểm tra 1 tiết.

- Soạn bài: Nghĩa tường minh, hàm ý - Tiếp theo ( Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi)

\*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  24/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 128. NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý (tiếp theo)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Củng cố khái niệm về nghĩa tường minh, hàm ý.

- Nắm được hai điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến người nói, người nghe.

***2. Kĩ năng:***

- Giải đoán và sử dụng hàm ý.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng hàm ý trong nói, viết sao cho hiệu quả giao tiếp cao nhất.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Hai điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến người nói, người nghe.

***2. Kĩ năng:***

- Giải đoán và sử dụng hàm ý.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng hàm ý trong nói, viết sao cho hiệu quả giao tiếp cao nhất.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ngữ liệu, HS nắm được các điều kiện của việc sử dụng hàm ý, vận dụng trong nói, viết.

*+ Nội dung của hoạt động:* các điều kiện của việc sử dụng hàm ý

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:5’**

**?** Thế nào là nghĩa tường minh, hàm ý? Cho ví dụ minh họa?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp   ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  GV cho Hs xây dựng tình huống có sử dụng hàm ý  - HS trao đổi cặp đôi.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.*** Ở tiết trước các em đã hiểu được thế nào là tường minh và hàm ý. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về điều kiện sử dụng hàm ý. | | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:15’  - Mục tiêu:Nắm được hai điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến người nói, người nghe.  - Phương pháp: Dạy học theo mẫu, vấn đáp, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: động não, XYZ, 321. | | | | | |
| **\* HD tìm hiểu điều kiện sử dung hàm ý:**  + Giao nhiệm vụ:  - Đưa bảng phụ có ví dụ.  - Yêu cầu HS đọc VD.  - HS thảo luận nhóm theo bàn:  ? Nêu hàm ý của câu in đậm. Vì sao chị Dậu không nói thẳng với con mà phải dùng hàm ý.  ? Hàm ý trong câu nói nào của chị Dậu rõ hơn? Vì sao chị Dậu lại phải nói rõ hơn như vậy? Chi tiết nào trong đoạn trích cho thấy cái Tí đã hiểu hàm ý của mẹ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  Như vậy cả hai câu nói của chị Dậu đều chứa hàm ý – chị Dậu đã có ý thức đưa hàm ý vào câu nói nhưng không phải câu nào người nghe (cái Tí) cũng giải đoán được.  ? Vậy để sử dụng một hàm ý cần có những điều kiện nào?  \*GV chốt kiến thức. | | **I. Điều kiện sử dung hàm ý:**  - Quan sát, đọc.  - Thảo luận, trả lời.  - Nghe.  - Rút ra nội dung bài học. | | **I. Điều kiện sử dụng hàm ý:**  ***1.Xét ngữ liệu:***  \* Ví dụ 1: (sgk trang 90)  Nhận xét:  - Hàm ý trong câu: "Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi" là:  + Sau bữa ăn này con không được ở nhà với thầy mẹ và các em nữa.  + Mẹ đã bán con.  Đây là điều đau lòng chị Dậu không thể nói thẳng ra một cách trực tiếp.  - Hàm ý trong câu: con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoàn, rõ hơn vì cái Tí không hiểu được câu nói thứ nhất, nên nó mới hỏi mẹ nó: "Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu". Sự "giãy nảy" và câu nói trong tiếng khóc của Tí "U bán con thật đấy ư" chứng tỏ Tí đã hiểu mẹ.  **2. Bài học:**  *Để sử dụng một hàm ý cần có 2 điều kiện:*  *+Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói/*  *+ Người nghe (Người đọc) có năng lực giải đoán hàm ý*  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:18’  - Mục tiêu: Biết giải đoán và sử dụng hàm ý.  - Phương pháp: vấn đáp, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép. | | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  + Giao nhiệm vụ:  Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu của đề.  - Yêu cầu HS làm bài tập.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả, nhận xét chéo.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  - GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận làm các bài tập 2,3,4,5.  - Yêu cầu mỗi nhóm làm một bài tập.  - Cho các nhóm tiến hành thảo luận trong 4’.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả:  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.  - Cho các nhóm nhận xét chéo, phản biện.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II.Luyện tập**  + Thực hiện nhiệm vụ.  - Đọc, xác định yêu cầu của đề.  Làm bài tập, + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  + Thực hiện nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày, nhận xét chéo, phản biện.  - Nghe, ghi chép. | | **II. Luyện tập:**  **Bài 1:**  Câu a. Câu: "Chè đã ngấm rồi đấy."  + Người nói là anh thanh niên, người nghe là cô gái và ông họa sĩ.  + Hàm ý của câu là: "Mời bác và cô vào uống nước."  + Hai người nghe đều hiểu hàm ý đó, chi tiết "ông theo liền anh thanh niên vào nhà" và "ngồi xuống nghe".  b. Câu "Chúng tôi cần phải bán những thứ này đi để...."  + Người nói là anh Tấn, người nghe là chị hàng đậu.  + Hàm ý của câu: "Chúng tôi không thể cho được" (nghĩa là từ chối)  + Người nghe hiểu được hàm ý đó, thể hiện ở câu nói cuối cùng.  c. Câu: "Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây". "Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều".  + Người nói là Thuý Kiều, người nghe là Hoạn Thư  + Hàm ý là mỉa mai: Nàng là tiểu thư danh giá thế mà cũng phải đến đây, cúi đầu trước con hoa nô này sao? Hàm ý đe doạ trừng trị: gieo gió sẽ gặp bão.  + Hoạn Thư hiểu hàm ý câu nói đó nên "hồn lạc phách xiêu".  **Bài tâp 2:**  Hàm ý của câu in đậm là: :"Chắt giùm nước để cơm khỏi nhão". Em bé dùng hàm ý vì dã có lần (trước đó) nói thẳng rồi mà không có hiệu quả, và vì vậy bực mình. Vả lại lần nói thứ hai này có thêm yếu tố thời gian bức bách (tránh để lâu cơm nhão). Việc sử dụng hàm ý không thành công vì "anh Sáu vẫn ngồi im", tức là anh toả ra không cộng tác (vờ như không nghe, không hiểu).  **Bài tập 3:** Điền câu trả lời thích hợp có chứa hàm ý.  A. Mai mình về quê chơi đi  B. Mình rất nhiều việc. Hoặc: Mình về quê/ mình đã có hẹn  **Bài tập 4:** Qua sự so sánh của Lỗ Tấn có thể nhận ra hàm ý: tuy hy vọng nhưng chưa thể nói thực hay hư, nhưng nếu cố gắng thực hiện thì có thể đạt được.  **Bài tập 5:** Câu có hàm ý mời mọc:  + Bọn tớ chơi từ khi.... Bọn tớ chơi với Bình khi ..... Mẹ mình đang đợi ở nhà..... Làm sao có thể......  + Bọn tớ ca hát......Bọn tớ ngao du.....buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà.........  - Nói rõ hàm ý mời mọc:  VD: Các bạn nhỏ mà đi cùng thì thú vị lắm đấy! Không biết có ai muốn đi cùng với bọn tớ không nhỉ?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân.   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu HS tập đặt hội thoại có sử dụng hàm ý. Phân tích nghĩa tường minh và hàm ý.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | - Đặt được đoạn hội thoại theo cặp, phân tích nghĩa tường minh và hàm ý.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| - GV giao nhiệm vụ cho học sinh:  - Tự làm sổ tay Tiếng Việt – Văn học.  - Đọc thêm : Ngữ pháp Tiếng Việt – Diệp Quang Ban.  - Sưu tầm câu văn trong các TP văn học có sử dụng hàm ý. | Lắng nghe | | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Ôn tập văn học phần thơ, chuẩn bị cho tiết kiểm tra 45’.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  16/02/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 129. KIỂM TRA VĂN (PHẦN THƠ)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Vận dụng kiến thức đã học về thơ hiện đại để làm tốt bài kiểm tra trên lớp.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng cảm thụ về một đoạn thơ, bài thơ.

***3. Thái độ:***

- Nỗ lực, tự tin và làm việc hiệu quả

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Kiến thức về thể loại, hoàn cảnh sáng tác của các tác phẩm.

- Tư tưởng chủ đề của các tác phẩm thơ hiện đại.

- Nghị luận về đoạn thơ.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng cảm thụ về một đoạn thơ, bài thơ.

***3. Thái độ:***

- Nỗ lực, tự tin và làm việc hiệu quả

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

- Ôn tập cho HS phần thơ hiện đại.

- Nhận đề từ BGH.

- Thời gian: Theo kế hoạch kiểm tra của Phòng GD&ĐT.

**2.Trò:**

- Ôn tập phần thơ hiện thơ hiện đại.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT sự chuẩn bị của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**\* Hoạt động 1**: Phát đề

- GV phát đề đã phô tô cho HS.

**\* Hoạt động 2:** Học sinh làm bài.

- Yêu cầu HS làm bài tự giác, nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài.

- Giáo viên thu bài đúng giờ. Nhận xét giờ kiểm tra.

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Lập dàn ý đại cương cho đề văn ở bài viết số 6, chuẩn bị cho tiết trả bài.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  2/3/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 130. TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6(Ở NHÀ)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- HS nhận ra những ưu nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa chữa những lỗi cơ bản trong bài viết.

- Nắm vững kiểu bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích): Suy nghĩ của em về vẻ đẹp và bài học cuộc sống mà nhân vật người kĩ sư khí tượng thủy văn đã mang lại cho em.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

- Kĩ năng dùng từ, đặt câu...

***3. Thái độ:***

- HS có ý thức đọc lại bài, sửa lỗi sau khi viết bài; trân trọng tình cảm gia đình.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích): Suy nghĩ của em về vẻ đẹp và bài học cuộc sống mà nhân vật người kĩ sư khí tượng thủy văn đã mang lại cho em.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

***3. Thái độ:***

- HS có ý thức đọc lại bài, sửa lỗi sau khi viết bài.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ.

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ...

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua những nhận xét, đánh giá của giáo viên, HS nhận ra những ưu nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa chữa những lỗi cơ bản trong bài viết.

*+ Nội dung của hoạt động: Xác định yêu cầu của đề, xây dựng đáp án – biểu điểm, nhận xét, sửa lỗi, trả bài.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT việc lập dàn ý của HS:2’

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: HĐ nhóm, thuyết trình.   Kĩ thuật: động não. | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Làm thế nào để làm tốt một bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:  Các em đã viết bài TLV số 6: đó là kiểu bài nghị luận về tác phẩ truyện hoặc đoạn trích. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm được những gì, còn điều gì chưa đạt yêu cầu hoặc cần tránh. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 17'  - Mục tiêu: HS nhận thấy những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có hướng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321 | | |
| **\* Cho HS nhắc lại đề bài:**  **\* HD HS phân tích đề:**  ? Xác định yêu cầu của đề?  **\* HD xây dựng đáp án, biểu điểm**:  - Giáo viên hướng dẫn học sinh xây dựng đáp án, biểu điểm.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh xây dựng đáp án, biểu điểm.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh xây dựng đáp án, biểu điểm.  **\* GV nhận xét chung:**  - Nhận xét ưu- nhược điểm trong bài viết của học sinh. | **\* Đề bài:**  - Nhắc lại đề bài.  **I.Phân tích đề**  - Xác định yêu cầu của đề.  **II. Đáp án, biểu điểm**  - Học sinh nắm được biểu điểm để đối chiếu với bài viết để tự đánh giá.  - Học sinh nắm được biểu điểm để đối chiếu với bài viết để tự đánh giá.  - Học sinh nắm được biểu điểm để đối chiếu với bài viết để tự đánh giá.  **III. Nhận xét chung**  - Nghe, rút kinh nghiệm. | **\*Đề bài:**  *“...- Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa - Người con trai bất chợt quyết định - Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. ......... Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.”*  (Trích “Lặng lẽ Sa Pa”  Theo đoạn văn bản trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp và bài học cuộc sống mà nhân vật người kĩ sư khí tượng thủy văn đã mang lại cho em.  **I. Phân tích đề:**  1. Yêu cầu của đề  - Thể loại: Nghị luận về tác phẩm, đoạn trích truyện.  - Nội dung: Phân tích đoạn văn bản trong “Lặng lẽ Sa Pa”để làm rõ vẻ đẹp của anh thanh niên và ý nghĩa cao quý của những công việc thầm lặng, rút ra bài học cuộc sống cho bản thân.  **II. Đáp án, biểu điểm**  **\* Dàn bài:**  **(I). Mở bài(1 đ’)**  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Đánh giá sơ bộ về vẻ đẹp của nhân vật qua đoạn văn bản.  **(II).Thân bài(8 đ’)**  ***1. Khái quát, giới thiệu vị trí đoạn văn bản trong sự phát triển của cốt truyện 1 đ’)***  - Là nhân vật chính của truyện, tuy tác giả không cho nhân vật xuất hiện ngay từ đầu, chỉ gián tiếp qua lời giới thiệu rất ấn tượng của bác lái xe và qua cuộc gặp gỡ, tình cờ, ngắn ngủi với các nhân vật khác để rồi lại khuất vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi non Sa Pa nhưng anh đã để lại trong lòng người đọc một ấn tượng đẹp.  - Đoạn trích trên nằm ở khoảng giữa của truyện. Sau khi đón khách dưới chân núi, đưa khách lên thăm nơi ở và làm việc, cắt hoa tặng cô kĩ sư trẻ, anh thanh niên mời khách uống trà và tâm sự về công việc của mình.  ***2. Cảm nhận: (5 đ’)***  ***2.1 Đọc đoạn trích người đọc dễ dàng nhận thấy công việc của anh rất phức tạp, hoàn cảnh sống và làm việc của anh vô cùng khó khăn***:  - Sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao hai nghìn sáu trăm mét, quanh năm làm bạn với mây mù, cây cỏ.  - Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu, công việc gian khó và đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. - Anh đã vượt qua được hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp, rất giản dị mà sâu sắc.  ***2.2 Song cũng trong hoàn cảnh ấy, qua những lời tâm sự của anh về công việc, ta thấy ở anh tỏa sáng những vẻ đẹp về phẩm chất, tâm hồn.***  ***a. Trước hết ta thấy anh*** ***là người có lí tưởng sống cao đẹp, rất yêu yêu nghề, thạo việc, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc lắm gian khổ.***  - Công việc của anh thật gian khổ vậy mà anh nói về nó một cách rất bình thản: “Công việc nói chung cũng dễ chỉ cần chính xác”.  - Qua lời kể của anh “ta thấy anh là người rất thạo việc.  - Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào.  - Chính suy nghĩ tích cực đó đã làm nên chất men say để anh lao động và thầm lặng cống hiến cho đất nước, làm cho cuộc sống của anh thanh niên không còn cô đơn, buồn tẻ nữa.  ***2.3. Với tinh thần trách nhiệm, niềm say mê công việc, lí tưởng sống được cống hiến của mình anh đã khắc phục được khó khăn gian khổ, luôn hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.***  - Làm việc trên đỉnh núi cao không ai giám sát, thúc giục, anh vẫn luôn tự giác, tận tụy.  ***-*** Anh hiểu rõ công việc thầm lặng của mình là cần thiết và có ích cho mọi người, nó gắn liền với mọi người và cuộc sống chung của đất nước.  - Anh đã không bỏ qua, không chậm trễ một lần nào trong những giờ đi ốp dù ban ngày hay ban đêm, khi gió lớn hay mưa tuyết.  ***c. Không chỉ vậy, vẻ đẹp của anh thanh niên còn thể hiện ở sự cởi mở,chân thành, hiếu khách.***  - Sự nhiệt thành của anh với ông hoạ sĩ và cô gái mới lần đầu tiên gặp gỡ đã nói lên điều đó.  - Anh pha trà mời khách và trò chuyện rất cởi mở với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc, cuộc sống của mình.  - Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vô cùng quý báu này. Những cử chỉ, hành động của anh là những biểu hiện thể hiện sự cởi mở, chân thành hiếu khách vô cùng đáng quý.  **3. Đánh giá nghệ thuật, liên hệ (1 đ’)**  - Nguyễn Thành Long rất thành công khi khắc hoạ nhân vật anh thanh niên. Với bút pháp “vẽ mây nẩy trăng” tác giả dùng nhân vật phụ để tôn vẻ đẹp của nhân vật chính. - Nguyễn Thành Long không đặt cho anh một cái tên riêng, phải chăng tác giả muốn nói với chúng ta rằng ta có thể gặp những con người như anh ở bất cứ nơi đâu, lúc nào trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ Quốc .  **4. Bài học cuộc sống anh thanh niên để lại trong ta (1 đ’)**  - Anh là hình ảnh tiêu biểu cho những con người ở Sa Pa, là chân dung con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Là hình ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam những năm 70 của thế kỉ XX, những con người sống có lí tưởng, lao động thầm lặng, cống hiến hết mình cho đất nước.  - Liên hệ mở rộng.  ***(III). Kết bài:***  - Khẳng định lại giá trị đoạn trích.  - Liên hệ bản thân.  **III. Nhận xét chung**  1. Ưu điểm  - Nhìn chung các bài viết làm đúng kiểu bài nghị luận về truyện.  - Nắm được nội dung cơ bản của truyện.  - Bố cục ba phần khá rõ ràng.  2.Nhược điểm:  - Nhiều bài còn sơ sài, thiếu ý.  - Một số bài chỉ lý thuyết suông còn thiếu những dẫn chứng cụ thể.  - Một số bài kỹ năng nghị luận còn yếu, thiên về phân tích nhân vạt chứ chưa nêu được suy nghĩ về vấn đề cần nghị luận.  - Một số bài còn thiếu tính liên kết, rời rạc lủng củng. Trình bày cẩu thả, sai chính tả, gạch xoá nhiều. |
| **\* HD HS chữa lỗi:**  - Giáo viên chữa lỗi cho học sinh trên bài viết của HS học sinh :  + Nêu những lỗi thường gặp về hình thức.  + Gọi HS sửa lỗi.  + GV sửa lỗi.  - GV nêu những lỗi thường gặp về nội dung.  - Gọi HS sửa lỗi.  - GVnhận xét, sửa lỗi.  - GV nêu những lỗi thường gặp về kĩ năng.  - Gọi HS sửa lỗi.  - GVnhận xét, sửa lỗi.  **V.Trả bài:**  - GV trả bài cho HS.  - Gọi 1-2 em viết tốt đọc  ( Duyên, Hoàng Linh) | **IV. Chữa lỗi**  -Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  **V.Trả bài:**   * + Nghe, học hỏi.   - Suy nghĩ trả lời. | **IV. Chữa lỗi**  ***1. Về hình thức:***  \* Chữ viết mất nét, chưa rõ ràng (Bài của Lăng, Lộc, Thương)  \* Viết tắt: bài của Thảo.  \* Viết chữ sai Thương.  ***2. Về nội dung:***  - Một số bài nội dung sơ sài do chưa tự giác trong học tập.  - Chưa làm rõ được vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên qua đoạn văn bản.  ( Lộc Lăng, Thương, Mai)   * + Nhiều bài chưa rõ bố cục.   ***3. Về kĩ năng:***  \* Diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ: Lộc, thương, Lăng,...)  **V.Trả bài:**  - Trả bài cho HS và đọc các bài làm hay.  - Sửa lỗi : một số lỗi dùng từ và chính tả (HS tự đọc lại phát hiện và sửa lại)  \* Kết quả cụ thể:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm | Dưới 5 | 5 -> dưới 8 | 8-. 10 | %Trên TB | | Số bài |  |  |  |  |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, cặp đôi   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Trao đổi bài cho bạn bên cạnh, sửa lỗi (nếu có)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Giao nhiệm vụ:  Trao đổi bài cho bạn bên cạnh, sửa lỗi (nếu có)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | Trao đổi bài cho bạn bên cạnh, phát hiện và sửa được lỗi (nếu có)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tự chọn một đoạn văn bản trong các tác phẩm truyện đã học, tao đổi với người thân, bạn bè, tìm hiểu và viết bài nghị luận ngắn cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật được thể hiện qua đoạn trích.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Giao nhiệm vụ:  Tìm hiểu, chọn một hiện tượng đáng bàn trong cuộc sống. Viết bài nghị luận.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | Tự chọn một đoạn văn bản trong các tác phẩm truyện đã học, viết được bài nghị luận ngắn cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật được thể hiện qua đoạn trích.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tự học, hợp tác, sáng tạo |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Ôn lại cách làm văn nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

- Xem lại bài của mình, sửa lỗi (nếu có).

- Chuẩn bị bài mới: Tổng kết văn bản nhật dụng ( Đọc lại các văn bản nhật dụng từ lớp 6 đến lớp 9, trả lời câu hỏi/ Sgk - tiết tổng kết)

\***Rút kinh nghiệm bài kiểm tra:**

............................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................

## TUẦN 28

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  2/3/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 131, 132. TỔNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố và hệ thống lại những kiến thức cơ bản về văn bản nhật dụng.

**2. Kĩ năng:**

- Tiếp cận một văn bản nhật dụng.

- Tổng hợp và hệ thống hoá kiến thức.

**3. Thái độ**:

- Có thái độ đúng đắn về vấn đề đặt ra trong văn bản nhật dụng đã học, vận dụng vào thực tế cuộc sống

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc tr­ng về văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dung.

- Những nội dung cơ bản của các văn bản nhật dụng đã học.

**2. Kĩ năng:**

- Tiếp cận một văn bản nhật dụng.

- Tổng hợp và hệ thống hoá kiến thức.

**3. Thái độ**:

- Có thái độ đúng đắn về vấn đề đặt ra trong văn bản nhật dụng đã học, vận dụng vào thực tế cuộc sống.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua bài tổng kết , giúp HS nắm được đặc trư­ng về văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dung .Tổng hợp và hệ thống hoá kiến thức.

*+ Nội dung của hoạt động:* Khái niệm , đặc điểm văn bản nhật dụng , Bảng hệ thống các văn bản nhật dụng , phương pháp học văn bản nhật dụng .

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, lập bảng thống kê về các văn bản nhật dụng đã học từ lớp 6- lớp 9.

dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:2’**

- Kiểm tra bài soạn của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề   Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Kể tên các văn bản nhật dụng đã học từ lớp 6-9 ?  +Chủ đề hướng tới của các văn bản nhật dụng đã học?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. Văn bản nhật dụng là những văn bản đề cập đến những vấn đề bức thiết trong cuộc sống, rất bổ ích đối với mỗi chúng ta. Nội dung, tính chất của các văn bản nhật dụng rất phng phú, đa dạng. Hôm nay chúng ta sẽ tiến hành tổng kết các văn bản nhật dụng đã học từ lớp 6 đến lớp 9. | | + HS thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’   - Mục tiêu: Đặc tr­ng về văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dung. Rèn kĩ năng tổng hợp và hệ thống hoá kiến thức.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, thuyết trình…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ, 321 | | | |
| **\* HD ôn lại khái niệm, đặc điểm của văn bản nhật dụng:**  + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân trả lời các câu hỏi :.  ? Thế nào là văn bản nhật dụng?  ? Thế nào là tính cập nhật của văn bản nhật dụng?  - Yêu cầu về tính văn chương được đặt ra với văn bản nhật dụng như thế nào?  - Gv nhận xét và chốt kiến thức . | **I. Khái niệm, đặc điểm ...**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **I. Khái niệm, đặc điểm của văn bản nhật dụng.**  **1. Khái niệm**  ***- Văn bản nhật dụng là loại văn bản đề cập, bàn luận, thuyết minh, tường thuật, miêu tả, đánh giá .... về những vấn đề, những hiện tượng gần gũi, bức xúc với cuộc sống của con người và cộng đồng.***  - Văn bản nhật dụng không phải là khái niệm thể loại văn học, cũng không chỉ kiểu văn bản. Nó chỉ đề cập tới chức năng, đề tài và tính cập nhật của văn bản nhật dụng (Nghĩa là văn bản nhật dụng có thể sử dụng mọi thể loại – mọi kiểu văn bản).  ***- Tính cập nhật của nội dung văn bản:*** Kịp thời đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của cuộc sống hàng ngày – cuộc sống hiện đại thể hiện rõ chức năng - đề tài (đề tài có tính cập nhật). Văn bản nhật dụng tạo điều kiện tích cực để thực hiện nguyên tắc giúp học sinh hoà nhập với xã hội,  ***- Văn bản nhật dụng có thế mạnh riêng giúp HS thâm nhập cuộc sống thực tế.***  ***- Tính văn chương của văn bản nhật dụng:*** không phải là yêu cầu cao, nhưng là yêu cầu quan trọng mới chuyển tải một cách cao nhất – sâu sắc – thấm thía tới người đọc về tính chất thời sự nóng hổi của vấn đề mà văn bản đề cập. |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  ? Văn bản nhật dụng có những đặc điểm gì về mặt nội dung ?  ? Về hình thức, văn bản nhật dụng có những đặc điểm gì?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  Gv nhận xét và chốt kiến thức . | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **2. Đặc điểm của văn bản nhật dụng:**  ***a. Nội dung:***  ***- Đề tài của văn bản có tính cập nhật, gắn với những vấn đề cơ bản của cộng đồng.*** Cái thường nhật gắn với những vấn đề lâu dài của sự phát triển lịch sử xã hội.  - Tất cả các vấn đề luôn được các phương tiện thông tin đại chúng nhắc đến, được xã hội và địa phương quan tâm.  - Nội dung của văn bản nhật dụng còn là nội dung chủ yếu của nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước, của nhiều thông báo, công bố của các tổ chức quốc tế (thế giới quan tâm). |
|  |  | | b. Hình thức:  ***- Phương thức biểu đạt của văn bản nhật dụng khá phong phú, đa dạng (kết hợp nhiều phương thức biểu đạt trong một văn bản).***  - Giống như tác phẩm văn chương, văn bản nhật dụng thường không chỉ dùng một phương thức biểu đạt mà kết hợp nhiều phương thức biểu đạt để tăng tính thuyết phục.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:25’  - Mục tiêu: Nắm vững những nội dung cơ bản của các văn bản nhật dụng đã học.Rút ra đ­ợc bài học về phư­ơng pháp học văn bản nhật dụng.  - Phư­ơng pháp: Lập bảng hệ thống kiến thức, vấn đáp.  - Kĩ thuật: Động não... | | | |
| **II.Lập bảng tổng kết văn bản nhật dụng** :  - Yêu cầu HS trình bày nội dung bảng tổng kết( Đã lập ở nhà) | **II.Lập bảng tổng kết văn bản ...**  - Trình bày nội dung bảng tổng kết | | **II.Lập bảng tổng kết văn bản nhật dụng:** |
| **\* HD HS rút ra phương pháp học văn bản nhật dụng :**  **-** Giáo viên giao nhiệm vụ :  HS thảo luận nhóm theo bàn trả lời câu hỏi  ? Muốn học tốt văn bản nhật dụng, trước hết cần lưu ý đến vấn đề gì?  ? Mối quan hệ giữa văn bản nhật dụng với các môn học khác như thế nào? Từ đó có thể rút ra bài học gì?  ? Qua đó, có thể rút ra những kết luận gì về phương pháp học văn bản nhật dụng?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  +Gv nhận xét và chốt kiến thức: Tính cập nhật về nội dung là tiêu chuẩn hàng đầu của văn bản nhật dụng. Điều đó đòi hỏi lúc học văn bản nhật dụng nhất thiết phải liên hệ với thực tiễn cuộc sống.  - Hình thức của văn bản nhật dụng rất đa dạng. Cần căn cứ vào đặc điểm về hình thức văn bản cụ thể, thể loại và phương thức biểu đạt để phân tích tác phẩm. | **III. Phương pháp học ...**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm | | **III. Phương pháp học văn bản nhật dụng:**  ***- Văn bản nhật dụng: vận dụng vào thực tiễn (bày tỏ quan điểm, cách thức bảo vệ quan điểm, ý kiến ấy)***  ***- Kiến thức của văn bản nhật dụng liên quan đến nhiều môn học***  (Ví dụ: có thể kết hợp với các môn: Giáo dục công dân, Sinh học.....)  **\*Ghi nhớ: SGK** |
|  |  | |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Văn bản** | **Thể loại** | **Phương thức biểu đạt** | **Nội dung chính** | **Nghệ thuật** |
| 6 | Cầu Long Biên chứng nhân lịch sử | Bút kí mang nhiều yếu tố hồi kí | Biểu cảm kết hợp từ sự miêu tả. | Hơn một thế kỷ qua, cầu Long Biên đã chứng kiến bao nhiêu sự kiện lịch sử hào hùng bi tráng của Hà Nội. Tuy đã rút ra về vị trí khiêm nhường nhưng cầu Long Biên vẫn mãi mãi trở thành một chứng nhân lịch sử không chỉ riêng của Hà Nội mà của cả nước. | Phép nhân hoá được dùng để gọi cầu Long Biên cùng lối viết giàu cảm xúc bắt nguồn từ những hiểu biết và kỷ niệm về cầu đã tạo nên sức hấp dẫn của bài văn. |
| 6 | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | Viết thư | Nghị luận kết hợp với biểu cảm, thuyết minh. | Qua bức thư trả lời yêu cầu mua đất của tổng thống Mỹ Phreng-klin, thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tơn muốn gửi tới người đọc thông điệp: con người sống phải hoà hợp với thiên nhiên phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như mạng sống của chính mình. Đây là vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại. | Giọng văn truyền cảm, bằng lối sử dụng phép So sánh, nhân hoá, điệp ngữ phong phú, đa dạng. |
| 6 | Động Phong Nha | Bút ký | Thuyết minh kết hợp miêu tả, biểu cảm. | Động Phong Nha ở miền Tây tỉnh Quảng Bình được xem như là kỳ quan thứ nhất "Đệ nhất kỳ quan". Động Phong Nha đã và đang thu hút khách tham quan trong và ngoài nước. Chúng ta tự hào về đất nước có động Phong Nha đã và đang thu hút khách tham quan trong và ngoài nước. Chúng ta tự hào vì đất nước có động Phong Nha cũng như thắng cảnh khác (được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thê giới) | Tả kể theo trình tự từ ngoài vào trong.  Từ khái quát đến chi tiết cụ thể  - Kết hợp với những lời bình của nhà thám hiểm  - Lời văn giàu cảm xúc |
| 7 | Cổng trường mở ra | Tuỳ bút | Biểu cảm kết hợp với tự sự. | Tấm lòng yêu thương và tình cảm sâu lặng của người mẹ đối với con cái và vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống của mỗi con người. | Những dòng nhật ký tâm tình nhỏ nhẹ và sâu lắng khắc hoạ tâm lý nhân vật rõ nét |
| 7 | Mẹ tôi | Tuỳ bút | Biểu cảm kết hợp với tự sự. | Qua bức thư của người bố viết cho con, thể hiện tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái. | Với những lời nói chân thành sâu sắc của người bố gợi lại những hình ảnh cụ thể về sự hy sinh của người mẹ. Bài viết đầy cảm xúc. |
| 7 | Cuộc sống chia tay của những con búp bê | Truyện ngắn | Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. | Cuộc chia tay đau đớn đầy cảm động của hai anh em trong truyện khiến người đọc thấm thía rằng: tổ ấm gia đình là vô cùng quý giá và quan trọng. Mọi người hãy cố gắng bảo vệ và giữ gìn. Không nên vì cất cứ lý do gì làm tổn hại đến tình cảm tự nhiên trong sáng ấy. | - Tình tiết cảm động.  - Lựa chọn ngôi kể thứ nhất phù hợp, tạo sự hấp dẫn, chân thực, giàu sức thuyết phục. |
| 7 | Ca Huế trên sông Hương | Bút ký | Tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm. | Cố đô Huế nổi tiếng không phải chỉ có danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử mà còn nổi tiếng các làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình. Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hoá ân nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển. | - Miêu tả chân thực và sinh động, giàu yếu tố biểu cảm.  - Sự am hiểu tinh tế của người viết về một di sản văn hoá dân tộc. |
| 8 | Thông tin về ngày trái đất năm 2000. (Tài liệu của Sở KHCN Hà Nội) | Thông báo | Nghị luận kết hợp với hành chính. | Lời kêu gọi bình thường: "Một ngày không dùng bao ni lông" được truyền đạt bằng một hình thức rất trang trọng: "Thông tin về ngày trái đất năm 2000". Điều đó cùng với sự giải thích đơn giản và sáng tỏ về tác hại của việc dùng bao nilông đã gợi cho chúng ta những việc có thể làm ngày để cải thiện môi trường sống, để bảo vệ trái đất – ngôi nhà chung của chúng ta. | Giới thiệu chi tiết, cụ thể, số liệu chính xác, lập luận chặt chẽ kết hợp với yếu tố biểu cảm nên tính thuyết phục cao. |
| 8 | Ôn dịch thuốc lá | Xã luận | Thuyết minh kết hợp với nghị luận, biểu cảm | Giống như ôn dịch, nạn nghiện thuốc lá rất dễ lây lan và gây những tổn hại to lớn cho sức khoẻ và tính mạng con người. Song nạn nghiện thuốc là còn nguy hiểm hơn cả ôn dịch: nó gặm nhấm sức khoẻ con người nên không dễ kịp thời nhận biết, nó gây tác hại nhiều mặt đối với cuộc sống gia đình và xã hội. Bởi vậy muốn chống lại nó, cần phải có quan tâm cao hơn và biện pháp triệt để hơn là phòng chống ôn dịch. | - Số liệu cụ thể, chính xác.  - Bằng cách lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể, cách so sánh bằng nhiều yếu tố biểu cảm nên đầy tính thuyết phục. |
| 8 | Bài toán dân số | Nghị luận | Nghị luận kết hợp với tự sự, thuyết minh | Đất đai không sinh thêm, con người ngày càng nhiều lên gấp bội. Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình. Từ câu chuyện một bài toán cổ về cấp số nhân, tác giả đã đưa ra con số buộc người đọc phải liên tưởng suy ngẫm về sự gia tăng dân số đáng lo ngại của thế giới – nhất là ở những nước chậm phát triển. | Dựa trên cơ sở một bài toán cổ kể về việc kén rể nhà thông thái làm cơ sở cho việc lập luận thêm chặt chẽ. Các số liệu cụ thể, chính xác. |
| 9 | Phong cách Hồ Chí Minh | Nghị luận | Nghị luận kết hợp với thuyết minh, biểu cảm | Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, giữa vĩ đại và giản dị. | Chọn lọc chi tiết tiêu biểu, sắp xếp mạch lạc, phù hợp, hài hoà. Ngôn từ sử dụng chuẩn mực, hình ảnh đẹp |
| 9 | Đấu tranh cho thế giới hoà bình | Xã luận | Nghị luận kết hợp với biểu cảm | Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe doạ toàn thế giới và sự sống trên trái đất. Cuộc chạy đua vũ trang vô cùng tốn kém và cướp đi của thế giới những điều kiện để phát triển, để loại trừ nạn đói, nạn thất học và khắc phục nhiều bệnh tật cho hàng trăm triệu con người, nhất là ở những nước chậm phát triển. Chiến tranh hạt nhân là điều vô cùng phi lý, phản văn minh vì nó tiêu diệt mọi sự sống. Vì vậy đấu tranh cho hoà bình, ngăn chặn và xoá nguy cơ chiến tranh hạt nhân là nhiệm vụ thiết thân và cấp bách của mỗi người, của toàn thê loài người. | Bài viết giàu sức thuyết phục bởi lập luận chặt chẽ, tính chính xác cụ thể và nhiệt tình tác giả |
| 9 | Tuyên bố thế giới về sự sống còn bảo vệ và phát triển trẻ em | Tuyên bố | Nghị luận kết hợp với thuyết minh | Bảo vệ quyền lợi chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là trong những vấn đề quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa toàn cầu. Bản tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em ngày 30/9/90 đã khẳng định điều ấy và cam kết thực hiện những nhiệm vụ có tính toàn diện vì sự sống còn và phát triển của trẻ em. vì tương lai của toàn nhân loại | Bố cục mạch lạc, hợp lí. Các ý trong văn bản có mối quan hệ với nhau. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Cho hs chọn một số văn bản nhật dụng đã tổng kết nêu những suy nghĩ của bản thân về các vấn đề được gợi ra từ các văn bản đó ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm đọc thêm một số văn bản nhật dụng viết về một số chủ đề được học trong chương trình tích lũy được sau quá trình đọc tài liệu.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tìm đọc thêm tài liệu viết về một số chủ đề nhật dụng được học trong chương trình ghi lại những kinh nghiệm mình tích lũy được sau quá trình đọc tài liệu. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Ôn lại các văn bản nhật dụng đã học

- Chuẩn bị tiết :Chương trình địa phương phần TV

+ Đọc tài liệu trong sách địa phương

+Trả lời các câu hỏi và bài tập theo yêu cầu ra vở soạn văn.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  3/3/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 133. CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**(Phần Tiếng Việt)**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Biết chuyển từ ngữ địa ph­ương sang từ ngữ toàn dân t­ương ứng.

**2. Kĩ năng:**

- Nhận biết đư­ợc một số từ ngữ địa phương, biết chuyển chúng sang từ ngữ toàn dân tư­ơng ứng và ngư­ợc lại.

**3.Thái độ**:

- Có ý thức sử dụng từ địa ph­ương cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp để đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất.

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng:**

**1. Kiến thức:**

- Mở rộng vốn từ ngữ địa phư­ơng.

- Hiểu tác dụng của từ ngữ địa phư­ơng.

**2. Kĩ năng:**

- Nhận biết đ­ược một số từ ngữ địa ph­ơng, biết chuyển chúng sang từ ngữ toàn dân t­ương ứng và ng­ược lại.

**3.Thái độ**:

- Có ý thức sử dụng từ địa phư­ơng cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp để đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ví dụ, HS nhận biết đư­ợc một số từ ngữ địa phương, biết chuyển chúng sang từ ngữ toàn dân tư­ơng ứng và ng­ược lại.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***2. Kiểm tra bài cũ****: 5’*

2’ (Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS .)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não. | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn: tìm những từ ngữ địa ph­ơng trong các tác phẩm văn thơ đã học ?  - Tìm từ ngữ toàn dân tương ứng  ? Trong thơ, văn sử dụng từ ngữ địa ph­ơng có tác dụng nh­ thế nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. Từ ngữ địa phương là loại từ ngữ mà các em đã được học ở các lớp dưới. Từ ngữ địa phương có mặt tích cực mà cũng có mặt tiêu cực. Do đó nhiệm vụ của chúng ta là phát huy mặt mạnh và khắc phục mặt yếu. Bài học hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu về những từ ngữ địa phương. | | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 5’ * Mục tiêu: Mở rộng vốn từ ngữ địa ph­ương. Hiểu tác dụng của từ ngữ địa phư­ơng. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, vấn đáp…   Kĩ thuật: động não,321 | | | | |
| **I.Lí thuyết**  + Giao nhiệm vụ: thảo luận cặp đôi :  ? Thế nào là từ địa phương ?  - Yêu cầu HS tìm thêm những từ ngữ địa phương mà mình biết.  ? Trong thơ, văn sử dụng từ ngữ địa phương có tác dụng như­ thế nào? | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | **I.Lí thuyết**  \* Khái niệm: Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ đư­ợc dùng ở một số địa ph­ơng nhất định.  \* Tác dụng: Trong văn thơ sử dụng từ ngữ địa ph­ơng một cách phù hợp sẽ tô đậm màu sắc địa phương cho văn bản. | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 34’  - Mục tiêu: Nhận biết đ­ược một số từ ngữ địa phư­ơng, biết chuyển chúng sang từ ngữ toàn dân tư­ơng ứng và ngư­ợc lại  - Ph­ơng pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm,  - Kĩ thuật: Động não, Các mảnh ghép | | | | |
| **\*HD HS làm bài tập 1**  - Yêu cầu HS đọc và nêu yêu cầu của bài tập 1.  - GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm( 5’):  - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày.Các nhóm nhận xét lẫn nhau.  - Giáo viên nhận xét, chữa. | | **Bài tập 1**  - Đọc, nêu yêu cầu của bài tập .  - Hoạt động nhóm (theo bàn)  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **Bài tập 1 (97)**  Nhận biết từ ngữ địa phương, chuyển từ ngữ đó sang từ ngữ toàn dân.  - thẹo -> sẹo  - lặp bặp -> lắp bắp  - ba -> cha, bố  - má -> mẹ  - kêu -> gọi  - đâm -> trở thành  - đũa bếp -> đũa cả  - vô -> vào | |
| **\*HD HS làm bài tập 2**  - Gọi HS đọc và nêu yêu cầu bài tập 2.  GV giao nhiệm vụ : thảo luận cặp đôi :  ? Trong 2 từ "kêu", từ nào là từ toàn dân, từ địa phương ?  - Hãy dùng cách diễn đạt khác để làm rõ sự khác nhau đó. | | **Bài tập 2**  - HS đọc và nêu yêu cầu bài tập.  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận cặp đôi , thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **Bài tập 2(98)**  Phân biệt từ địa phương với từ toàn dân, dùng cách diễn đạt khác.  a) Kêu trong“rồi kêu lên": từ toàn dân có thể thay bằng từ “nói to”.  b) Kêu trong "con kêu rồi" từ địa phương tương đương từ “vừa gọi”. | |
| **\*HD HS làm bài tập**  - Gọi HS đọc và nêu yêu cầu của bài tập 3.  - Yêu cầu HS làm bài, gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. | | **Bài tập 3**  -Xác định yêu cầu.  -1 HS lên bảng trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. | **Bài tập 3(98)**  Tìm các từ địa phương trong hai câu đó  Trái:quả; chi: gì; kêu: gọi;  trống hổng,trống hảng: trống rỗng. | |
| **\*HD HS làm bài tập 4**  - HS đọc yêu cầu của bài tập 4  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm.  - GV phát phiếu học tập cho HS điền kết quả tìm được ở bài tập trước vào bảng  **\*HD HS làm bài tập5**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 5.  GV giao nhiệm vụ : thảo luận nhóm bàn :  ? Có nên cho bé Thu trong truyện ngắn "Chiếc lược ngà" dùng từ ngữ toàn dân không?  - GV có thể yêu cầu thử thay các từ địa phương trong đoạn trích bằng từ toàn dân rồi so sánh. | | **Bài tập 4**  + Thực hiện nhiệm vụ.   * + Thảo luận nhóm.   + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm.  **Bài tập 5**  + Thực hiện nhiệm vụ.   * + Thảo luận nhóm.   + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | **Bài tập 4(99)** Điền từ ngữ địa phương,từ ngữ toàn dân đã tìm được ở BT 1,2,3 vào bảng.   |  |  | | --- | --- | | Từ địa phương | Từ ngữ toàn dân | | thẹo | thẹo | | lặp bặp | lắp bắp | | ba | bố, cha | | má | mẹ | | kêu | gọi | | đâm | trở thành | | đũa bếp | đũa cả | | lui cui | lúi húi | | nhằm | cho là | | nói trổng | nói trống không | | vô .... | vào... |   **Bài tập 5 (99)**  a. Không nên vì bé Thu trong truyện “Chiếc l­ợc ngà” còn nhỏ, ch­a có dịp giao tiếp với bên ngoài nên em chỉ có thể sử dụng từ địa ph­ơng mình.  b. Mục đích tạo sắc thái địa ph­ương cho câu chuyện. Tuy nhiên mức độ sử dụng của tác giả là vừa phải.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 3’( có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi.   Kĩ thuật: động não, 321 | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng một số từ ngữ địa phương . Chỉ rõ các từ ngữ địa phương đã dùng  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm.  + GV nhận xét, đánh giá. | | | Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng một số từ ngữ địa phương . Chỉ rõ các từ ngữ địa phương đã dùng  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * - Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS.   - Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.  Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm một số từ ngữ địa phương trong một số văn bản đã học.Từ ngữ địa phương em sử dụng và ghi chép lại  +Tìm từ ngữ toàn dân tương ứng  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | | - Tìm câu có thành phần khởi ngữ trong một văn bản đã học. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Tìm những từ địa ph­ơng mà em biết rồi tìm các từ toàn dân t­ương ứng.

- Ôn lại các kiến thức cơ bản phần Tiếng Việt

- Chuẩn bị luyện nói nghị luận về một đoạn thơ bài thơ

+Chuẩn bị theo yêu cầu sgk

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  3/3/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 134,135. LUYỆN NÓI:**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững hơn những kiến thức cơ bản của bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng nói.

- Lập dàn ý và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Trình bày miệng một cách mạch lạc những cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ.

**3. Thái độ:**

- Luyện cách lập ý, lập dàn bài và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng:**

**1. Kiến thức:**

- Những yêu cầu đối với luyện nói khi bàn luận về một đoạn thơ, bài thơ tr­ớc tập thể.

**2. Kĩ năng:**

- Lập dàn ý và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Trình bày miệng một cách mạch lạc những cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ.

**3. Thái độ:**

- Luyện cách lập ý, lập dàn bài và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản nói .

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* HS lập được dàn ý nói và nói theo dàn ý . Trình bày miệng một cách mạch lạc những cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ.

*+ Nội dung của hoạt động:Lập dàn ý và luyện nói theo dàn ý đã lập*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS .

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   -Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Trình bày những yêu cầu đối với một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, giới thiệu bài.  Các em đã hiểu về cách nghị luận một đoạn thơ, bài thơ. Hôm nay, chúng ta sẽ luyện nói để các em tập và quen dần với cách trình bày một vấn đề trước tập thể lớp. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:15’  - Mục tiêu: Nắm vững yêu cầu đối với luyện nói khi bàn luận về một đoạn thơ, bài thơ tr­ớc tập thể. Biết cách lập dàn ý và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | | | | |
| **\*Kiểm tra sự chuẩn bị ở nhà của HS:**  - - Gọi HS nêu yêu cầu của đề.  - Cho HS đặt câu hỏi tìm ý.  - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm dàn ý đã lập ở nhà. Xây dựng dàn ý chung cho nhóm.  (6 nhóm)  \* Gợi ý:  ? Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc nh­ thế nào?  ? Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu?  ? Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu?  ? Niềm thương nhớ của cháu?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **I. Kiểm tra sự chuẩn bị ...**  - Xác định yêu cầu của đề.  - Tìm ý.  - Thảo luận nhóm về dàn ý đã lập. Chọn dàn ý đầy đủ nhất cho nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe.  - Thảo luận nhóm về dàn ý đã lập.Chọn dàn ý đầy đủ nhất cho nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | **I. Kiểm tra sự chuẩn bị ở nhà:**  ***Đề bài: Suy nghĩ về bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt***  1. Tìm hiểu đề:  *-* Kiểu bài: nghị luận về một bài thơ  - Vấn đề nghị luận  - Cách nghị luận: suy nghĩ; xuất phát từ cảm thụ cá nhân đối với các bài thơ, khái quát thành những thuộc tính tinh thần cao đẹp của con người.  2. Tìm ý:  - Tình yêu quê hương nói chung trong các bài thơ đã học, đã đọc.  - Tình yêu quê hương với nét riêng trong bài thơ "bếp lửa" của Bằng Việt.  3. Lập dàn ý:  **A. Mở bài:**  - Giới thiệu nhà thơ Bằng Việt và bài thơ "Bếp lửa"  **B. Thân bài:**  ***1. Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu***  - Hình ảnh một bếp lửa ở làng quê Việt Nam thời thơ ấu  *Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*  *Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*  *Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*  + Giải thích nghĩa hai từ "Chờn vờn, ấp iu"  - Từ hình ảnh bếp lửa, liên tưởng tự nhiên đến người nhóm lửa, nhóm bếp - đến nỗi nhớ, tình thương với bà của đứa cháu đang ở xa: "Cháu thương bà biết mấy nắng mưa"  - Những dòng cảm xúc hồi tưởng của cháu về bà:  + Cả một thời thơ ấu bỗng sống lại:  *"Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói*  *Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*  *Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy*  *Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*  *Nghĩ lại đến giờ sống mũi hãy còn cay"*  + Ấn tượng nhất là mùi khói bếp: vừa tả thực vừa tả hình ảnh tượng trưng.  + Nhớ nhất vẫn là hình ảnh người bà bên bếp lửa.  Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen. Bên bếp lửa "bà hay kể chuyện những ngày ở Huế", "bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học", bà dặn cháu đinh ninh:  "*Bố ở chiến khu bố còn việc bố*  *Mày có viết thư chớ kể ngày nọ*  *Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!*"  - Bếp lửa lại thức thêm một kỷ niệm tuổi thơ: những kỷ niệm đầy ắp âm thanh, ánh sáng và những tình cảm sâu sắc xung quanh cái bếp lửa quê hương:  "*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*  *Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*"  .......+ Âm điệu tha thiết của câu thơ còn gợi ra tình cảm vắng vẻ, côi cút, vời vợi nhớ thương của hai bà cháu.  *Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà*  *Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa.*  => Bếp lửa đánh thức kỷ niệm tuổi thơ, ở đó lung linh hình ảnh người bà và có cả hình ảnh quê hương.  ***2. Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu***  - Từ những kỷ niệm hồi tưởng về tuổi thơ và bà, người cháu suy ngẫm về cuộc đời và lẽ sống của bà. Hình ảnh luôn gắn liền với hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa. Có thể nói bà là "người nhóm lửa", lại cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng và toả sáng trong mỗi gia đình. Hình ảnh bà càng hiện rõ nét cụ thể với những phẩm chất cao quý.  + Bà tần tảo, chịu thương chịu khó, lặng lẽ hi sinh cả một đời:  *Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*  *Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ*  *Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*  *Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*  *"Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*  *Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*  *Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ"*  + Phân tích điệp từ nhóm trong câu thơ  - Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa  - Nhưng tác giả còn nhận ra một điều sâu xa nữa: Bếp lửa được bà nhen lên không phải chỉ bằng nhiên liệu ở bên ngoài, mà còn chính là được nhen nhóm lên từ ngọn lửa trong lòng bà - ngọn lửa của sức sống, của lòng yêu thương, niềm tin thầm lặng mà mãnh liệt. Bởi vậy, từ "Bếp lửa", bài thơ đã gợi đến "ngọn lửa" với ý nghĩ trừu tượng và khái quát:  Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen  Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn  Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng........  => Như vậy, từ ngọn lửa của bà, cháu nhận ra cả một "niềm tin dai dẳng" về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả, gian lao mà tình nghĩa. Bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.  ***3. Niềm thương nhớ của cháu***  - Đứa cháu năm xưa giờ đã trưởng thành  "*Giờ cháu đã đi xa. có ngọn khói trăm tàu*  *Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả*  *.....Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa*"  - Điệp từ "trăm" mở ra một thế giới rộng lớn với những điều mới mẻ. Hoàn cảnh sống đã thay đổi, trong xa cách ng­ời cháu không nguôi nhớ bà.  C. Kết bài:  - Khái quát vấn đề: bếp lửa là một bài thơ hay, tiêu biểu về tình bà cháu thiêng liêng xúc động...  - Liên hệ bản thân.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt... | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:70’  - Mục tiêu: Trình bày miệng một cách mạch lạc những cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ.  - Ph­ơng pháp: thuyết trình, thực hành luyện nói.  - Kĩ thuật: Động não. | | | | | |
| **\* Tổ chức cho HS luyện nói:**  - GV nêu yêu cầu của bài nói:  + Phải trình bày một cách mạch lạc, rõ ràng, những cảm nhận, đánh giá của mình về bài thơ.  - Yêu cầu HS luyện nói (mỗi nhóm 1-2 HS)  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét uốn nắn. Có thể cho điểm những HS nói tốt. | | **II. Luyện nói:**   * Nghe   - Luyện nói.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi nhớ. | | **II. Luyện nói:**  Đề bài: Suy nghĩ về bài thơ tiếp "Bếp lửa" của Bằng Việt  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân. * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Chọn một số chi tiết hay trong bài thơ tập cảm nhận.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Chọn một số chi tiết hay trong bài thơ tập cảm nhận.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo,cảm thụ thẩm mĩ của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tự tìm hiểu, viết bài nghị luận về về một bài thơ, đoạn thơ  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | Tìm hiểu và viết được bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học, hợp tác, sáng tạo,cảm thụ thẩm mĩ |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

-Chuẩn bị cho bài viết số 7 : nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ .

- Chuẩn bị bài HDDT : Bến quê

## TUẦN 29

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  9/3/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 136. HƯ­ỚNG DẪN ĐỌC THÊM:**

**BẾN QUÊ**

**( Nguyễn Minh Châu)**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Cảm nhận đ­ợc ý nghĩa triết lí mang tính trải nghiệm về cuộc đời và con ng­ười mà tác giả gửi gắm trong truyện.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc - hiểu một văn bản tự sự có nội dung mang tính triết lí sâu sắc.

- Nhận biết và phân tích những đặc sắc của nghệ thuật tạo tình huống, miêu tả tâm lí nhân vật, hình ảnh biểu t­ượng,...trong truyện.

**3. Thái độ**:

- Biết trân trọng những vẻ đẹp bình dị và quý giá trong những gì gần gũi của quê hương, gia đình

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng:**

**1. Kiến thức:**

- Những tình huống nghịch lí, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu t­ợng trong truyện.. Những bài học mang tính triết lí về con ng­ời và cuộc đời, những vẻ đẹp bình dị và quý giá từ những điều gần gũi xung quanh ta.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc - hiểu một văn bản tự sự có nội dung mang tính triết lí sâu sắc.

- Nhận biết và phân tích những đặc sắc của nghệ thuật tạo tình huống, miêu tả tâm lí nhân vật, hình ảnh biểu tư­ợng,...trong truyện.

**3. Thái độ**:

- Biết trân trọng những vẻ đẹp bình dị và quý giá trong những gì gần gũi của quê hương, gia đình.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ, tư duy hình tượng

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, nắm đư­ợc những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản . Nắm đ­ợc những tình huống nghịch lí, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu t­ợng trong truyện.. Những bài học mang tính triết lí về con người và cuộc đời, những vẻ đẹp bình dị và quý giá từ những điều gần gũi xung quanh ta.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Phân tích văn bản.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:*Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

*+ Phương tiện:* máy chiếu

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập..

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- KT bài soạn của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| Cho hs nghe lời bài hát : Quê hương  + Giao nhiệm vụ:  Nêu một vài cảm nhận của em về tình yêu quê hương được gợi ra từ lời bài hát mà em được nghe ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Quê hương là nơi ta sinh ra và lớn lên. Ai mà chẳng có một quê hương, chính nhà thơ Đỗ Trung Quân cũng có lần nhận xét “Quê hương nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nỗi thành người”. Bài học hôm nay sẽ cho chúng ta thấy một con người sẽ cảm thấy gần gũi, thân thiết với quê hương trong một hoàn cảnh thật đặc biệt. | + Thực hiện nhiệm vụ: thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 30’   Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm đ­ợc những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản . Nắm đ­ợc những tình huống nghịch lí, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu t­ợng trong truyện.. Những bài học mang tính triết lí về con ng­ời và cuộc đời, những vẻ đẹp bình dị và quý giá từ những điều gần gũi xung quanh ta.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, thuyết trình…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ, 321 | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  - GV hướng dẫn HS đọc: Giọng đọc to, rõ ràng mạch lạc, thể hiện sự trầm t­ suy ngẫm, có cả xúc động đ­ợm buồn, cả sự xót xa ân hận, thể hiện tâm trạng nhân vật Nhĩ trong cảnh ngộ đặc biệt. Giọng đọc truyền cảm, diễn tả sự tinh tế của màu sắc thiên nhiên, gợi cảm xúc.  + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân :  ? Hãy giới thiệu một vài nét về Nguyễn Minh Châu?  + Nguyễn Minh Châu (1930-1989) quê Quỳnh Lưu – Nghệ An. Là cây bút văn xuôi xuất sắc của nền văn học Việt Nam thời chống Mỹ và là hiện tượng nổi bật nước ta những năm 80 của thế kỷ 20.  - Sau 1975, có những tìm tòi, đổi mới mạnh mẽ về tư tưởng và nghệ thuật, mở ra chặng đường mới trong sáng tác của mình và thúc đẩy công cuộc đổi mới văn học.  - GV yêu cầu HS kể tên một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Minh Châu.  +Các tác phẩm tiêu biểu:  Tiểu thuyết: Cửa sông, Dấu chân người lính.  Truyện ngắn: Mảnh trăng cuối rừng, Bức tranh.  + Giao nhiệm vụ: HĐ nhóm: Xác định  ? Xuất xứ của truỵên ngắn Bến Quê?  ? Văn bản trên thuộc thể loại nào?  ? Ph­ơng thức biểu đạt chính?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - GV chốt KT: - Truyện có ý nghĩa triết lý giản dị mà sâu sắc, mang tính trải nghiệm, có ý nghĩa tổng kết cuộc đời của một con người.  + Giao nhiệm vụ: HĐ nhóm bàn :  ? Trong “Bến Quê”, nhân vật Nhĩ được đặt trong những tình huống như thế nào? Anh đã gặp những nghịch lý ra sao?  ? Xây dựng tình huống truyện ấy, tác giả muốn thể hiện điều gì?  Gv nhận xét và chốt kiến thức:  => Tác giả muốn tâm sự và khái quát những quy luật, triết lý của cuộc đời: cuộc sống và số phận của một con người chứa đầy những sự bất thường – những nghịch lý ngẫu nhiên vượt ra ngoài những dự định, ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của con người. Và con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình. Nhưng không phải lúc nào cũng sớm nhận ra những điều bình thường, giản dị ấy, phải qua bao trải nghiệm, có khi phải đến cuối đời, trong những hoàn cảnh trớ trêu của bản thân buộc phải nếm trải có thể hiểu được.  - HD tìm hiểu từ khó | **I. Tìm hiểu chung**  - Nghe, về nhà tập đọc, tóm tắt.  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  + Thực hiện nhiệm vụ:  - Trả lời trên cơ sở đã nghiên cứu kĩ ở nhà.  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, làm việc nhóm  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, làm việc nhóm  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm  - Giải nghĩa từ | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Đọc**  **2. Chú thích**  a,Tác giả  b, Tác phẩm  - Xuất xứ: in trong tập truyện cùng tên, xuất bản năm 1985  **- Thể loại:**  - Truyện ngắn hiện đại  -..Phương thức biểu đạt:  - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  **-Tình huống truyện:**  - Nhĩ-một con người làm công việc đi nhiều thế mà cuối đời lại bị buộc chặt vào giường bệnh, đến mức muốn nhích người đến bên cửa sổ, thì việc ấy khó khăn như phải đi hết cả một nửa vòng trái đất phải nhờ sự giúp đỡ của trẻ con xóm làng.  - Khi sắp giã biệt cuộc đời, Nhĩ mới cảm nhận được vẻ đẹp thân thuộc và gần gũi của bãi bồi ven sông và vẻ đẹp của người vợ tần tảo, giầu tình yêu và đức hi sinh. Anh nhờ con trai thực hiện khao khát đó của mình, nhưng cậu lại để lỡ chuyến đò.  c. Từ khó: Sgk |
| **II. Phân tích**  **\* Những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Nhĩ:**  \* HD phân tích những cảm xúc của nhân vật Nhĩ :  + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân:  - Ở cảnh ngộ bị buộc chặt vào giường bệnh, Nhĩ đã nhìn thấy những gì qua khung cửa sổ?  - Nhĩ đã cảm nhận cảnh vật đó như thế nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - GV chốt KT: - Cảnh vật thiên nhiên hiện ra với vẻ đẹp riêng được cảm nhận bằng những cảm xúc tinh tế. | **II. Phân tích**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **II. Phân tích**  **\* Những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Nhĩ:**  ***1. Cảm nhận của Nhĩ về vẻ đẹp của thiên nhiên trong một buổi sáng đầu thu.***  - Từ gần đến xa -> một không gian có chiều sâu rộng.  - Cảnh vật thiên nhiên hiện ra với vẻ đẹp riêng được cảm nhận bằng những cảm xúc tinh tế. |
| + Giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm theo bàn.  ? Cách miêu tả có gì đặc biệt?  ? Điều này mang lại cho hai đoạn văn tả cảnh ở đầu truyện một sắc thái riêng nào?  + GV nhận xét, chốt kiến thức:  - Kết hợp miêu tả với biểu cảm:  + Những màu sắc thân thuộc quá .... của đất màu mỡ  + Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi, mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến cái bờ bên kia sông hồng ngay trước cửa sổ nhà mình. | + Thảo luận, nhóm  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | - Kết hợp với miêu tả biểu cảm |
| - Cảnh hiện lên sinh động và gợi cảm. |  |  | |
| ? Từ đó một vẻ đẹp như thế nào được gợi lên từ quang cảnh bến quê?  + GV nhận xét, chốt kiến thức: | - cá nhân thực hiện | => Quang cảnh bến quê vừa quen, vừa lạ, tưởng chừng lần đầu tiên cảm thấy tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó. | |
| ? Theo em tại sao Nhĩ lại có cảm xúc rất riêng nh­ vậy?  - Có lẽ anh đang trong tâm trạng của một ng­ời bị bệnh biết mình không thể qua khỏi. Sau baonăm đi khắp nơi trên Trái đất, chợt nhận ra vẻ đẹp lạ lùng ở ngay phía ngoài khung cửa sổ nh­ng lại không bao giờ có cơ hội đặt chân tới đ­ợc nữa.  ? Em hiểu gì về ý nghĩ sau đây của Nhĩ: suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, ... trước cửa sổ nhà mình?  - Nhĩ là người từng trải, am hiểu cuộc sống.Tha thiết, mến yêu cuộc sống quê hương | - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. |  | |
| - Yêu cầu HS theo dõi đoạn truyện tiếp theo.  - Đọc những câu hỏi của Nhĩ và thái độ im lặng, lảng tránh câu trả lời chồng của Liên, người đọc cảm thấy hình như anh đã nhận ra điều gì về bản thân?  + Đêm qua, lúc gần sáng, em có nghe thấy tiếng gì không?  +Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ? | - Đọc, trả lời | ***2. Những suy ngẫm của Nhĩ từ hoàn cảnh của mình mà phát hiện quy luật giống như một nghịch lý của đời người***  - Bằng trực giác, Nhĩ đã nhận ra ngay mình chẳng còn sống được bao lâu nữa. Anh đang phải đối mặt với hoàn cảnh bi đát không còn lối thoát. | |
| - HS đọc đoạn: "Liên vẫn không đáp....bậc gỗ mòn lõm"  + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân:  ?Tìm những chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, thái độ của chị đối với chồng?  ?Qua nhân vật Liên, em thấy hình ảnh người phụ nữ xuất hiện với những vẻ đẹp nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  Gv nhận xét và chốt : hình ảnh người phụ nữ dịu dàng, nhẫn nại, giàu yêu thương và đức hi sinh. | - HS đọc  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. |  | |
| + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân:  ? Câu nói của Nhĩ "Suốt đời, anh chỉ làm em khổ tâm ... mà em vẫn nín thinh." cho ta thấy được điều gì trong cảm nhận của Nhĩ về vợ mình?  ? Nhĩ chợt nhớ tới điều gì? Hãy tìm ở đoạn truyện tiếp theo những dòng suy tư của Nhĩ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  Gv nhận xét và chốt :- Nhĩ chợt nhớ ngày bố mẹ anh mới cưới Liên .... cũng như cảnh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo và chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa. Và cũng chính nhờ vào điều đó mà sau nhiều ngày tháng bôn tẩu, tìm kiếm ... Nhĩ đã thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này (trang 105) | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | Cảm nhận của Nhĩ về Liên:  + Nhĩ cảm nhận lần đầu tiên về sự vất vả, tần tảo, chịu thương chịu khó và sự âu yếm, yêu thương của vợ anh  + Chính những ngày cuối đời, Nhĩ mới thực sự thấu hiểu và biết ơn vợ sâu sắc. | |
| ? Em hiểu những suy tư ấy như thế nào?  ? Vì sao Nhĩ lại nảy sinh khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông vào chính buổi sáng hôm ấy?  ? Niềm khao khát vô vọng ấy của Nhĩ có ý nghĩa gì?  Gv nhận xét và chốt : - Niềm khao khát ấy chứa đựng nhiều ý nghĩa: -> Quý trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị của cuộc sống quê hương. Sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường và sâu xa của cuộc sống. Đó là sự thức tỉnh xen với niềm ân hận và nỗi xót xa | - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | - Niềm khao khát mãnh liệt của Nhĩ:  + Được đặt chân lên bãi bồi bên kia bến sông.  -> Quý trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị của cuộc sống quê hương  + Sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường và sâu xa của cuộc sống.  + Đó là sự thức tỉnh xen với niềm ân hận và nỗi xót xa. | |
| Phân tích câu chuyện của Nhĩ với cậu con trai.  + Giao nhiệm vụ: Hđ nhóm:  ? Nhĩ nhờ con sang sông để làm gì? Ước vọng của anh có thành công không? Vì sao?  ? Từ đây, anh lại rút ra một quy luật nào nữa trong cuộc đời con người? Quy luật ấy được thể hiện ở câu văn nào?  ? Ngoài ra còn có quy luật nào khác?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  Gv nhận xét và chốt kiến thức. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân , nhóm  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | ***3. Câu chuyện của Nhĩ với cậu con trai và sự chiêm nghiệm của anh về một quy luật của đời người.***  - Nhĩ nhờ con trai đi sang bên kia bờ bãi thay mình.  - Đứa con không hiểu được ước muốn của cha.  => Anh trầm ngâm rút ra quy luật đời người: Thật khó tranh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình. | |
| - Một quy luật nữa: Sự cách biệt, khác nhau giữa các thế hệ già trẻ, cha – con. Họ là những người thân yêu, ruột thịt của nhau, rất thương yêu nhau nhưng nào có hiểu nhau. Đó là quy luật đáng buồn. |  |  | |
| \* Phân tích hình ảnh nhân vật Nhĩ ở đoạn cuối truyện.  + Giao nhiệm vụ: Hđ nhóm bàn:  ? Chân dung và cử chỉ của nhân vật Nhĩ ở đây được tác giả miêu tả với vẻ rất khác thường. Vì sao vậy? Hãy giải thích ý nghĩa của các chi tiết ấy, đặc biệt là chi tiết: "Nhĩ giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát....?"  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  Gv nhận xét và chốt |  | ***4.Hình ảnh Nhĩ ở đoạn cuối truyện***  + Chân dung và cử chỉ được miêu tả khác thường.  +Hành động cuối cùng: anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau kẻo lỡ chuyến đò ... nhưng hình ảnh này còn gợi ý nghĩa khái quát cao hơn:ý muốn thức tỉnh mọi người hãy sống khẩn trương, sống có ích. Đừng là cà, chùng chình, dềnh dàng ở những cái vòng vèo, vô bổ mà chúng ta rất dễ sa đà, để dứt khoát khỏi nó, để hướng tới những giá trị đích thực, vốn rất giản dị, gần gũi và bền vững. | |
| ? Nh­ vậy nhân vật Nhĩ thuộc kiểu nhân vật nào?  GV: Nhân vật Nhĩ trong truyện là nhân vật tư tưởng chứ không phải là nhân vật số phận, nhân vật tính cách – Một loại nhân vật nổi lên trong sáng của Nguyễn Minh Châu giai đoạn sau 1975. Nhà văn thông qua một tình huống đặc biệt của nhân vật đã gửi gắm nhiều đièu quan sát suy ngẫm – triết lý về cuộc đời con người. Nhưng nhân vật không bị biến thành cái loa phát ngôn cho tác giả. Những chiêm nghiệm triết lý đã được chuyển hoá vào trong đời sống nội tâm của nhân vật với diễn biến của tâm trạng dưới sự tác động của hoàn cảnh được miêu tả tinh thế, hợp lý nhưng không dữ dội, da diết như trong một số truyện khác của Nguyễn Minh Châu (Bức tranh...) | - HS tự nhận xét (Có thể HS ch­ưa trả lời được) | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **III. Tổng kết**  Gv giao nhiệm vụ : thảo luận nhóm :  ? Hãy nêu giá trị đặc sắc về nghệ thuật?  ? Nội dung mà tác giả muốn thể hiện trong truyện ngắn truyện "Bến Quê" là gì?  Gv nhận xét và chốt  Kiến thức | **III. Tổng kết**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ. | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Cách sử dụng nhiều hình ảnh giàu tính biểu tượng.  - Sự miêu tả tâm lý tinh tế  - Xây dựng tình huống truyện giàu sức biểu hiện.  - Trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật  2. Nội dung  - "Bến quê" là những suy ngẫm, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: (Về nhà)  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức về văn bản. Rèn kĩ năng cảm thụ văn học.  - Ph­ơng pháp:Tự học, thực hành luyện viết.  - Kĩ thuật:động não. | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS chép đề, về nhà làm. | **IV. Luyện tập:**  - Chép đề. Tự làm ở nhà. | **IV. Luyện tập:**  Bài tập 1.  Thế nào là hình ảnh biểu tượng? Em hãy tìm một số hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng trong truyện ngắn. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của chúng?  Bài tập 2/108 | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Từ ý nghĩa của tác phẩm, em hãy viết một đoạn văn ngắn nói về giá trị của quê hương trong cuộc đời của mỗi con người.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá và chót kiến thức ..  . | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | + Nội dung: Trong đời người, quê hương luôn giữ một vị trí quan trọng và bền vững. Quê hương là nơi ta sinh ra, rồi khôn lớn, quê hương trao tặng cho con người tâm hồn và cách sống, nuôi dưỡng con người lớn lên về thể chất và văn hóa…Quê hương luôn chờ đón con người trở về dù xa bất cứ đâu. Quê hương luôn bao dung, rộng lòng che chở…Con người có thể đáp lại những ân tình đó bằng tình yêu, nỗi nhớ và trách nhiệm của mình.  (Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhưng phải thấy được ý nghĩa quê hương là cái nôi, là cội nguồn, cội rễ của con người)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm đọc thêm những bài viết về tình yêu với quê hương  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Đọc thêm những bài viết về quê hương tích lũy được sau quá trình đọc tài liệu.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học thuộc ghi nhớ.Hoàn thành bài tập 2 trang 108 bằng một đoạn văn.

- Soạn : Ôn tập tiếng Việt.

+ Xem lại toàn bộ nội dung kiến thức lí thuyết liên quan đến các nội dung bài tập trong phần luyện tập

+Làm các bài tập trong sách giáo khoa.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  9/3/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 137,138. ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**I. Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững những kiến thức về phần Tiếng Việt đã học trong kì II.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng tổng hợp và hệ thống hoá một số kiến thức về phần Tiếng Việt.

- Vân dụng những kiến thức đã học trong giao tiếp, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức ôn tập lý thuyết vận dụng vào làm các bài tập từ dễ đến khó, từ nhận biết đến sáng tạo…

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng:**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống kiến thức về khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn, nghĩa t­ờng minh và hàm ý.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng tổng hợp và hệ thống hoá một số kiến thức về phần Tiếng Việt.

- Vân dụng những kiến thức đã học trong giao tiếp, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức ôn tập lý thuyết vận dụng vào làm các bài tập từ dễ đến khó, từ nhận biết đến sáng tạo…

**4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:**

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:*Qua ôn tập , HS nắm được hệ thống kiến thức về khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn, nghĩa t­ờng minh và hàm ý.

*+ Nội dung của hoạt động:* hệ Thống một số kiến thức cơ bản , vận dụng giải quyết các bài tập.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***2. Kiểm tra bài cũ****: 5’*

Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não. | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu lớp tr­ởng điều hành.  - Tổ chức cho lớp chơi trò chơi “Phỏng vấn chuyên gia”.  - Chi lớp thành 2 đội chơi. Một đội cử các chuyên gia (4-6 HS). Đội còn lại có quyền hỏi về những kiến thức Tiếng Việt đã học. (5 câu hỏi)  - Cho lớp nhận xét, phản biện.  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. *:* Ở tiết học hôm nay, chúng ta sẽ thực hiện ôn tập lại các kiến thức về tiếng Việt qua BT các phần: khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn văn, nghĩa tường minh và hàm ý. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 10’   Mục tiêu: Củng cố, hệ thống kiến thức về khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn, nghĩa t­ường minh và hàm ý.N  Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, vấn đáp…  Kĩ thuật: động não,321… | | | | | |
| **\* HD hệ thống nội dung ôn tập:**  **Gv giao nhiệm vụ :** HĐ cá nhân  - Yêu cầu HS nhắc lại kiến thức đã học:  ? Thế nào là khởi ngữ?  ? Thành phần nh­ thế nào gọi là thành phần biệt lập? Kể tên các thành phần biệt lập đã học?  ? Thế nào là liên kết câu, liên kết đoạn?cách thức thực hiện ?  ? Phân biệt nghĩ t­ường minh và hàm ý.  Gv nhận xét và chốt kiến thức | | **A.Nội dung ôn tập**  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân .  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm | | **A.Nội dung ôn tập**  1.Khởi ngữ và các thành phần biệt lập  2.Liên kết câu và liên kết đoạn văn  3. Nghĩa tường minh và hàm ý  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:75’  - Mục tiêu: Rèn luyện kĩ năng tổng hợp và hệ thống hoá một số kiến thức về phần Tiếng Việt. Vận dụng những kiến thức đã học trong giao tiếp, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.  - Ph­ơng pháp: Khái quát hoá sau khi phân tích tổng hợp các ngữ liệu, kiến thức và liên hệ thực tế, làm bài tập...  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép... | | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  **HD luyện tập về khởi ngữ và các thành phần biệt lập:**  + Giao nhiệm vụ:  -Đọc và nêu yêu cầu của bài tập 1. | **B. Luyện tập**  **I.Khởi ngữ ...**  + Thực hiện nhiệm vụ:  - Đọc, xác định yêu cầu của đề. | | **B. Luyện tập**  **I.Khởi ngữ và các thành phần biệt lập**  ***Bài tập 1:***  Nhận biết các thành phần biệt lập và khởi ngữ trong câu. | |
| - Kẻ bảng, hướng dẫn HS điền từ ngữ (in đậm) vào ô thích hợp.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | -HS lên bảng điền, các HS khác làm vào vở, sau đó nhận xét, bổ sung bài của bạn.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Khởi ngữ | Thành phần biệt lập | | | | | Tình thái | Gọi đáp | Cảm thán | Phụ  chú | | xây cái lăng ấy | dường như | thưa ông | vất vả quá | những người con gái... như  vậy | | |
| - GV hướng dẫn HS làm bài tập 2.  - Yêu cầu HS trình bày bày đoạn văn đã đã viết ở nhà.  - Cho HS nghe đoạn văn sau: ->  - Trong bài tập 2, các thành phần biệt lập đã sử dụng là:  + Phụ chú: cuộc đời vốn rất bình lặng quanh ta  + Tình thái: hình như  + Khởi ngữ: cái chân lý giản dị ấy  + Cảm thán: tiếc thay | - Đọc, xác định yêu cầu của đề.  - Trình bày.  - Nghe | | ***Bài tập 2:*** Viết đoạn văn giới thiệu "Bến quê" có sử dụng thành phần biệt lập.  \* VD: "Bến quê" là một câu chuyện về cuộc đời - cuộc đời vốn rất bình lặng quanh ta -với những nghịch lý không dễ gì hoá giải. Hình như trong cuộc sống hôm nay, chúng ta có thể gặp ở đâu đó một số phận giống nhau như hoặc gần giống như số phận của nhân vật Nhĩ trong câu chuyện của Nguyễn Minh Châu? Người ta có thể mải mê kiếm danh, kiếm lợi để rồi sau này khi đã rong ruổi gần hết cuộc đời, vì một lý do nào đó phải bẹp dí một chỗ, con người mới chợt nhận ra rằng: gia đình chính là cái tổ ấm cuối cùng đưa tiễn ta vào nơi vĩnh hằng! Cái chân lý giản dị ấy tiếc thay Nhĩ chỉ kịp nhận ra vào những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời mình. Nhĩ đã từng “đi tới không sót một xó xỉnh lào trên trái đất ", nhưng khi chẳng may bị mắc bệnh hiểm nghèo, liệt toàn thân, cuộc sống của anh lại hoàn toàn phục thuộc vào những người khác. Nhưng chính vào cái khoảnh khắc mà trực giác đã mách bảo cho anh biết rằng cái chết đã cận kề thì trong anh lại bừng lên những khát vọng thật đẹp đẽ và thánh thiện. Có thể nói, Bến là quê là câu chuyện bàn về ý nghĩa của cuộc sống , nhân vật Nhĩ là một nhân vật tư tưởng, nhưng là thứ tư tưởng đã được hình tượng hoá và có khả năng gây xúc động mạnh mẽ cho người đọc. | |
| **\* HD luyện tập về liên kết câu và liên kết đoạn văn**  + Giao nhiệm vụ: Trao đổi cặp đôi: Xác định ý nghĩa của các từ in đậm trong ba đoạn trích.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II.Liên kết câu ...**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **II.Liên kết câu và liên kết đoạn văn**  ***Bài tập 1***  ­ Đoạn trích (a), *nhưng, nhưng rồi, và* và thuộc phép nối  Đoạn trích (b): *Cô bé* thuộc phép lặp lại; *cô bé – nó* thuộc phép thế.  Đoạn trích (c): bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa – thế: thuộc phép thế. | |
| -GV hướng dẫn HS kẻ bảng SGK /110 | HS kẻ bảng SGK/110, điền từ vào ô thích hợp | | Bài tập 2  Điền từ vào ô thích hợp   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Phép liên kết | | | | | Lặp từ ngữ | Đồng nghĩ, trái nghĩa | Thế | Nối | | Từ ngữ tương ứng | cô bé - cô bé |  | cô bé - nó | nhưng, nhưng rồi mà | | |
| **\* \* HD luyện tập về nghĩa tường minh và hàm ý:**  + Giao nhiệm vụ:    - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 1,2  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **III. Nghĩa tường minh và hàm ý**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **III. Nghĩa tường minh và hàm ý**    ***Bài tập 1***  - Hàm ý câu nói của người ăn mày: *"Địa ngục là chỗ ở của các ông* " (người nhà giàu]  ***Bài tập 2***  a) Câu "Tớ thấy họ ăn mặc rất đẹp." có thể hiểu là "Đội bóng huyện chơi không hay," hoặc "Tôi không muốn bình luận về việc này,"  Người nói cố ý vi phạm phương châm quan hệ (nói không đúng đề tài)  b) Câu "Tớ bảo cho Chi rồi." hàm ý "Tớ chưa báo cho Nam và Tuấn."  Người nói cố ý vi phạm phương châm về số lượng.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: ( có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi.   Kĩ thuật: động não, 321 | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Viết một số đoạn văn có sử dụng khởi ngữ , các thành phần biệt lập . Chỉ ra các thành phần đó . PT tính liên kết trong đoạn văn và giữa các đoạn văn  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm.  + GV nhận xét, đánh giá. | | * Đặt được một đoạn hội thoại ngắn có sử dụng khởi ngữa. Chỉ rõ khởi ngữ đã dùng. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * - Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS.   - Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.  Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm câu có chứa các thành phần khởi ngữ, biệt lập trong một văn bản đã học.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | - Tìm câu có thành phần khởi ngữ,ữ, biệt lập trong một văn bản đã học. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Ôn tập theo hệ thống kiến thức trên.

- Chuẩn bị viết bài TLV số 7 : nghị luận văn học

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  10/3/2019 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 139,140. VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Nghị luận về tác phẩm văn học (nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ).

- Cảm nhận vẻ đẹp của thơ .

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng trình bày, diễn đạt; kĩ năng viết đoạn, tạo lập văn bản.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước.

- Giáo dục HS ý thức cẩn trọng, nghiêm túc trong kiểm tra.

- Biết sống yêu thương, sống tự chủ.

**II. Trọng tâm:**

**1. Kiến thức**

- Nghị luận về tác phẩm văn học (nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ).

- Cảm nhận vẻ đẹp của thơ .

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng trình bày, diễn đạt; kĩ năng viết đoạn, tạo lập văn bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

- Ôn tập cho HS phần thơ hiện đại.

- Nhận đề từ BGH.

- Thời gian: Theo kế hoạch kiểm tra của Phòng GD&ĐT.

**2.Trò:**

- Ôn tập phần thơ hiện thơ hiện đại.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT sự chuẩn bị của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**\* Hoạt động 1**: Phát đề

- GV phát đề đã phô tô cho HS.

**\* Hoạt động 2:** Học sinh làm bài.

- Yêu cầu HS làm bài tự giác, nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài.

- Giáo viên thu bài đúng giờ. Nhận xét giờ kiểm tra.

**\*Giao bài, hướng dẫn vè nhà**

- Ssoạn văn bản: Những ngôi sao xa xôi **.**

**# Cấu trúc đề kiểm tra**

**A. MỤC TIÊU KIỂM TRA**

(Như trên)

**B.MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Tổng** |
| Văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. |  |  | -Vận dụng kiến thức đã học về kiểu bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ để làm bài văn theo yêu cầu.(Cảm nhận về bài thơ ”Sang thu” của Hữu Thỉnh) |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* |  |  | *1*  *10*  100% | **1**  **10**  100% |
| **Tổng số:**  *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* |  |  | **1**  **10**  100% | **1**  **10**  100% |

**C. NỘI DUNG ĐỀ**

***\*Đề bài:***

Cảm nhận của em về bài thơ “ Sang thu” của Hữu Thỉnh.

**D. ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM**

***\*Mức độ tối đa:***

HS viết được bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Nêu được cảm nhận về bài thơ “Sang thu”.

Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm số** |
| **+ Yêu cầu chung** | ***\*Về kĩ năng:***  - HS làm đúng kiểu bài nghị luận về nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Biết phân tích những tín hiệu nghệ thuật, hình ảnh thơ để làm nổi bật nội dung tư tưởng của bài.  ***\*Về nội dung:***  - Bài viết phải làm rõ sự cảm nhận tinh tế, những rung cảm của nhà thơ trước những hình ảnh, hiện tượng thể hiện sự biến đổi của đất trời lúc sang thu; đồng thời gợi những suy ngẫm về mùa thu đời người.  ***\* Về phương diện hình thức:*** Bài văn có bố cục ba phần, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |
| **+ Yêu cầu cụ thể** | ***I. Mở bài (1 đ)***  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Cảm nhận chung về bài thơ: tác giả đã gợi tả được bức tranh mùa thu vùng nông thôn đồng bằng bắc Bộ lúc giao mùa: có những chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt; không chỉ là cảm giác về mùa thu thiên nhiên mà còn là những trải nghiệm về mùa thu đời người. | **1,0** |
| ***II. Thân bài: (8đ)*** *HS có thể làm theo cách riêng song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:*   1. **Khái quát:**   “Sang thu” ở đây là chớm thu, là lúc thiên nhiên giao mùa. Mùa hè chưa qua hẳn và mùa thu mới có những tín hiệu đầu tiên. Phải là người nhạy cảm lắm Hữu Thỉnh mới có thể cảm nhận được những biến chuyển nhẹ nhàng của đất trời trong khoảnh khắc đặc biệt này. | **0,5** |
| **2. Cảm nhận:**  **\* Khổ thơ đầu:***Sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước những hình ảnh, hiện tượng thể hiện sự biến đổi của đất trời lúc sang thu.*  - Hương ổi "phả trong gió se" đó trở thành tín hiệu, sứ giả của mùa thu, là hương vị đặc trưng của làng quê Bắc Bộ đó làm nên một nét riêng cho mùa thu quê hương trong “Sang thu” của Hữu Thỉnh.  - Từ "bỗng" được đặt ở đầu câu thơ và cũng là đầu bài thơ thể hiện sự ngỡ ngàng trong cảm nhận.  Động từ "phả" vừa gợi ra cái bất chợt trong cảm nhận, vừa gợi hương thơm như sánh lại của ổi lại vừa gợi ra sự vận động nhẹ nhàng của gió.  - Hình ảnh “sương chùng chình qua ngõ” là hình ảnh nhân hóa gợi ra hình ảnh vạt sương đang nửa muốn đi, nửa muốn ở lại, còn ngập ngừng, bịn rịn.  -Cái “ ngõ” mà sương đang ngập ngừng đi qua vừa là cái ngõ thực của làng quê Bắc Bộ, vừa là cái cửa ngõ của thời gian giữa hai mùa.  Thu đến từ lúc nào không hay, nhà thơ giật mình thảng thốt: " Hình như thu đã về". Đó là một thoáng bối rối, một chút nghi hoặc, một chút bâng khuâng ngỡ ngàng trong cảm nhận của nhà thơ.  -> Bức tranh thu không phải chỉ được cảm nhận bằng các giác quan mà còn bằng cả tâm hồn. | **2,0** |
| **\* Khổ thơ thứ hai:** *Những rung cảm mãnh liệt của tác giả trước mùa thu quê hương.*  - Cảm xúc nhà thơ tiếp tục lan toả, mở ra trong cái nhìn xa hơn. Thiên nhiên được quan sát ở một không gian rộng hơn, nhiều tần bậc hơn.  - Phân tích các hình ảnh: dòng sông, cánh chim, đám mây.  - Nghệ thuật nhân hoá : sông “dềnh dàng”, chim vội vã ... đã làm hình ảnh thơ trở nên gần gũi, hữu tình.  - Nghệ thuật đối : sông dềnh dàng , “chim bắt đầu vội vã".  - Hình ảnh "đám mây mùa hạ" đang “ vắt nửa mình sang thu": Thể hiện trí tưởng tượng phong phú, nghệ thuật nhân hoá tác giả làm hiện lên trước mắt người đọc một đám mây mang trên mình dấu hiệu hai mùa.  - Có thể liên hệ với thơ thu của Nguyễn Khuyến, Xuân Diệu. | **2,0** |
| **\* Khổ thứ ba:** *Khép lại bài thơ với hình ảnh "sấm" và "hàng cây đứng tuổi" vừa có ý nghĩa tả thực, vừa gợi cho người đọc những suy tư về mùa thu đời người:*  + Nghĩa tả thực:  Nắng, mưa, sấm- những hiện tượng của thiên nhiên vận hành theo quy luật tự nhiên của nó. Sang thu những hiện tượng đó "vẫn còn" nhưng tất cả đó giảm dần về cường độ và mức độ.  + Nghĩa biểu tượng:  - " Nắng", "mưa", "sấm" là những hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho sự khắc nghiệt và những vang động bất thường của cuộc đời, của ngoại cảnh, “hàng cây đứng tuổi” chỉ những con người đã từng trải, đã ở mùa thu của đời người.  - > Tác giả muốn gợi suy ngẫm: mùa thu đời người là sự khép lại của những tháng ngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa thu mới? Đồng thời khẳng định khi đã đứng tuổi, đó từng trải thì con người cũng ít bị bất ngờ trước những biến cố, những giông gió, thăng trầm của cuộc sống.  3. Đánh giá thành công của tác phẩm, liên hệ mở rộng. | **3,0**  **0,5** |
| **III. Kết bài: (1 đ)**  - Khẳng định lại giá trị của bài thơ.  - Liên hệ bản thân, nêu cảm nghĩ. | **1,0** |

**\*Mức độ chưa tối đa:**

HS chưa làm rõ được những cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước suy biến đổi của thiên nhiên lúc giao mùa cũng như những suy tư về mùa thu đời người; bài viết lúng túng, nhạt nhẽo, sai chính tả, mắc lỗi diễn đạt...

**\*Mức độ không đạt**: HS không làm hoặc lạc đề.

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: Những ngôi sao xa xôi ( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi/ Sgk).

- Làm việc theo nhóm:

Nhóm 1: Tìm những chi tiết thể hiện hoàn cảnh sóng và chiến đấu của ba nữ thanh niên xung phong.

Nhóm 2: Lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác.

Nhóm 3: Tìm những chi tiết thể hiện vẻ đẹp chung của ba cô gái.

Nhóm 4: Tìm những chi tiết thể hiện vẻ đẹp riêng của mỗi người.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tuần 30. Tên bài: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**

**(Lê Minh Khuê)**

**Tiết 141,142:**

*Ngày soạn: 19.3.2017*

*Ngày thực hiện:*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu sơ giản về tác giả, nắm được hoàn cảnh sáng tác của truyện.

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái thanh niên xung phong trong truyện và nét đặc sắc trong cách miêu tả nhân vật và nghệ thuật kể truyện của Lê Minh Khuê.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc - hiểu, phân tích một tác phẩm tự sự sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục thái độ sống lạc quan, tin tưởng vào tương lai, có ý thức phấn đấu cho sự nghiệp chung của đất nước.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, tính cách dũng cảm, hồn nhiên, trong cuộc sống chiến đấu nhiều gian khổ, hi sinh nhưng vẫn lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong đặc biệt là nhân vật Phương Định trong truyện.

- Thành công trong việc miêu tả tâm lí nhân vật, lựa chọn ngôi kể, ngôn ngữ kể hấp dẫn.

***2. Kĩ năng:***

- Kĩ năng đọc - hiểu, phân tích một tác phẩm tự sự sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục thái độ sống lạc quan, tin tưởng vào tương lai, có ý thức phấn đấu cho sự nghiệp chung của đất nước.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

***5. Lồng ghép giáo dục an ninh, quốc phòng:***

- Giáo dục về những tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến.

**III . Chuẩn bị**

**1.Thầy:** *+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được hoàn cảnh sáng tác của truyện. Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái thanh niên xung phong...

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Đọc- hiểu, phân tích văn bản*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

+ Phương tiện: Máy chiếu

**2.Trò:** Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

* Lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả, tác phẩm.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

? Những quy luật cuộc đời nào đã được nhật vật Nhĩ trong truyện “Bến quê” chiêm nghiệm, khái quát từ chính bản thân cuộc sống và hoàn cảnh hiện tại của mình?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não. | | |
| - Giáo viên cho HS xem một đoạn phim tư liệu về kháng chiến chống Mĩ.  + Giao nhiệm vụ: Đoạn clip trên gợi cho em nhưng suy nghĩ, cảm xúc gì?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Thế hệ trẻ cũng như bao tầng lớp khác trong công cuộc chống Mỹ đã cống hiến rất nhiều cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu những tâm tư tình cảm, tấm lòng nhiệt quyết của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời khói lửa. | * Quan sát, lắng nghe.   + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 60’   Mục tiêu: Nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.Qua phân tích thấy được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, tính cách dũng cảm, hhồn nhiên, trong cuộc sống chiến đấu nhiều gian khổ, hi sinh nhưng vẫn lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trong truyện. Thấy được thành công của tác giả trong việc miêu tả tâm lí nhân vật, lựa chọn ngôi kể, ngôn ngữ kể hấp dẫn.  Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, giảng bình, dạy học dự án…  Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  + Giao nhiệm vụ:  Các nhóm trình bày sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả, tác phẩm. ( đã chuẩn bị)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  Đây là một trong những đề tài của nhiều tác phẩm thơ, truyện, ca khúc thời kháng chiến chống Mỹ. Tiêu biểu là những bài thơ của nhà thơ Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mĩ Dạ, Nguyễn Minh Châu (truyện ngắn "Mảnh trăng cuối rừng")...  - Yêu cầu HS giải thích từ khó.  GV: hướng dẫn HS đọc: Đọc to, rõ ràng, chú ý ngôn ngữ nhân vật. Đọc các đoạn sau:  Phần đầu: giới thiệu ba nhân vật  Hồi tưởng của Phương Định về thời HS (151)  Giới thiệu hành động của các nhân vật trong cuộc phá bom (148-149)  Những đoạn không đọc, GV tóm tắt, tạo cho câu chuyện liền mạch  - Yêu cầu 1 HS tóm tắt truyện.  - Ba nữ thanh niên xung phong làm thành một tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn gồm ba cô gái trẻ: Định – Nho – Chị Thao (lớn tuổi hơn một chút)  - Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom - đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra - đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom.  - Họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm – tách xa đơn vị, cuộc sống gian khổ khó khăn nhưng họ vẫn có những nét vui vẻ hồn nhiên của tuổi trẻ, mơ mộng, yêu thương, gắn bó trong tình đồng đội.  - Truyện tập trung miêu tả nhân vật Phương Định-nhân vật chính - cô gái giàu cảm xúc, mơ mộng, hồn nhiên luôn nhớ về những kỷ niệm đẹp của tuổi thiếu nữ, gia đình thành phố thân yêu.  - Phân cuối tập trung miêu tả hành động và tâm trạng của các nhân vật trong một lần phá bom – Nho bị thương và sự lo lắng chăm sóc của hai người.  + Trao đổi cặp đôi:  ? Xác định ngôi kể? Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể đó?  ? Phương thức biểu đạt?  ? Bố cục ? Nội dung chính các phần?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.- | **I. Tìm hiểu chung**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Nghe.  - Giải nghĩa từ.  - Đọc.  - Tóm tắt  - HS suy nghĩ trả lời.  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.-  . | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích**  **a.Tác giả:**  Lê Minh Khuê – sinh năm 1949  Quê: Tĩnh Gia – Thanh Hoá  - Là thanh niên xung phong trong kháng chiến chống Mỹ  - Viết văn từ năm 1970  - Là cây bút truyện ngắn, ngòi bút miêu tả tâm lý tinh tế, sắc xảo đặc biệt là khi viết về phụ nữ.  - Đề tài trước năm 75: đều viết về cuộc sống chiến đấu của thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn, gây được sự chú ý của bạn đọc.  - Sau năm 75: những sáng tác của Lê Minh Khuê bám sát những biến chuyển của cuộc đời, cuộc sống - đề cập nhiều vấn đề bức xúc của xã hội và con người với tinh thần đổi mới mạnh mẽ.  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Viết năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang diễn ra ác liệt. Là một trong những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê.  **c. Từ khó**  **3. Đọc, tóm tắt**  **4.Ngôi kể**  - Ngôi thứ nhất- Phương Định là người kể chuyện.  **5. Phương thức biểu đạt**:  Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.  **6. Bố cục**  - 3 phần  + Phần đầu: Giới thiệu ba nhân vật.  + Phần 2: Hồi tưởng của Phương Định về thời HS.  + Phần 3: Giới thiệu hành động của các nhân vật trong cuộc phá bom. |
| **\* HD phân tích:**  Phương pháp: vấn đáp, gợi tìm, giảng bình...  + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu HS nhắc lại nội dung phần 1.  - Suy nghĩ trả lời các câu hỏi.  ? Các cô gái TNXP sống và chiến đấu trong một hoàn cảnh như thế nào?  ? Em có nhận xét gì về hoàn cảnh đó?  ? Công việc của họ ra sao?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  \* Công việc của họ:  + Đo khối đất đá lấp vào hố bom  + Đếm – phá bom chưa nổ  - Chúng tôi bị bom vùi luôn  - Khi bò trên cao điểm chỉ thấy hai con mắt lấp lánh cười:  - Hàm răng trắng khuôn mặt nhem nhuốc – ''Những con quỷ mắt đen''  -Chạy trên cao điểm cả ban ngày  - Thần chết không thích đùa: nằm trong ruột quả bom.  + Đất bốc khói, không khí bàng hoàng máy bay ầm ĩ.  - Thần kinh căng thẳng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy trên những nền đất có nhiều quả bom chưa nổ.  - Thời tiết nóng bức: trên 300. Xong việc thở phào, chạy về hàng  +HĐ cá nhân, hoạt động chung cả lớp:  ? Họ là những cô gái có những nét tính cách nào giống nhau?  ? Tìm những chi tiết thể hiện điều đó?  - Dễ vui và cũng dễ trầm tư.  - Thích làm đẹp cho cuộc sống của mình ngay cả ở trên chiến trường.  - Nho thích thêu thùa.  - Chị Thao chăm chép bài hát.  - Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi gối mơ mộng rồi hát.  *(****Hết tiết 141, chuyển tiết 142)*** | **II.Phân tích**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - HS suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời. | **II. Phân tích**  ***1. Hoàn cảnh sống, chiến đấu và những nét tính cách chung của 3 cô gái TNXP trong tổ trinh sát mặt đường.***  a. Hoàn cảnh sống, chiến đấu: trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn.  - Nơi tập trung nhiều bom đạn, nguy hiểm, ác liệt.  \*Công việc: mạo hiểm với cái chết, khó khăn,gian khổ. Luôn căng thẳng thần kinh. Đòi hỏi sự dũng cảm, bình tĩnh.  ***b. Nét tính cách chung:***  - Dễ xúc cảm, hay mơ mộng  - Có tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ, dũng cảm, gắn bó trong tình đồng đội. |
| ? Bên cạnh những điểm chung đó họ có nét tính cách gì riêng?  # Tập trung phân tích tìm hiểu nhân vật Phương Định.  + Hướng dẫn HS thảo luận nhóm. Tìm những chi tiết giới thiệu về nhân vật Phương Định?  - Là một cô gái Hà Nội xung phong vào chiến trường  - Từ một cô gái thành phố vào chiến trường.  - Có một thời học sinh hồn nhiên, sống vô tư bên bố mẹ trong một căn buồng nhỏ ở thành phố yên tĩnh trong những ngày thanh bình trước chiến tranh ở thành phố của mình.  - Những kỷ niệm ấy luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội – nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.  + Những kỷ niệm ấy luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội – nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.  ? Qua đó em hiểu gì về nhân vật này? | - Thảo luận nhóm, trình bày.  HS suy nghĩ trả lời | 2. Nét tính cách riêng của mỗi người.  a. Nhân vật Phương Định;  + Có những năm tháng tuổi thơ hồn nhiên – êm đềm bên mẹ.  + Là một cô gái hồn nhiên hay mơ mộng, nhiều ước mơ, thích ca hát, khá xinh đẹp. |
| GV: Vào chiến trường được ba năm, quen với những thử thách nguy hiểm, hàng ngày giáp mặt với cái chết nhưng Phương Định vẫn là một cô gái hết sức can đảm. Hãy tìm chi tiết chứng minh?  ? Đối với đồng đội Phương Định là người như thế nào?  Quan tâm, yêu mến đồng đội:  + Chăm sóc cứu chữa cho Nho (đồng đội) bị thương vì phá bom.  - Thích tỏ ra thờ ơ với những cuộc trò chuyện với các anh bộ đội – ý nghĩ lại rất trân trọng, thán phục, chú ý đến những người lính (mặc quân phục có ngôi sao trên mũ)  - Luôn dành sự yêu thương quan tâm tới chị Thao, Nho và đồng đội trong đơn vị, đặc biệt cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những người chiến sĩ mà cô bắt gặp hàng đêm trong điểm của con đường vào mặt trận.  ? Trong công việc, Phương Định là người như thế nào?  + Trong công việc: Là người năng động có ít nhiều kinh nghiệm – dũng cảm không sợ nguy hiểm khi phá bom.  - Chăm sóc Nho bị thương | HS suy nghĩ trả lời  - HS thảo luận phát biểu (tìm chi tiết miêu tả)  HS suy nghĩ trả lời | - Tự hào về mình, trong lời kể thể hiện sự hồn nhiên, lạc quan vui vẻ, có được nhiều chú ý, là một cô gái đáng yêu có tâm hồn nhạy cảm, tỏ ra kín đáo tưởng như kiêu kỳ.  - Quan tâm, yêu mến đồng đội.  + Trong công việc: Là người năng động có ít nhiều kinh nghiệm, dũng cảm. |
| - Yêu cầu HS đọc đoạn miêu tả Phương Định phá bom.  ? Phân tích tâm trạng của Phương Định trong một lần phá bom?  ? Nhận xét cách miêu tả, kể của tác giả ở đoạn này?  ? Những đặc điểm đó cho ta thấy Phương Định là một cô gái như thế nào?  ? Nhân vật này để lại cho em ấn tượng gì?  ? Nhân vật Thao được giới thiệu qua những chi tiết nào?  ? Chị có những nét tính cách nào riêng?  GV: Còn Nho là người như thế nào? (tìm và phân tích một số chi tiết) | - Đọc.  - HS suy nghĩ trả lời.  - Nhận xét.  HS suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - HS suy nghĩ trả lời.  - HS suy nghĩ trả lời. | - Miêu tả tỉ mỉ chi tiết từng hành động – cử chỉ của nhân vật.  => Một cô gái đáng yêu, đáng cảm phục.  b. Nhân vật Thao  - Cương quyết, bình tĩnh, táo bạo trong chiến đấu nhưng mềm yếu trong tình cảm.  c. Nhân vật Nho  - Nhỏ nhắn, xinh xắn, hồn nhiên như trẻ con. |
| GV: Tóm lại ba cô gái TNXP trong tổ xung kích đã để lại trong em ấn tượng nào (nhận xét về họ)  \* Trân trọng - mến mộ – khâm phục về sự dũng cảm, tinh thần trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ trong điều kiện chiến đấu gian khổ khốc liệt. | - Tự bộc lộ.  HS suy nghĩ trả lời |  |
| **\* HD tổng kết:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm rút ra nội dung ghi nhớ: Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung VB.  - Giáo viên chốt lại những ý cơ bản.  ***\*Lồng ghép giáo dục an ninh, quốc phòng:***  - Sự gan dạ, mưu trí, sáng tạo của những nữ thanh niên xung phong trong truyện ngắn chính là vẻ đẹp cảu thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ. Vẻ đẹp đó ta vẫn được phát huy trong thế hệ trẻ hiện nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong việc khẳng địnhvà bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng. | **III.Tổng kết**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Thảo luận, khái quát trả lời.  - Nghe, tóm lược ý chính. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Phương thức trần thuật: kể từ ngôi thứ nhất từ lời kể của nhân vật chính tạo điều kiện thuận lợi để tác giả tập trung miêu tả thế giới nội tâm của nhân vật mà tạo ra một điểm nhìn phù hợp để miêu tả hiện thực cuộc chiến đấu ở một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn.  - Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế..  - Ngôn ngữ trần thuật phù hợp với nhân vật kể chuyện, giọng thoải mái trẻ trung có chất nữ tính, - Tác giả tỏ ra am hiểu: miêu tả quan sát tinh tế tâm lý nhân vật, cảm giác, suy nghĩ, ước mơ.  **2. Nội dung:**  Ca ngợi tâm hồn trong sáng, tinh thần lạc quan, dũng cảm của thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3.LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản. Biết trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về nhân vật văn học.  - Phương pháp: Tìm hiểu các tác phẩm cùng đề tài, nghe hát.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\*HD luyện tập:**  - Đọc những đoạn thơ, bài thơ viết về những thanh niên xung phong mà em biết?  - Hát bài hát” Cô gái mở đường” của Xuân Giao | **IV.Luyện tập**  - Làm bài tập.  - Hát, nghe bài hát. | **IV. Luyện tập:**  - Đọc những đoạn thơ, bài thơ viết về những thanh niên xung phong mà em biết.  - Hát bài hát” Cô gái mở đường” của Xuân Giao  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Điều em nhận được sau khi học văn bản “Những ngôi sao xa xôi”?  - Viết đoạn văn phát biểu cảm nhận về nhân vật Phương Định.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  -Lưu sản phẩm. | Ghi lại được điều em nhận được sau khi học văn bản “Những ngôi sao xa xôi”?  - Viết đoạn văn phát biểu cảm nhận về nhân vật Phương Định.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Sưu tầm các tác phẩm thơ, văn cùng đề tài.  - Hỏi người thân về những năm tháng hào hùng của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, những nữ thanh niên xung phong hi sinh cả tuổi thanh xuân vì Tổ quốc.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Sưu tầm các tác phẩm thơ, văn cùng đề tài.  - Hỏi người thân về những năm tháng hào hùng của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, những nữ thanh niên xung phong hi sinh cả tuổi thanh xuân vì Tổ quốc  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, ... |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về nhân vật Phương Định.

- Học thuộc ghi nhớ.

- Lập bảng hệ thống kiến thức về các truyện hiện đại đã học.

- Chuẩn bị bài Chương trình địa phương phần Tập làm văn ( xem lại bài viết đã chuẩn bị ở tiết 101, 102)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**(Phần Tập làm văn - Tiếp)**

**Tiết thứ: *143***

*Ngày soạn:19.3.2017*

*Ngày thực hiện:*

*Cho các lớp: 9B*

**I. Mức độ cần đạt**

***1. Kiến thức:***

- Nắm chắc được đặc điểm, yêu cầu, nội dung, hình thức, cách viết một bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống.

- Phương pháp làm một bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống.

***2. Kĩ năng:***

- Học sinh biết viết một bài văn nghị luận trình bày về vấn đề đó với suy nghĩ, kiến nghị của mình dưới các hình thức thích hợp: Tự sự, miêu tả, nghị luận, thuyết minh…

***3. Thái độ:***

- Học sinh học tập, suy nghĩ về một hiện tượng thực tế ở địa phương.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Phương pháp làm một bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống.

***2. Kĩ năng:***

- Viết một bài văn nghị luận trình bày về vấn đề đó với suy nghĩ, kiến nghị của mình dưới các hình thức thích hợp: Tự sự, miêu tả, nghị luận, thuyết minh…

***3. Thái độ:***

- Học sinh học tập, suy nghĩ về một hiện tượng thực tế ở địa phương.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được đặc điểm, yêu cầu, nội dung, hình thức, cách viết một bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống.

- Phương pháp làm một bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống.

+ Nội dung của hoạt động: tìm hiểu các sự việc hiện tượng có tính cập nhật ở địa phương, viết bài.

+Phương pháp tổ chức dạy học: thảo luận nhóm, vấn đáp, thuyết trình...

**2.Trò:**

- Sưu tầm các hiện tượng, sự việc trong đời sống ở địa phương: Tệ nạn xã hội, nghiện hút ma túy, nhiễm HIV/AIDS, hút thuốc lá, môi trường, HS nghiện trò chơi điện tử…

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

*-*Kiểm tra 15’

* **Đề bài:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng.”

(*Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới - Ngữ văn 9, Tập II, NXB Giáo dục Việt Nam, trang 27*)

**Câu 1 (2.0 điểm).** Văn bản chứa đoạn trích trên được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Nêu ý hiểu về thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

**Câu 2 (2.0 điểm).** Cách diễn đạt của câu văn: ***“Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng.”*** có gì đặc sắc? Nêu hiệu quả biểu đạt của cách diễn đạt đó?

**Câu 3 (6.0 điểm).** Viết một đoạn văn ngắn (độ dài tối đa ½ trang) theo cách diễn dịch, trình bày suy nghĩ của em về việc chuẩn bị hành trang cho bản thân mình với tư cách là một người Việt Nam của thế kỉ XXI?

**Đáp án:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Thang điểm** |
| **1** | - *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* của tác giả Vũ Khoan được sáng tác và đăng trên tạp chí Tia sáng năm 2001.  - Đây là thời điểm chuyển giao giữa hai thập kỉ, hai thế kỉ, hai thiên niên kỉ.  - Trong đoạn trích, thái độ của tác giả được thể hiện rất rõ ràng. Đó là sự khen ngợi, tự hào về những điểm mạnh, thái độ phê phán những điểm hạn chế của con người Việt Nam. Đồng thời, tác giả bày tỏ rõ quan điểm người Việt cần phải mạnh dạn thay đổi, khắc phục những điểm yếu và phát huy điểm mạnh để thích ứng với sự đổi mới. | 0.5 điểm  0.5 điểm  1.0 điểm |
| **2** | - Cách sử dụng nhiều từ ngữ phủ định: **không, không thể** tạo nên nét đặc sắc cho câu văn.  - Cách diễn đạt ấy có tác dụng nhấn mạnh, khẳng định quan điểm, thái độ của người viết, tạo sự chú ý nơi người đọc. Quan điểm của người viết được bộc lộ rõ ràng: trong thời đại ngày nay, mỗi người Việt cần quyết liệt khắc phục điểm yếu do hổng kiến thức để thích ứng với sự phát triển chung của xã hội. | 0.5 điểm  1.5 điểm |
| **3** | \* Đoạn văn đủ dung lượng ½ trang giấy. Đúng hình thức, viết theo cách diễn dịch.  \* Bày tỏ được nhận thức và tình cảm của bản thân. Có thể bày tỏ một số ý như sau:  - Văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” của Vũ Khoan đã giúp thế hệ trẻ chúng ta có định hướng rõ ràng trong việc chuẩn bị hành trang cho bản thân để bước vào thế kỉ mới, nền kinh tế mới.  -Bản thân mỗi chúng ta cần thẳng thắn và dũng cảm nhìn vào sự thật để nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu của mình.  - Phải lấp đầy hành trang của mình bằng những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu. Vứt bỏ thói quen xấu, thiết lập những thói quen của lối sống công nghiệp: giờ giấc học tập nghỉ ngơi, định hướng nghề nghiệp trong tương lai – không chạy theo bệnh thành tích trong học tập cũng như mọi lĩnh vực.  - Và ngay từ bây giờ, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, với tư cách là một người Việt Nam của thế kỉ XXI, chúng ta cần chuẩn bị cho mình một hành trang vững chắc. Phải tích cực học tập, để trau dồi tri thức, kĩ năng, rèn luyện nhân cách, sức khỏe … để trở thành những con người toàn diện, vừa có đức vừa có tài, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế mới trong thời kì hội nhập, đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần xây dựng xã hội ngày càng giàu đẹp hơn. | 1.0 điểm  1.0  1,0  1,0  2.0 |

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5’  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Yêu cầu lớp trưởng điều hành hoạt động.  HS thảo luận nhóm:  - Đóng một tiểu phẩm ngắn về một hiện tượng trong đời sống ở địa phương mình.  - Cho các bạn nêu suy nghĩ về vấn đề được gợi ra từ tiểu phẩm.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**  - Thời gian: 5’  - Mục tiêu: Nắm bắt được những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa ở địa phương. Hiểu được bản chất của nó.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, vấn đáp.  - Kĩ thuật: Động não, dùng phiếu học tập... | | |
| **\* HD ôn lại yêu cầu và cách làm bài nghị luận**  H: Em hãy nhắc lại yêu cầu của một bài văn nghị luận về 1 sự việc, hiện tượng trong đời sống?  - Yêu cầu tìm hiểu, suy nghĩ đề viết bài nêu ý kiến riêng dưới dạng nghị luận về 1 sự việc, hiện tượng nào đó ở địa phương?  H: Nhắc lại cách làm một bài nghị luận về các vấn đề nghị luận ở địa phương?  - Chọn bất cứ sự việc, hiện tượng nào có ở địa phương về tất cả các lĩnh vực của đời sống đang được nhiều người quan tâm như:  + Gương người tốt việc tốt, học sinh nghèo vượt khó, đáu tranh chống tiêu cực, giúp đỡ người nghèo, giúp đỡ các gia đình chính sách, giúp bạn học tập.  + Quan hệ tình cảm trong gia đình, nhà trường, xã hội.  ? Người viết phải thể hiện quan điểm như thế nào? | **I. Yêu cầu và cách làm bài nghị luận**  - Nhớ lại kiến thức cũ, trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nhớ lại kiến thức cũ, trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | **I. Yêu cầu và cách làm bài nghị luận**  1. Yêu cầu  - Tìm hiểu, suy nghĩ để viết bài nêu ý kiến riêng dưới dạng nghị luận về 1 sự việc hiện tượng nào đó ở địa phương.  2. Cách làm  - Phải bày tỏ rõ thái độ, tình cảm trước các sự vật hiện tượng được nói đến trong bài viết. (Thái độ khen, chê, đồng tình, phản đối. Tình cảm nồng nhiệt, xúc động, cảm phục, phẫn nộ)  - Nhận định được chỗ đúng chỗ bất cập  - Bày tỏ thái độ tán thành hay phản đối xuất phát từ lập trường tiến bộ của xã hội, không vì lợi ích cá nhân. |
| **\* \* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:17’  - Mục tiêu: Biết cách vận dụng kiến thức về kiểu bài nghị luận về sự việc, hiện tượng của đời sống vào việc nghị luận một vấn đề cụ thể.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD HS trình bày:**  - Viết bài trình bày sự việc, hiện tượng và nêu ý kiến cá nhân. bài viết khoảng 1.500 chữ trở lại, có bố cục đầy đủ: Mở bài - thân bài - kết bài, có luận điểm, luận cứ, lập luận rõ ràng.  - Chú ý: trong bài làm không ghi tên thật của những người liên quan đến sự việc hiện tượng vì như vậy mất tính chất của bài tập làm văn.  - Chia lớp thành 2 nhóm: nhóm 1(đề1), nhóm 2(đề 2)  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm(7’), trình bày bài làm trước lớp, nhận xét chéo.  - Giáo viên nhận xét, cho điểm. | **II. Trình bày**  - Nghe hướng dẫn.  - Hoạt động nhóm.  - Học sinh thảo luận nhóm,trình bày | **II . Trình bày**  ***\* Ví dụ:***  ***\**Đề 1:** Suy nghĩ của em về hiện tượng học sinh mải chơi điện tử.  **Định hướng:**  + Mở bài:  - Giới thiệu về hiện tượng HS mải chơi điện tử sao nhãng học tập...  - Nêu sơ lược mặt tốt, xấu của hiện tượng đó.  + Thân bài:  - Nêu những dẫn chứng, lí lẽ về hiện tượng chơi Games, chats đang lối cuốn giới trẻ nhất là học sinh hiện nay.  + Phân tích các mặt tích cực (tốt) do các hoạt động này mang lại.  + Phân tích các mặt tiêu cực (ảnh hưởng xấu) do các hoạt động này mang lại.  - Nhận định đánh giá về hiện tượng đó (Nêu ý kiến của bản thân)  +Kết bài:  - Kết luận về hiện tượng trên với những ý nghĩa của nó.  - Nêu những suy nghĩ, bài học cho bản thân.  \* Lưu ý: Bài viết của học sinh phải có những dẫn chứng cụ thể, sinh động, những lập luận chặt chẽ có các thao tác phân tích tổng hợp, các luận điểm, luận cứ rõ ràng. Bố cục mạch lạc. Bài viết sáng sủa sạch đẹp, không sai chính tả, sâu sắc mới được điểm tối đa.  **\* Đề 2:** Suy nghĩ về thực trạng ô nhiểm môi trường ở địa phương em.  **Định hướng:**  - Vai trò của môi trường với con người?  - Thực trạng của môi trường ở địa phương em?  - Hậu quả của việc phá rừng với các thiên tai lũ lụt, hạn hán.  -Chặt phá cây xanh với việc ô nhiễm môi trường, không khí đô thị.  Rác thải khó tiêu huỷ…  - Lời cảnh báo, quan điểm của mình về vấn đề trên?  - Giải pháp thực hiện?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Hãy nêu một số sự việc, hiện tượng đời sống đáng quan tâm ở địa phương em hiện nay. Đề xuất hướng phát huy những hiện tượng tích cực, khắc phục những hiện tượng tiêu cực?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Nêu một số sự việc, hiện tượng đời sống đáng quan tâm ở địa phương em hiện nay. Đề xuất hướng phát huy những hiện tượng tích cực, khắc phục những hiện tượng tiêu cực.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tiếp tục tìm hiểu,trao đổi với người thân, bạn bè, viết bài về các sự việc, hiện tượng đời sống đáng quan tâm ở địa phương em hiện nay.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tiếp tục tìm hiểu, trao đổi với người thân, bạn bè, viết bài về các sự việc, hiện tượng đời sống đáng quan tâm ở địa phương em hiện nay.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị cho tiết trả bài: Ôn lại kiểu bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Lập dàn ý cho đề văn ở bài viết số 7: Cảm nhận của em về bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài: TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7**

**Tiết thứ: 144.**

*Ngày soạn: 24.3.2017*

*Ngày thực hiện: 27.3.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

**-** Nắm vững phương pháp nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- HS nhận ra những ưu nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn.

- Biết sửa chữa những lỗi cơ bản trong bài viết.

***2. Kĩ năng:***

**-** Rèn kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

- Kĩ năng dùng từ, đặt câu...

***3. Thái độ:***

- Có ý thức phát hiện, sửa lỗi sau khi viết bài.

- Cẩn trọng khi dùng từ, đặt câu, viết đoạn.

- Qua bài văn, bồi đắp tình cảm với quên hương, đất nước.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

**-** Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

***2. Kĩ năng:***

**-** Rèn kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

- Kĩ năng dùng từ, đặt câu...

***3. Thái độ:***

- Cẩn trọng khi dùng từ, đặt câu, viết đoạn.

- Qua bài văn, bồi đắp tình cảm với quên hương, đất nước.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ.

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ...

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua những nhận xét, đánh giá của giáo viên, HS nhận ra những ưu nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa chữa những lỗi cơ bản trong bài viết.

*+ Nội dung của hoạt động: Xác định yêu cầu của đề, xây dựng đáp án – biểu điểm, nhận xét, sửa lỗi, trả bài.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT việc lập dàn ý của HS:2’

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: HĐ nhóm, thuyết trình.   Kĩ thuật: động não. | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Làm thế nào để làm tốt một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:  Các em đã viết bài TLV số 7: đó là kiểu bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm được những gì, còn điều gì chưa đạt yêu cầu hoặc cần tránh. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 15'  - Mục tiêu: HS nhận thấy những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có hướng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| \* Cho HS nhắc lại đề bài:  **\*HD phân tích đề:**  - HD học sinh phân tích đề.  **\* HD xây dựng đáp án, biểu điểm**:  - Giáo viên giúp học sinh xây dựng đáp án, biểu điểm. | **I.Phân tích đề**  - Xác định yêu cầu của đề.  **II. Đáp án, biểu điểm**  - Học sinh nắm được biểu điểm để đối chiếu với bài viết để tự đánh giá | **\* Đề bài:** Cảm nhận của em về bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh.  **I. Phân tích đề:**  1. Yêu cầu của đề  - Thể loại: Nghị luận về một bài thơ.  - Nội dung nghị luận: bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh.  **II. Đáp án, biểu điểm**  (Bên dưới) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm số** |
| **+ Yêu cầu chung** | ***\*Về kĩ năng:***  - HS làm đúng kiểu bài nghị luận về nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Biết phân tích những tín hiệu nghệ thuật, hình ảnh thơ để làm nổi bật nội dung tư tưởng của bài.  ***\*Về nội dung:***  - Bài viết phải làm rõ sự cảm nhận tinh tế, những rung cảm của nhà thơ trước những hình ảnh, hiện tượng thể hiện sự biến đổi của đất trời lúc sang thu; đồng thời gợi những suy ngẫm về mùa thu đời người.  ***\* Về phương diện hình thức:*** Bài văn có bố cục ba phần, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |
| **+ Yêu cầu cụ thể** | ***I. Mở bài (1 đ)***  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Cảm nhận chung về bài thơ: tác giả đã gợi tả được bức tranh mùa thu vùng nông thôn đồng bằng bắc Bộ lúc giao mùa: có những chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt; không chỉ là cảm giác về mùa thu thiên nhiên mà còn là những trải nghiệm về mùa thu đời người. | **1,0** |
| ***II. Thân bài: (8đ)*** *HS có thể làm theo cách riêng song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:*   1. **Khái quát:**   “Sang thu” ở đây là chớm thu, là lúc thiên nhiên giao mùa. Mùa hè chưa qua hẳn và mùa thu mới có những tín hiệu đầu tiên. Phải là người nhạy cảm lắm Hữu Thỉnh mới có thể cảm nhận được những biến chuyển nhẹ nhàng của đất trời trong khoảnh khắc đặc biệt này. | **0,5** |
| **2. Cảm nhận:**  **\* Khổ thơ đầu:***Sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước những hình ảnh, hiện tượng thể hiện sự biến đổi của đất trời lúc sang thu.*  - Hương ổi "phả trong gió se" đó trở thành tín hiệu, sứ giả của mùa thu, là hương vị đặc trưng của làng quê Bắc Bộ đó làm nên một nét riêng cho mùa thu quê hương trong “Sang thu” của Hữu Thỉnh.  - Từ "bỗng" được đặt ở đầu câu thơ và cũng là đầu bài thơ thể hiện sự ngỡ ngàng trong cảm nhận.  Động từ "phả" vừa gợi ra cái bất chợt trong cảm nhận, vừa gợi hương thơm như sánh lại của ổi lại vừa gợi ra sự vận động nhẹ nhàng của gió.  - Hình ảnh “sương chùng chình qua ngõ” là hình ảnh nhân hóa gợi ra hình ảnh vạt sương đang nửa muốn đi, nửa muốn ở lại, còn ngập ngừng, bịn rịn.  -Cái “ ngõ” mà sương đang ngập ngừng đi qua vừa là cái ngõ thực của làng quê Bắc Bộ, vừa là cái cửa ngõ của thời gian giữa hai mùa.  Thu đến từ lúc nào không hay, nhà thơ giật mình thảng thốt: " Hình như thu đã về". Đó là một thoáng bối rối, một chút nghi hoặc, một chút bâng khuâng ngỡ ngàng trong cảm nhận của nhà thơ.  -> Bức tranh thu không phải chỉ được cảm nhận bằng các giác quan mà còn bằng cả tâm hồn. | **2,0** |
| **\* Khổ thơ thứ hai:** *Những rung cảm mãnh liệt của tác giả trước mùa thu quê hương.*  - Cảm xúc nhà thơ tiếp tục lan toả, mở ra trong cái nhìn xa hơn. Thiên nhiên được quan sát ở một không gian rộng hơn, nhiều tần bậc hơn.  - Phân tích các hình ảnh: dòng sông, cánh chim, đám mây.  - Nghệ thuật nhân hoá : sông “dềnh dàng”, chim vội vã ... đã làm hình ảnh thơ trở nên gần gũi, hữu tình.  - Nghệ thuật đối : sông dềnh dàng , “chim bắt đầu vội vã".  - Hình ảnh "đám mây mùa hạ" đang “ vắt nửa mình sang thu": Thể hiện trí tưởng tượng phong phú, nghệ thuật nhân hoá tác giả làm hiện lên trước mắt người đọc một đám mây mang trên mình dấu hiệu hai mùa.  - Có thể liên hệ với thơ thu của Nguyễn Khuyến, Xuân Diệu. | **2,0** |
| **\* Khổ thứ ba:** *Khép lại bài thơ với hỡnh ảnh "sấm" và "hàng cây đứng tuổi" vừa có ý nghĩa tả thực, vừa gợi cho người đọc những suy tư về mùa thu đời người:*  + Nghĩa tả thực:  Nắng, mưa, sấm- những hiện tượng của thiên nhiên vận hành theo quy luật tự nhiên của nó. Sang thu những hiện tượng đó "vẫn còn" nhưng tất cả đó giảm dần về cường độ và mức độ.  + Nghĩa biểu tượng:  - " Nắng", "mưa", "sấm" là những hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho sự khắc nghiệt và những vang động bất thường của cuộc đời, của ngoại cảnh, “hàng cây đứng tuổi” chỉ những con người đã từng trải, đã ở mùa thu của đời người.  - > Tác giả muốn gợi suy ngẫm: mùa thu đời người là sự khép lại của những tháng ngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa thu mới? Đồng thời khẳng định khi đã đứng tuổi, đó từng trải thì con người cũng ít bị bất ngờ trước những biến cố, những giông gió, thăng trầm của cuộc sống.  3. Đánh giá thành công của tác phẩm, liên hệ mở rộng. | **3,0**  **0,5** |
| **III. Kết bài: (1 đ)**  - Khẳng định lại giá trị của bài thơ.  - Liên hệ bản thân, nêu cảm nghĩ. | **1,0** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*GV nhận xét chung**  - Nhận xét ưu- nhược điểm trong bài viết của học sinh. | **III. Nhận xét chung:**  - Nghe, rút kinh nghiệm. | **III. Nhận xét chung**  1. Ưu điểm:  - Phần lớn đều làm đúng thể loại, đảm bảo bố cục 3 phần.  - Hiểu bài thơ “Sang thu” , nắm được cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  2.Nhược điểm:  - Nhiều bài còn sơ sài, thiếu ý, chưa chưa hoàn chỉnh.  - Một số bài kĩ năng nghị luận còn yếu, một số em chỉ diễn xuôi chứ không bám vào vào từ ngữ, hình ảnh để phân tích.  - Một số bài còn thiếu tính liên kết, rời rạc, lủng củng.  - Nhiều bài viết cẩu thả, sai chính tả, gạch xoá nhiều. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 20'  - Mục tiêu: Biết phát hiện và sửa lỗi cho bài viết của mình và của bạn.  - Phương pháp: Vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | |
| **\* HD chữa lỗi:**  - Cho HS đọc một số đoạn văn trong bài của mắc lỗi.  - Cần sửa lại đoạn văn đó nh­ư thế nào?  -Nhận xét, uốn nắn.  **\* GV trả bài:**  - Giáo viên cho học sinh đọc một số bài viết tốt, (Bài của Thúy, Hoàng Linh)  ? Làm thế nào để làm tốt một bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ?  + HD HS tự sủa lỗi:  - Trao đổi với bạn cùng bàn, tự sửa lỗi. | **IV. Chữa lỗi**  - Đọc và nhận xét bài của bạn.  - Đề xuất phương án chữa  -Nghe,học tập.  **V. Trả bài**  - Đọc lại, sửa lỗi .  - Trao đổi, rút kinh nghiệm. | **IV. Chữa lỗi**  ***1. Về hình thức:***  \* Chữ viết mất nét, chưa rõ ràng (Bài của Mai Linh, Thế Anh, Học, Thảo, Cao Đạt, Nghĩa, Nguyên, ...)  \* Viết tắt: bài của Hiệu  \* Viết chữ sai Lương, Nguyên  ***2. Về nội dung:***  - Một số bài nội dung sơ sài, thiếu ý.(Hòa, Nghĩa,  - Chưa làm rõ được giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.  ( Bài của Cao Đạt, Nguyễn Phương, Long, Nguyên, Hiệu, Chi, Nguyễn Dũng)   * + Nhiều bài chưa hoàn chỉnh.   ***3. Về kĩ năng:***  \* Diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ: Nguyên, Hòa, Thảo, Thế Anh, Đạt...)  **V. Trả bài, tự sửa lỗi**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm | 0 - > 5 | **5 -7** | 8-10 | <5 | | Số bài | 6 | 19 | 2 | 26/27 | | % | 22,2 | 70,4 | 7,4 | 77,8 |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, HĐ với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Trao đổi với người thân, bạn bè, sửa lỗi (nếu có)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Giao nhiệm vụ:  Trao đổi với người thân, bạn bè, sửa lỗi.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả. | Trao đổi bài cho bạn bên cạnh, sửa lỗi (nếu có)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm. * Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Trao đổi bài với bạn, tự sửa lỗi trong bài của mình và của bạn, tham khảo các bài văn mẫu, rút kinh nghiệm cho bản thân.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Trao đổi bài với bạn, tự sửa lỗi trong bài của mình và của bạn, tham khảo các bài văn mẫu, rút kinh nghiệm cho bản thân.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ... |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài mới:

+Biên bản( Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi/ Sgk)

+ Sưu tầm một vài biên bản mẫu.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài: BIÊN BẢN**

**Tiết thứ: 145**

*Ngày soạn: 24.3.2017*

*Ngày thực hiện:27.3.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững được mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.

***-*** Viết được một biên bản sự vụ hoặc hội nghị.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng tạo lập văn bản hành chính.

***3. Thái độ:***

- Nhận thức được tầm quan trọng của biên bản, tuân thủ tính khuôn mẫu, tính chính xác, khách quan của biên bản.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

***-*** Viết được một biên bản sự vụ hoặc hội nghị.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng tạo lập văn bản hành chính.

***3. Thái độ:***

- Nhận thức được tầm quan trọng của biên bản, tuân thủ tính khuôn mẫu, tính chính xác, khách quan của biên bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.

*+ Nội dung của hoạt động:* Nội dung của biên bản, các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống, luyện tập.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, quy nạp...

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

**-** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu lớp trưởng điều hành hoạt động:  HS thảo luận nhóm 6 người: đóng tiểu phẩm ngắn về một tình huống trong thực tiễn.  VD: Kiểm kê cơ sở vật chất, Đại hội Liên Đội, vụ việc vi phạm an toàn giao thông...  ? Trước sự việc như trên, chúng ta cần làm gì để lưu lại kết quả, bằng chứng có tính pháp lí?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Yêu cầu lớp trưởng điều hành hoạt động: Trong cuộc sống chúng ta cũng thường gặp những trường hợp cần viết biên bản. Vậy biên bản là gì? Cách viết như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng hiểu thêm về biên bản. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm trình bày; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**  - Thời gian:17’  - Mục tiêu: Nắm được mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.  - Phương pháp:vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật:Động não, khăn trải bàn. | | |
| **\* HD tìm hiểu đặc điểm của biên bản**  + Giao nhiệm vụ:    .- Yêu cầu HS đọc hai biên bản (sgk)  HS trao đổi cặp đôi:  ? Hai biên bản trên viết để làm gì?  ? Cụ thể, mỗi biên bản ghi chép sự việc gì?  ? Hãy nêu đặc điểm của biên bản?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức  *\* GV chốt kiến thức:*  **\* HD tìm hiểu cách viết biên bản:**  + Giao nhiệm vụ:  Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn với những nội dung sau:  ? Tên của biên được viết như thế nào?  ? Phần nội dung biên bản gồm những mục đích gì?'  ? Nhận xét cách ghi những nội dung này trong biên bản?  ? Phần kết thúc biên bản gồm những mục nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I/ Đặc điểm của biên bản**  + Thực hiện nhiệm vụ:  - Đọc.  - HS suy nghĩ trả lời.  + Đại diện các cặp chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.-  - Nghe, ghi chép.  **II. Cách viết biên bản:**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Nghe, ghi ý chính. | **I/ Đặc điểm của biên bản**  **1. Xét ngữ liệu:**  **\* Ví dụ:**  - Văn bản 1: Biên bản sinh hoạt chi đội  - Văn bản 2: Biên bản trả lại giấy tờ, tang vật…  **\* Nhận xét:**  Ghi chép sự việc đang diễn ra, mới xảy ra.  a) Mục đích: Ghi chép sự việc đang diễn ra, mới xảy ra.  -Văn bản 1: Đại hội chi bộ -> Hội nghị  -Văn bản 2:Trả lại phương tiện ->sự vụ  b) Yêu cầu:  - Nội dung: Cụ thể, chính xác, trung thực, đầy đủ.  - Hình thức:Lời văn ngắn gọn, chặt chẽ, chính xác.  - Số liệu, sự kiện phải chính xác, cụ thể, ghi chép trung thực, đầy đủ...  **2. Bài học:**  ***-Biên bản là loại văn bản ghi chép một cách trung thực, chính xác, đầy đủ một sự việc đang xảy ra hoặc vừa mới xảy ra***. Người ghi biên bản chịu trách nhiệm về tính xác thực của biên bản.  -Tuỳ theo nội dung của từng sự việc mà ***có nhiều loại biên bản khác nhau: biên bản hội nghị, biên bản sự vụ …***  **II. Cách viết biên bản:**  1. Xét ngữ liệu:  \* Ví dụ: Sgk  **2. Bài học:**  P1. Phần mở đầu  Quốc hiệu và tiêu ngữ, tên biên bản, thời gian, địa điểm, thành phần tham gia và chức trách của từng người.  P2. Phần nội dung:  Diễn biến và kết quả của sự việc  Nội dung của văn bản cần trình bày ngắn gọn, đầy đủ, chính xác.  P3. Thời gian kết thúc, chữ ký và họ tên của các thành viên. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:20’  - Mục tiêu: Viết được một biên bản sự vụ hoặc hội nghị.  - Phương pháp: Vấn đáp, thực hành viết biên bản  - Kĩ thuật: Động não, 321 | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS đọc, nêu yêu cầu bài tập 1  ? Lựa chọn tình huống viết biên bản?  - GV sửa, kết luận  -Yêu cầu HS đọc bài tập 2.  - Yêu cầu HS tập viết biên bản.  - Gọi 3 em trình bày | **III.Luyện tập**  - HS đọc, nêu yêu cầu bài tập.  HS suy nghĩ trả lời  - Đọc bài tập 2.  - Tập viết, trình bày.  - Theo dõi và nhận xét | **III. Luyện tập**  Bài 1: Lựa chọn tình huống viết biên bản  - Ghi lại diễn biến và kết quả của Đại hội chi bộ.  - Chú công an ghi lại biên bản một vụ tai nạn giao thông.  - Nghiệm thu phòng thí nghiệm  Bài tập 2: Tập viết biên bản:  Yêu cầu đúng quy định  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tham khảo một số văn bản mẫu, trao đổi với bạn bè, tập viết một biên bản hoàn chỉnh.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Tham khảo một số văn bản mẫu, trao đổi với bạn bè, tập viết một biên bản hoàn chỉnh.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Sưu tầm các biên bản khác nhau. Rút ra điểm chung giữa các biên bản đã sưu tầm được.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Thuộc ghi nhớ.

- Hoàn thành bài tập 2 (SGK trang 126)

- Soạn bài: Rô- bin- xơn ngoài đảo hoang ( Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu tác giả, trả lời các câu hỏi / Sgk)

+ Nhóm 1: Lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả.

+ Nhóm 2: Lập sơ đồ tư duy giới thiệu chung về tác phẩm.

+ Nhóm 3. Lập sơ đồ tư duy giới thiệu về bức chân dung tự họa của Rô-bin-xơn

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tuần 31.**

**Tên bài: RÔ - BIN – XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG**

**(Đ.Đi Phô)**

**Tiết thứ: 146,147**

*Ngày soạn: 24.3.2017*

*Ngày thực hiện: 30,31.3.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Thấy được cuộc sống gian khổ và tinh thần lạc quan của Rô-bin-xơn khi phải sống một mình giữa đảo. Thấy được hình thức tự truyện của văn bản.

- Biết đọc - hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự được viết bằng hình thức tự truyện.

- Vận dụng để viết văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc – hiểu, phân tích, cảm thụ một một văn bản văn học nước ngoài.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục HS tinh thần vượt qua những hoàn cảnh khó khăn, sống lạc quan.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Nghị lực, tinh thần lạc quan của một con người phải sống cô độc trong hoàn cảnh hết sức khó khăn.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc – hiểu, phân tích, cảm thụ một một văn bản văn học nước ngoài.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục HS tinh thần vượt qua những hoàn cảnh khó khăn, sống lạc quan***4. 4.Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ, tư duy hình tượng…

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS thấy được cuộc sống gian khổ và tinh thần lạc quan của Rô-bin-xơn khi phải sống một mình giữa đảo, thấy được đặc sắc về hình thức tự truyện của văn bản.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Phân tích văn bản.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân; đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình, dạy học dự án...

+ Phương tiện: Máy chiếu

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra trong tiết học.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề, sử dụng trực quan * Kĩ thuật: động não. | | | |
| Cho lớp xem một đoạn Clip về cuộc sống nơi đảo hoang.  + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu lớp trưởng điều hành hoạt động.  ? Cảm nhận của bản thân sau khi xem đoạn clip?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | | * Quan sát, lắng nghe.   + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Xin ý kiến GV.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**  - Thời gian: 60'  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó. Phân tích để thấy được cuộc sống gian khổ và tinh thần lạc quan của Rô-bin-xơn khi phải sống một mình giữa đảo.Thấy được hình thức tự truyện của văn bản  - Phương pháp: Đọc diễn cảm, vấn đáp, giảng bình, thảo luận nhóm nhỏ...  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321. | | | |
| **\* HS tìm hiểu chung:**  + Yêu cầu nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận ở nhà.   * + Yêu cầu các nhóm nhận xét, phản biện.   + GV nhận xét, đánh giá bằng điểm số, chốt kiến thức.   ? Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm?  - Yêu cầu HS giải thích từ khó.  - Hướng dẫn HS đọc:  + Cho HS đề xuất cách đọc.  + GV hướng dẫn.  + Gọi HS đọc.   * + Yêu cầu nhóm 2 trình bày kết quả thảo luận ở nhà.   + Yêu cầu các nhóm nhận xét, phản biện.   + GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **I. Tìm hiểu chung**  - Trình bày, nhận xét chéo, phản biện.  - Nghe, ghi chép.  -  - Nghe  - Đọc  - Trình bày, nhận xét chéo, phản biện.  - Nghe, ghi chép. | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Chú thích**  a. Tác giả  Đi-phô (1660-1731) là nhà văn nổi tiếng ở Anh.  b. Tác phẩm:  - Sáng tác năm 1719, dưới hình thức tự nguyện, mình ở đảo hoang khoảng 15 năm.  c. Từ khó  **2. Đọc**  **3.Thể loại:**  - Tiểu thuyết  **4. Bố cục:** 4 phần  -Phần 1: Đoạn 1(Mở đầu)  - Phần 2:Đoạn 2, 3 (Trang phục của Rô-bin-xơn)  -Phần 3:Trang bị và diện mạo của Rô-bin- xơn. |
| **\*HD phân tích:**  H: Tác giả giới thiệu với độc giả bức chân dung Rô-bin-xơn theo trình tự nào?  - Kể về trang phục (Mũ, quần áo, giầy dép) theo trật tự từ trên xuống dưới, sau đó đến những vật dụng mang theo rồi đến bức hoạ gương mặt. | | **II. Phân tích**  - Trình bày, nhận xét chéo, phản biện.  - Nghe, ghi chép. | **II. Phân tích**  # **Bức chân dung tự họa của Rô-bin-xơn:** |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo sự phân công của tiết học trước:  + Yêu cầu nhóm 3 trình bày kết quả thảo luận ở nhà.  ?Trang phục của Rô-bin-xơn được tác giả miêu tả như thế nào? Em hãy tìm những chi tiết đó? Phân tích?  H: Em có nhận xét về cách tả khuôn mặt của tác giả?   * + ***Yêu cầu các nhóm nhận xét, phản biện.***   + ***GV nhận xét, đánh giá bằng điểm số, chốt kiến thức:***   Trên bộ mặt ngoài 1 câu nói thoáng qua về nước da, Rô-bin-xơn chỉ đặc tả về bộ ria mép của chàng, ta không biết gì về các bộ phận khác trên khuôn mặt như mắt, mũi, mồm, tóc tai.  Điều này một phần do Rô-bin-xơn muốn giới thiệu với độc giả cách ăn mặc kỳ khôi và những đồ nghề lỉnh kỉnh mang theo người chàng là chính và 1 phần chính là do truyện kể ở ngôi thứ nhất Rô-bin-xơn chỉ kể những gì chàng nhìn thấy được.  H: Có gì khác thường trong những trang phục này? Em hình dung một dáng vẻ như thế nào?  H: Vì sao Rô-bin-xơn phải tự tạo trang phục cho mình? Việc này cho thấy Rô-bin-xơn là người như thế nào? Cuộc sống của Rô-bin-xơn ra sao?  - Vì Rô-bin-xơn sống sót sau đắm tàu, một mình hàng chục năm trên đảo vì vậy Rô-bin-xơn phải lao động sáng tạo và là người không khuất phục trước hoàn cảnh -> Có cuộc sống gian khổ, khó khăn.  ***(Hết tiết 146, chuyển tiết 147)*** | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Phát hiện trả lời  - Suy nghĩ trả lời.  - Nghe. | **1. Trang phục**  ***- Trang phục đều bằng da dê và do người mặc tự tạo rất kỳ cục và ngộ nghĩnh, bề ngoài không giống người thường, mang dáng dấp của người rừng cổ xưa.***  ***-> Là kết quả của sự lao động sáng tạo.*** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS HĐ cá nhân, HĐ chung cả lớp; phương pháp vấn đáp.  - Yêu cầu HS suy nghĩ, trình bày, nhận xét chéo.  ***- GV nhận xét, chốt kiến thức.***  H: Khi miêu tả diện mạo của Rô-bin-xơn tác giả tập trung vào những chi tiết nào? Hãy phân tích?  H: Nước da không nỗi đen cháy là nước da như thế nào? Vì sao Rô-bin-xơn lại có nước da đó?  GV: Rô-bin-xơn vốn là người Anh, da trắng. Nhưng sau những năm tháng ở ngoài vùng xích đạo, Rô-bin-xơn đã mang màu da khác.  H: Vì sao có lúc Rô-bin-xơn không cắt râu? Nhưng có lúc lại cắt râu cho mình vì lẽ gì?  - Có lúc bi quan, có thể là chán cuộc sống nhưng có lúc vẫn còn hi vọng sống và muốn sống cho đàng hoàng.  H: Em hãy tìm những chi tiết miêu tả Rô-bin-xơn tự chăm sóc hàng ria của mình?  H:Điều đó cho thấy cách sống của Rô-bin-xơn như thế nào?  - Lạc quan không đánh mất hi vọng sống trở về  H: Qua diện mạo em hiểu gì về cuộc sống và con người của Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang?  H: Nhận xét gì về giọng điệu trần thuật và miêu tả trong văn bản này?  - Dí dỏm, lạc quan, khôi hài  H: Nhân vật này để lại cho em bài học gì?  - Bài học về một tấm gương đẹp về lòng yêu cuộc sống và vượt lên hoàn cảnh khắc liệt để sống tốt đẹp. | | + HS thực hiện nhiệm vụ:  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nghe  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nhận xét.  - HS tự bộc lộ. | **2. Diện mạo**  ***- Nước da đen một cách không bình thường.***  ***- Xén tỉa thành một cặp ria mép to tướng ...***   * + ***>Tái hiện cuộc sống hết sức thiếu thốn, khó khăn gian khổ đối với một con người đơn độc, chấp nhận và cải tiến hoàn cảnh, lạc quan không tuyệt vọng có ý chí sống mãnh liệt.*** |
| **\* HD tổng kết:**  - HĐ chung cả lớp:  - Yêu cầu HS khái quát:  + Nghệ thuật kể chuyện có gì đặc biệt? Tác dụng của cách kể chuyện này?  +Nêu nội dung của văn bản? | | **III .Tổng kết**  - Khái quát, rút ra nội dung phần ghi nhớ.  - Khái quát, rút ra nội dung phần ghi nhớ. | **III . Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Kể bằng miêu tả kết hợp với biểu cảm  - Giọng nhẹ nhàng, hóm hỉnh, khôi hài  Tác dụng: Vừa vẽ chân dung nhân vật vừa gợi hiện thực cuộc sống và bộc lộ cảm xúc, thái độ của người kể  2. Nội dung  - Cuộc sống vô cùng khó khăn gian khổ và cả tinh thần lạc quan của nhân vật khi chỉ có một mình nơi đảo hoang vùng xích đạo suốt mười mấy năm ròng rã.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:10'  - Mục tiêu: Khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp, bình  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| **\*HD luyện tập:**  H: Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Rô-bin-xơn | **IV. Luyện tập**  - Phát biểu cảm nghĩ. | | **IV. Luyện tập**  Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Rô-bin-xơn  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy,giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: ? Bài học cuộc sống mà em nhận được sau khi học văn bản “Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang”?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Nêu được bài học cuộc sống mà em nhận được sau khi học văn bản “Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang”.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: - Tìm đọc toàn bộ cuốn tiểu thuyết “Rô-bin-xơn Cru-xô”  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | - Tìm đọc toàn bộ cuốn tiểu thuyết “Rô-bin-xơn Cru-xô”  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học, hợp tác, sáng tạo |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về Rô-bin-xơn.

- Soạn bài: Tổng kết về ngữ pháp ( Đọc và làm các bài tập trong / Sgk)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tiết 148, 149:**

**TỔNG KẾT VỀ NGỮ PHÁP**

**Tên bài: TỔNG KẾT VỀ NGỮ PHÁP (Phần từ loại, cụm từ)**

**Tiết thứ: 148**

*Ngày soạn:**24.3.2017*

*Ngày thực hiện:01.4.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống hoá được những kiến thức về từ loại và cụm từ đã học từ lớp 6 đến lớp 9

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết và sử dụng thành thạo những từ loại đã học.

- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dùng các từ loại một cách phù hợp trong quá trình tạo lập văn bản.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống hoá kiến thức về các từ loại và cụm từ (danh từ, động từ, tính từ,cụm danh từ, cụm tímh từ,cụm động từ và những từ loại khác).

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp kiến thức về từ loại và cụm từ.

- Nhận biết và sử dụng thành thạo những từ loại đã học.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dùng cá từ loại một cách phù hợp trong quá trình tạo lập văn bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, sử dụng ngôn ngữ…

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua làm bài tập, HS nắm vững những kiến thức về từ loại và cụm từ đã học từ lớp 6 đến lớp 9

*+ Nội dung của hoạt động:* Từ loại và cụm từ

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, cá nhân, vấn đáp, thực hành luyện viết…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* **Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.**

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**III . Chuẩn bị**

- Chuẩn bị của thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- Chuẩn bị của trò: Đọc trước bài, làm các bài tập trong sách giáo khoa.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***-*** Kiểm tra trong tiết học.

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  -Cho HS chơi trò chơi: Thi tiếp sức  ? Đặt câu giới thiệu về nhân vật Rô-bin-xơn? Xác định từ loại, cụm từ của một trong số các câu vừa đặt.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  \* GV nhận xét, giới thiệu vào bài: Ở chương trình Ngữ văn THCS, chúng ta các em đã được tìm hiểu rất kĩ về các từ loại và cụm từ. Bài học hôm nay sẽ giúp các em nắm vững hơn nữa về những đơn vị kiến thức này. | + Thực hiện nhiệm vụ.  - Lớp trưởng điều hành.  - Đặt câu.  - Phân tích từ loại, cụm từ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2,3. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC - LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 37’  - Mục tiêu: Hệ thống hoá kiến thức về các từ loại và cụm từ (danh từ, động từ, tính từ,cụm danh từ, cụm tính từ,cụm động từ và những từ loại khác). Tổng hợp kiến thức về từ loại và cụm từ. Nhận biết và sử dụng thành thạo những từ loại đã học.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm, lập bảng hệ thống kiến thức...  - Kĩ thuật: Động não. | | | |
| **\*HD hệ thống từ loại tiếng Việt:(10’)**  + Giao nhiệm vụ:  -Tìm hiểu về danh từ, động từ, tính từ.  Bước 1: Hướng dẫn HS làm các bài tập.  - HS đọc yêu cầu bài tập 1,2 sgk  - GV chia nhóm, cho HS thảo luận  - Gọi 2 HS lên bảng trình bày.  - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét và sửa  Bước 2: khái quát nội dung.  ? Danh từ, động từ, tính từ thường đứng sau những từ nào?  -GV treo bảng phụ (bảng tổng hợp, HS đọc) | | **I/ Hệ thống từ loại tiếng Việt**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Xác định yêu cầu của bài tập.  - Hoạt động nhóm, trình bày.  HS suy nghĩ trả lời.  - Quan sát. | **I/ Hệ thống từ loại tiếng Việt.**  **1. Danh từ, động từ, tính từ.**  Bài tập 1: Xếp các từ theo cột   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Danh từ | Động từ | Tính từ | | lần | đọc | hay | | cái lăng | nghĩ ngợi | đột ngột | | làng | phục dịch | sung sướng | | ông giáo | đập | phải |   Bài tập 2: Điền từ, xác định từ loại  - rất hay – những cái lăng – rất đột ngột  - đã đọc – hay phục dịch – một ông giáo  - một lần – các làng – rất sung sướng  - vừa nghĩ ngợi - đã đập – rất sung sướng  Bài tập 3:Xác định vị trí của danh từ, động từ, tính từ.  Bài tập 4: Bảng tổng kết khả năng kết hợp của động từ, danh từ, tính từ. (SGK) |
| **\* HD ôn tập các từ loại khác(10’)**  + Giao nhiệm vụ:  - HS đọc yêu cầu bài tập 1  - Cho HS trao đổi thảo luận.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả:  - Gọi HS lên bảng điền, nhận xét, bổ sung  + GV nhận xét, chốt kiến thức, cho điểm | | **II/ Các từ loại khác:**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - HS trao đổi thảo luận.  - HS lên bảng điền, nhận xét, bổ sung | **II/ Các từ loại khác:**  ***1. Bài tập 1:***  Bài 1; Xếp loại từ theo cột |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | ST | Đại từ | LT | CT | PT | QHT | TT | TT từ | Thán từ | | ba  một  năm | tôi, bao nhiêu bao giờ  đầu | cả  những | ấy  bấy  giờ | đã, mới  đang | ở trong  nhưng  như | chỉ,  ngay chỉ | hả | trời ơi | | | | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2 và 3  - GV sửa, cho điểm | | - HS đứng tại chỗ trả lời  - HS nhận xét, bổ sung | ***Bài 2:*** Từ "đâu" từ "hả" dùng để tạo kiểu câu nghi vấn  a) Cụm từ  b) Cụm từ |
| **\* HD phân loại cụm từ:(10’)**  + Giao nhiệm vụ:  GV chia nhóm  Nhóm 1: Bài tập 1  'Nhóm 2: Bài tập 2  Nhóm 3: bài tập 3  - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài tập, trao đổi trong nhóm.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả:  - Gọi 3 Hs lên bảng trình bày.  + GV nhận xét, uốn nắn, cho điểm.  \*GV hướng dẫn HS đọc lại các cụm từ ở bảng mẫu (bài tập 4)  - GV sửa, nhận xét, cho điểm | | **III. Phân loại cụm từ:**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - HS nêu yêu cầu bài tập  - Thảo luận nhóm, trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung | **III. Phân loại cụm từ:**  ***1. Thành tố chính là danh từ***  a) ảnh hưởng, nhân cách, lối sống  b) ngày  c) Tiếng cười nói  ***2. Thành tố chính là động từ***  a) Đến, chạy xô, ôm chặt  b) Lên  ***3. Thành tố chính là tính từ***  a) Việt Nam, bình dị, phương Đông, hiện đại  b) êm ả  c) Phức tạp, phong phú, sâu sắc.  ***Xếp theo bảng***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cụm DT | Cụm ĐT | Cụm TT | | - tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó  -một nhân cách | - đã đến gần anh  -sẽ chạy xô vào lòng anh | - rất bình dị  -rất phương đông | |
| **\* HD ôn tập cấu tạo của cụm từ:(7’)**  + Giao nhiệm vụ:  - GV chia ba nhóm (mỗi nhóm điền một cụm từ trong mỗi bài tập)  - HS trao đổi nhóm (5’)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  Gọi đại diện trình bày. Cho các nhóm nhận xét chéo  ? Em rút ra nhận xét gì về cấu tạo của cụm từ?  ? Căn cứ vào đâu để phân biệt các cụm từ?  (Căn cứ vào thành tố chính làm thành phần trung tâm trong mỗi cụm từ)  + GV nhận xét, chốt kiến thức..  - Hướng dẫn vẽ mô hình cấu tạo các cụm từ còn lại ở bài tập 1,2,3.  - GV yêu cầu HS viết đoạn văn có cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.  Gạch chân dưới cụm từ, ghi rõ tên gọi cụm từ. | | **IV.Cấu tạo của cụm từ:**  - HS nêu yêu cầu bài tập .  - Thảo luận nhóm, trình bày.  - HS lên bảng điền vào bảng  - Các nhóm khác nhận xét, đánh giá lẫn nhau.  - Nghe, ghi chép.  - Nhận xét.  - Nghe, thực hiện nhiệm vụ.  - Viết đoạn văn. | **IV.Cấu tạo của cụm từ:**  ( bảng ở phần phụ lục)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Viết đoạn văn có cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. Gạch chân dưới cụm từ, ghi rõ tên gọi cụm từ.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Viết được đoạn văn có cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. Gạch chân dưới cụm từ, ghi rõ tên gọi cụm từ.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Chọn một đoạn ngữ liệu bất kì ở phần văn học nước ngoài, xác định từ loại, cụm từ.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Chọn một đoạn ngữ liệu bất kì ở phần văn học nước ngoài, xác định từ loại, cụm từ.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học, hợp tác, sáng tạo, tư duy, giao tiếp tiếng Việt. |

**\* Phụ lục:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài tập | Phần trước | Phần trung tâm | Phần sau |
| Bài 1 (cụm DT) | tất cả những  một | ảnh hưởng,  tiếng cười, nói  lối sống | quốc tế đó  xôn xao, của đám người mới tản cư lên ấy  rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông |
| Bài 2 (cụm ĐT) | đã  vừa  sẽ | đến  lên  ôm chặt | gần anh  cải chính  lấy cổ anh |
| Bài 3 (cụm TT) | rất  sẽ  không | hiện đại  phức tạp  êm ả | hơn |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài “Tổng kết ngữ pháp” (Tiếp):

+ Lập sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức về câu.

+ Làm các bài tập/ Sgk.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài: TỔNG KẾT VỀ NGỮ PHÁP**

**( Các kiểu câu, các thành phần biệt lập)**

**Tiết thứ:149**

*Ngày soạn:2.4.2017*

*Ngày thực hiện: 3.4.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững kiến thức về câu (các thành phần câu, các kiểu câu, biến đổi câu) đã học từ lớp 6 đến lớp 9.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp kiến thức về câu.

- Nhận biết và sử dụng thành thạo những kiểu câu đã học.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức đặt câu đúng ngữ pháp, sử dụng các thành phần biệt lập, các kiểu câu theo mục đích nói sao cho có hiệu quả giao tiếp cao nhất.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Các thành phần câu, các kiểu câu, biến đổi câu ... đã học từ lớp 6 đến lớp 9.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết và sử dụng thành thạo những kiểu câu đã học.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức đặt câu đúng ngữ pháp, sử dụng các thành phần biệt lập, các kiểu câu theo mục đích nói sao cho có hiệu quả giao tiếp cao nhất.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, sử dụng ngôn ngữ.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua luyện tập, HS nắm vững kiến thức về câu (các thành phần câu, các kiểu câu, biến đổi câu) đã học từ lớp 6 đến lớp 9.

*+ Nội dung của hoạt động:* Ôn tập các thành phần câu, các kiểu câu, biến đổi câu

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, cá nhân, vấn đáp, thực hành luyện viết…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Đóng vai * Kĩ thuật: động não, 321 | | | |
| - Cho 2 HS thực hiện một cuộc hội thoại.  - Phân tích thành phần câu, xác định kiểu câu.  - Cho lớp nhận xét chéo.  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: Ở chương trình Ngữ văn THCS, chúng ta các em đã được tìm hiểu rất kĩ về các thành phần của câu, kiểu câu. Bài học hôm nay sẽ giúp các em nắm vững hơn nữa về những đơn vị kiến thức này. | | - Lớp trưởng điều hành.  - Thực hiện theo yêu cầu.  Nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC- LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 37’  - Mục tiêu: Hệ thống kiến thức về câu (các thành phần câu, các kiểu câu, biến đổi câu) đã học từ lớp 6 đến lớp 9.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm...  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321... | | | |
| **\*HD ôn: Thành phần câu**  + Giao nhiệm vụ:  Suy nghĩ trả lời các câu hỏi:  H: Em hãy kể tên các thành phần chính và thành phần phụ của câu đã học?  H: Nêu dấu hiệu nhận biết từng thành phần?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **I Thành phần câu**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **I Thành phần câu**  1. Thành phần chính và thành phần phụ  - Thành phần chính: Chủ ngữ, vị ngữ  (Thành phần chính là những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn)  - Thành phần phụ: Trạng ngữ, khởi ngữ, tình thái…  2. Thành phần phụ  - Vị ngữ: Là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hoạt động, đặc điểm trạng thái... được miêu tả ở VN: Chủ ngữ thường trả lời cho các câu hỏi? "Làm gì?", "Làm sao?", "Làm thế nào?", "Là gì?".  - Chủ ngữ: Là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hoạt động, đặc điểm trạng thái... được miêu tả ở VN Chủ ngữ thường trả lời cho các câu hỏi? "Ai?","Cái gì?", "Con gì?"  H: Nêu dấu hiệu nhận biết của thành phần phụ?  - Thành phần phụ trạng ngữ: Vị trí thường đứng ở đầu câu nhưng cũng có thể đứng ở giữa hoặc cuối câu. Tác dụng: Cụ thể hoá không gian thời gian, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích được diễn đạt ở nòng cốt câu.  - Dấu hiệu được ngăn cách với lòng cốt câu bằng dấu phẩy.  - Thành phần phụ khởi ngữ: Vị rrí thường đứng trước chủ ngữ, tác dụng: nêu lên đề tài của câu. Dấu hiệu có thể thêm quan hệ từ "Về, đối, với" vào trước khởi ngữ. |
| H: Yêu cầu học sinh đọc VD.  ? Phân tích các thành phần của câu trong ví dụ SGK . | | - Học sinh đọc, xác định. | 3. Phân tích thành phần của các ví dụ bài tập 2 |
| a. Đôi càng tôi/mẫm bóng  C V  b. Sau 1 hồi trống ... tôi, mấy người học trò  TN C  cũ/đến sắp ... vào lớp.  V  c. Còn tấm gương ... tráng men/nó/vẫn là ... hay  KN C V  độc ác ... | | |  |
| **\* HD ôn:Thành phần biệt lập:**  + Giao nhiệm vụ:  H: Kể tên và nêu dấu hiệu nhận biết các thành phần biệt lập của câu?  H: Xác định thành phần biệt lập trong các ví dụ sau?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức: | | **II.Thành phần biệt lập**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **II.Thành phần biệt lập**  1. Lý thuyết  - Thành phần tình thái: Là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự vật được nói đến trong câu.  - Thành phần cảm thán: Là thành phần được dùng ...  - Thành phần gọi đáp: Tạo lập hoặc duy trì  - Thành phần phụ chú: Đề bổ sung ...  2. Thực hành |
| a. Có lẽ TV của chúng ta ... nghĩa là rất đẹp  TPTT  b. Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi  TPTT  c. Trên những chặng ... dừa, dừa xiêm ... dừa nếp ... dừa lửa... TP phụ chú  d. Bẩm, dễ có khi đê vỡ  TP gọi đáp TPTT  e. Ơi chiếc xe vận tải  TP gọi đáp | | |  |
| **\* HD ôn:Các kiểu câu**  + Giao nhiệm vụ:  Thảo luận nhóm theo bàn:  H: Các em đã học những kiểu câu nào?  H: Nêu đặc điểm của câu đơn và câu ghép?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **III.Các kiểu câu**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **III.Các kiểu câu**  - Câu đơn, câu ghép  - Câu đơn là câu có cụm C - V làm nòng cốt câu  - Câu ghép là câu có từ 2 cụm C - V trở lên làm nòng cốt câu. |
| H: Xác định C - V trong các câu đơn sau?  a.Những nghệ sĩ/không những ghi lại... mới mẻ.  CN VN  b. Không, lời gửi ... cho nhân loại/phức tạp hơn  CN VN  c. Nghệ thuật / là tiếng nói của tình cảm.  CN VN  d. Tác phẩm/vừa là kết tinh tâm hồn ... trong lòng.  CN VN  e. ... Anh / thứ sáu và cũng tên Sáu.  CN VN | | | 1. Câu đơn |
| H: Nhận diện câu đặc biệt trong đoạn trích sau?  a. Có tiếng nói léo xéo ở gian trên.  b.Tiếng mụ chủ.  b.Một anh thanh niên 27 tuổi.  c.Những ngọn điện ... thần tiên.  - Hoa trong công viên.  - Những quả bóng ... góc phố  - Tiếng rao ... trên đầu.  - Chao ôi, có thể là tất cả. | | Học sinh theo dõi ví dụ SGK/147 | 2. Câu đặc biệt |
| H: Xác định câu ghép trong đoạn trích phân tích cấu tạo ngữ pháp?  a. Anh/gửi vào tác phẩm một lá thư ...;  CN VN  anh/muốn được ... góp vào đời sống ...  CN VN  b. Ông lão/vừa nói ... mà ông lão/hả hê cả lòng.  CN VN CN VN  c. Còn nhà hoạ sĩ và cô gái / cùng nín bặt, vì cảnh CN VN CN  trước mặt/ bỗng hiện lên  VN  d.Để người con gái/khỏi trở lại bàn: anh/ lấy chiếc …  CN VN CN VN  e. Nhưng vì bom / nổ gần, Nho / bị….  CN VN CN VN | | | 3. Câu ghép  Bài tập 1 (147) |
| H: Xác định các kiểu quan hệ về nghĩa giữa các vế trong câu ghép vừa tìm được?  H: Xác định quan hệ nghĩa giữa các vế trong câu ghép sau (Sgk/148)  H: Tạo câu ghép theo yêu cầu sau:  a. Quả bom tung lên và nổ trên không. Hầm của Nho bị sập?  - Tương phản?  - Nhượng bộ.?  **\* HD ôn: Biến đổi câu**  + Giao nhiệm vụ:  HĐ cả lớp.  ? Thế nào là câu bị động?  ? Cách chuyển đổi từ câu chủ động thành câu bị động như thế nào?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  **\* HD ôn các kiểu câu ứng với mục đích giao tiếp**  - GV chia nhóm hs làm bài tập vào bảng nhóm.  HS trao đổi trong nhóm  gọi 3 nhóm lên bảng (đại diện HS)  Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | - Đọc, suy nghĩ trả lời.  - Quan sát bài tập, suy nghĩ trả lời.  - Đặt câu.  **IV.Biến đổi câu**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  **V.Các kiểu câu ứng với mục đích giao tiếp**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | Bài tập 2 (148)  a. Quan hệ bổ sung.  b. Quan hệ nguyên nhân - hệ quả  c. Quan hệ bổ sung  d. Quan hệ nguyên nhân - hệ quả  Bài tập 3 (148)  e. Quan hệ mục đích  a. Quan hệ tương phản  b. Quan hệ bổ sung  c.Quan hệ điều kiện giả thiết  Bài tập 4 (149)  a. Nguyên nhân, kết quả:  - Vì quả bom tung lên và và nổ trên không thì hầm của Nho bị sập  b. Tương phản:- Quả bom nổ khá gần, nhưng hầm của Nho không bị sập  - Nhượng bộ: Hầm của Nho không bị sập tuy quả bom nổ khá gần  **IV.Biến đổi câu**  a/ Đồ gốm được các người thợ thủ công Việt Nam làm ra khá sớm.  b/ Tại khúc sông này, một cây cầu lớn sẽ được tỉnh bắc qua.  c/Ngôi đền ấy đã được người ta dựng lên từ hàng trăm năm trước.  **V.Các kiểu câu ứng với mục đích giao tiếp**  Bài 1: Câu ghi vấn là gì  - Ba con, sao con không nhận?  - Sao con không biết là không phải?  - Ba con .... chứ gì?  => Dùng để hỏi  Bài 2: Xác định câu cầu khiến, mục đích  - Ở nhà trông em nhé! đừng có đi đâu đấy.  - Ra lệnh cho đứa con gái lớn.  - Xác định câu em bé đề nghị anh Sáu ăn cơm "Vô ăn cơm"  =>câu cầu khiến  Bài 3: Câu nói của anh Sáu có hình thức nghi vấn  - "Sau mày cứng đầu quá vậy, hả?"  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu bài học cuộc sống mà em nhận được từ văn bản “Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang”. Xác định kiểu câu cho các câu trong đoạn văn vừa viết.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | - Viết được đoạn văn (5-7 câu) nêu bài học cuộc sống mà em nhận được từ văn bản “Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang”. Xác định kiểu câu cho các câu trong đoạn văn vừa viết.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Chọn một đoạn ngữ liệu trong một văn bản bất kì. Xác định kiểu câu theo cấu tạo ngữ pháp và theo mục đích nói.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học, hợp tác, sáng tạo |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài “Tổng kết ngữ pháp” (Tiếp): Luyện tập viết biên bản”:

+ Làm các bài tập/ Sgk.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài: LUYỆN TẬP VIẾT BIÊN BẢN**

**Tiết thứ: 150**

*Ngày soạn: 2.4.2017*

*Ngày thực hiện:3.4.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững những kiến thức lí thuyết về biên bản: mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.

***2. Kĩ năng:***

- Viết được một biên bản hoàn chỉnh.

***3. Thái độ:***

- Có thói quen viết biên bản khi cần thiết. Khi viết cần coi trọng tính trung thực của sự việc và chịu trách nhiệm trước những gì mình đã ghi trong biên bản.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Mục đich, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.

***2. Kĩ năng:***

- Viết được một biên bản hoàn chỉnh.

***3. Thái độ:***

- Có thói quen viết biên bản khi cần thiết. Khi viết cần coi trọng tính trung thực của sự việc và chịu trách nhiệm trước những gì mình đã ghi trong biên bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua luyện tập, HS nắm chắc hơn những kiến thức lí thuyết về biên bản: mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.

*+ Nội dung của hoạt động:* Ôn tập lý thuyết, làm các bài tập.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 2’**

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của HS ( Bài tập 2/126)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài***: Ở tiết trước, các em đã học về biên bản. Hôm nay chúng ta sẽ thực hiện luyện tập viết biên bản. | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| + Giao nhiệm vụ:  Trao đổi trong bàn: nêu nhữngthuận lợi, khó khăn khi em viêt một biên bản theo nhiệm vụ của tiết học trước?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm trình bày; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:5’  - Mục tiêu: Nắm vững mục đich, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD ôn lý thuyết:**  - Gọi 1-2 HS trả lời câu hỏi sgk.  ? Biên bản nhằm mục đích gì?  Người viết biên bản cần phải có thái độ như thế nào?  ? Nêu bố cục của biên bản?  ? Lời văn và cách trình bày một biên bản có gì đặc biệt?  - GV khái quát lại phần lý thuyết | **I. Ôn lý thuyết**  - Nhớ lại kiến thức đã học trả lời.  - Nhớ lại kiến thức đã học trả lời.  - Nhớ lại kiến thức đã học trả lời. | **I/ Ôn lý thuyết**  1. Mục đích viết biên bản-Biên bản là loại văn bản ghi chép một cách trung thực, chính xác, đầy đủ một sự việc đang xảy ra hoặc vừa mới xảy ra. Người ghi biên bản chịu trách nhiệm về tính xác thực của biên bản.  -Tuỳ theo nội dung của từng sự việc mà có nhiều loại biên bản khác nhau: biên bản hội nghị, biên bản sự vụ, …  2. Bố cục của biên bản  \*Phần mở đầu  Quốc hiệu và tiêu ngữ, tên biên bản, thời gian, địa điểm, thành phần tham gia và chức trách của từng người.  \* Phần nội dung:  Diễn biến và kết quả của sự việc  Nội dung của văn bản cần trình bày ngắn gọn, đầy đủ, chính xác.  Thời gian kết thúc, chữ ký và họ tên của các thành viên.  3. Cách trình bày một biên bản |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 30’ * Mục tiêu: Viết được một biên bản hoàn chỉnh. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |
| **\* HD luyện tập:**  - HS trao đổi nhóm bài tập 1 theo gợi ý:  ? Nội dung ghi chép đã đầy đủ chưa? Cầm thêm bớt gì?  ? Cách sắp xếp các ý như thế nào?  Em hãy sắp xếp lại?  - Gọi hs trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung  - GV hướng dẫn HS khôi phục lại biên bản (có thể ghi bảng phụ, cho HS quan sát)-  - Yêu cầu HS nhớ lại buổi sinh hoạt lớp tuần vừa qua ghi lại biên bản. | **II/ Luyện tập**  - Hoạt động nhóm, trả lời.  - Hoạt động độc lập, khôi phục lại biên bản.  - Viết biên bản. | **II/ Luyện tập**  Bài tập 1/134  Viết biên bản cuộc họp dựa vào các tình tiết đã cho  - Quốc hiệu và tiêu ngữ  - Tên biên bản  - Thời gian, đặc điểm cuộc họp  - Thành phần tham dự  - Diễn biến và kết quả cuộc họp  + Khai mạc  + Lớp trưởng  + Hai bạn HS giỏi báo cáo kinh nghiệm  +Trao đổi  + Tổng kết   * Thời gian kết thúc, ký tên   ***Bài tập 2/136***  Biên bản cuộc họp lớp tuần qua (thời gian, nội dung ....) |
| + Giao nhiệm vụ:   * Gọi HS nêu yêu cầu bài tập 3   – HS thảo luận theo nhóm thống nhất nội dung biên bản.  - Viết biên bản.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - Gọi 2 hs đại diện lên bảng trình bày.  - Gọi hs nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, uốn nắn, cho điểm | + Thực hiện nhiệm vụ:  - Nêu yêu cầu bài tập.  Thảo luận nhóm  - Viết biên bản, trình bày.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm | ***Bài tập 3/136***  Ghi lại biên bản bàn giao nhiệm vụ trực tuần.  Gợi ý:  - Thành phần tham dự bàn giao gồm những ai?  - Nội dung bàn giao như thế nào?  + Kết quả công việc đã làm trong tuần  + Nội dung công việc tuần tới  + Các phương tiện vật chất và hiện trạng của chúng ta tại thời điểm bàn giao. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tham khảo một số văn bản mẫu, trao đổi với bạn bè, tập viết một biên bản hoàn chỉnh.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Tập viết một biên bản hoàn chỉnh.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Sưu tầm các biên bản khác nhau. Rút ra điểm chung giữa các biên bản đã sưu tầm được.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Sưu tầm các biên bản khác nhau. Rút ra điểm chung giữa các biên bản đã sưu tầm được.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tự học, hợp tác, sáng tạo |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Ôn lại lí thuyết, làm bài tập 4 /136

- Chuẩn bị bài: Bố của Xi-mông ( Đọc, tóm tắt văn bản, trả lời câu hỏi Sgk)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

==================

**Tên bài: BỐ CỦA XI -MÔNG**

(G.Mô-pa-xăng)

**Tiết thứ: 151, 152**

*Ngày soạn:2.4.2017*

*Ngày thực hiện:6,7.4.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Thấy được nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng của các nhân vật trong văn bản, rút ra được bài học về lòng yêu thương con người.

- Nỗi khổ của một đứa trẻ không có bố và những ước mơ, những khát khao của em.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc- hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự.

- Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật.

- Nhận diện được những chi tiết miêu tả tâm trạng nhân vật trong một văn bản tự sự.

***3. Thái độ:***

- Có lòng nhân ái, sự cảm thông chia sẻ với nỗi đau của người khác.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Nỗi khổ của một đứa trẻ không có bố và những ước mơ, những khát khao của em.

***2. Kĩ năng:***

- Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật Xi - mông.

- Nhận diện được những chi tiết miêu tả tâm trạng nhân vật trong một văn bản tự sự.

***3. Thái độ:***

- Có lòng nhân ái, sự cảm thông chia sẻ với nỗi đau của người khác.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS thấy được nỗi khổ của một đứa trẻ không có bố và những ước mơ, những khát khao của em; nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng của các nhân vật trong văn bản; rút ra được bài học về lòng yêu thương con người.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Đọc hiểu, phân tích văn bản.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

- Bài học cuộc sống mà em nhận được từ văn bản Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang”?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não. | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HĐ cá nhân: Nêu suy nghĩ của bản thân em khi được sống dưới mái ấm gia đình?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 60’   Mục tiêu: Nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.Thấy được nỗi khổ của một đứa trẻ không có bố và những ước mơ, những khát khao của em. Nhận diện được những chi tiết miêu tả tâm trạng nhân vật trong một văn bản tự sự.   * Phương pháp tích cực:Đọc diễn cảm, vấn đáp, hoạt động cặp đôi, cá nhân...   Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  + Giao nhiệm vụ:  HS cá nhân:  ? Tóm tắt nét chính về tác giả?  ? Nêu xuất xứ văn bản?  - GV hướng dẫn HS cách đọc, chú ý ngôn ngữ nhân vật, GV đọc.  - Yêu cầu HS đọc, tóm tắt đoạn trích.  - GV kể tóm tắt tác phẩm cho hs nghe.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  + Trao đổi cặp đôi: Đoạn trích có thể chia làm mấy phần? Nội dung?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **I. Tìm hiểu chung**  + Thực hiện nhiệm vụ.  - Dựa vào chú thích trả lời.  - Nêu xuất xứ  - Nghe  - Đọc, tóm tắt.  - Nghe  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích**  ***a.Tác giả***  - Mô-pa-xăng (1850-1893) là nhà văn nổi tiếng ở Pháp với xu hướng truyện ngắn hiện thực.  ***b. Tác phẩm***  - Trích "Tuyển tập truyện ngắn Pháp"  **2. Đọc, tóm tắt**  **3.Bố cục:**  Phần 1: Nỗi tuyệt vọng của Xi-mông  Phần 2: Xi-mông gặp bác Phi líp  Phần 3: Phi líp đưa Xi-mông về nhà, nhận làm bố Xi- mông.  Phần 4: Ngày hôm sau ở trường |
| **\* HD phân tích:**  H: Đoạn trích có những nhân vật nào? Các nhân vật chính?  - Ba nhân vật: Phi-líp, Blăng-sốt, Xi-mông. Nhân vật chính là Xi-mông.  H: Vì sao gọi Ximông là nhân vật chính?  - Vì câu chuyện xoay quanh nỗi khổ không có bố và sự giải thoát cho cậu khỏi nỗi khổ đó.  H: Tác giả đã giới thiệu nhân vật Xi-mông như thế nào? Phân tích. | | **II. Phân tích**  - Suy nghĩ trả lời  - Xác định nhân vật chính   * Suy nghĩ trả lời. | **II. Phân tích**  **1. Nhân vật Xi-mông**  - Độ 7 tuổi, hơi xanh xao, vẻ nhút nhát gần như vụng dại... nó không biết bố mình là ai. Mẹ nó chưa bao giờ nói với bó về chuyện này. Bạn bè trong trường học thường hay trêu chọc nó vì nó là đứa trẻ không có bố. Nó đau khổ lắm. |
| Gv gọi 1 học sinh đọc đoạn1:  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  H: Đoạn văn kể, tả lại cảnh gì? Chuyện gì? Xi-mông ra bờ sông để làm gì? Em hãy tìm những chi tiết đó? | | - Đọc  - Thực hiện nhiệm vụ.  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. |  |
| H: Vì sao khi ra đến bờ sông em lại bỏ ý định nhảy xuống sông tự tử? ?  - Vì cảnh tượng một cao rộng đã hiện ra trước mắt em: Trời ấm áp ánh mặt trời êm đềm sưởi ấm bãi cỏ, nước lấp lánh như gương → đó là một cảnh tượng cao rộng, trong sáng, ấm áp. | | - Suy nghĩ trả lời. |  |
| H: Cảnh tượng ấy tác động như thế nào đến tâm trạng của Ximông?  - Có những giây phút khoan khoái, thèm được ngủ ở đây rồi muốn chơi đùa. | | - Suy nghĩ trả lời. |  |
| H: Hình ảnh một em bé dẫm nước mắt, lang thang một mình nơi bãi sông, thèm được ngủ trên mặt cỏ gợi lên một số phận như thế nào, gợi cho người đọc cảm xúc gì?  - Số phận của một em bé cô độc đau khổ, đáng thương→ thương cảm | | - Suy nghĩ trả lời. | ***-Một em bé đau khổ đến tuyệt vọng vô bờ.*** |
| H; Sự xuất hiện của chú nhái đã cuốn Xi-mông vào một trò chơi. Trò chơi ấy tác động như thế nào đến tâm trạng của Xi-mông?  - Làm cho Xi- mông vui và bật cười. Xi-mông đã tìm được niềm vui nơi bờ sông.  ? Việc đuổi bắt chú nhái con rồi bật cười cho ta hiểu gì về nhân vật này?  H: Trò chơi với con nhái khiến Xi- mông có tâm trạng gì? Vì sao Ximông lại buồn bã khóc?  - Em chợt nhớ đến nhà, đến mẹ nỗi khổ tâm lại trở về, dâng lên và em lại khóc nức nở, chẳng nghĩ ngợi được gì nữa, chẳng nhìn thấy gì nữa mà chỉ khóc hoài. | | - Suy nghĩ trả lời.  - Nêu cảm nhận. | ***- Là chú bé rất hồn nhiên, ngây thơ.*** |
| H: Khi đó Xi-mông đã làm gì? Tìm chi tiết đó?  - Xi-mông quỳ xuống đọc kinh cầu nguyện. | | - Phát hiện trả lời. |  |
| H: Theo em Xi-mông đã cầu nguyện điều gì? | | - Suy nghĩ trả lời. |  |
| H: Qua đó em nhận xét gì về tâm trạng của Xi-mông? Được thể hiện như thế nào? Có phù hợp với tâm lí lứa tuổi của em không? Chi tiết, hình ảnh nào chứng tỏ điều đó?  GV bình:  Tâm trạng đau khổ của một đứa bé trong một hoàn cảnh thật đáng thương. Tâm trạng ấy thể hiện ra qua cảnh thiên nhiên, cử chỉ. Tiếng khóc nức nở, triền miên không dứt là chi tiết tô đậm rất phù hợp với tâm lí lứa tuổi và cá tính của Ximông. | | - Hoạt động nhóm, trả lời. | ***- Vô cùng đau khổ, tuyệt vọng.*** |
| H: Theo em có cách nào giải thoát cho Xi-mông khỏi nỗi tuyệt vọng này? | | - Học sinh tự bộc lộ |  |
| GV: Trước nỗi đau tuyệt vọng ấy thì tâm trạng của Xi-mông khi gặp bác Philíp như thế nào?  H: Đọc diễn cảm đoạn văn "Bỗng một bàn tay chắc nịch ... bỏ đi rất nhanh" | | -Suy nghĩ trả lời.  - Đọc |  |
| H: Xi mông tỏ thái độ như thế nào khi bất ngờ gặp bác Philíp ở bờ sông? | | -Suy nghĩ trả lời. | ***- Khi gặp bác Phi-líp, Xi-mông giải tỏa được một phần nỗi đau khổ.*** |
| H: Câu trả lời nghẹn ngào trong tiếng khóc cố kìm nén chứng tỏ tâm trạng gì của em lúc này?  - Hình ảnh em bé xanh xao, mắt đẫm lệ vừa trả lời bác thợ giọng nghẹn ngào trong tiếng nấc tủi buồn xấu hổ: Câu nói của em: được nhắc lại 2 lần chính là lời khẳng định tuyệt vọng bất lực  GV: Nhưng rõ ràng vẫn là 1 đứa trẻ nên ngay sau đó em đã hoàn toàn nghe lời bác Phi-líp để bác nắm tay đưa về nhà mình. | | -Suy nghĩ trả lời.  - Nghe |  |
| H: Về đến nhà gặp mẹ tại sao Xi-mông lại oà khóc?  - Gặp mẹ, bé không mừng rỡ mà trái lại lại thêm đau đớn buồn tủi nỗi đau như bùng nổ, Xi-mông nhảy lên ôm cổ mẹ oà khóc vì không chịu đựng được nỗi nhục không có bố. Điều mà nó không sao hiểu nổi. Vì tất cả những đứa trẻ khác mà nó biết đều có bố. | | -Suy nghĩ trả lời. |  |
| H: Em hãy tìm những câu nói, câu hỏi của bé với bác Phi-líp? | | - Phát hiện trả lời. |  |
| H: Những câu nói, câu hỏi ấy nói lên điều gì?  H: Học sinh đọc đoạn cuối cùng H: Em hãy phân tích thái độ của Xi-mông trước những lời trêu chọc và tiếng cười ác ý của bạn bè ở trường?  - So với thường ngày khi bị các bạn trêu cợt, Xi-mông chỉ khóc, cam chịu trong đau buồn, ấm ức, khó hiểu. Nhưng sáng hôm nay thái độ và hành động của Xi-mông khác hẳn. Em chủ động trả lời, quát vào mặt chúng những lời nặng, mạnh như ném một hòn đá. | | - Nêu cảm nhận  - Đọc  - Phân tích. | ***- Xi - mông khát khao có bố.*** |
| H: Em hãy tìm câu nói đó?  - Bố tao ấy à? Bố tao tên là Philíp. | | - Phát hiện trả lời. |  |
| H: Câu trả lời đó chứng tỏ Xi-mông có thái độ như thế nào? | | -Suy nghĩ trả lời. | ***- Vui, tự tin khi được bác Phi líp nhận làm bố.*** |
| H: Qua đó em nhận xét gì về nhân vật Xi-mông?  ***(Hết tiết 151, chuyển tiết 152)*** | | - Tự bộc lộ. | ***=> Là chú bé rất đáng thương, đáng yêu.*** |
| GV giảng hoàn cảnh lầm lỡ của nhân vật này?  ? Theo em Blăng-sốt là người như thế nào? Chi tiết nào chứng tỏ điều đó?  - Ngôi nhà nhỏ: Quét vôi trắng hết sức sạch sẽ → Chị tuy nghèo nhưng sống đứng đắn, nghiêm túc.  - Gặp Phi-líp lần đầu chị "bỗng tắt nụ cười .. đứng nghiêm nghị ... cấm đàn ông không được bước qua ngưỡng cửa"  - Bản chất ấy còn bộc lộ ở nỗi lòng của chị khi con nói bị bạn đánh vì không có bố "Đôi má thiếu phụ bỗng đỏ bừng và tê tái đến tận xương tuỷ. Nước mắt lã chã tuôn rơi". Khi nghe con hỏi Philíp "Bác có muốn ...." thì chị lặng ngắt và quằn quại vì hổ thẹn dựa người vào tường, 2 tay ôm ngực. | | - Nghe  -Suy nghĩ trả lời. | **2. Nhân vật Blăng-sốt**  ***- Là một người phụ nữ đức hạnh, đứng đắn và nghiêm túc. Có một lần lầm lỡ. Có lòng yêu thương con vô bờ.*** |
| H: Tác giả đã giới thiệu về bác Philíp như thế nào?  - Đó là người thợ cao lớn, râu tóc đen quăn vẻ mặt nhân hậu, làm thợ rèn. | | - Phát hiện trả lời. | **3. Nhân vật Phi-líp**  ***- Là người thợ khỏe mạnh.*** |
| H: Tình cảm của bác Phi-líp khi gặp Xi-mông?  - Gặp Xi-mông bác rất thương em hỏi han khéo động viên em → Nhân hậu độ lượng, thấy nỗi đau khổ của người khác không thể bỏ qua. | | -Suy nghĩ trả lời. |  |
| H: Phân tích tâm trạng Phi-líp khi chưa gặp và đã gặp Blăng-sốt? | | - Thảo luận nhóm, trả lời |  |
| H: Nhận xét hành động của Philíp?  - Gặp Blăng-sốt: Ban đầu định lợi dụng  - Khi gặp Blăng-sốt thì ý nghĩ đó không còn nữa, bác hiểu ra là không thể đùa cợt được nữa. Nhận làm bố Xi-mông  ? Em cảm nhận như thế nào về nhân vật này? | | - Nêu cảm nhận. | ***- Là người nhạy cảm , đứng đắn. Có lòng nhân hậu, cảm thông với nỗi đau của người khác.*** |
| **\* HD tổng kết:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  ? Khái quát diễn biến tâm trạng của nhân vật chính trong đoạn trích, qua đó nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật của tác giả?  H: Tác giả muốn nhắn nhủ điều gì qua thái độ và hành động của lũ trẻ bạn Xi-mông?  - Lòng thương cảm và tình thương yêu bạn bè, nhất là đối với những bạn có hoàn cảnh đặc biệt: Nghèo khổ, mồ côi, tật nguyền không nên xa lánh ghẻ lạnh, thờ ơ, càng không nên trêu chọc, rẻ khinh.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **III.Tổng kết**  - Thảo luận nhóm, rút ra nội dung cần ghi nhớ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **III - Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  -Thành công trong nghệ thuật diễn biến tâm trạng nhân vật.  **2. Nội dung**  -Văn bản nhắc nhở chúng ta về lòng thương yêu bè bạn, thương yêu con người, sự thông cảm với những nỗi đau hoặc lầm lỡ của người khác.  # Ghi nhớ/ Sgk  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:10'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| **IV. Luyện tập**  - Yêu cầu HS làm bài tập. | **IV.Luyện tập**  - Làm việc cá nhân -> hoạt động chung cả lớp. | | **IV. Luyện tập**  **Bài tập:** Có ý kiến cho rằng: tryện ngắn “Bố của Xi-mông là truyện ngắn giàu giá trị nhân đạo”. Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Em rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi học văn bản này?  **?** Trong cuộc sống, em đã gặp những mảnh đời bất hạnh nào? Bản thân em đã làm gì để giúp họ xoa dịu nỗi đau  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  - Tự liên hệ bản thân, trình bày.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Rút ra được bài học cho bản thân sau khi học văn bản.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tìm đọc thêm các tác phẩm cùng chủ đề. Nhận xét về thái độ của các nhà văn và tình người được thể hiện qua tác phẩm?  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ, lưu sản phẩm. | | Đọc thêm các tác phẩm cùng chủ đề. Nhận xét về thái độ của nhà văn và tình người được thể hiện qua các tác phẩm.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một trong hai nhân vật Phi-lip, Xi –mô

- Chuẩn bị bài: Hợp đồng ( Đọc trước bài và trả lời các câu hỏi / Sgk)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài: ÔN TẬP VỀ TRUYỆN**

**Tiết thứ 153,154**

*Ngày soạn: 8.4.2017*

*Ngày thực hiện:8,10.4.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững kiến thức về đặc trưng thể loại qua các yếu tố nhân vật, sự việc, cốt truyện, những nội dung cơ bản của các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học, những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học.

- Rút ra được bài học cuộc sống từ các truyện.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam

***3.Thái độ:***

**-**  Qua các tác phẩm truyện, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo, ý thức tự nguyện cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Những nội dung cơ bản của các tác phẩm truyện hiện đại Việt nam đã học.

- Những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học.

- Rút ra được bài học cuộc sống từ các truyện.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam

***3.Thái độ:***

**-**  Qua các tác phẩm truyện, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo, ý thức tự nguyện cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

1.Thầy:*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua lập bảng hệ thống kiến thức, giải quyết các bài tập… HS nắm vững kiến thức về đặc trưng thể loại qua các yếu tố nhân vật, sự việc, cốt truyện, những nội dung cơ bản của các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học, những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học. Rút ra được bài học cuộc sống từ các truyện.

*+ Nội dung của hoạt động: Lập bảng hệ thống kiến thức, thực hành luyện tập.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:*vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

2. Trò: Làm đề cương ôn tập theo gợi ý trong SGK.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề   Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Chơi trò chơi đóng vài: Tôi là ai?  - Cử hai đội chơi. Đóng vai một số nhân vật văn học tự giới thiệu về mình. Đội thứ hai phải đoán đúng tên nhân vật.  + Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ, nhận xét chéo.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm tham gia chơi; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’ * Mục tiêu: HS nắm được nét cơ bản về tác giả, tác phẩm. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| \* **HD lập bảng ôn tập thống kê các tác phẩm truyện hiện đại:**  Giáo viên yêu cầu HS dựa vào đề cương đã chuẩn bị ở nhà, trình bày kiến thức cơ bản về các truyện .  - Giáo viên nhận xét, chữa. | | | **I. Lập bảng ôn tập thống kê ...**  - Trình bày đề cương đã chuẩn bị. | **I. Lập bảng thống kê các tác phẩm truyện hiện đại.** |
| **Bảng thống kê các tác phẩm truyện hiện đại**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tác phẩm** | **Tác giả** | **Năm ST** | **Thể loại** | **Tóm tắt nội dung** | | 1 | Làng | Kim Lân | 1948 | Truyện ngắn | Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với long yêu nước và tinh thần kháng chiến của nhiều nông dân. | | 2 | Lặng lẽ Sa Pa | Nguyễn Thành Long | 1970 | Truyện ngắn | Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông hoạ sĩ, cô kỹ sư mới ra trường với người thanh niên làm việc một mình tại núi cao Sa Pa. Qua đó, ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến hết sức mình cho đất nước | | 3 | Chiếc lược Ngà | Nguyễn Quang Sáng | 1966 | Truyện ngắn | Câu chuyện éo le và cảm động về hai cha con ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khi căn cứ. Qua đó, truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh. | | 4 | Bến quê | Nguyễn Minh Châu | Trong tập "Bến quê" 1985 | Truyện ngắn | Qua những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật Nhĩ vào lúc cuối đời trên giường bệnh, truyện thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống, của quê hương | | 5 | Những ngôi sao xa xôi | Lê Minh Khánh | 1971 | Truyện ngắn | Cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái thanh niên xung phong trên đỉnh cao ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh chống Mĩ cứu nước. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của họ. | | | | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 55’ * Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | | | |
| **\*HD ôn tập những nét chính về nội dung tác phẩm truyện Việt Nam:**  ? Các truyện được sắp xếp theo các thời kỳ lịch sử như thế nào? Em hãy sắp cho phù hợp?  H: Các tác phẩm trên phản ánh điều gì? | **II.Nét chính về nội dung tác phẩm ...**  - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời. | **II/ Nét chính về nội dung tác phẩm truyện Việt Nam:**  - Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (Làng - Kim Lân)  - Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ: Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng), Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long), Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê).  - Từ sau 1975: Bến quê (Nguyễn Minh Châu)  \* Hình ảnh đất nước và con người Việt Nam được phản ánh:  + Các tác phẩm trên đã phản ánh được 1 phần những nét tiêu biểu của đời sống xã hội và con người Việt Nam với tư tưởng, tình cảm của họ trong nhiều thời kỳ lịch sử có nhiều biến cố lớn lao từ sau Cách mạng tháng 8 1945, chủ yếu là trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. | | |
| H: Hình ảnh các thế hệ con người Việt Nam yêu nước trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ được miêu tả qua những nhân vật nào?  ? Phân tích một hình ảnh về con người Việt Nam tiêu biểu trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước ? | - Hoạt động nhóm, trả lời.  - Phân tích theo bài chuẩn bị ở nhà, thảo luận nhóm bổ sung | \* Hình ảnh con người Việt Nam yêu nước thuộc nhiều thế hệ trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã được thể hiện sinh động qua một số nhân vật: Ông Hai (Làng), Người thanh niên (Lặng lẽ Sa Pa), ba cô gái thanh niên xung phong (Những ngôi sao xa xôi).  VD:Truyện “ Những ngôi sao xa xôi” làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mộng mơ, tinh thần dũng cảm trong cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, mất mát và hi sinh ngưng rất hồn nhiên lạc quan… | | |
| H: Em hãy nêu những nét nổi bật về tính cách và phẩm chất ở mỗi nhân vật?  ***(Hết tiết 153, chuyển tiết 154)*** | - Suy nghgĩ trả lời. | **VD:** - Ông Hai: Tình yêu làng thật đặc biệt, nhưng phải đặt trong tình cảm yêu nước và tinh thần kháng chiến.  - Người thanh niên trong truyện Lặng lẽ Sa Pa: Yêu thích và hiểu ý nghĩa công việc thầm lặng một mình trên núi cao, có những suy nghĩ và tình cảm tốt đẹp trong sáng về công việc và đối với mọi người.  - Bé Thu: Tính cách cứng cỏi, tình cảm nồng nàn, thắm thiết với người cha.  - Ông Sáu: Tình cha con sâu nặng, tha thiết trong hoàn cảnh éo le và xa cách của chiến tranh.  - Ba cô gái thanh niên xung phong: Tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh. Khi làm nhiệm vụ hết sức nguy hiểm tình cảm trong sáng, hồn nhiên lạc quan trong hoàn cảnh chiến đấu đặc biệt. | | |
| **\* Yêu cầu HS phát biểu cảm nghĩ**  H: Nêu cảm nghĩ về nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc?  ( Gọi 4- 5 HS) | **III. Phát biểu cảm nghĩ**  - Tự bộc lộ. | **III . Phát biểu cảm nghĩ** | | |
| **\* HD khái quát nghệ thuật của truyện:**  ? Những truyện nào có tình huống đặc sắc? Nêu tình huống truyện ?  H: Các tác phẩm đã được tường thuật theo các ngôi kể nào? Những truyện nào có nhân vật kể chuyện trực tiếp xuất hiện (Nhân vật xưng "Tôi"). Cách tường thuật này có ưu thế như thế nào? | **IV. Nghệ thuật của truyện**  - Nêu những tình huống truyện đặc sắc.  - Suy nghĩ trả lời. | **IV. Nghệ thuật của truyện**  \* Tình huống truyện:  VD: Chiếc lược ngà : cha con được gặp nhau…  Bến quê: Nhĩ- một người đã từng đi khắp nơi trên thế giới - cuối đời muốn đặt chân lên bãi bồi bên kia sông mà không thực hiện được…  Làng: Ông Hai yêu làng -> nghe tin làng theo giặc…  \* Ngôi kể: - Về phương diện tường thuật: ở ngôi thứ nhất (Nhân vật xưng "tôi"). Nhưng có những tác phẩm tuy không xuất hiện trực tiếp nhân vật kể truyện xưng "Tôi" mà truyện vẫn được tường thuật chủ yếu theo cái nhìn và giọng điệu của một nhân vật, thường là nhân vật chính.  - Ở kiểu thứ nhất: Nhân vật xưng "tôi" có các truyện: Chiếc lược ngà, Những ngôi sao xa xôi.  - ë kiểu thứ hai có các truyện: Làng, Lặng lẽ Sa Pa, Bến quê.  - Tác dụng: Chiếc lược ngà: Câu truyện trở nên chân thực, gần gũi hơn qua cái nhìn và giọng điệu của chính người chứng kiến câu chuyện.  - Làng: Không gian truyện mở rộng hơn, tính khái quát của hiện thực dường như được tăng cường hơn.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 10’ (Có thể hoàn thiện ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:   * Yêu cầu HS làm các bài tập (viết đoạn. * Mỗi nhóm làm một bài tập.   + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | **Bài tập 1.** Lí tưởng sống cao đẹp của nhân vật anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long gợi cho em suy nghĩ gì?  \*Gợi ý: Anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là hình ảnh tiêu biểu cho những con người ở Sa Pa, là chân dung con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Là hình ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam những năm 70 của thế kỉ XX, những con người sống có lí tưởng, lao động thầm lặng, cống hiến hết mình cho đất nước. Lẽ sống của anh thanh niên như nhắc nhở ta: “Đừng hỏi Tổ Quốc đã làm gì cho ta. Mà phải hỏi ta đã làm gì cho Tổ Quốc hôm nay?” khiến ta nghĩ tới quan niệm sống của nhà thơ Tố Hữu:  “Nếu là con chim, chiếc lá,  Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh,  Lẽ nào vay mà không có trả,  Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.”  (Một khúc ca xuân)  **Bài tập 2:** Em hiểu như thế nào về nhan đề “Bến quê”.  Nhà văn đặt tên cho đứa con tinh thần của mình là Bến quê vừa có ý nghĩa cụ thể, vừa có ý nghĩa biểu tượng. Nói đến bến quê, người ta nghĩ đến bến – thuyền. Nơi neo đậu, đi về của những con thuyền, con đò, đồng thời khiến người ta liên tưởng tới cái bến đỗ, bến đợi của đời người, đó chính 1à gia đình, quê hương, dù có đi bốn phương trời cũng không thể quên quê hương cội nguồn. Nhĩ - nhân vật chính - từng đi khắp mọi nơi trên trái đất nhưng cuối đời mắc trọng bệnh, anh phải trở về bến quê - bến đỗ cuốì cùng của đời người. Lúc đó anh mới nhận ra những giá trị đích thực của bến quê: gia đình, vợ con. cảnh đẹp quê hương và cả những nét tiêu sơ, tình làng, nghĩa xóm - những cái thật gần gũi, bình thường, giản dị mà vững bền, cao quý xiết bao! Bến quê còn gửi tới bức thông điệp: mỗi người hãy biết quan tâm, gìn giữ, trân trọng bến quê thân thiết của mình.  **Bài tập 3**  Bài học cuộc sống em nhận được từ văn bản *Bến quê ?*  HS viết được đoạn văn nêu lên bài học cuộc sống nhận được từ văn bản Bến quê với nội dung cụ thể như sau :  + Cuộc sống và số phận con người có những bất thường, nghịch lí.  + Cuộc đời con người thường khó tránh khỏi những chùng chình hoặc vòng vèo. Hãy nhận ra những chùng chình hoặc vòng vèo ấy, thoát ra khỏi nó để đến với giá trị đích thực của cuộc sống.  + Hãy sống thật có ích, biết trân trọng những giá trị gần gũi, bình dị của cuộc sống, của quê hương. Vì gia đình và quê hương là bến đậu cuối cùng trong cuộc đời mỗi con người.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mĩ. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm đọc những tác phẩm văn, thơ cùng giai đoạn ssangs tác với các truyện trên. Rút ra điểm giống và khác nhau giữa các tác phẩm?  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Tìm đọc những tác phẩm văn, thơ cùng giai đoạn sáng tác với các truyện trên. Rút ra điểm giống và khác nhau giữa các tác phẩm?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo. | | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: Hợp đồng (Đọc trước bài,, dự kiến trả lời các câu hỏi, sưu tầm các hợp đồng mẫu)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài: HỢP ĐỒNG**

**Tiết thứ: 155**

*Ngày soạn: 8.4.2017*

*Ngày thực hiện:*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được những kiến thức cơ bản về hợp đồng: đặc điểm, mục đích , yêu cầu, tác dụng của hợp đồng.

***2. Kĩ năng:***

- Viết được một hợp đồng đơn giản.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng và ý thức trách nhiệm với việc thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng đã được thoả thuận và ký kết.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm, mục đích , yêu cầu, tác dụng của hợp đồng.

***2. Kĩ năng:***

- Viết một hợp đồng đơn giản.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng và ý thức trách nhiệm với việc thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng đã được thoả thuận và ký kết.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt,tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích VD, HS nắm được được những kiến thức cơ bản về hợp đồng: đặc điểm, mục đích , yêu cầu, tác dụng của hợp đồng.Viết được một hợp đồng đơn giản.

*+ Nội dung của hoạt động:* Đặc điểm của hợp đồng; cách làm hợp đồng.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra bài tập về nhà của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 7'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| -Tổ chức cho HS đóng tiểu phẩm cần viết một hợp đồng. Tạo tình huống giới thiệu vào bài.  ***\* Giới thiệu vào bài:*** Trong cuộc sống, chúng ta cần phải biết viết biên bản trong những trườg hợp cần thiết. Song song đó, hợp đồng cũng quan trọng không kém khi các em bước vào đời làm ăn. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về hợp đồng. | | Lớp trưởng điều hành  - Đóng tiểu phẩm.  - Lắng nghe, suy nghĩ | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 18’  - Mục tiêu: Nắm được đặc điểm, mục đích , yêu cầu, tác dụng của hợp đồng  - Phương pháp: vấn đáp, thảo luận nhóm, phân tích ngữ liệu.  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321 | | | | |
| **\*HD tìm hiểu đặc điểm của hợp đồng:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  GV: Yêu cầu HS đọc văn bản trang 136 và hỏi:  ? Tại sao cần phải có hợp đồng?  ? Hợp đồng ghi lại những nội dung gì?  ? Hợp đồng cần đạt yêu cầu gì?  ? Cho biết nội dung chủ yếu của một văn bản hợp đồng? (các bên tham gia ký kết, các điều khoản, nội dung thoả thuận, hiệu lực hợp đồng)  ? Qua ví dụ trên, em hiểu hợp đồng là gì?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  -Kể tên một số hợp đồng mà em biết  **\* HD tìm hiểu cách làm hợp đồng:**  + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân.  - Yêu cầu HS quan sát lại văn bản ở mục I, trả lời các câu hỏi:  ? Bản hợp đồng gồm mấy phần?  ? Cho biết nội dung từng phần gồm những mục nào?  ? Cách dùng từ ngữ và viết câu trong hợp đồng có gì đặc biệt?  ? Em rút ra kết luận gì về cách làm hợp đồng?  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  \* GV chốt kiến thức. | **I/ Đặc điểm của hợp đồng**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Tự bộc lộ.  **II.Cách làm hợp đồng**  + Thực hiện nhiệm vụ.  - Quan sát sgk.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời  - Rút ra nội dung ghi nhớ 2.  - Nghe, ghi chép. | | **I/ Đặc điểm của hợp đồng**  **1. Xét ngữ liệu:**  \*Ví dụ: Sgk  - Tầm quan trọng của hợp đồng: cơ sở pháp lý để thực hiện công việc đạt kết quả.  - Nội dung: sự thoả thuận, thống nhất, thống nhất về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của 2 bên tham gia.  - Yêu cầu: cụ thể, chính xác, rõ ràng dễ hiểu, đơn nghĩa.  **3. Bài học:**  *Hợp đồng là loại văn bản có tính chất pháp lí ghi lại nội dung thoả thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của hai bên tham gia vào giao dịch nhằm đảm bảo thực hiện đúng thoả thuận đã cam kết.*  **II. Cách làm hợp đồng**  1**. Xét ngữ liệu:**  - Gồm 3 phần:  + Mở đầu  + Nội dung  + Kết thúc  **2. Bài học:**  *Hợp đồng gồm có các mục sau:*  *-Phần mở đầu: Quốc hiệu và tiêu ngữ, tên hợp đồng, thời gian, địa điểm, họ tên, chức vụ, địa chỉ của cac bên ký hợp đồng.*  *-Phần nội dung: Ghi lại nội dung của hợp đồng theo từng điều khoản đã được thống nhất.*  *-Phần kết thúc: Chức vụ, chữ ký, họ tên của đại diện các bên tham gia ký kết hợp đồng và xác nhận bằng dấu của cơ quan hai bên* (nếu có).  *\*Lời văn của hợp đồng phải chính xác, chặt chẽ.* | |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:15’  - Mục tiêu: Nhận diện được tình huống cần viết hợp đồng. Biết viết một hợp đồng đơn giản.  - Phương pháp: Vấn đáp, thực hành luyện viết.  - Kĩ thuật: Động não. | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  + Giao nhiệm vụ:  - Cho HS xác định yêu cầu của bài tập, ?  - Yêu cầu HS tập viết hợp đồng, trình bày.  - GV nhận xét, chữa. | **III. Luyện tập**  + Thực hiện nhiệm vụ:  -Xác định yêu cầu của đề.  - Tập viết hợp đồng.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **III. Luyện tập**  Bài tập 1;  - Chọn tình huống b, c, e để viết hợp đồng.  Bài tập 2  HS tập viết  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Chọn tình huống trong cuộc sống và viết hợp đồng.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | - Chọn tình huống trong cuộc sống và viết được một hợp đồng.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tìm hiểu thêm các trường hợp cần viết hợp đồng. Sưu tầm văn bản mẫu.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | - Tìm hiểu thêm các trường hợp cần viết hợp đồng. Sưu tầm được văn bản mẫu, học cách viết hợp đồng.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Làm hoàn chỉnh bài tập 2.

- Soạn bài : Con chó Bấc ( Đọc, tóm tắt văn bản, trả lời các câu hỏi trong Sgk)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**TUẦN 33**

**Tên bài: CON CHÓ BẤC**

**Tiết thứ: 156,157**

*Ngày soạn:8.4.2017*

*Ngày thực hiện:*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Thấy rõ nghệ thuật kể chuyện của G. Lân-đơn về sự gắn bó sâu sắc, chân thành giữa Thoóc-tơn và con chó Bấc và sự đáp lại của con chó Bấc với Thoóc-tơn.

- Những nhận xét tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng tuyệt vời của tác giả khi viết về loài vật.

- Tình yêu thương, sự gần gũi của nhà văn khi viết về con chó Bấc

***2. Kĩ năng:***

- Biết đọc - hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự.

- Có kĩ năng phân tích, cảm thụ văn học.

***3. Thái độ:***

- Bồi dưỡng lòng yêu thương loài vật.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Những nhận xét tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng tuyệt vời của tác giả khi viết về loài vật.

- Tình yêu thương, sự gần gũi của nhà văn khi viết về con chó Bấc

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự.

***3. Thái độ:***

- Bồi dưỡng lòng yêu thương loài vật.

**4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:**

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nét chính về nghệ thuật kể chuyện của G. Lân-đơn về sự gắn bó sâu sắc, chân thành giữa Thoóc-tơn và con chó Bấc và sự đáp lại của con chó Bấc với Thoóc-tơn. Những nhận xét tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng tuyệt vời của tác giả khi viết về loài Tình yêu thương, sự gần gũi của nhà văn khi viết về con chó.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, phân tích.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | |
| ? Kể tên các tác phẩm văn học mà nhân vật chính là các con vật? Nhận xét về nghệ thuật xây dựng truyện.  *\* Giới thiệu vào bài*: Ở lớp 8 các em đã được học một tác phẩm của nhà văn Mỹ đó là chiếc lá cuối cùng” của Hen-ri. Hôm nay, đoạn trích con chó Bấc của một nhà văn Mỹ là một tác phẩm quen thuộc với chúng ta về những con vật được nhân hoá như thơ ngụ ngôn của La Phông-ten. | | - HS tự bộc lộ.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. | |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 70’  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản Phân tích để thấy được tình cảm của Thoóc-tơn với Bấc và ngược lại.Thấy đượcnhững nhận xét tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng tuyệt vời của tác giả khi viết về loài vật; tình yêu thương, sự gần gũi của nhà văn khi viết về con chó Bấc  - Phương pháp: vấn đáp, giảng bình, thảo luận nhóm nhỏ...  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321... | | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  + Giao nhiệm vụ:  HĐ cá nhân:   * Nghiên cứu chú thichcs/ Sgk.   ? Giới thiệu khái quát về G.Lân đơn?  ? Xuất xứ văn bản?  \* GV: giới thiệu về tác giả, tác phẩm (dựa vào sgv): "*Tiếng gọi nơi hoang dã*" là tiểu thuyết nổi tiếng ra đời trong bối cảnh khốc liệt của một xã hội đầy thù hận với những con người sẵn sàng bắn giết nhau để giành giật quặng vàng. Câu chuyện về con chó Bấc như một phản ứng với mặt trái xấu xa của cuộc sống thực dụng tàn nhẫn. Đặc biệt, Giắc Lân đơn đã dành những trang viết cảm động diễn tả mối quan hệ giữa con chó Bấc và người chủ cuối cùng Giôn Thoóc tơn, trong chương 6 của tác phẩm có nhan đề: "***Vì tình yêu thương đối với một con người***" Nhà văn đã bộc lộ năng lực cảm thụ tinh tế, trí tưởng tượng tuyệt vời khi đi sâu vào "tâm hồn'' con chó Bấc, đồng thời bộc lộ tình cảm yêu thương của mình đối với loài vật.  - Yêu cầu HS giải nghĩa từ khó  - Hướng dẫn HS đọc văn bản: to, rõ, phát âm chuẩn, chú ý một số đoạn thể hiện tình cảm.  - Gọi HS đọc, tóm tắt.  ? Bố cục của văn bản này như thế nào? Nêu nội dung từng phần?  ? Em thích phần nào nhất? Theo em phần đầu của văn bản có thể mang tiêu đề nào?(Giới thiệu Bấc)  \* Phần 3 gồm 3 đoạn văn có độ dài lớn hơn độ dài của cả hai phần trước cộng lại. Bố cục ấy thể hiện rõ ý đồ của nhà văn chủ yếu muốn nói về con chó Bấc và mọi biểu hiện tình cảm của nó đối với chủ.  ? Có thể đặt tên khác cho văn bản này được không?  - Giấc mộng yêu thương, tình yêu thương, điều kì diệu, tình bạn tuyệt vời...  ? Nếu cần xác định phương thức biểu đạt của văn bản này thì ý kiến của em như thế nào? Dẫn ra một đoạn văn bản để minh hoạ cho ý kiến đó? | | **I. Tìm hiểu chung**  Dựa vào chú thích trả lời.  - Dựa vào chú thích trả lời.   * Nghe   - Giải nghĩa từ.  - Nghe  - Đọc, tóm tắt.  - HS trả lời, đánh dấu vào sgk.  - Suy nghĩ trả lời.  -Suy nghĩ trả lời. Lấy dẫn chứng minh hoạ. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích:**  ***a.Tác giả***  - Lân – đơn (1876-1916)  Là nhà văn Mĩ, sinh ở Xan Phran-xi-cô, Lân đơn bắt đầu sự nghiệp sáng tác bằng những truyện ngắn đăng trên báo của sinh viên. Thời kỳ nở rộ trong sáng tác của ông là vào đầu thế kỷ XX.  ***b. Tác phẩm***  Chương thứ 6, trích từ tiểu thuyết "Tiếng gọi nơi hoang dã". Là cuốn tiểu thuyết được viết sau khi ông đi theo những người tìm vàng đến miền Clân-đai cơ ở Ca-na-đa trở về. Đoạn trích chủ yếu kể về con chó Bấc và nhân vật Thoóc – tơn  **c. Từ khó:**  **2. Đọc, tóm tắt**  **3. Bố cục**  - Phần 1: mở đầu (đoạn đầu): giới thiệu về mối quan hệ đặc biệt giữa Bấc và Thoóc- tơn  -Phần 2:Tình cảm của Thoóc- tơn với Bấc(đoạn 2)  - Phần 3: Tình cảm của Bấc đối với ông chủ (3 đoạn còn lại)  **4.Phương thức biểu đạt**: kết hợp hài hoà giữa tự sự với miêu tả | |
| GV: Phần mở đầu, tác giả muốn nói với người đọc điều gì?  ? Lai lịch của Bấc được giới thiệu ở những thời điểm nào?  -Ở tại nhà thẩm phán Mi- lơ:  + Đi săn hoặc đi lang thang đây đó với những cậu con trai của ông Thẩm.  + Hộ vệ những đứa cháu nhỏ của ông Thẩm.  ?Trước khi gặp Thoóc – tơn, cuộc sống của Bấc diễn ra như thế nào? | | - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời. |  | |
| ? Chính Bấc đã cảm nhận được gì về quãng đời này?  -> Có tình cảm nhưng tình cảm ấy chỉ là chuyện làm ăn cùng hội cùng phường.  Có tình bạn nhưng đó chỉ là thứ tình bạn trịnh trọng và đường hoàng. Bấc hoàn thành trách nhiệm trong vai đầy tớ. Cuộc sống nhàn hạ nhưng nhạt nhẽo | | HS suy nghĩ trả lời |  | |
| - Giữa chốn thù hận nhiều hơn yêu thương ấy, Bấc đã gặp Thoóc-tơn, người chủ thật sự của mình. Dẫu rằng vì mưu sinh khiến anh cũng phải lao vào cuộc tìm vàng mạo hiểm nhưng Thoóc-tơn còn giữ được tâm hồn và tính cách nhân hậu của một con người. | | - Nghe |  | |
| ? Cách cư xử của Thoóc – tơn với Bấc có gì đặc biệt và biểu hiện ở những chi tiết nào?  ?Em đánh giá như thế nào về tình cảm của Thoóc – tơn với Bấc? Chi tiết thể hiện điều đó?  - Tình cảm yêu quý loài vật có sẵn, tự nhiên, đầy trách nhiệm.  +Không thể nào không chăm sóc.  + Chăm sóc chó như là con cái của mình  + Chào hỏi thân mật  +Chuyện trò, nói lời vui vẻ.  ? Những cử chỉ của Thoóc – tơn đối với Bấc là biểu hiện của tình cảm như thế nào? | | - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ  - Suy nghĩ trả lời. | **1.Tình cảm của Thoóc-tơn với Bấc**  - Tình yêu thương chân thật nồng nàn. | |
| ? Thoóc tơn đã nhận thấy Bấc bật vùng dậy trên hai chân, miệng cười mắt long lanh và khi đó anh muốn kêu lên trân trọng: "Trời đất! Đằng ấy hầu như biết nói đấy!" chi tiết này nói về tình cảm của Thoóc tơn và Bấc? | | - Suy nghĩ trả lời. | - Coi Bấc như một con người, là đồng loại, là bạn bè, là người thân của anh. | |
| ?Chi tiết Bấc "tưởng chừng như quả tim mình nhảy tung ra khỏi cơ thể vì quá ngây ngất cho thấy Bấc đã cảm nhận được gì từ tình cảm của Thoóc -tơn?"  => Tình yêu thương chân thật, nồng cháy. | | - Suy nghĩ trả lời. |  | |
| ? Cách kể chuyện trong đoạn này có gì đặc biệt? | | - Nhận xét |  | |
| ? Từ đó Thoóc -tơn hiện lên là một chủ nhân như thế nào của con chó Bấc? Nêu cảm nhận của em về tình cảm của Thooc tơn?  **(Hết tiết 156, chuyển tiết 157)** | | - Khái quát trả lời. | ***-> Cách kể và tả nhân vật bằng các chi tiết tỉ mỉ, câu văn biến hoá bằng quan hệ từ và các dấu ngắt câu liên tục.***  ***- Thoóc – tơn yêu quý loài vật bằng tình cảm thân thiện, gần gũi, hiểu biết và quý trọng. Anh là một ông chủ lý tưởng của Bấc.*** | |
| \* Hướng dẫn tìm hiểu tình cảm của Bấc:  ? Điều gì đã phát sinh ra bên trong Bấc khi gặp được chủ mới là Thoóc – tơn?  ? Từ đó, Bấc đã có một cuộc sống như thế nào?  => Đó là một cuộc sống có ý nghĩa vì thoả mãn được nhu cầu tình cảm.  ? Tình cảm của Bấc đối với ông chủ biểu hiện qua những khía cạnh nào? Tìm những chi tiết trong văn bản để chứng minh (về hành động, về cảm xúc)  - Cử chỉ, hành động… | | - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời. | **2. Tình cảm của Bấc đối với Thóoc-tơn:**  ***- Thương yêu sôi nổi, nồng cháy, thương yêu đến tôn thờ, thương yêu đến cuồng nhiệt.*** | |
| ? Khi cắn lấy bàn tay Thoóc – tơn như thế, Bấc muốn thể hiện tình cảm nào của mình với chủ?  + Cắn vờ => gần gũi, vuốt ve, đáp lại những cử chỉ thân ái của chủ dành cho mình. | | - Suy nghĩ trả lời. |  | |
| ? Bấc muốn bộc lộ tình cảm nào đối với chủ qua những cử chỉ: nằm phục ở chân Thoóc tơn, chăm chú xem xét, hết sức quan tâm theo dõi từng biểu hiện thoáng qua, mọi cử động hoặc thay đổi ngay trên nét mặt của Thoóc –tơn?  GV: Dường như Bấc có khả năng kỳ diệu: đọc được ý nghĩ, tình cảm của chủ. Đó còn là sự quan tâm, cảm giác với bất cứ điều gì có thể gây hại cho người chủ ở một nơi có quá nhiều cạm bẫy và thù hận. Đó cũng là biểu hiện của lòng trung thành, tuyệt đối như một vệ sĩ đáng tin cậy | | - Suy nghĩ trả lời. | ***- Phục tùng, tôn thờ, ngưỡng mộ chủ.*** | |
| ? Chi tiết Bấc không muốn rời Thoóc tơn một bước, luôn bám theo gót chân anh, trườn qua giá lạnh đến tận mép lều, lắng nghe tiếng thở đều đều của chủ, cho thấy tình cảm của Bấc đối với chủ như thế nào? | | - Suy nghĩ trả lời. | ***- Có tình cảm sâu nặng, sẵn sàng hi sinh vì chủ.*** | |
| GV: Bấc có năng lực biểu đạt tâm hồn như con người. Bấc lo sợ phải mất Thoóc tơn, như linh tính của loài vật khôn ngoan phải thường xuyên trải qua nguy hiểm và từng bị bỏ rơi nhiều lần ở vùng đất phương bắc lạnh lẽo và quá hiếm hoi sự tử tế trong cách con người cư sử với nhau. Nỗi lo sợ của Bấc phá tan cả giấc mơ loài chó, khi màn đêm chứa đựng bao cảm giác bất an. Cảm động thay khi Bấc hoàn toàn không nghĩ đến bản thân nó mà sẵn sàng thức để "lắng nghe tiếng thở đều đều" của chủ. Ta tưởng như gặp một con người với lòng tận tuỵ sẵn sàng hi sinh vì bạn bè tri kỉ, tri âm. | | - Nghe |  | |
| ? Cảm xúc của Bấc khi thì ngời ánh lên qua đôi mắt của nó toả rạng ra ngoài, khi thì lo sợ Thoóc tơn biến khỏi cuộc đời nó cho thấy tình cảm của Bấc với chủ có gì đặc biệt? | | - Suy nghĩ trả lời. | - Tình cảm của Bấc ngời lên ánh sáng lên qua đôi mắt nó toả rạng ra ngoài. Nó sợ Thooc tơn cũng biến khỏi cuộc đời nó.... nỗi lo sợ này ám ảnh .... | |
| Quan hệ chủ tớ không còn, đó là tình bạn thật sự, không cần lời nói, tình cảm của Bấc ngời lên qua ánh mắt "toả rạng tình cảm từ đáy lòng" như là biểu đạt ngôn ngữ của loài chó, rất giầu yêu thương và tin tưởng tuyệt đối vào người bạn khác giống loài. Bởi thế, trong câu chuyện này, những kẻ không hiểu được mối giao cảm kỳ lạ ấy đã phải trả giá đắt khi xúc phạm đến Thoóc–tơn, đã phải chịu những đòn trừng phạt kinh hoàng của Bấc | |  | ***=> Sâu nặng, biết ơn và chân thành.*** | |
| GV:Em có nhận xét gì về sự quan sát của tác giả? Có gì độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện ở giai đoạn này?  - Quan sát tinh tế, tài tình, chính xác và lý trí tưởng tượng phong phú, rất đúng với loài chó) | | - HS suy nghĩ trả lời. |  | |
| ? Đánh giá về tình cảm của Bấc với ông chủ và nêu cảm nhận của em về nhân vật Bấc . | | - Nêu cảm nhận. | ***- Tình yêu thương của Bấc giống như tình yêu thương của con người: là nhu cầu sống từ bên trong tâm hồn, sâu sắc, quên mình và thuỷ chung*** | |
| ? Điều gì khiến cho tác giả nhận xét tinh tế, đi sâu vào "tâm hồn" của thế giới loài vật như vậy?  - Tác giả là người am hiểu, gần gũi loài vật và yêu thương chúng. | | - HS suy nghĩ trả lời |  | |
| GV:Miêu tả về một con chó với tất cả biểu hiện như một con người, nhưng cũng rất trung thành với bản tính loài chó, tác giả đã thể hiện khả năng hiểu biết đời sống và tâm tính của loài chó bằng chính tình thương yêu của mình với chúng. Nếu không phải là một người am hiểu và gần gũi với loài động vật này, nếu thiếu một trái tim yêu thương loài vật này chắc chắn sẽ không có cuốn tiểu thuyết này với nhân vật trung tâm là con chó Bấc có sức chinh phục mạnh mẽ với bạn đọc trên toàn thế giới. Tác phẩm còn chan chứa tình cảm nhân ái, đề cao sức mạnh tình thương cũng như nỗi đau xót và phản ứng của nhà văn trước một xã hội chạy theo ánh lấp lánh của những thoi vàng vô nghĩa lý. | | - Nghe |  | |
| **\* HD tổng kết:**  ? Tài năng nổi bật của nhà văn trong truyện này là gì?  ? Tình cảm của nhà văn ?  ? Qua đó tác giả muốn thể hiện nội dung gì? | **III.Tổng kết**  - Khái quát trả lời.  - HS khái quát trả lời. | | | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Nhận xét tinh tế, tưởng tượng phong phú.  - Nhà văn là người am hiểu và yêu quý loài vật – một biểu hiện của tình cảm nhân đạo trong sáng  2. Nội dung:  -Ca ngợi mối quan hệ tình cảm tốt đẹp giữa người và vật, thể hiện tình cảm yêu thương của tác giả đối với loài vật.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:7'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp, bình  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| **\*HD luyện tập:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn:  làm bài tập -> Trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo, bổ sung.  - GV nhận xét, uốn nắn. | **IV.Luyện tập**  - Suy nghĩ trả lời.  - Nêu cảm nghĩ về chi tiết đặc sắc. | | | **IV. Luyện tập**  Bài tập 1:  Qua tác phẩm, tác giả đã khơi gợi ở em tình cảm gì? Em sẽ làm gì đối với những con vật sống quanh ta?  Bài tập 2:  Chi tiết nào trong đoạn trích làm em  tâm đắc nhất? Vì sao?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Từ văn bản “Con chó bấc”, em có suy nghĩ gì về thú ẩm thực thịt chó hiện nay.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | | Từ văn bản “Con chó bấc”, viết đoạn văn, nêu suy nghĩ về thú ẩm thực thịt chó hiện nay.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Ngoài con chó Bấc của Giắc Lân-đơn, em còn biết những con chó nào khác trong tác phẩm của các nhà văn?    + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | | ? Ngoài con chó Bấc của Giắc Lân-đơn, em còn biết những con chó nào khác trong tác phẩm của các nhà văn?  (Cậu Vàng trong "Lão Hạc" của Nam Cao, Con chó Vàng trong bài thơ "Sao không về Vàng ơi" của Trần Đăng Khoa)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, cảm thụ thẩm mĩ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- HDVN: Ôn tập chuẩn bị: Kiểm tra Tiếng Việt 45’.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài: KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**Tiết thứ: 158**

*Ngày soạn:16.4.2017*

*Ngày thực hiện:17.4.2017*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

- Qua bài làm của HS, thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng trong chương trình Ngữ văn lớp 9 về phần Tiếng Việt đó học ở HK II: - Đánh giá năng lực đọc – hiểu, tạo lập văn bản, vận dụng, sáng tạo của học sinh thụng qua hình thức trắc nghiệm và tự luận.

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức về: khởi ngữ, thành phần biệt lập, câu ghép, câu bị động, các phép tu từ từ vựng, liên kết câu .

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tái hiện, hệ thống kiến thức.

- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết đoạn.

**3. Thái độ:**

- Giúp HS yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Có thái độ học bài, làm bài nghiêm túc.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Kiến thức về từ loại, các thành phần câu, kiểu câu, khởi ngữ.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng khái quát hoá kiến thức, kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết đoạn.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng câu đúng mục đích giao tiếp, đúng ngữ pháp, phù hợp với từng văn cảnh.

- Trung thực, tự giác, trong khi kiểm tra.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Năng lực tự giải quyết vấn đề, giao tiếp, tạo lập văn bản...

**III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

- Giáo viên: Đề bài, đáp án, biểu điểm.

- Học sinh: Ôn tập Tiếng Việt

**IV. Tổ chức dạy và học:**

**\* Hoạt động 1**: Phát đề.

**\* Hoạt động 2**. HS làm bài.

- Yêu cầu HS làm bài nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3**. Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

**\* Hoạt động 4:** HDVN

Chuẩn bị cho tiết luyện tập viết hợp đồng. ( Làm bài tập/Sgk)

**# CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Qua bài làm của HS, thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng trong chương trình Ngữ văn lớp 9 về phần Tiếng Việt đó học ở HK II.

- Đánh giá năng lực đọc - hiểu, tạo lập văn bản, vận dụng, sáng tạo của học sinh thông qua hình thức trắc nghiệm và tự luận.

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức về: khởi ngữ, thành phần biệt lập, câu ghép, các phép tu từ, ...

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tái hiện, hệ thống kiến thức.

- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết đoạn.

**3. Thái độ:**

- Giúp HS yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Có thái độ học bài, làm bài nghiêm túc.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Năng lực tự giải quyết vấn đề, giao tiếp...

**B. MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Tổng số** |
| 1. Các từ loại, cụm từ | - Nhận diện được tính từ, cụm danh từ. |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | *2*  *0,5*  *5%* |  |  | ***4***  ***1,0***  ***10%*** |
| 2. Các kiểu câu |  | Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu, xác định được kiểu câu |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  | *1*  *1,0*  *10%* |  | ***2***  ***2,0***  ***20%*** |
| 3.Các phép tu từ từ |  | - Xác định đúng các biện pháp tu từ liệt kê. Phân tích ngắn gọn ý nghĩa của biện pháp đó. |  |  |
|  |  | *1*  *1,0*  *10%* |  | *1*  *1,0*  *10%* |
| 4. Cấu trúc đoạn văn, thành phần biệt lập, khởi ngữ | - Nhận diện được thành phần biệt lập phụ chú, cấu trúc đoạn văn |  | Viết đoạn văn theo cấu trúc tổng – phân – hợp (khoảng ½ trang giấy), nêu suy nghĩ của bản thân về việc học theo phong cách Hồ Chí Minh của tuổi trẻ ngày nay. Trong đoạn văn có sử dụng thành phần khởi ngữ và thành phần biệt lập. |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | *2*  *0,5*  *5%* |  | 1  7.0  70% | ***1***  ***4.0***  ***40%*** |
| ***Tổng số câu***  ***Tổng số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | ***4***  ***1.0***  ***10%*** | ***2***  ***2.0***  ***20%*** | ***1***  ***7.0***  ***70%*** | ***7***  ***10***  ***100%*** |

**C. NỘI DUNG ĐỀ:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“*Và Người sống ở đó, một mình, với một tư trang ít ỏi, một chiếc va li con với vài bộ áo quần,vài vật kỉ niệm của cuộc đời dài. Tôi dám chắc không có một vị lãnh tụ, một vị tổng thống hay một vị vua hiền nào ngày trước lại sống giản dị và tiết chế như vậy. Bất giác ta nghĩ đến các vị hiền triết ngày xưa như Nguyễn Trãi ở Côn Sơn hay Nguyễn Bỉnh Khiêm sống ở quê nhà với những thú quê thuần đức:*

*“ Thu ăn măng trúc đông ăn giá.*

*Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao …*

*Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thần thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác”.*

(“Phong cách Hồ Chí Minh” – Lê Anh Trà)

**I. Phần đọc hiểu (3.0 đ)**

**Câu1.(0.25đ)**Ghi lại thành phần biệt lập trong câu văn*:*

*Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thần thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác”.*

**Câu 2. (1,0đ) Trong câu văn: “***Và Người sống ở đó, một mình, với một tư trang ít ỏi, một chiếc va li con với vài bộ áo quần,vài vật kỉ niệm của cuộc đời dài.”,* tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.

**Câu 3. (0,25đ)**Các từ “giản dị”, “thanh cao” trong đoạn văn trên thuộc từ loại nào?

**Câu 4. (0,25 đ)** Đoạn văn trên được viết theo cấu trúc nào?

**Câu 5. (0,25đ)** *Câu văn: “Tôi dám chắc không có một vị lãnh tụ, một vị tổng thống hay một vị vua hiền nào ngày trước lại sống giản dị và tiết chế như vậy.”, có mấy cụm danh từ.*

**Câu 6: (1,0đ)** Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn sau. Cho biết câu văn đó thuộc kiểu câu nào:

*“Tôi dám chắc không có một vị lãnh tụ, một vị tổng thống hay một vị vua hiền nào ngày trước lại sống giản dị và tiết chế như vậy.”*

**II. Phần tạo lập văn bản: (7.0 đ)**

Từ tinh thần của đoạn văn bản trên, viết đoạn văn theo cấu trúc tổng – phân – hợp (khoảng ½ trang giấy), nêu suy nghĩ của bản thân về việc học theo phong cách Hồ Chí Minh của tuổi trẻ ngày nay. Trong đoạn văn có sử dụng thành phần khởi ngữ và thành phần biệt lập. Xác định rõ thành phần khởi ngữ và thành phần biệt lập đã dùng.

**D. ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Câu** | **Mức độ 3** | **Mức độ 2** | **Mức độ 1 (0,0điểm)** |
| **I.Phần đọc-hiểu**  **( 3 điểm)**  **1** | **0,5 điểm**  *cũng như các vị danh nho xưa* | - | HS không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác. |
| **2** | **0.25  điểm**  - Phép liệt kê.  - Diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những tư trang ít ỏi của Bác. Làm nổi bật sự giản dị của Bác trong lối sống, trang phục của Bác. | - | HS không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác. |
| **3** | **0.25  điểm**  Tính từ | - | HS không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác. |
| **4** | **0.25  điểm**  Quy nạp | **-** | HS không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác |
| **5** | **1,0  điểm**  4 cụm danh từ | - | HS trả lời sai hoặc không có câu trả lời. |
| **6** | **1,0điểm**  HS phân tích đúng cấu trúc ngữ pháp của câu:  *“Tôi// dám chắc không có một vị lãnh tụ, một vị tổng thống hay một vị vua hiền nào ngày trước lại sống giản dị và tiết chế như vậy.”* | **0,5 điểm**  - HS chỉ phân tích đúng cấu trúc hoặc xác định đúng kiểu câu. | HS không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác. |
| **II. Phần tạo lập văn bản**(7.0 điểm) | 7 điểm  - Viết đúng hình thức, cấu trúc đoạn tổng – phân – hợp không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu.  - Viết đúng đề tài, nêu được suy nghĩ của bản thân về việc học theo phong cách Hồ Chí Minh của tuổi trẻ ngày nay. Trong đoạn văn có sử dụng thành phần khởi ngữ và thành phần biệt lập. Xác định rõ thành phần khởi ngữ và thành phần biệt lập đã dùng. | 1. 3,5 điểm   - HS viết được đoạn văn, đúng đề tài nhưng chưa chỉ ra được phần khởi ngữ và thành phần biệt lập hoặc không đúng hình thức, còn mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | HS không có câu trả lời hoặc viết lạc sang đề tài khác. |

**Tiết 159: LUYỆN TẬP VIẾT HỢP ĐỒNG**

Ngày soạn: 16.4.2017

Ngày dạy:

Lớp dạy: 9B

**I.Mức độ cần đạt:**

1. ***Kiến thức.***

- Củng cố lại lí thuyết về đặc điểm của hợp đồng và cách viết hợp đồng.

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về đặc điểm, chức năng, bố cục của hợp đồng.

***2. Kĩ năng.***

- Viết một hợp đồng ở dạng đơn giản, đúng quy cách.

***3. Thái độ:***

- Có thái độ cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng (Có thái độ đúng đối với công việc soạn thảo hợp đồng), ý thức nghiêm túc tuân thủ những điều được ký kết trong **II. *4.* II.Trọng tâm**

1. ***Kiến thức.***

- Những kiến thức cơ bản về đặc điểm, chức năng, bố cục của hợp đồng.

***2. Kĩ năng.***

- Viết một hợp đồng ở dạng đơn giản, đúng quy cách.

***3. Thái độ:***

- Có thái độ cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng (Có thái độ đúng đối với công việc soạn thảo hợp đồng), ý thức nghiêm túc tuân thủ những điều được ký kết trong hợp đồng.

**4. Năng lực cần hình thành cho HS:**

- Năng lực tự giải quyết vấn đề,hợp tác, sáng tạo.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

+Thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quy nạp...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 3'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| \* Cho HS trình bày kết quả sưu tầm về hợp đồng.  Giới thiệu vào bài: Tiếp theo tiết trước, hôm nay chúng ta sẽ luyện tập để viết được bản hợp đồng có nội dung đơn giản, quen thuộc. Qua đó, ta cần có thái độ đúng đắn đối với công việc soạn thảo hợp đồng. | - Trình bày.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | |
| - Thời gian: 10’  - Mục tiêu: Củng cố kiến thức cơ bản về đặc điểm, chức năng, bố cục của hợp đồng.  - Phương pháp: vấn đáp, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn | | |
| **\* HD ôn lý thuyết:**  ? Mục đích và tác dụng của hợp đồng là gì?  ? Trong 4 văn bản có trong sách giáo khoa, văn bản nào có tính pháp lí ?  ? Hợp đồng gồm những mục nào? | **I. Ôn lý thuyết**  - Trả lời theo trí nhớ các câu hỏi/ sgk  - Suy nghĩ trả lời.  - Nhắc lại bố cục của hợp đồng. | **I. Ôn lý thuyết**  1. Mục đích và tác dụng của hợp đồng.  - Dùng để thoả thuận giữa các tập thể hoặc cá nhân với nhan về một việc nào đó.  2. Loại văn bản có tính chất pháp lí:  - Biên bản  - Hợp đồng  3. Các mục của hợp đồng.  Hợp đồng gồm có các mục sau:  -Phần mở đầu: Quốc hiệu và tiêu ngữ, tên hợp đồng, thời gian, địa điểm, họ tên, chức vụ, địa chỉ của cac bên ký hợp đồng.  -Phần nội dung: Ghi lại nội dung của hợp đồng theo từng điều khoản đã được thống nhất.  -Phần kết thúc: Chức vụ, chữ ký, họ tên của đại diện các bên tham gia ký kết hợp đồng và xác nhận bằng dấu của cơ quan hai bên (nếu có). |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian:28’  - Mục tiêu: Biết viết một hợp đồng đơn giản, đúng quy cách.  - Phương pháp: Vấn đáp, thực hành luyện viết.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm.  - GV sửa  - HS đọc các thông tin đã cho ở bài tập 1.  ? Chọn cách diễn đạt nào trong các câu sau? Tại sao? | **II. Luyện tập**  - Hoạt động nhóm, trình bày.  - HS nhận xét. | **II. Luyện tập**  **Bài 1.** Chọn cách diễn đạt  a. Cách 1. Vì nó đảm bảo tính chính xác, chặt chẽ của văn bản hợp đồng.  b. Cách 2. Vì nó cụ thể, chính xác hơn.  c. Cách 2. Vì nó ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng.  d. Cách 2. Vì nó ràng buộc trách nhiệm của bên B. |
| ? Các thông tin ấy đã đủ chưa?  ? Cách xắp xếp các mục như thế nào?  ? Em hãy thêm những thông tin cần thiết cho đầy đủ và sắp xếp bố cục một hợp đồng?  - Yêu cầu HS làm bài tập, trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung  - GV sửa, cho điểm  - Cho HS đọc bản hợp đồng mẫu.  (Bài tập 3,4) cho HS về nhà làm. | - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Hoạt động cá nhân, trình bày.  - Đọc. | **Bài 2.** Lập hợp đồng cho thuê xe đạp.  Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  **Hợp đồng thuê xe**  Căn cứ vào nhu cầu của người có xe và người thuê xe, hôm nay, ngày ..tháng.. năm...  Tại địa điểm: Số nhà ...x, phố...phường...Tp Hải Phòng  Chúng tôi gồm:  -Bên A:Nguyễn Văn C(người thuê xe)  Địa chỉ: ………  Số CMTND: …. Cấp ngày…  Điện thoại: ……  - Bên B: Nguyễn Văn A (người cho thuê xe)  Địa chỉ: ………..  Đối tượng : xe mi ni Nhật, màu tím, trị giá 1.000.000 đ  Thời gian thuê: 3 ngày  Giá cả: 30.000đ/ngày/đêm  Hai bên đã kí kết hợp đồng thuê xe đạp với các nội dung và điều khoản như sau:  Điều 1.........  Điều 2.........  Điều 3.........   |  |  | | --- | --- | | **Đại diện người cho thuê**  (Ký, ghi rõ họ tên) | **Người thuê xe**  (Ký, ghi rõ họ tên) |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tập viết một hợp đồng về việc mua bán nhà đất .  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Viết được một hợp đồng về việc mua bán nhà đất .  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tiếp tục sưu tầm các hợp đồng thông dụng trong cuộc sống.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tiếp tục sưu tầm các hợp đồng thông dụng trong cuộc sống.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, giao tiếp, giao tiếp tiếng Việt... |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Học thuộc lý thuyết về hợp đồng, làm bài tập 3,4/158

- Chuẩn bị bài: Tổng kết văn học nước ngoài (Lập bảng hệ thống kiến thức, trả lời câu hỏi/ Sgk

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**TIẾT 160: TỔNG KẾT VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

Ngày soạn: 16.4.2017

Ngày dạy:

Lớp dạy: 9B

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Ôn tập, củng cố những kiến thức về thể loại, nội dung của các tác phẩm văn học nước ngoài đã học trong chương trình Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 9

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài

- Liên hệ với những tác phẩm văn học Việt nam có cùng đề tài.

***3. Thái độ:***

- HS có lòng say mê tìm hiểu văn học nước ngoài.

- Qua các tác phẩm, giáo dục các em tình cảm gia đình, lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo, ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống…

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài đã học.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài

***3. Thái độ:***

- Qua các tác phẩm, giáo dục các em tình cảm gia đình, lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo, ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống…

***4. Năng lực có thể hình thành cho HS:***

- Năng lực hợp tác, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo…

- Năng lực hệ thống hóa kiến thức, đọc hiểu, cảm thụ thẩm mĩ ...

**III. Chuẩn bị**

+Thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm, lập bảng hệ thống kiến thức.

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***-*** Kiểm tra trong tiết học.

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* Hoạt động 1: Tạo tâm thế**  - Thời gian: 1'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não. | | |
| Trong chương trình ngữ văn THCS, các em đã được học một số tác phẩm văn học nưowcs ngoài. Để củng cố, hệ thống lại kiến thức chúng ta sẽ ôn tập trong tiết học hôm nay. | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 25’  -Mục tiêu: Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài  - Phương pháp: vấn đáp, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn | | |
| **\* HD lập bảng thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài ...:**  - Giáo viên yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị ở nhà trình bày lần lượt các thông tin theo bảng sau.  - Yêu cầu các HS khác nhận xét.  - Giáo viên nhận xét, cho điểm. | **I. Lập bảng thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài :**  - Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà trình bày lần lượt các thông tin theo bảng.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | **I. Lập bảng thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài trong chương trình Ngữ văn THCS**  (Bảng bên dưới) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên bài | Thể loại | Tác giả  (nước) | Nội dung chủ yếu | Đặc sắc nghệ thuật |
| 1 | Cây bút thần | Truyện | Dân gian (Trung Quốc) | - Quan niệm về công lý xã hội, về mục đích tài năng nghệ thuật, ước mơ khả năng kỳ diệu | - Trí tưởng tượng phong phú, truyện kể hấp dẫn |
| 2 | Ông lão đánh cá và con cá vàng | Truyện | Dân gian  (Nga) | - Ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu, phê phán kẻ tham lam | - Lặp lại tăng tiến của cốt truyện, nhân vật đối lập, yếu tố hoang đường. |
| 3 | Xa ngắm thác núi Lư | Thơ | Lý Bạch  (Trung Quốc) | Vẻ đẹp núi Lư và tình yêu thiên nhiên đằm thắm bộc lộ tính cách phóng khoáng của nhà thơ | Hình ảnh thơ tráng lệ, huyền ảo |
| 4 | Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh | Thơ | Lý Bạch | - Tình cảm quê hương của người sống xa nhà trong một đêm trăng yên tĩnh | -Từ ngữ giản dị, tinh luyện, cảm xúc chân thành |
| 5 | Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê | Thơ | Hạ Tri Chương (Trung Quốc) | - Tình cảm sâu sắc mà chua xót của người sống xa quê lâu ngày trong khoảng khắc mới về quê | - Cảm xúc chân thành hóm hỉnh; kết hợp với tự sự |
| 6 | Bài ca nhà trang bị gió thu phá | Thơ | Đỗ Phủ  (Trung Quốc) | - Nỗi khổ nghèo túng, ước mơ có ngôi nhà vững chắc để che trở cho những người nghèo. | - Kết hợp trữ tình với tự sự, nghị luận |
| 7 | Mây và sóng | Thơ | Ta-go (Ấn Độ) | - Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt | Hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng. Kết hợp biểu cảm với kể truyện |
| 8 | Ông Giuốc -đanh mặc lễ phục | Kịch | Mô-li-e (Pháp) | - Phê phán tính cách lố lăng của tên trưởng giả học làm sang | - Chọn tình huống tạo tiếng cười sảng khoái châm biếm sâu cay. |
| 9 | Buổi học cuối cùng | Truyện | An-phông-xơ Đô-đê  (Pháp) | - Yêu nước là cả tiếng nói dân tộc | - Xây dựng nhân vật thầy giáo và cậu bé Phrăng |
| 10 | Cô bé bán diêm | Truyện | An - đéc -xen  (Đan Mạch) | - Nỗi bất hạnh, cái chết đau khổ và niềm tin yêu cuộc sống của em bé bán diêm | - Kể chuyện hấp dãn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng |
| 11 | Đánh nhau với cối xay gió | Trích tiểu thuyết | Xécvan- tet (Tây Ban Nha) | Sự tương phản nhiều mặt giữa 2 nhân vật Đôn-ki-hô-tê; Xan- chô-pan-xa, qua đó ngợi ca mặt tốt, phê phán cái xấu. | Nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật gây cười |
| 12 | Chiếc lá cuối cùng | Truyện | O. Hen -ri (Mĩ) | - Tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ: Cụ Bơ-men, Giôn-xi và Xiu. | - Tình tiết hấp dẫn, kết cấu đảo ngược tình huống 2 lần |
| 13 | Hai cây phong | Truyện | Ai-ma-tốp(Cư-rơ-gư- xtan) | - Tình yêu quê hương và câu chuyện về người thầy vun trồng mơ ước, hy vọng cho HS. | - Lối kể chuyện hấp dẫn, lối miêu tả theo phong cách hội hoạ, ân ấn tượng mạnh |
| 14 | Cố Hương | Truyện | Lỗ Tấn  (TQ) | - Sự thay đổi của làng quê, nhân vật Nhuận Thổ.  - Phê phán xã hội phong kiến, đặt vấn đề con đường đi cho nông dân, cho xã hội. | - Lối tường thuật hấp dẫn, kết hợp và bình ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh |
| 15 | Những đứa trẻ | Truyện | Go- rơ - ki  (Nga) | Tình bạn thân thiết giữa những đứa trẻ (tác giả, 3 đứa trẻ con 1 đại tá) sống thiếu tình thương, bất chấp cản trở của xã hội. | - Lối kể truyện giàu hình ảnh, đan xen chuyện đời thường với cổ tích. |
| 16 | Rô - bin – xơn ngoài đảo hoang | Trích tiểu thuyết | Đi - phô  (Anh) | - Cuộc sống khó khăn và tinh thần lạc quan của nhân vật giữ vùng hoang đảo xích đạo trên 10 năm. | - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn của nhân vật "tôi" tự hoạ, kết hợp miêu tả. |
| 17 | Bố của Xi – mông | Truyện | Mô-pa-xăng (Pháp) | - Nỗi tuyệt vọng của Xi mông, tình cảm chân thành của người mẹ (Blăng-sốt), sự bao dung của Phi-líp. | - Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng 3 nhân vật, kết hợp tự sự với nghị luận. |
| 18 | Con chó Bấc | Trích tiểu thuyết | Giắc-lân -đơn  (Mĩ) | Tình cảm yêu thương của tác giả đối với loài vật. | Trí tưởng tượng phong hú, đi sâu vào "Thế giới tâm hồn" của chó Bấc |
| 19 | Lòng yêu nước | Nghị luận | Ê-ren- bua  (Nga) | Lòng yêu nước bắt đầu từ lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê... như suối chảy ra sông, sông đi ra bể ... | Cảm xúc chân thành, mãnh liệt. Biện pháp So sánh phù hợp. |
| 20 | Đi bộ ngao du | Nghị luận | Ru -xô  (Pháp) | Ca ngợi sự giản dị, tự do, thiên nhiên, muôn ngao du cần đi bộ -> tự do... | Lập luận chặt chẽ, luận cứ sinh động -> có sức thuyết phục. |
| 21 | Chó sói và cừu | Nghị luận | H.Ten  (Pháp) | Nêu lên đặc trưng của sáng tác nghệ thuật làm đậm dấu ấn, cách nhìn, cách nghĩ riêng của nhà văn. | Nghệ thuật so sánh, nghệ thuật lập luận của bài nghị luận văn học hấp dẫn |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **\* HD khái quát những nội dung chủ yếu:**  GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 4 (SGK). Cho HS làm việc theo nhóm. Các nhóm cử đại diện trình bày, lớp nhận xét. GV bổ sung.  **\* HD tổng kết những nét nghệ thuật đặc sắc**  - Gv cho HS trao đổi, HS đứng tại chỗ trình bày, GV bổ sung.  - Mỗi loại có thể hướng dẫn HS phân tích và so sánh với văn học Việt Nam. | **II. Khái quát những nội dung chủ yếu**  - Nêu yêu cầu của bài tập.  - Hoạt động nhóm trình bày.  **III.Tổng kết những nét nghệ thuật ...**  - Suy nghĩ trả lời. | | **II. Khái quát những nội dung chủ yếu**  **1.** Những sắc thái về phong tục, tập quán của nhiều dân tộc, nhiều châu lục trên thế giới (Cây bút thần, Ông lão đánh cá và con cá vàng, Bố của Xi – mông, Đi bộ ngao du....).  2. Thiên nhiên và tình yêu thiên nhiên (Đi bộ ngao du, Hai cây phong, Lòng yêu nước, Xa ngắm thác núi Lư...).  3. Thương cảm với số phận những người nghèo (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá, Em bé bán diêm, Chiếc lá cuối cùng, Cố hương )  4.Hướng tới cái thiện, ghét cái xấu (Cây bút thần, Ông lão đánh cá, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục.....)  5.Tình yêu làng xóm quê hương, tình yêu đất nước (Cố hương, Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Lòng yêu nước.....) .  **III.Tổng kết những nét nghệ thuật đặc sắc**  1.Về truyện dân gian  - Nghệ thuật truyện, trí tưởng tượng, các yếu tố hoang đường  2.Về thơ  - Nét đặc sắc của 4 bài thơ Đường (ngôn ngữ, hình ảnh, hàm súc, biện pháp tu từ...)  - Nét đặc sắc của thơ tự do (mây và sóng)  - So sánh với thơ Việt Nam ?  3.Về truyện: + Cốt truyện và nhân vật  + Yếu tố hư cấu  + Miêu tả biểu cảm và nghị luận trong truyện?  4.Về nghị luận  - Nghị luận xã hội và nghị luận văn học  - Hệ thống lập luận (luận điểm, luận cứ, luận chứng)  - Yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, thuyết minh hay nghị luận  5.Về kịch  - Mâu thuẫn kịch, ngôn ngữ,hành động kịch?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 15’  - Mục tiêu: Biết cách cảm thụ, nghị luận về một tác phảm, nhân vật văn học nước ngoài.  - Phương pháp: Vấn đáp, thực hành luyện viết.  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| **\*HDluyện tập:**  - Yêu cầu HS suynghĩ, trình bày trước lớp.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, uốn nắn.  - Yêu cầu HS lập dàn ý, trình bày. | | **IV. Luyện tập:**  -Trình bày cảm nhận.  Nhận xét chéo.  -Nghe, cảm thụ.  - Lập dàn ý đại cương trên lớp. Về nhà viết thành bài hoàn chỉnh. | | **IV. Luyện tập:**  Viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn tích (thuộc văn học nước ngoài ) mà em yêu thích.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Các tác phẩm văn học nước ngoài giúp em hiểu được điều gì về đời sống, văn hoá của các nước khác trên thế giới?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Các tác phẩm văn học nước ngoài giúp em hiểu được điều gì về đời sống, văn hoá của các nước khác trên thế giới?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tìm đọc thêm các tư liệu về các văn bản truyện nước ngoài.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Đọc thuộc lòng các bài thơ, kể tóm tắt truyện, nắm nội dung, tư tưởng chủ đề.

- Soạn bài: Bắc sơn (Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi/ Sgk)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**TUẦN 34**

**Tiết 161, 162: BẮC SƠN**

Ngày soạn: 16.4.2017

Ngày dạy:

Lớp dạy: 9B

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Bước đầu biết cách tiếp cận một tác phẩm kịch hiện đại.

- Nắm được xung đột, diễn biến hành động kịch, ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích hồi bốn của vở kịch và nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản kịch.

***3.Thái độ:***

- Giáo dục tinh thần yêu nước, yêu cách mạng, đứng về phía chính nghĩa.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Tình thế cách mạng khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn xảy ra.

- Nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản kịch.

***3.Thái độ:***

- Giáo dục tinh thần yêu nước, yêu cách mạng, đứng về phía chính nghĩa.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

+Thầy:- Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

-Phương pháp: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ: 2’***

- Kiểm tra bài soạn của HS

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não | | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài:*** Ở các lớp dưới, các em đã được học một số vở kịch, chèo – một trong những hình thức sân khấu. Hôm nay, chúng ta sẽ được học một tác phẩm kịch nói hiện đại của Việt Nam của tác giả Nguyễn Huy Tưởng. | - Lắng nghe, suy nghĩ | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 65’   Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.Nắm được đặc trưng cơ bản thể loại kịch.Tình thế cách mạng khi cuộc khởi nghĩa Bắc sơn xảy ra. Nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy Tưởng.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ,321… | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  ? Giới thiệu về tác giả Nguyễn Huy Tưởng?  + Nguyễn Huy Tưởng còn sáng tác nhiều tác phẩm cho thiếu nhi, được bạn đọc nhỏ tuổi yêu thích.  +Năm 1996, ông được nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và văn học nghệ thuật.  ? Văn bản thuộc thể loại gì? Ý nghĩa ?  - Bắc Sơn (1946) là vở kịch nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, là tác phẩm mở đầu của kịch nói cách mạng. Tác phẩm đã giúp chúng ta hiểu về ý nghĩa cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và sức mạnh cảm hoá của cách mạng với quần chúng.  - Bắc Sơn là đoạn trích hồi bốn của một vở kịch dài.  ? Dựa vào sgk, nêu hiểu biết của em về thể kịch?  \* Kịch: là một trong ba loại hình văn hoá thuộc loại hình nghệ thuật sân khấu.  - Phương thức thể hiện:  + Bằng ngôn ngữ trực tiếp (đối thoại, độc thoại)  + Bằng cử chỉ, hành động nhân vật  - Thể loại: Kịch hát (chèo, tuồng ...) Kịch thơ. Kịch nói (bi kịch, hài kịch, chính kịch)  - Cấu trúc: hồi, lớp (cảnh)  - ­Dùng ngôn ngữ trực tiếp của nhân vật … | **I. Tìm hiểu chung**  - Dựa vào chú thích SGK trả lời  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời. | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích**  **a.Tác giả**  Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960), quê Hà Nội, Là một trong những nhà văn chủ chốt của nền văn học cách mạng sau Cách mạng tháng Tám.  **b. Tác phẩm** |
| ? Theo em, các lớp kịch trong văn bản này gần với phương thức biểu đạt nào đã học? vì sao?  Gần với phương thức tự sự.Vì câu chuyện kịch được kể bằng một chuỗi các sự việc. | - Suy nghĩ trả lời. | |  |
| - GV: Hướng dẫn đọc, chỉ định HS đọc phân vai.  ? Trích đoạn gồm mấy lớp?  - Gồm 3 lớp  ? Hãy tóm tắt nội dung sự việc trong hồi kịch này?  - Ngọc (chồng Thơm) rời nhà để cùng đám Việt gian lùng bắt hai cán bộ cách mạng là Thái Cửu để lấy tiền thưởng. Thái, Cửu vô tình chạy vào nhà Thơm, may được Thơm che giấu vào chạy thoát.  ? Biến cố làm thành xung đột kịch trong hồi kịch này là gì?  - Bọn phản động (trong đó có Ngọc) truy bắt cán bộ cách mạng (Thái – Cửu). Quần chúng cách mạng (Thơm) bí mật giải thoát cho cán bộ cách mạng.  ? Ở đây, xung đột kịch diễn ra giữa các lực lượng xã hội nào? Nhân vật tiêu biểu cho mỗi lực lượng và nhân vật nào? | - Nghe, đọc.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - HS suy nghĩ trả lời | | ***2. Đọc***  **3. Xung đột kịch**  - Xung đột giữa lực lượng cách mạng và kẻ thù. Xung đột cơ bản ấy được thể hiện thành những xung đột cụ thể giữa các nhân vật và trong nội tâm của một số nhân vật (Thơm, bà cụ Phương)  - Xung đột kịch diễn ra bằng chuỗi các hành động kịch có quan hệ gắn bó với nhau: Xung đột giữa Ngọc cùng đồng bọn với Thái, Cửu trong lúc cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp, kẻ thù đang truy lùng những chiến sỹ cách mạng, xung đột trong nhân vật Thơm và đã có những bước ngoặt quyết định, khiến cô lựa chọn cách đứng hẳn về phía cách mạng. |
| **\* HD phân tích:**  ? Giới thiệu về hoàn cảnh của nhân vật Thơm?  - Thơm là vợ Ngọc, một nho lại trong bộ máy cai trị của TDP. Thơm đã quen với cuộc sống an nhàn, chồng chiều chuộng, lại thích ăn diện, sắm sửa. Vì thế cô đứng ngoài phong trào khi cuộc khởi nghĩa nổ ra mặc dù cha và em trai là những quần chúng tích cực tham gia khởi nghĩa.  ? Tâm trạng của Thơm sau khi lấy Ngọc? | **II. Phân tích**  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời? | | **II. Phân tích**  ***1. Nhân vật Thơm:***  **a. Hoàn cảnh:**  ***+ Cha, em trai: hi sinh***  ***+ Mẹ: bỏ đi***  ***- Còn một người thân duy nhất là Ngọc (chồng)***  ***+ Sống an nhàn, được chồng chiều chuộng (sắm sửa may mặc.... )***  **b. Tâm trạng:**  ***-Luôn day dứt, ân hận về cha, mẹ*** |
| ? Nhân vật Thơm xuất hiện trong lớp kịch nào?  - Cả 3 lớp  ? Những lớp kịch nào tập trung thể hiện hành động của Thơm trong việc giải thoát cho cán bộ cách mạng? (lớp 2,4)  ? Tóm tắt hành động kịch trong lớp 3?  Ngọc về, Thơm khôn khéo giữ chồng ở nhà để tạo an toàn cho Thái, Cửu trốn thoát.  Lúc này, Thơm có những lời nói khác thường nào đối với chồng?  + Tôi nói anh thằng Sáng .... trách không?  + Chỉ thương anh thằng Sáng vất vả, lo nghĩ nhiều... mang tật.  + Tôi van anh thằng Sáng. Mai thì ở nhà mà ngủ cho nói lại sức...  + Sao không mời các ông ấy lên chơi cả cho vui có được không?  ? Sự khác thường trong những lời nói của Thơm là gì?  - Dịu dàng hơn, thân thiện hơn. Nhưng là những lời cửa miệng, không thật lòng. Đó là những lời nói vờ, nói dối.  ? Vì sao Thơm có những lời khác thường đó?  ­-Vờ gây tình cảm với chồng để tạo điều kiện cho Thái, Cửu trốn thoát. | -Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Tóm tắt.  - Suy nghĩ trả lời | | **d. Hành động:**  ***+ Che dấu Thái, Cửu (chiến sĩ cách mạng) ngay trong buồng của mình.***  ***+Khôn ngoan che mắt Ngọc bảo vệ cho 2 chiến sĩ cách mạng.*** |
| ?Qua hành động này, ta hiểu thêm thêm điều gì về nhân vật Thơm?  ­- Nếu có lợi ích cách mạng, có thể làm tất cả, kể cả nói dối với người thân.  ? Tóm tắt hành động kịch trong lớp 2.  - Bị truy đuổi, Thái và Cửu vô tình chạy vào nhà Thơm. Sau chút bối rối, Thơm đã giấu họ trong nhà để họ thoát ra phía sau. | - Suy nghĩ trả lời | |  |
| ? Trong tình huống này, Thơm đã có những cử chỉ nào?  + Gật đầu se sẽ (khi Thái bảo Cửu cứ yên tâm, cô Thơm không làm gì đâu)  + Ngăn lại (khi Thái định ra ngoài xem xét tình hình)  +Hốt hoảng (khi thấy giặc đang khám nhà hàng xóm)  + Ngoan ngoãn và mau lẹ, đẩy hai người vào trong buồng (khi thấy Ngọc về)  ? Trong những lời Thơm nói với Thái và Cửu, những lời nào đã bộc lộ rõ nhất thái độ của Thơm đối với cách mạng?  - Tôi cứ lo cho hai ông. Tưởng các ông chạy xa được rồi  - Tôi không báo hai ông đâu. Tôi chết thì chết chứ không báo hai ông đâu  ? Những cử chỉ, thái độ ấy cho thấy Thơm là người như thế nào đối với cách mạng?  => Có tình cảm đặt biệt với cách mạng. Thơm quý trọng người cách mạng, khinh ghét kẻ bán nước theo giặc.  ? Nhận xét về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật Thơm trong các lớp kịch này?  - Thể hiện diễn biến tâm lý phức tạp của nhân vật bằng các cử chỉ, lời nói điển hình.  ? Từ đó, tính cách nhân vật Thơm được hiện lên như thế nào?  Trong sáng, thẳng thắn, lương thiện.  ? Em hiểu gì về những người quần chúng cách mạng qua nhân vật Thơm?  Căm ghét bọn tay sai bán nước và bọn giặc cướp nước. Nhiều thiện cảm với cách mạng. Sẵn sàng đặt lợi ích cách mạng lên trên hết.  ***(Hết tiết 161, chuyển tiết 162)*** | HS suy nghĩ trả lời  - Suy nghĩ trả lời.  - Nhận xét.  - Nhận xét  - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ. | | => Là người có bản chất trung thực, lòng tự trọng, nhận thức về cách mạng nên đã biến chuyển thái độ, đúng đắn hẳn về phía cách mạng. cuộc đấu tranh cách mạng ngay cả khi bị đàn áp khốc liệt, cách mạng cũng không thể bị tiêu diệt, vẫn có thể thức tỉnh quần chúng, cả với những người ở vị trí trung gian như Thơm |
| ? Nhân vật Ngọc xuất hiện qua những lớp kịch nào? (lớp 1 và lớp 3)  ? Hành động xuyên suốt lớp kịch này của nhân vật Ngọc là gì? Để thực hiện hành động này, Ngọc đã phải đối mặt với một người, đó là ai?  - Lùng bắt hai cán bộ cách mạng là Thái và Cửu để lấy tiền thưởng. Để thực hiện hành động này, Ngọc đã phải đối mặt với vợ mình, Thơm.  ? Xuất hiện ở lớp 3, tính cách Ngọc bộc lộ qua những lời nói điển hình nào?  - Thôi thì chẳng may chú mấy thằng Sáng đã như thế, mình thì cứ thương trong bụng, rồi còn tính việc làm ăn, chứ cha con, chị em đứt ruột ra được ấy chứ lị (khi thấy vợ buồn rầu)  - Bắt được hai thằng ấy thì cũng được vài ngàn đồng. Chia cho tất cả các anh em một nửa, mình lấy một nửa. Cái nhà này, thế là lấy xong rồi (....) Tậu được mấy mẫu ruộng nữa ( khi nói về cái lợi của việc bắt Thái, Cửu)  ? Bình luận về tính cách nhân vật Ngọc qua những lời nói đó?  Giả nhân giả nghĩa. Ham tiền của và hám danh.  Nhân vật Ngọc tiêu biểu cho lớp người nào trong thời kỳ khó khăn của cách mạng?  - Sợ giặc, làm tay sai để mưu cầu lợi ích riêng. Phản bội nhân dân, đất nước.  ? Xung đột trong các lớp kịch này còn là xung đột của những tính cách. Qua hai nhân vật Thơm và Ngọc, hãy chỉ ra nội dung xung đột của hai tính cách này?   |  |  | | --- | --- | | Thơm | Ngọc | | Thẳng thắn  Trong sáng  Giàu tình nghĩa | Quanh co  Hiểm độc  Bất nghĩa |   ? Sự xung đột của hai tính cách này gợi tình cảm gì ở người đọc?  - Yêu quý, cảm thông với Thơm  - Ghê sợ, căm ghét với Ngọc | - Phát hiện trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - HS suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ. | | ***2. Nhân vật Ngọc***  ***- Ham muốn địa vị, quyền lực, tiền tài***  ***- Làm tay sai cho giặc (Việt gian)***  ***- Tên Việt gian bán nước đê tiện, đáng khinh, đáng ghét.*** |
| ? Nhân vật thái, Cửu được giới thiệu như thế nào?  ? Em có nhận xét gì về hai nhân vật này? | - Phát hiện trả lời.  - Đánh giá về nhân vật. | | **3. Nhân vật Thái, Cửu**  (Chiến sĩ cách mạng )  ***Thái: Bình tĩnh, sáng suốt***  ***Cửu: hăng hái, nóng nảy***  ***=> Họ là những chiến sĩ cách mạng kiên cường trung thành với Tổ quốc, cách mạng, đất nước .*** |
| **\* HD tổng kết:**  ? Nêu nét chính về nội dung nghệ thuật của lớp kịch? | **III. Tổng kết**  - Thảo luận theo bàn.  - Khái quát trả lời. -> Rút ra nội dung ghi nhớ. | | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật:  - Cách tạo dựng tình huống sử dụng ngôn ngữ đối thoại  2. Nội dung:  - Thể hiện diễn biến nội tâm nhân vật Thơm – người phụ nữ có chồng theo giặc - đứng hẳn về phía cách mạng.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 7'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp, bình  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi:  ? Đọc các lớp kịch trong vở kịch Bắc Sơn, em hiểu gì về người cách mạng và kẻ phản cách mạng? | **IV.Luyện tập:**  - Suy nghĩ, trình bày cảm nhận | **IV. Luyện tập:**  **Bài tập:** Đọc các lớp kịch trong vở kịch Bắc Sơn, em hiểu gì về người cách mạng và kẻ phản cách mạng?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Từ lớp kịch trên, đó em hiểu gì về cuộc đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo từ những năm chống Pháp?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả, chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm đọc hoặc xem cả vở kịch “Bắc Sơn”  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ với người thân, bạn bè… | * ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: Tổng kết Tập làm văn (Lập bảng hệ thống kiến thức)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**TIẾT 163,164:**

**TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN**

Ngày soạn: 23.4.2017

Ngày dạy:

Lớp dạy: 9B

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững kiến thức về các kiểu văn bản (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, điều hành) đã được học từ lớp 6 đến lớp 9.

- Đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã được học.

- Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các kiểu văn bản đã học.

- Kết hợp hài hoà, hợp lí các kiểu văn bản trong thực tế làm bài.

***3. Thái độ:***

- HS có ý thức lựa chọn các kiểu bài phù hợp đối với từng đối tượng cần giải quyết. Làm được một bài tập làm văn theo bố cục 3 phần.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã được học.

- Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các kiểu văn bản đã học.

- Kết hợp hài hoà, hợp lí các kiểu văn bản trong thực tế làm bài.

***3. Thái độ:***

- HS có ý thức lựa chọn các kiểu bài phù hợp đối với từng đối tượng cần giải quyết. Làm được một bài tập làm văn theo bố cục 3 phần.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt

**III . Chuẩn bị**

+Thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm, lập bảng hệ thống kiến thức.

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ: 2'***

- Kiểm tra bài soạn của HS.

- Kiểm tra trong khi tổng kết.

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài:*** Các em đã được học các kiểu bài tập làm văn khác nhau. Để nắm vững đặc điểm cũng như phân biệt được điểm khác nhau giữa các kiểu bài... tiết học hôm nay sẽ giúp các em thực hiện điều đó. | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2,3. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC – LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 70’  - Mục tiêu: nắm vững đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã được học. Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học. Nâng cao năng lực đọc và viết các kiểu văn bản thông dụng. Biết kết hợp hài hoà, hợp lí các kiểu văn bản trong thực tế làm bài.  - Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình, lập bảng hệ thống kiến thức...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | |
| **\* HD hệ thống hoá các kiểu văn bản:(20’)**  - Gv yêu cầu HS dựa vào phần đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thiện bảng thống kê theo nội dung dưới đậy: | **I.Hệ thống hoá các kiểu văn bản:**  - Lập bảng thống kê.  - Trình bày. | **I.Hệ thống hoá các kiểu văn bản:** |

***Bảng hệ thống kiến thức về các kiểu văn bản:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kiểu văn bản** | **Phương thức biểu đạt** | | **Ví dụ về hình thức văn bản cụ thể** |  |
| 1 | Văn bản tự sự | - Trình bày các sự vật (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết thúc.  - Mục đích biểu hiện con người quy luật đời sống, bày tỏ thái độ. | | - Bản tin báo chí.  - Bản tường thuật, tường trình.  - Lịch sử.  - Tác phẩm văn hoá nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết). |  |
| 2 | Văn bản miêu tả | Tái hiện các tính chất thuộc tính sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng. | | - Văn bản tả cảnh, tả người, tả sự vật.  - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự. |  |
| 3 | Văn bản biểu cảm | Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc con người, tự nhiên, xã hội, sự vật. | | - Điện mừng, thăm hỏi, chia buồn. |  |
| 4 | Văn bản thuyết minh | Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng, để giúp người đọc có tri thức khả quan vì có thái độ đúng đắn với chúng. | | - Thuyết minh sản phẩm  - Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật.  - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học. |  |
| 5 | Văn bản nghị luận | Trình bày tư tưởng, chủ trương, quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, con người qua các luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục. | | - Cáo, lịch, chiếu, biểu.  - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi  - Sách lý luận  - Tranh luận về một vấn đề chính trị, xã hội, văn hoá |  |
| 6 | Văn bản điều hành (hành chính công cụ) | Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lý các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lý hay ngược lại bầy tỏ yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền đối với người có trách nhiệm thực thi hoặc thoả thuận giữa công nhân với nhau về lợi ích và chức vụ. | | - Đơn từ.  - Báo cáo.  - Đề nghị.  - Biên bản.  - Tường trình.  - Thông báo.  - Hợp đồng. |  |
| **\* HD tìm hiểu sự khác biệt của các kiểu văn bản: (20’)** | | | **II. Sự khác biệt của các kiểu văn bản** | **II. Sự khác biệt của các kiểu văn bản** |  |
| GV nêu câu hỏi phân nhóm cho HS thảo luận:  1: So sánh tự sự khác miêu tả? 2: Thuyết minh khác tự sự và miêu tả?  3: Nghị luận khác điều hành?  4: Biểu cảm các thuyết minh?  GV Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau không? vì sao? Có thể phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không?  Nêu 1 ví dụ để làm rõ (HS lấy ví dụ như văn bản nghị luận: cần tự sự, thuyết minh làm luận cứ)  ***(Hết tiết 163, chuyển tiết 164)*** | | | - Hoạt động nhóm, trình bày. | \* Sự khác biệt của các kiểu văn bản:  - Tự sự: Trình bày việc.  - Miêu tả: Đối tượng là con người, sự vật, hiện tượng và tái hiện đặc điểm của chúng.  - Thuyết minh: Cần trình bày những đối tượng thuyết minh cần làm rõ về bản chất bên trong và nhiều phương diện có tính khách quan.  - Nghị luận: Bày tỏ quan điểm  - Điều hành: hành chính  - Biểu cảm: cảm xúc |  |
| **\* HD phân biệt các thể loại văn học và kiển văn bản (15’)**  - GV chia nhóm cho HS làm 3 câu hỏi 5,6,7 (trang 171)  HS thảo luận nhóm tìm hiểu nét đặc trưng của kiểu văn bản trong Tập làm văn khác với thể loại văn hoá tương ứng (có ví dụ minh hoạ) | | | **III. Phân biệt các thể loại văn học và kiển văn bản**  - Hoạt động nhóm, trình bày. | **III. Phân biệt các thể loại văn học và kiểu văn bản**  ***1. Văn bản tự sự và thể loại văn bản tự sự***  - Giống: kể về sự việc  - Khác:  Văn bản tự sự: xét hình thức phương thức |  |
| ? Nét độc đáo về hình thức thể loại tự sự là gì?(Phong phú)  VD: Phát biểu cảm nghĩ về loài hoa em yêu thích (hoa sen)  Bài ca dao: “Trong đầm gì đẹp ...”  GV cho HS phân tích ví dụ "Phong cách Hồ Chí Minh" có sự kết hợp các phương thức nghị luận + Thuyết minh + miêu tả + tự sự. | | | - Suy nghĩ trả lời. | \* Thể loại tự sự đa dạng:  + Truyện ngắn  + Tiểu thuyết  + Kịch  \* Tính nghệ thuật trong tác phẩm tự sự:  - Cốt truyện – nhân vật – sự việc – kết cấu  2. Kiểu văn bản biểu cảm và thể loại trữ tình:  - Giống: chứa đựng cảm xúc, tình cảm chủ đạo  - Khác nhau:  + Văn bản biểu cảm; bày tỏ cảm xúc về một đối tượng (văn xuôi)  + Tác phẩm trữ tình: đời sống cảm xúc phong phú của chủ thể trước vấn đề đời sống (thơ)  Vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn nghị luận.  - Thuyết minh: giải thích cho 1 cơ sở nào đó vấn đề bàn luận  - Tự sự: sự việc dẫn chứng cho vấn đề  - Miêu tả |  |
| **\* HD tổng kết tập làm văn trong chương trình ngữ văn THCS(10’)**  ? Kinh nghiệm đọc văn bản tự sự, miêu tả giúp làm văn như thế nào? | | | **IV. Tập làm văn trong chương trình ngữ văn THCS**  - Suy nghĩ trả lời. | **IV. Tập làm văn trong chương trình ngữ văn THCS**  - Đọc hiểu văn bản – học cách viết tốt các bài tập làm văn. |  |
| **\* HD tổng kết ba kiểu văn bản học lớp 9 (15’)**  - Hệ thống đặc điểm 3 kiểu văn học đã học ở lớp 9? | | | **V. Ba kiểu văn bản học lớp 9**  - HS lập bảng thống kê. | **V. Ba kiểu văn bản học lớp 9** |  |

**\* Bảng thống kê:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Kiểu văn bản đặc điểm | Văn bản thuyết minh | Văn bản tự sự | Văn bản nghị luận |
| Mục đích | Phơi bày nội dung sâu kín bên trong đặc trưng đối tượng | Trình bày sự việc | Bày tỏ quan điểm, nhận xét, đánh giá về vai trò |
| Các yếu tố tạo thành | Đặc điểm khách quan của đối tượng | Sự việc  Nhân vật | Luận điểm, luận cứ, dẫn chứng |
| Khả năng kết hợp đặc điểm cách làm | Phương pháp thuyết minh: giải thích | Giới thiệu, trình bày diễn biến sự việc theo trình tự nhất định | - Hệ thống lập luận  - Kết hợp miêu tả, tự sự. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 8’(Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Cảm nhận về một đoạn thơ mà em yêu thích.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Cảm nhận về một đoạn thơ mà em yêu thích.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Tìm đọc, tham khảo cách viết của các bài mẫu về văn nghị luận.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tìm đọc, tham khảo cách viết của các bài mẫu về văn nghị luận.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, cảm thụ thẩm mĩ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Ôn lại các kiểu văn bản đã học

- Soạn bài: Luyện tập Ngữ văn địa phương.( Tiếp tục sưu tầm văn học Hải Phòng sau 1975)

\* **Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tên bài:LUYỆN TẬP NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG PHẦN VĂN**

**(Sưu tầm văn học Hải Phòng từ năm 1975 đến nay)**

**Tiết thứ: 165**

*Ngày soạn: 23.4.2017*

*Ngày thực hiện:*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Hiểu biết thêm về các tác giả văn học ở địa phương và các tác phẩm văn học viết về địa phương từ sau năm 1975. Biết thẩm bình, tuyển chọn tác phẩm văn học.

***2.Kĩ năng:***

- Biết sưu tầm, tuyển chọn tài liệu văn thơ viết về địa phương. Đọc - hiểu và thẩm bình thơ văn viết về địa phương. So sánh đặc điểm văn học địa phương giữa các giai đoạn.

***3.Thái độ:***

- Yêu thích, say mê tìm hiểu, sáng tác văn học địa phương.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Sự hiểu biết về các nhà văn, nhà thơ ở địa phương.

- Sự hiểu biết về tác phẩm văn thơ viết về địa phương.

- Những biến chuyển của văn học địa phương sau năm 1975.

***2.Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu và thẩm bình thơ văn viết về địa phương. So sánh đặc điểm văn học địa phương giữa các giai đoạn.

***3.Thái độ:***

- Yêu thích, say mê tìm hiểu, sáng tác văn học địa phương.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị:**

+Thầy:- Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

-Phương pháp: Đọc diễn cảm, vấn đáp, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ: 2'***

***-*** Kiểm tra bài soạn của HS.

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Kể tên các tác giả, tác phẩm viết về Hải Phòng mà em biết?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 10'  - Mục tiêu: Hiểu biết thêm về các tác giả văn học ở địa phương và các tác phẩm văn học viết về địa phương từ sau năm 1975. Những biến chuyển của văn học địa phương sau năm 1975.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn. | | |
| **\* HD ôn lí thuyết:**  ? Nêu đặc điểm chung của văn học Hải Phòng sau năm 1975?  - Cho HS thảo luận theo bàn, trả lời câu hỏi:  ? Văn xuôi Hải Phòng sau 1975 đã chuyển hướng ở những mặt nào? nêu nmột số thành tựu cơ bản?  ? Sự đổi mới ở các nhà văn có điểm gì giống và khác nhau?  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt ý chính.  ? Kể tên các nhà thơ tiêu biểu của Hải Phòng sau 1975?  ? Thơ Hải Phòng sau 1975 có đóng góp gì nổi bật? | **I. Lí thuyết**  - Khái quát trả lời.  - Thảo luận nhóm.  - Đại diện trả lời.  - Các nhóm nhận xét chéo.  - Nêu tên tác giả tiêu biểu.  - Suy nghĩ trả lời. | **I. Lí thuyết**  ***1. Đặc điểm chung:***  - Sau năm 1975, văn học Hải Phòng có nhiều đổi mới đáp ứng yêu cầu phát triển chung của đất nước.  + Có sự thay đổi về đội ngũ: Đội ngũ nhà văn, nhà thơ phong phú, dồi dào hơn.  + Đổi mới về quan niệm văn học, đổi mới trong cách viết của các nhà văn.  + Thể loại cũng phong phú đa dạng hơn.  ***2. Văn xuôi Hải Phòng trước yêu cầu đổi mới:***  \* Đổi mới về quan điểm, đề tài sáng tác:  - Trước năm 1975, chủ yếu chủ yếu tập chung vào đề tài lao động sản xuất, chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc.  - Sau 1975, mở rộng đề tài hướng đến nhiều vấn đề khác nhau của đời sống.  - Những cây bút tiêu biểu: Nguyễn Quang Thân, Đoàn Lê, Trần Tự, Bùi Ngọc Tấn, Đình Kính, Bão Vũ, Trung Trung Đỉnh... Đặc biệt là một số nhà văn cao tuổi vẫn không ngừng sáng tác như: Phùng Văn Ong, Vũ Hoàn Lam, Hoài Minh, Nguyễn Hồng Quang.  ***3. Thơ Hải Phòng và những bước chuyển động***  - Những cây bút tiêu biểu:  Dư Thị Hoàn, mai Văn Phấn, Đồng Đức Bốn, Tô Ngọc Thạch, Phạm Xuân Trường, Nguyễn Thị Thuý Lan....  - Các nhà thơ Hải Phòng đã nỗ lực vận động theo hướng đổi mới, đưa thơ trở về với mọi mặt đa dạng, phức tạp và sinh động của đời sống. Tuy nhiên mỗi nhà thơ lại có phong cách sáng tác riêng. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:23'  - Mục tiêu: Biết sưu tầm, tuyển chọn tài liệu văn thơ viết về địa phương.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, lập bảng thống kê.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép. | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS đọc bài đọc thêm.  - Yêu cầu HS lập bảng trên cơ sở đã chuẩn bị trước ở nhà.  Lưu ý: - Chú trọng đến các tác giả có tác phẩm từ 1975 trở lại đây.  - Có thể tuyển chọn tác phẩm hay viết về địa phương của tác giả thuộc địa phương khác.  - Thống kê các tác phẩm theo trình tự thời gian xuất hiện.  -Tóm tắt nội dung chính? | **III. Luyện tập**  - Đọc diễn cảm.  - Các nhóm hoàn thiện bảng thống kê theo hướng dẫn. | **III. Luyện tập**  Bài tập 1  - Đọc thêm : Trở về với mẹ ta thôi.  Bài tập 2:  Lập bảng thống kê các tác giả, tác phẩm văn học địa phương   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Tác giả | Tác phẩm | Thời gian sáng tác | Nội dung | |  |  |  |  |  |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **Ví dụ: \*Thơ: Đồng Đức Bốn**  **CHỢ BUỒN** Chợ buồn đem bán những vui Đã mua được cái ngậm ngùi chưa em. Chợ buồn bán nhớ cho quên Bán mưa cho nắng, bán đêm cho ngày. Chợ buồn bán tỉnh cho say Bán thương suốt một đời này cho yêu. Tôi giờ xa cách bao nhiêu Đem thơ đổi lấy những chiều tương tư.  **\*Thơ Mai Văn Phấn**  **SÔNG THƯƠNG NGÀY KHÔNG EM** Không em ra ngõ kéo diều Nào ngờ đuợc mảnh trăng chiều trên tay, Luồn kim vào nhớ để may Chỉ yêu cứ đứt trên tay mình cầm. Sông Thương như gỗ hóa trầm Mùi hương để vết tím bầm trên da. Sông Thương từ buổi em xa Tay anh quờ xuống hóa ra bị chàm. Em đi như chim về ngàn Để rơi một cánh hoa tan nát chiều. Tôi đi tìm một tình yêu Trên dòng sông chứa rất nhiều ban mai. Tôi đi trên dòng sông gai Lốt chân chim đậu trên vai thành hồ. Không em từ bấy đến giờ Bàn tay vẫn héo như cờ chịu tang.  **BÀI HÁT MÙA MÀNG**  Lan nhanh, choáng ngợp đất hoang vừa mở Em đổ từng trận lũ dại cuồng Cuốn xiết anh khỏi ngôi nhà có khu vườn bé nhỏ  Con chim cắt không gian rộng để lại đường bay bất tận  Cội rễ anh vươn mắt em nhìn tươi tốt Từng hạt mầm phun hơi ấm lòng đất ướt Từ hơi thở làm bầu trời đổi khác Từ khoảng không được quyền kiến tạo đám mây  Mắt rạ rơm đốt thiêu mùa cũ Đổi thay cách nhìn và khoảng trống chân trời Mất nhận cả những gì còn cháy dở Mùa mới về tự tin, nghiền nát và xóa hết Nụ hôn nín thinh, tỏa nhiệt, khoan vào lòng đất Chạm những mạch ngầm ứ căng huyền bí thuở xưa Đất mỡ màu quyện rạng đông dâng lên khuôn mặt Dâng lên cỏ cây phồn thực bời bời  Những mùa tái sinh trổ đòng chín rục Sấm nổ vang trong lòng tay mầm hạt Vòng phù sa tươi ròng ấp ôm thớ đất Em cúi xuống và dòng sông ùa đến bất ngờ | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, * Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tập sáng tác thơ , văn về hành phố Cảng?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Sáng tác thơ , văn về hành phố Cảng?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Sưu tầm tranh ảnh, tác phẩm của nhà văn, nhà thơ địa phương.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Sưu tầm tranh ảnh, tác phẩm của nhà văn, nhà thơ địa phương.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, hợp tác,sáng tạo. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài cho tiết học sau: **“Tổng kết văn học”** (Lập đề cương ôn tập theo hệ thóng câu hỏi/ Sgk)

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**TUẦN 35**

**Tiết 166,167: TỔNG KẾT VĂN HỌC**

Ngày soạn: 23.4.2017

Ngày dạy:

Lớp dạy: 9B

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại, về nội dung và những nét tiêu biểu về nghệ thuật của các văn bản đã được học trong chương trình Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 9.

***2. Kĩ năng:***

- Hệ thống hoá những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì.

- Đọc - hiểu tác phẩm theo đặc trưng của thể loại.

***3. Thái độ:***

- Bồi dưỡng tình cảm và trách nhiệm đối với văn học dân tộc. Cảm nhận được những giá trị truyền thống của văn học dân tộc.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt Nam.

- Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học.

***2. Kĩ năng:***

- Hệ thống hoá những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì.

***3. Thái độ:***

- Bồi dưỡng tình cảm và trách nhiệm đối với văn học dân tộc. Cảm nhận được những giá trị truyền thống của văn học dân tộc.

***4. Năng lực có thể hình thành cho HS:***

- Năng lực hợp tác, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo…

- Năng lực đọc hiểu, hệ thống kiến thức, cảm thụ thẩm mĩ , tư duy hình tượng...

**III . Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- Chuẩn bị của trò: Đọc trước bài, trả lời câu hỏi ở phần chuẩn bị. Lập bảng hệ thống các tác phẩm văn học Việt Nam.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:3’***

*-* Kiểm tra bảng thống kê các tác phẩm văn học Việt Nam***.***

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 2'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài***: Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ hình dung lại hệ thống các văn bản tác phẩm văn học đã học và đọc thêm trong chương trình ngữ văn toàn cấp. Các em sẽ hiểu biết thêm về nền văn học Việt Nam: các bộ phận văn học, các thời kỳ lớn, những đặc sắc nổi bật về tư tưởng và nghệ thuật | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 65’  - Mục tiêu: Có những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt Nam. Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học. Hệ thống hoá được những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì. Biết đọc – hiểu tác phẩm theo đặc trưng của thể loại.  - Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình, lập bảng hệ thống kiến thức...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | |
| **\*HD tìm hiểu chung về văn họcViệt Nam :**  - Yêu cầu HS đọc Sgk.  ? Nêu những nét khái quát về văn học Việt Nam?  ? Văn học Việt Nam do những bộ phận nào hợp thành?  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm trình bày.  + Hoàn cảnh ra đời.  + Đặc điểm, thể loại, thành tựu cơ bản…?  ?Văn học viết xuất hiện từ khi nào?  ? Văn học chữ Hán xuất hiện từ bao giờ?  Thời kỳ xuất hiện chữ Nôm?  ? Nội dung chủ yếu của văn học viết? | **A.Nhìn chung về văn họcViệt Nam**  - Đọc.  - Dựa vào SGK trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  -Thảo luận, trình bày.  - Suy nghĩ trả lời  - Suy nghĩ trả lời | **A.Nhìn chung về văn họcViệt Nam**  - Ra đời, tồn tại, phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam.  - Phản ánh tâm hồn, tư tưởng, tính cách cuộc sống của dân tốc Việt Nam.  - Góp phần làm nên đời sống văn hoá, tinh thần của đất nước Việt Nam.  - Có lịch sử lâu dài, phong phú, đa dạng.  ***1. Các bộ phận hợp thành nền văn học Việt Nam:***  *a/ Văn học dân gian*  - Hoàn cảnh ra đời: trong lao động sản xuất, đấu tranh xã hội  - Đặc tính: tính tập thể, tính truyền miệng, tính dị bản, tính diễn xướng.  - Thể loại: Phong phú (truyện, dân ca, ca dao, vè, câu đố, chèo...), có văn hoá dân gian của các dân tộc (Mường, Thái, Chăm ...)  - Nội dung: sâu sắc gồm:  + Tố cáo xã hội cũ, thông cảm với những nỗi nghèo khổ.  + Ca ngợi nhân nghĩa, đạo lý.  +Ca ngợi tình yêu quê hương đất nước, tình bạn bè, tình gia đình.  +Ước mơ cuộc sống tốt đẹp, thể hiện lòng lạc quan yêu đời, tin tưởng ở tương lai...  *b/ Văn học viết*  - Về chữ viết: Có những sáng tác bằng tiếng Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, tiếng Pháp (Nguyễn Ái Quốc). Tuy viết bằng tiếng nước ngoài nhưng nội dung và nét đặc sắc nghệ thuật vẫn thuộc về dân tộc, thể hiện tính dân tộc đậm đà.  - Về nội dung: bám sát cuộc sống, biến động của mọi thời kỳ, mọi thời đại.  + Đấu tranh chống xâm lược, chống phong kiến, chống đế quốc  + Ca ngợi đạo đức, nhân nghĩa, dũng khí  + Ca ngợi lòng yêu nước và anh hùng  + Ca ngợi lao động xây dựng  + Ca ngợi thiên nhiên  + Ca ngợi tình bạn bè, tình yêu, tình vợ chồng, cha mẹ.... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 15'  - Mục tiêu: Củng cố kiến thức về các văn bản đã học.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, lập bảng thống kê.  - Kĩ thuật : Động não. | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS làm bài tập.  - Gọi 2- 3 HS trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, uốn nắn. | **\* Bài tập:**  - Suy nghĩ, trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi ý chính. | **\* Bài tập:**  Bằng một số tác phẩm văn học đã học chứng minh ràng: Văn học viết nước ta luôn bám sát cuộc sống, biến động của mọi thời kỳ, mọi thời đại. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Các tác phẩm văn học Việt Nam trong chương trình Ngữ văn THCS giúp em hiểu gì về đất nước, con người Việt Nam?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | ? Các tác phẩm văn học Việt Nam trong chương trình Ngữ văn THCS giúp em hiểu gì về đất nước, con người Việt Nam? |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: tìm hiểu thêm về hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm văn học, đọc thêm các bài nghị luận văn học.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tìm hiểu thêm về hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm văn học, đọc thêm các bài nghị luận văn học. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị cho các nội dung tiếp theo của tiết tổng kết.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tiết 168,169:**

**TỔNG KẾT VĂN HỌC (Tiếp)**

Ngày soạn: 23.4.2017

Ngày dạy:

Lớp dạy: 9B

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại, về nội dung và những nét tiêu biểu về nghệ thuật của các văn bản đã được học trong chương trình Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 9.

***2. Kĩ năng:***

- Hệ thống hoá những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì.

- Đọc – hiểu tác phẩm theo đặc trưng của thể loại.

***3. Thái độ:***

- Bồi dưỡng tình cảm và trách nhiệm đối với văn học dân tộc. Cảm nhận được những giá trị truyền thống của văn học dân tộc.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt Nam.

- Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học.

***2. Kĩ năng:***

- Hệ thống hoá những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì.

***3. Thái độ:***

- Bồi dưỡng tình cảm và trách nhiệm đối với văn học dân tộc. Cảm nhận được những giá trị truyền thống của văn học dân tộc.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III . Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- Chuẩn bị của trò: Đọc trước bài, trả lời câu hỏi ở phần chuẩn bị. Lập bảng hệ thống các tác phẩm văn học Việt Nam.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:2’***

*-* Kiểm tra bảng thống kê các tác phẩm văn học Việt Nam***.***

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não | | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài***: Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ hình dung lại hệ thống các văn bản tác phẩm văn học đã học và đọc thêm trong chương trình ngữ văn toàn cấp. Các em sẽ hiểu biết thêm về nền văn học Việt Nam: các bộ phận văn học, các thời kỳ lớn, những đặc sắc nổi bật về tư tưởng và nghệ thuật | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 55’  - Mục tiêu: Có những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt Nam. Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học. Hệ thống hoá được những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì. Biết đọc – hiểu tác phẩm theo đặc trưng của thể loại.  - Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình, lập bảng hệ thống kiến thức...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | | |
| **\*HD tìm hiểu chung về văn họcViệt Nam:**  -Yêu cầu HS đọc Sgk.  ? Văn học Việt Nam phát triển theo một tiến trình lịch sử như thế nào?  ? Đặc điểm cơ bản của văn học trung đại?  ? Đặc điểm của văn học Việt Nam giai đoạn đầu TK XX-> 1945?  ? Đặc điểm của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975?  ? Đặc điểm của văn học sau 1975?  ? Những nét đặc sắc nổi bật của văn học Việt Nam? | **A.Nhìn chung về văn họcViệt Nam**  - Đọc.  - Suy nghĩ trả lời  - Suy nghĩ trả lời  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. - - Suy nghĩ trả lời.  - Tự lấy VD | **A.Nhìn chung về văn họcViệt Nam**  ***1. Các bộ phận hợp thành nền văn học Việt Nam.***  ***2. Tiến trình lịch sử văn học Việt Nam***  (Chủ yếu là văn học viết)  a/ Văn học trung đại (Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX)  Là thời kì nước ta trong điều kiện xã hội phong kiến suốt 10 thế kỷ cơ bản vẫn giữ được nền độc lập tự chủ.  - Văn học yêu nước chống xâm lược (Lý-Trần-Lê-Nguyễn) có Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu.  - Văn học tố cáo xã hội phong kiến và thể hiện khát vọng tự do, yêu đương, hạnh phúc (Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Tú Xương ...)  b/ Văn học hiện đại  *\* Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945*  - Văn học yêu nước và cách mạng 30 năm đầu thế kỷ (trước khi Đảng CSVN ra đời) có Tản Đà, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, và những sáng tác của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài.  - Sau năm 1930: xu hướng hiện đại trong văn học với văn học lãng mạn (Nhớ rừng), văn học hiện thực (Tắt đèn), văn học cách mạng (Khi con tu hú...)  *\* Từ 1945-1975*  - Văn học viết về kháng chiến chống Pháp (Đồng chí, Đêm nay Bác không ngủ, Cảnh khuya, Rằm tháng giêng ....)  - Văn học viết về cuộc kháng chiến chống Mĩ (Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Những ngôi sao xa xôi, Ánh trăng .  - Viết về cuộc sống lao động (Đoàn thuyền đánh cá, Vượt thác ....)  *\* Từ sau 1975*  Mở rộng phạm vi tiếp cận đời sống một cách toàn diện, khám phá con người nhiều mặt, hướng tới sự thức tỉnh ý thức cá nhân và tinh thần tự chủ.  ***3. Mấy nét đặc sắc nổi bật của văn học Việt Nam:***  *a/ Tư tưởng yêu nước:* chủ đề lớn, xuyên suốt trường kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc (căm thù giặc, quyết tâm chiến đấu, dám hi sinh và xả thân tình đồng chí đồng đội, niềm tin chiến thắng)  *b/ Tinh thần nhân đạo:* yêu nước và yêu thương con người đã hoà quyện thành tinh thần nhân đạo (Tố cáo bóc lột, thông cảm người nghèo khổ, lên tiếng bênh vực quyền lợi con người – nhất là quyền phụ nữ, khát vọng tự do và hạnh phúc)  *c/ Sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan*  *d/ Tính thẩm mỹ cao* | |
| **B/ Sơ lược về một số thể loại văn học:**  ? Em hiểu thế nào là thể loại?  ? Văn học dân gian có những thể loại nào?  ? Thể loại chủ yếu của văn học trung đại?  ? Cho ví dụ ở các tác phẩm cụ thể?  ? Em có nhận xét gì về thể loại của văn học hiện đại so với văn học trung đại?  ? Văn học hiện đại có những thể loại nào? | **B/ Sơ lược về một số thể loại văn học**  - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời.  - Nêu ví dụ.  - Nhận xét.  - Nêu hiểu biết. | **B. Sơ lược về một số thể loại văn học**  ***1. Văn học dân gian***  (Xem lại tiết ôn tập về văn học dân gian)  ***2. Văn học trung đại***  a/ Các thể thơ  - Các thể thơ có nguồn gốc thơ ca Trung Quốc: Cổ phong và thể thơ Đường luật  - Gồm: Côn Sơn ca, Chinh phụ ngâm khúc....  - Thơ tứ tuyệt, thất bát ngôn cú (Hồ Xuân Hương, Hồ Chí Minh)  - Các thể thơ có nguồn gốc dân gian: Truyện Kiều, Thơ Tố Hữu  b/ Các thể truyện ký  c/ Truỵên thơ Nôm  d/ Văn nghị luận  ***3. Một số thể loại văn học hiện đại***  - Gồm truyện ngắn, thơ, kịch, tuỳ bút........(Xem nội dung ôn tập ở tiết trước)  - Đa dạng, biến đổi nhanh chóng vì tính chất dân chủ không bị ràng buộc quá chặt chẽ vào các quy tắc. Đề cao sự tìm tòi, sáng tạo của các nhà văn. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 20'  - Mục tiêu: Củng cố kiến thức về các văn bản đã học.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, lập bảng thống kê.  - Kĩ thuật : Động não. | | | |
| - Yêu cầu HS làm bài tập.  - Gọi 2- 3 HS trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, uốn nắn. | - Suy nghĩ, trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi ý chính. | Bài tập:  Chứng minh rằng cảm hứng nhân đạo luôn là nguồn cảm hứng xuyên suốt các tác phẩm văn học, các giai đoạn văn học?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Tác phẩm văn học nào đã để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | ? Tác phẩm văn học nào đã để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm đọc thêm các bài viết về các tác phẩm văn học đã học, ghi lại những lời bình đặc sắc.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tìm đọc thêm các bài viết về các tác phẩm văn học đã học, ghi lại những lời bình đặc sắc.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Ôn tập lý thuyết, hoàn thiện bài tập.

- Chuẩn bị cho tiết trả bài kiểm tra văn, Tiếng Việt.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**Tiết 170: TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN, TIẾNG VIỆT**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy: 9B

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức***:

- Nhận ra được những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình. Sửa lại những chỗ chưa đạt, củng cố các kiến thức cơ bản về thơ hiện đại Việt Nam, Tiếng Vịêt đã học ở học kì II,lớp 9.

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức***:

+ Bài KT Văn:

- Kiến thức về thể loại, hoàn cảnh sáng tác của các tác phẩm.

- Tư tưởng chủ đề của các tác phẩm thơ hiện đại.

- Nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.

+ Bài Tiếng Việt:

- Kiến thức về từ loại, câu, các phép liên kết câu...

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3. Thái độ:***

- HS có ý thức đọc lại bài, sửa lỗi sau khi viết bài.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ.

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ...

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua những nhận xét, đánh giá của giáo viên, HS nhận ra những ưu nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa chữa những lỗi cơ bản trong bài viết.

*+ Nội dung của hoạt động: Xác định yêu cầu của đề, xây dựng đáp án – biểu điểm, nhận xét, sửa lỗi, trả bài.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ. 2’**

* KT việc lập dàn ý của HS

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Kinh nghiệm để làm tốt một bài kiểm tra văn học?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2,3. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC – LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 33'  - Mục tiêu: HS nhận thấy những ­ưu, như­ợc điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có hướng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh. Biết phát hiện và sửa lỗi cho bài viết của mình và của bạn.  - Ph­ơng pháp: Vấn đáp, thuyết trình, phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm..  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | | |
| **\* Trả bài kiểm tra Văn:**  - Yêu cầu HS xem lại đề. Xác định yêu cầu của đề?  - Giáo viên nhận xét những ưu - nhược điểm trong bài làm của HS.  - GV hư­ớng dẫn HS xây dựng đáp án  **\* Trả bài KT Tiếng Việt :**  - Yêu cầu HS xem lại đề bài. Xác định yêu cầu của đề?  - Giáo viên nhận xét những ưu - nhược điểm trong bài làm của HS.  GV hư­ớng dẫn HS xây dựng đáp án  - Giáo viên giúp HS sửa lỗi cơ bản trên từng bài viết.  - Yêu cầu HS đọc 1 bài làm tốt (bài của Hoàng Linh), 1 bài ch­ưa tốt (bài của Nguyễn Phương)  ? Làm thế nào để có thể làm tốt một bài KT Văn học? | **A. Bài kiểm tra Văn**  - Nhắc lại đề bài.  - Học sinh xác định yêu cầu của đề.  - Học sinh nghe và rút kinh nghiệm.  - Xây dựng đáp án  **B.Bài kiểm tra Tiếng Việt :**  - Xác định yêu cầu của đề.  - Nghe, sửa lỗi, rút kinh nghiệm.  - Xây dựng đáp án.  - Học sinh nghe, tự sửa lỗi.  - Đọc bài.  - HS tự bộc lộ. | | **A. Bài kiểm tra Văn**  ***I. Phân tích đề.***  ***II. Nhận xét chung***  1. Ưu điểm:  - Nhìn chung các em đều nắm đ­ược những kiến thức cơ bản.  - Làm tốt phần Đọc - hiểu .  - Biết trình bày bài cảm thụ văn học ngắn: nghị luận về một đoạn thơ.  2. Nhược điểm:  - Một số bài làm còn thiếu ý, nội dung sơ sài.  - Kĩ năng lập luận của nhiều em còn yếu.  - Một số em chư­a biết phân tích dẫn chứng đề làm sáng tỏ vấn đề mà mới chỉ dừng ở mức độ liệt kê dẫn chứng.  **III. Xây dựng đáp án**  (Như tiết KT – 129)  **IV. Chữa lỗi**  - Nội dung sơ sài: Bài của Nguyễn Phương, Nguyễn Dũng, Lê Dũng …  - Sai chính tả, chữ viết thiếu nét: Mai Linh, Thế Anh, Học...  - Diễn đạt yếu: Bài của Cao Đạt, Lê Dũng.  **B. Bài kiểm tra Tiếng Việt**  ***I. Phân tích đề.***  ***II. Nhận xét ưu và nhược điểm.***  1. Ưu điểm:  - Nhìn chung đa số các em nắm đư­ợc kiến thức cơ bản về  - Viết đúng hình thức, cấu trúc đoạn tổng – phân – hợp không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu.  - Viết đúng đề tài, nêu được suy nghĩ của bản thân về việc học theo phong cách Hồ Chí Minh của tuổi trẻ ngày nay.  **2. Nhược điểm:**  - Một số em ch­ưa nắm vững kiến thức về từ loại, kiểu câu.  - Nhiều em biết viết đoạn văn, biết dùng các phép liên kết câu nh­ưng chư­a xác định đ­ợc các phép liên kết câu đã dùng trong đoạn văn (Hà, Trang, Uyên....)  ***III. Xây dựng đáp án***  (Như tiết KT – 158)  ***IV. Chữa lỗi***  - Lỗi về câu  - Lỗi về đoạn văn  - Lỗi liên kết câu  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Trao đổi bài cho bạn, đọc và phát hiện lỗi, sửa lỗi.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Trao đổi bài cho bạn, đọc và phát hiện lỗi, sửa lỗi.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tập làm các bài tập trong sách HD ôn thi vào 10 – phần văn bản nhật dụng, nghị luận.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | Tập làm các bài tập trong sách HD ôn thi vào 10 – phần văn bản nhật dụng, nghị luận.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, phát triển năng lực tự học, sáng tạo |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học sinh chữa lỗi trên bài kiểm tra

- Tiếp tục ôn tập toàn bộ kiến thức Ngữ văn 9, chuẩn bị tiết: Kiểm tra tổng hợp.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**TUẦN 36:**

**TIẾT 171,172: KIỂM TRA TỔNG HỢP**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

- Vận dụng những kiến thức đã học từ HK II trong chương trình Ngữ văn 9 để làm hoàn chỉnh một bài kiểm tra tổng hợp.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức***: Kiến thức tổng hợp của cả 3 phân môn: Tiếng Việt, Tập làm văn, VB đã học ở HK II.

***2.K ĩ năng:*** Rèn kĩ năng khái quát, tổng hợp kiến thức, kĩ năng dùng từ, đặt câu, tạo lập văn bản theo yêu cầu.

***3.Thái độ:***  Có ý thức tự giác, thái độ nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử.

**III. Chuẩn bị:**

- Giáo viên: Đề bài, đáp án, biểu điểm.

- Học sinh: Ôn tập toàn bộ kiến thức Ngữ văn 9.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.***

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

3.1: Phát đề

3.2. Học sinh làm bài.

- Yêu cầu HS làm bài tự giác, nghiêm túc.

**4. Thu bài:**

**-** Giáo viên thu bài đúng giờ. Nhận xét giờ kiểm tra.

**5. HDVN:**

**-** Soạn bài: Luyện tập Ngữ văn địa phương.

**B. MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **BIẾT** | **HIỂU** | **VẬN DỤNG** | **TỔNG SỐ** |
| **Phần I** |  |  |  |  |
| Văn bản Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới | - Thông tin về tác giả.  - Phương thức biểu đạt.  - thái độ của tác giả | - Biện pháp nghệ thuật, tác dụng | - Viết đoạn nêu suy nghĩ về việc chuẩn bị hành trang khi bước vào thế kỉ mới |  |
| Số câu:  Số điểm  Tỉ lệ: | 1  1,0  10% | 1  1,0  10% | 1  2,0  20% | 3  4,0  40% |
| **Phần II** |  |  |  |  |
| 1. Nghị luận về đoạn thơ thứ 1 trong bài "Sang thu" của Hữu Thỉnh. | Thông tin về tác giả , tác phẩm | Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu, tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy | Viết bài nghị luận văn học (ngắn) |  |
| Số câu:  Số điểm  Tỉ lệ: | 1  0,5  0,5% | 1  1,5  15% | 1  4  40% | 3  6  60% |
| Tổng số chung:  Số câu:  Số điểm  Tỉ lệ: | 2  1,5  15% | 2  2,5  25 % | 2  6,0  60% | 6  10,0  100% |

**C. NỘI DUNG ĐỀ**

**Phần I.**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng.”*

(Trích Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

**Câu 1:** Nội dung của đoạn trích trên? Nêu ý hiểu của em về thái độ của tác giả thể hiện trong đoạn trích?

**Câu 2:** Nhận xét về nghệ thuật tiêu biểu của đoạn trích và hiệu quả diễn đạt của nghệ thuật ấy?

**Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn (tối đa 1/2 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về tình trạng *học chay, học vẹt* của học sinh hiện nay.

**Phần II.**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*

(Trích Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, trang 28)

**Câu 1.** Nêu thông tin về tác giả của văn bản chứa đoạn trích trên.

**Câu 2.** Trong câu thơ “*Sương chùng chình qua ngõ/ Hình như thu đã về”*, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả diễn đạt của biện pháp nghệ thuật ấy.

**Câu 3.** Viết bài văn ngắn (khoảng 300 từ) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của bức tranh mùa thu trên làng quê đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam qua khổ thơ trên.

1. **Đáp án, biểu điểm:**

Phần I.

**Câu 1:**  **(1,0 điểm)**

- Nội dung: Cái mạnh và cái yếu của con người Việt Nam

- Thái độ của tác giả: Muốn mọi người không chỉ tự hào về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc mà còn biết băn khoăn lo lắng về những điểm yếu cần khắc phục của con người Việt Nam.

**Câu 2:** **(1.0 điểm)**

**-** Nghệ thuật tiêu biểu:Ngôn ngữ gắn với đời sống, dùng cách nói giản dị, dễ hiểu, sử dụng nghệ thuật tương phản, đối lập, cách lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.

**-** Tác dụng : Giúp người đọc nhận thấy được bên cạnh điểm mạnh còn những điểm yếu cần phải khắc phục của con người Việt Nam, nhất là giới trẻ trong thời đại khoa học công nghệ hiện nay. Việc sử dụng ngôn ngữ, cách nói giản dị dễ hiểu, sử dụng nghệ thuật tương phản, đối lập, cách lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục, tác giả đã chỉ ra nhược điểm của con người một cách rất cụ thể, thiết thực. Từ đó giúp người đọc thấy được việc khắc phục lối học chay học vẹt, lấp đầy lỗ hổng kiến thức là việc cần làm.… Đó là cách nói nhẹ nhàng mà thấm thía…

**Câu 3: (2.0 điểm)**

**\* Yêu cầu hình thức +** HS viếtđúng hình thức đoạn văn nghị luận về *hiện tượng đời sống* có nội dung như yêu cầu, đảm bảo dung lượng (1/2trang giấy thi).

+ Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có sự liên kết giữa các câu trong đoạn, không mắc lỗi chính tả...

**\* Yêu cầu nội dung**

- Chuẩn bị về sức khỏe

- Chuẩn bị về đạo đức

- Kiến thức

- Kĩ năng sống.

**Phần II.**

**Câu 1:**  **(0.5 điểm)** *HS nêu một vài thông tin về tác giả Hữu Thỉnh:*

- Nhà thơ Hữu Thỉnh tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh năm 1942, quê ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Năm 1963, Hữu Thỉnh nhập ngũ, vào binh chủng Tăng – Thiết giáp rồi trở thành cán bộ văn hóa, tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ.  
- Ông đã tham gia Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa III,IV,V.

- Từ năm 2000, Hữu Thỉnh là Tổng thứ kí Hội Nhà văn Việt Nam.

- Là nhà thơ viết nhiều, viết hay về những con người ở nông thôn, về mùa thu. Nhiều vần thơ thu của ông mang cảm xúc bâng khuâng, vấn vương trước đất trời trong trẻo, đang biến chuyển nhẹ nhàng.  
- Một số tác phẩm: Âm vang chiến hào; Đường tới thành phố; Từ chiến hào đến thành phố; Thư mùa đông...

**Câu 2:** **(1.5 điểm)** - Biện pháp nghệ thuật: nhân hóa

- Tác dụng: nghệ thuật nhân hóa cùng từ láy tượng hình “*chùng chình”* diễn tả sương di chuyển chậm chạp, nhẹ nhàng. Sương giăng mắc khắp không giàn làng xóm. Sương như một thiếu nữ duyên dáng , thong thả bước vào ngưỡng cửa mùa thu, rất yểu điệu như đang đợi chờ, đang lưu luyến nửa ở, nửa đi, lưu luyến vấn vương khi đi qua ngõ nhà ai.

**CÂU 3( 4 điểm) Yêu cầu cụ thể:**

**I. Mở bài**

**Nêu chính xác và ngắn gọn**:

- Thông tin về tác giả Hữu Thỉnhvà tác phẩm *“Sang thu”.*

- Nêu cảm nhận khái quát về khổ thơ: Những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về bức tranh giao mùa trong không gian gần và hẹp, tại một vườn tược xóm thôn.(Trích dẫn khổ thơ).

**II. Thân bài:**

*Học sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:*

**a. Vị trí của khổ thơ trong mạch cảm xúc của bài thơ.**

**b. Vẻ đẹp của khổ thơ là vẻ đẹp trong cảm cảm nhận của tác giả trước những tín hiệu báo thu về ở một không gian nhỏ hẹp tại một vườn tược xóm thôn:**

Sang thu ở đây là chớm thu, là thiên nhiên lúc giao mùa, mùa hạ chưa qua mà mùa thu chỉ có những tín hiệu ban đầu. Trước sự thay đổi tinh vi ấy, phải nhạy cảm lắm mới nhận ra được.

***- Với Hữu Thỉnh mùa thu bắt đầu thật giản dị:***

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

+ HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh *hương ổi:* *Hương ổi* là tín hiệu đầu tiên của mùa thu trong cảm nhận của Hữu Thỉnh. Đây cũng là điểm mới đầu tiên khi viết về mùa thu, khác với thơ xưa, nay thường miêu tả tín hiệu của thu về bằng sắc vàng, bằng hương cốm, lá sen hay nồng nàn hương hoa sữa. Hương ổi là một mùi hương của làng quê thôn dã, giản dị, mộc mạc mà thân quen. Đây là lần đầu tiên mùi hương ổi đi vào trong thơ ca ngọt ngào và tự nhiên đến vậy.

+ Học sinh phân tích cái hay của động từ *phả* mà tác giả sử dụng để miêu tả mùi hương ổi: Đây là một động từ mạnh làm cho hương ổi như sánh lại, quyện lại bung tỏa mạnh mẽ vào hơi gió se (làn gió từ lâu được coi là đặc trưng của hồn thu Bắc Bộ) làm cho cái ấm và cái lạnh giao nhau, làm ấm nồng cả không gian cảnh vật.

*-* ***Nếu hai câu đầu diễn tả cảm giác chưa hẳn đủ tin thì hình ảnh “Sương chùng chình qua ngõ” lại càng lung linh huyền ảo***

+ Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh *sương* với nghệ thuật nhân hóa và từ láy *chùng chình*:

- Tác giả sử dụng nghệ thuật nhân hóa và từ láy *chùng chình* vừa diễn tả chính xác đặc trưng của làn sương mùa thu vừa có tác dụng gợi hình và gợi tình. Làn sương mùa thu như một nàng thiếu nữ duyên dáng, yểu điệu thướt tha với tâm trạng ngập ngừng, bịn rịn, bâng khuâng khi bước sang ngưỡng cửa của mùa thu.

+ Bức tranh mùa thu được cảm nhận bằng khứu giác, thị giác và xúc giác, từ những gì vô hình, mờ ảo, nhỏ hẹp và gần.

***- Khổ thơ còn cho ta thấy tâm trạng ngỡ ngàng của nhà thơ khi chợt nhận thu về:***

+ Tâm trạng của nhà thơ được thể hiện qua từ *bỗng* (một thoáng giật mình bối rối), qua từ *hình như* (một chút mơ hồ mong manh, một sự đoán nhận chưa chắc chắn). Mùa thu yên bình đầu tiên đến với người lính vừa bước ra khỏi chiến tranh khiến nhà thơ không khỏi ngỡ ngàng, một sự ngỡ ngàng mà dường như đã đợi từ lâu lắm.

+ Qua đó, người đọc thấy được tình yêu làng quê tha thiết và tâm hồn nhạy cảm của tác giả.

**c. Vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật:** quan sát tinh tế, phát hiện mới lạ, nhân hóa độc đáo…

**III. Kết bài**

- Khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ.

- Bài học liên hệ

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

**TUẦN 37 Tiết 173, 174: THƯ (ĐIỆN) CHÚC MỪNG VÀ THĂM HỎI**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được mục đích đặc điểm, tác dụng và cách viết thư (điện ) chúc mừng, thăm hỏi.

***2. Kĩ năng:***

- Viết thư (điện ) chúc mừng và thăm hỏi.

***3. Thái độ:***

-Biết quan tâm,động viên, chia sẻ tình cảm với những người thân, bạn bè trong những trường hợp cần thiết.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Mục đích, tình huống và cách viết thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.

***2. Kĩ năng:***

- Viết thư (điện ) chúc mừng và thăm hỏi.

***3. Thái độ:***

-Biết quan tâm,động viên, chia sẻ tình cảm với những người thân, bạn bè trong những trường hợp cần thiết.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Năng lực tự giải quyết vấn đề,hợp tác, sáng tạo.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua tìm hiểu ngữ liệu, HS nắm được Nắm được mục đích đặc điểm, tác dụng và cách viết thư (điện ) chúc mừng, thăm hỏi.

*+ Nội dung của hoạt động: Những trường hợp cần viết thư điện chúc mừng/ thăm hỏi; cách viết.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra 15’**

\*Đề bài:

**Câu 1. (2 đ’)** Nêu hiểu biết của em về tác giả Chu Quang Tiềm và xuất xứ của văn bản “Bàn về đọc sách”.

**Câu 2.( 8 đ’)** Từ văn bản “Bàn về đọc sách” của Chu Quang Tiềm, hãy viết một đoạn văn ngắn theo kiểu diễn dịch, trình nêu suy nghĩ của bản thân về tầm quan trọng của việc đọc sách với con người ngày nay.Trong đoạn có sử dụng thành phần khởi ngữ.

Biểu điểm, đáp án:

Câu 1

HS nêu được: Chu Quang Tiềm (1897 – 1986) là nhà mĩ học, nhà lí luận văn học nổi tiếng của Trung Quốc.

Câu 2: HS có thể làm theo các cách khác nhau song cần đảm bảo các ý:

***- Đọc sách là việc làm vô cùng ý nghĩa và quan trọng trên con đường học vấn của mỗi con người.***

-Danh ngôn có câu: “Không có sách thì không có tri thức”, “Sách là người thầy vĩ đại”... Quả đúng như vậy, có lẽ chúng ta đều biết sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần của nhân loại.

- Chúng ta không thể không đọc sách nhất là khi chúng ta đã là những công dân toàn cầu. Sách là công cụ để chúng ta rút ngắn khoảng cách với bạn bè năm châu, để chúng ta học tập và phát huy những tinh hoa của nhân loại.

- Trong học tập cũng như trong cuộc sống hàng ngày, sách giúp chúng ta có kiến thức sâu rộng, giúp chúng ta thông minh hơn, chủ động hơn. Đọc sách sẽ làm tâm hồn thêm trong sáng, bởi sách bồi đắp tâm hồn, dạy ta biết yêu ghét rạch ròi, phân biệt đúng, sai. Sách mang lại niềm vui, cho ta những phút giây thư giãn, thoải mái sau những giờ học và làm việc căng thẳng...

- Trên con đường thành công của mỗi người, việc đọc sách luôn đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Trong thời đại khoa học kĩ thuật triển và công nghệ thông tin bùng nổ như hiện nay, việc đọc sách càng trở nên quan trọng và thuận lợi hơn bao giờ hết. Đọc sách nói chung, việc đọc sách điện tử nói riêng sẽ giúp chúng ta không bị lôi cuốn vào sự tản mạn của các giao tiếp trên mạng xã hội, các tệ nạn xã hội, các trò chơi vô bổ mà sao nhãng việc bồi đắp tri thức, rèn luyện kĩ năng, nhân cách. Tuy nhiên, thực tế cũng còn nhiều bạn trẻ chưa có thói quen đọc sách, cho rằng đọc sách trong thời đại ngày nay là lỗi thời, là lạc hậu. Đó là tư tưởng sai lầm cần phê phán.

- **Đối với mỗi chúng ta** – những học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, chúng ta cần nhận thức rõ vai trò của sách, tầm quan trọng của việc đọc sách. Tự rèn cho mình thói quen và phương pháp đọc sách đúng đắn , đọc có kế hoạch, có phương pháp phù hợp và mục đích kiên định để trang bị cho mình vốn kiến thức uyên thâm.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* Hoạt động 1. Khởi động**  - Thời gian: 2'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài***:  Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta cần phải viết thư, điện chúc mừng tới người thân, bạn bè những khi mình bận việc không đến được mà vẫn bảo đảm biểu thị được đầy đủ, trọn vẹn nội dung chúc mừng. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về việc viết thư (điện) thăm hỏi và chúc mừng | | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\* Hoạt động 2. Hình hành kiến thúc**  - Thời gian:30’  - Mục tiêu: Nắm được mục đích, tình huống và cách viết thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.  - Phương pháp:vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật:Động não, khăn trải bàn. | | | |
| **\* HD tìm hiểu những trường hợp cần viết thư, điện chúc mừng thăm hỏi:**  - Yêu cầu HS đọc các tình huống trong Sgk/202  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm:  ? Những trường hợp cần gửi điện, thư chúc mừng, trường hợp nào cần thăm hỏi?  ? Khi nào thì dùng điện chúc mừng?  ? Khi nào dùng điện thăm hỏi?  **\* Cách viết thư, điện chúc mừng thăm hỏi:**  ? Nội dung thư điện chúc mừng và thăm hỏi khác nhau ở điểm nào?  ? Em có nhận xét gì về độ dài của thư điện mừng, điện thăm hỏi?   * Ngắn gọn…   ? Tình cảm được bộc lộ như thế nào?  - Bộc lộ suy nghĩ cảm xúc đối với tin vui hoặc nỗi buồn bất hạnh, điều không mong muốn của người nhận điện.  ? Lời văn của thư điện chúc mừng và thăm hỏi có gì giống nhau?  - Đều thể hiện tình cảm chân thành của người gửi, giúp người nhận cảm thấy niềm vui được tăng lên hoặc vơi bớt sự lo lắng, có thêm nghị lực vượt qua khó khăn.  ? Hãy cụ thể hóa các nội dung trong mục II bằng các cách diễn đạt khác nhau.  ? Từ VD trên hãy cho biết nội dung chính của thư (điện) chúc mừng, thăm hỏi, cách thức diễn đạt? | | **I.Những trường hợp cần viết thư, điện ...**  - Đọc  - Thảo luận nhóm, trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.    **II.Cách viết thư, điện chúc mừng thăm hỏi**  - HS so sánh.  - Suy nghĩ trả lời.  Suy nghĩ trả lời.  Suy nghĩ trả lời.  - HS tự bộc lộ.  - Rút ra nội dung phần ghi nhớ. | **I. Những trường hợp cần viết thư, điện chúc mừng thăm hỏi.**  - Chúc mừng: a, b  - Thăm hỏi: c, d  + Chúc mừng: Chia vui, biểu dương, khích lệ những thành tích, sự thành đạt.  + Thăm hỏi: Động viên, an ủi để người khác nhận cố gắng vượt qua.  -Dùng thư (điện) khi không đến trực tiếp được.  **II. Cách viết thư, điện chúc mừng, thăm hỏi**  **1. Xét ngữ liệu**  ***\*Ví dụ***: Sgk/ 202, 203  + Giống: - Đều nêu lí do chúc mừng hay thăm hỏi.  - Đều mong người nhận có được điều tốt lành.  - Có tên, địa chỉ người gửi, nhận.  + Khác:  - Chúc mừng: Chia vui.  - Thăm hỏi: Chia buồn, cảm thông…  **2. Bài học: *:***  ***Nội dung thư (điện) cần phải nêu được lí do, lời chúc mừng hoặc lời thăm hỏi và mong muốn người nhận điện sẽ có những điều tốt lành.***  ***-Thư (điện) cần được viết ngắn gọn, súc tích với tình cảm chân thành.*** |
| **\* Hoạt động 3: Luyện tập:**  - Thời gian: 40’  - Mục tiêu: Biết viết thư (điện ) chúc mừng và thăm hỏi.  - Phương pháp: Thực hành làm bài tập.  - Kĩ thuật: Động não. | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS nêu yêu cầu của bài tập 1.  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm(4’)  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét.  ? Chọn tình cần viết thư (điên) chúc mừng, thăm hỏi?  - Học sinh hoạt động độc lập. Mỗi em tự hoàn thành một bức thư (điên) chúc mừng hoặc thăm hỏi. | **II. Luyện tập**  - Xác định yêu cầu của đề.  - Học sinh thảo luận nhóm.  - Đại diện trình bày.  -Nhận xét chéo.  -Nghe, nhận xét.  - Chọn tình huống thích hợp.  - Tự viết thư (điện) chúc mừng,thăm hỏi. | | **II. Luyện tập**  Bài tập 1/204  - Hoàn thành bức điện.  Bài tập 2/ 204  + Những tình huống viết thư điện chúc mừng: a, b, c, e.  + Những tình huống gửi điện thăm hỏi: c.  Bài tập 3:  Hoàn chỉnh bức điện mừng theo mẫu với tình huống tự đề xuất. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Giả định một tình huống và viết thư điện thăm hỏi/ chúc mừng.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Giả định một tình huống và viết thư điện thăm hỏi/ chúc mừng. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ: tham khảo trên mạng In-tơ-nét các bức thư điện, học cách viết, ghi lại vào sổ tay văn học.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | Tham khảo trên mạng In-tơ-nét các bức thư điện, học cách viết. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học ghi nhớ, hoàn thiện các bài tập.

- Xem lại đề kiểm tra học kì, chuẩn bị cho tiết trả bài

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiết 175:** **TRẢ BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức***:

Nhận ra được những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình. Sửa lại những chỗ chưa đạt, củng cố các kiến thức Ngữ văn cơ bản đã học ở học kì II, lớp 9:

- Kiến thức về từ loại, câu, các phép liên kết câu...

- Kiến thức về thể loại, hoàn cảnh sáng tác của các tác phẩm.

- Tư tưởng chủ đề của các văn bản.

- Nghị luận về một bài thơ.

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức***:

- Kiến thức về từ loại, câu, các phép liên kết câu...

- Kiến thức về thể loại, hoàn cảnh sáng tác của các tác phẩm.

- Tư tưởng chủ đề của các văn bản.

- Nghị luận về một bài thơ.

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

*-* Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua tiết trả bài, HS nhận ra được những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình. Sửa lại những chỗ chưa đạt, củng cố các kiến thức Ngữ văn cơ bản đã học ở học kì II, lớp 9.

*+ Nội dung của hoạt động: Phân tích đề, nhậ xét chng, xây dựng đáp án, biểu điểm.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Xem lại đề KT. Xây dựng đáp án.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:**

* KT sự chuẩn bị của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Nêu những kinh nghiệm để làm tốt một tP kiểm tra?  Hi HS thảo luận nhóm theo bàn:  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.  được làm bài kiểm tra tổng hợp Ngữ văn 9. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm được những gì, còn điểu gì chưa hoàn thành hoặc cần tránh. Tất cả những điều trên, chúng ta cùng nhau thực hiện trong giờ học này. | | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
|  | | |  |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 15'  - Mục tiêu: HS nhận thấy những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có hướng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| **\*HD phân tích đề:**  - Cho HS xem lại đề bài.  ? Xác định yêu cầu của đề?  **\* GV nhận xét chung:**  - Nhận xét ưu- nhược điểm trong bài viết của học sinh.  **\* HD xây dựng đáp án, biểu điểm**:  - Giáo viên giúp học sinh xây dựng đáp án, biểu điểm. | **I.Phân tích đề**  - Xác định yêu cầu của đề.  **II. Nhận xét chung:**  - Nghe, rút kinh nghiệm.  **III. Đáp án, biểu điểm**  - Học sinh nắm được biểu điểm để đối chiếu với bài viết để tự đánh giá. | **I. Phân tích đề:**  \* Đề bài: ( Xem lại đề đã phát)  **II. Nhận xét chung**  1. Ưu điểm:  - Phần lớn đều làm tốt phần văn bản nhật dụng – nghị luận.  - Tự luận:  + Nhận diện được biện pháp tu từ.  +Hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật bài thơ Sang thu”, nắm được cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ.  2.Nhược điểm:  - Nhiều bài viết cẩu thả, sai chính tả, gạch xoá nhiều.  - Nhiều bài còn sơ sài, thiếu ý, chưa hoàn chỉnh.  - Một số bài kỹ năng nghị luận còn yếu, chỉ diễn xuôi chứ không bám vào vào từ ngữ, hình ảnh để phân tích.  - Một số bài còn thiếu tính liên kết, rời rạc, lủng củng.  **III. Đáp án, biểu điểm**  **Phần I**.  **Câu 1:**  **(1,0 điểm)**  - Nội dung: Cái mạnh và cái yếu của con người Việt Nam  - Thái độ của tác giả: Muốn mọi người không chỉ tự hào về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc mà còn biết băn khoăn lo lắng về những điểm yếu cần khắc phục của con người Việt Nam.  **Câu 2:** **(1.0 điểm)**  **-** Nghệ thuật tiêu biểu:Ngôn ngữ gắn với đời sống, dùng cách nói giản dị, dễ hiểu, sử dụng nghệ thuật tương phản, đối lập, cách lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.  **-** Tác dụng : Giúp người đọc nhận thấy được bên cạnh điểm mạnh còn những điểm yếu cần phải khắc phục của con người Việt Nam, nhất là giới trẻ trong thời đại khoa học công nghệ hiện nay. Việc sử dụng ngôn ngữ, cách nói giản dị dễ hiểu, sử dụng nghệ thuật tương phản, đối lập, cách lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục, tác giả đã chỉ ra nhược điểm của con người một cách rất cụ thể, thiết thực. Từ đó giúp người đọc thấy được việc khắc phục lối học chay học vẹt, lấp đầy lỗ hổng kiến thức là việc cần làm.… Đó là cách nói nhẹ nhàng mà thấm thía…  **Câu 3: (2.0 điểm)**  **\* Yêu cầu hình thức +** HS viếtđúng hình thức đoạn văn nghị luận về *hiện tượng đời sống* có nội dung như yêu cầu, đảm bảo dung lượng (1/2trang giấy thi).  + Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có sự liên kết giữa các câu trong đoạn, không mắc lỗi chính tả...  **\* Yêu cầu nội dung**  - Chuẩn bị về sức khỏe  - Chuẩn bị về đạo đức  - Kiến thức  - Kĩ năng sống.  **Phần II.**  **Câu 1:**  **(0.5 điểm)** *HS nêu một vài thông tin về tác giả Hữu Thỉnh:*  - Nhà thơ Hữu Thỉnh tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh năm 1942, quê ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.  - Năm 1963, Hữu Thỉnh nhập ngũ, vào binh chủng Tăng – Thiết giáp rồi trở thành cán bộ văn hóa, tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ. - Ông đã tham gia Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa III,IV,V.  - Từ năm 2000, Hữu Thỉnh là Tổng thứ kí Hội Nhà văn Việt Nam.  - Là nhà thơ viết nhiều, viết hay về những con người ở nông thôn, về mùa thu. Nhiều vần thơ thu của ông mang cảm xúc bâng khuâng, vấn vương trước đất trời trong trẻo, đang biến chuyển nhẹ nhàng. - Một số tác phẩm: Âm vang chiến hào; Đường tới thành phố; Từ chiến hào đến thành phố; Thư mùa đông...  **Câu 2:** **(1.5 điểm)** - Biện pháp nghệ thuật: nhân hóa  - Tác dụng: nghệ thuật nhân hóa cùng từ láy tượng hình “*chùng chình”* diễn tả sương di chuyển chậm chạp, nhẹ nhàng. Sương giăng mắc khắp không giàn làng xóm. Sương như một thiếu nữ duyên dáng , thong thả bước vào ngưỡng cửa mùa thu, rất yểu điệu như đang đợi chờ, đang lưu luyến nửa ở, nửa đi, lưu luyến vấn vương khi đi qua ngõ nhà ai.  **CÂU 3( 4 điểm) Yêu cầu cụ thể:**  **I. Mở bài**  **Nêu chính xác và ngắn gọn**:  - Thông tin về tác giả Hữu Thỉnhvà tác phẩm *“Sang thu”.*  - Nêu cảm nhận khái quát về khổ thơ: Những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về bức tranh giao mùa trong không gian gần và hẹp, tại một vườn tược xóm thôn.(Trích dẫn khổ thơ).  **II. Thân bài:**  *Học sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:*  **a. Vị trí của khổ thơ trong mạch cảm xúc của bài thơ.**  **b. Vẻ đẹp của khổ thơ là vẻ đẹp trong cảm cảm nhận của tác giả trước những tín hiệu báo thu về ở một không gian nhỏ hẹp tại một vườn tược xóm thôn:**  Sang thu ở đây là chớm thu, là thiên nhiên lúc giao mùa, mùa hạ chưa qua mà mùa thu chỉ có những tín hiệu ban đầu. Trước sự thay đổi tinh vi ấy, phải nhạy cảm lắm mới nhận ra được.  ***- Với Hữu Thỉnh mùa thu bắt đầu thật giản dị:***  *Bỗng nhận ra hương ổi*  *Phả vào trong gió se*  + HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh *hương ổi:* *Hương ổi* là tín hiệu đầu tiên của mùa thu trong cảm nhận của Hữu Thỉnh. Đây cũng là điểm mới đầu tiên khi viết về mùa thu, khác với thơ xưa, nay thường miêu tả tín hiệu của thu về bằng sắc vàng, bằng hương cốm, lá sen hay nồng nàn hương hoa sữa. Hương ổi là một mùi hương của làng quê thôn dã, giản dị, mộc mạc mà thân quen. Đây là lần đầu tiên mùi hương ổi đi vào trong thơ ca ngọt ngào và tự nhiên đến vậy.  + Học sinh phân tích cái hay của động từ *phả* mà tác giả sử dụng để miêu tả mùi hương ổi: Đây là một động từ mạnh làm cho hương ổi như sánh lại, quyện lại bung tỏa mạnh mẽ vào hơi gió se (làn gió từ lâu được coi là đặc trưng của hồn thu Bắc Bộ) làm cho cái ấm và cái lạnh giao nhau, làm ấm nồng cả không gian cảnh vật.  *-* ***Nếu hai câu đầu diễn tả cảm giác chưa hẳn đủ tin thì hình ảnh “Sương chùng chình qua ngõ” lại càng lung linh huyền ảo***  + Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh *sương* với nghệ thuật nhân hóa và từ láy *chùng chình*:  - Tác giả sử dụng nghệ thuật nhân hóa và từ láy *chùng chình* vừa diễn tả chính xác đặc trưng của làn sương mùa thu vừa có tác dụng gợi hình và gợi tình. Làn sương mùa thu như một nàng thiếu nữ duyên dáng, yểu điệu thướt tha với tâm trạng ngập ngừng, bịn rịn, bâng khuâng khi bước sang ngưỡng cửa của mùa thu.  + Bức tranh mùa thu được cảm nhận bằng khứu giác, thị giác và xúc giác, từ những gì vô hình, mờ ảo, nhỏ hẹp và gần.  ***- Khổ thơ còn cho ta thấy tâm trạng ngỡ ngàng của nhà thơ khi chợt nhận thu về:***  + Tâm trạng của nhà thơ được thể hiện qua từ *bỗng* (một thoáng giật mình bối rối), qua từ *hình như* (một chút mơ hồ mong manh, một sự đoán nhận chưa chắc chắn). Mùa thu yên bình đầu tiên đến với người lính vừa bước ra khỏi chiến tranh khiến nhà thơ không khỏi ngỡ ngàng, một sự ngỡ ngàng mà dường như đã đợi từ lâu lắm.  + Qua đó, người đọc thấy được tình yêu làng quê tha thiết và tâm hồn nhạy cảm của tác giả.  **c. Vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật:** quan sát tinh tế, phát hiện mới lạ, nhân hóa độc đáo…  **III. Kết bài**  - Khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ.  - Bài học liên hệ | | |
| **\* Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố:**  - Thời gian: 16'  - Mục tiêu: Biết phát hiện và sửa lỗi cho bài viết của mình và của bạn.  - Phương pháp: Vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | | |
| **\* HD chữa lỗi:**  - Cho HS đọc một số đoạn văn trong bài của mắc lỗi.  - Cần sửa lại đoạn văn đó như thế nào?  -Nhận xét, uốn nắn  **\* GV trả bài:**  - Giáo viên cho học sinh đọc, nhận xét, so sánh với bài của bạn. | **IV. Chữa lỗi**  - Đọc và nhận xét bài của bạn.  - Đề xuất phương án chữa  -Nghe,học tập.  **V.Trả bài**  - Đọc lại, sửa lỗi .  - Trao đổi, rút kinh nghiệm. | **IV. Chữa lỗi**  + Lỗi về nội dung: Hiểu vấn đề chưa sâu sắc, chưa biết nghị luận về thơ, mới chỉ diễn xuôi nội dung bài thơ ( Thế Anh, Nguyễn Dũng, Lê Dũng…)  + Lỗi diễn đạt: Lủng củng (Nguyễn Phương, Mạc Phương, Nghĩa, Nguyên…)  + Sai chính tả: ( Hoàng Linh, Tú, Hiệu, Học...)  **V. Trả bài**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm | Dưới 5 | 5->7 | 8->10 | Trên  TB | | Số bài  % |  |  |  | 100% |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Chữa lỗi cụ thể trên bài làm của mình.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Chữa lỗi cụ thể trên bài làm của mình.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, giao tiếp tiếng Việt, | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Trao đổi với người thân, bạn bè, làm các bài tập theo sách HD ôn thi vào 10.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Chia sẻ , lưu sản phẩm. | Trao đổi với người thân, bạn bè, làm các bài tập theo sách HD ôn thi vào 10.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học, hợp tác, sáng tạo , cảm thụ thẩm mĩ. | | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chữa lỗi cụ thể trên bài làm của mình. Ôn tập toàn bộ kiến thức Ngữ văn trong chương trình THCS để chuẩn bị cho kì thi vào 10.

\***Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Định nghĩa** | **Các văn bản được học** |
| Truyện | - Truyền thuyết: kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng, kỳ ảo. Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân vật về sự kiện và nhân vật lịch sử được kể | Con rồng cháu Tiên  Bánh trưng, bánh giầy  Thánh gióng  Sơn Tinh, Thuỷ Tinh  Sự tích Hồ Gươm |
| Cổ tích: kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc (bất hạnh, dũng sĩ, tài năng, thông minh và ngốc nghếch, là động vật có yếu tố hoang đường, thể hiện mơ ước, niềm tin chiến thắng....) | Sọ Dừa  Thạch Sanh  Em bé thông minh |
| Ngụ ngôn: Mượn chuyện về vật, đồ vật (hay chính con người) để nói bóng gió, kín đáo chuyện vè con người để khuyên nhủ răn dạy một bài học nào đó. | Ếch ngồi đáy giếng  Thầy bói xem voi  Đeo nhạc cho mèo  Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng |
| Truyện cười: kể về những hiện đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười vui hay phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội | Treo biển  Lợn cưới, áo mới |
| Ca dao – dân ca | Chỉ các thể loại trữ tình dân gian, kết hơp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người | Những câu hát về tình cảm gia đình  Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người.  - Những câu hát than  - Những câu hát châm biếm |
| Tục ngữ | Là những câu nói giân gian ngắn gọn, ổn định có nhịp điệu, hình ảnh thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động, xã hội ...) được vận dụng vào đời sống, suy nghĩ về lời ăn tiếng nói hằng ngày. | Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất.  Tục ngữ về con người xã hội |
| Sân khấu  (chèo) | Là loại kịch hát, múa dân gian, kể chuyện diễn tích bằng hình thức sân khấu (diễn ở sân đình gọi là chèo sân đình) Phổ biến ở Bắc Bộ | Quan Âm Thị Kính |

**Hoạt động 2: Tổng kết văn học trung đại:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | Tên văn bản | Thời gian | Tác giả | Những nét chính về nội dung và nghệ thuật |
| Truyện | *1. Con hổ có nghĩa* | (NXB GD -1997) | Vũ Trinh | Mượn truyện loài vật để nói chuyện con người, đề cao ân nghĩa trọng đạo làm người |
| *2. Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng* | Đầu thế kỷ XV | Hồ Nguyên Trừng | Ca ngợi phẩm chất cao quý của vị thái y lệnh họ Phạm: tài chữa bệnh và lòng thương yêu con người, không sợ quyền uy. |
| *3. Chuyện người con gái Nam Xương (trích Truyền kỳ mạn lục)* | Thế kỷ XVI | Nguyễn Dữ | Thông cảm với số phận oan nghiệp và vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ. Nghệ thuật kể truyện, miêu tả nhân vật. |
| *4. Chuyện trong phủ chúa (trích Vũ trung tuỳ bút)* | Đầu thế kỷ XIX | Phạm Đình Hổ | Phê phán thói ăn chơi của vua chúa, quan lại qua lối ghi chép sự việc cụ thể, chân thực, sinh động. |
| *5. Hoàng Lê Nhất thống trí (trích)* | Đầu thế kỷ XIX | Ngô Gia Văn Phái | Ca ngợi chiến công của Nguyễn Huệ, sự thất bại của quân Thanh.  Nghệ thuật viết tiểu thuyết chương hồi kết hợp với tự sự miêu tả |
| Thơ | *Sông núi nước Nam* | 1077 | Lý Thường Kiệt | Tự hào dân tộc, ý chí quyết chiến quyết thắng với giọng văn hào hùng |
| *Phò giá về kinh* | 1285 | Trần Quang Khải | Ca ngợi chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và bài học về thái bình sẽ giữ cho đất nước vạn cổ. |
| *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường* | Cuối thế kỷ XIII | Trần Nhân Tông | Sự gắn bó với thiên nhiên và cuộc sống của một vùng quê yên tĩnh mà không đìu hiu. Nghệ thuật tả cảnh tinh tế. |
| *Bài ca Côn Sơn* | Trước 1442 | Nguyễn Trãi | Sự giao hoà giữa thiên nhiên với một tâm hồn nhạy cảm và nhân cách thanh cao. Nghệ thuật tả cảnh, so sánh đặc sắc. |
| *Sau phút chia ly (trích Trinh phụ ngâm khúc)* | Đầu thế kỷ XVIII | Đặng Trần Côn (Đoàn Thị Điểm dịch) | Nỗi sầu của người vợ, tố cáo chiến tranh phi nghĩa.  Cách dùng điệp từ tài chính |
|  | Đầu thế kỷ XVIII | Hồ Xuân Hương | Trân trọng vẻ đẹp trong trắng của người phụ nữ và ngậm ngùi cho thân phận mình. Sử dụng có hiệu quả hình ảnh so sánh ẩn dụ |
| *Qua đèo ngang* | Thế kỷ XIX | Bà Huyện Thanh Quan | Vẻ đẹp cổ điển của bức tranh về Đèo Ngang và một tâm sự yêu nước qua lời thơ trang trọng, hoàn chỉnh của để Đường luật |
| *Bạn đến chơi nhà* | Cuối XVIII đầu XIX | Nguyễn Khuyến | Tình cảm bạn bè chân thật, sâu sắc, hóm hỉnh và một hình ảnh thơ giản dị, linh hoạt. |
| Truyện thơ | *Truyện Kiều (trích)*  *- Chị em Thuý Kiều*  *- Kiều ở lầu Ngưng Bích* | Đầu thế kỷ XIX | Nguyễn Du | - Cách miêu tả vẻ đẹp và tài hoa của chị em Thuý Kiều  - Cảnh đẹp ngày xuân cổ điển, trong sáng  - Tâm trạng và nỗi nhớ của Thuý Kiều với lối dùng điệp từ. |
| *- Mã Giám Sinh mua Kiều*  *- Thuý Kiều báo ân báo oán* |  |  | - Phê phán, vạch trần bản chất Mã Giám Sinh và nói lên nỗi nhớ của nàng Kiều.  - Kiều báo ân báo oán với giấc mơ thực hiện công lí quan đoạn trích kết hợp miêu tả với bình luận. |
| *Truyện Lục VânTiên (trích)*  *-Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* | Giữa thế kỷ XIX | Nguyễn Đình Chiểu | - Vẻ đẹp của sức mạnh nhân nghĩa của người anh hùng qua giọng văn và cách biểu cảm của tác giả.  - Nỗi khổ của người anh hùng gặp nạn và bản chất của bọn vô nhân đạo |
| Nghị luận | *Chiếu dời đô* | 1010 | Lý Công Uẩn | Lý do dời đô và nguỵên vọng giữa ước muôn đời bền vững và phồn thịnh lập luận chặt chẽ. |
|  | *Hịch tướng sĩ* | Trước 1285 | Trần Quốc Toản | Trách nhiệm đối với đất nước và lời kêu gọi thống thiết đối với tướng sĩ. Lập luận chặt chẽ, luận cứ xác đáng, giàu sức thuyết phục. |
|  | *Nước Đại Việt ta (trích Bình Ngô Đại cáo)* | 1428 | Nguyễn Trãi | Tự hào dân tộc, niềm tin chiến thắng, luận cứ rõ ràng, hấp dẫn |
|  | *Bàn luận phép học* | 1791 | Nguyễn Thiệp | Học để có tri thức, để phục vụ đất nước chứ không phải cầu danh Lập luận chặt chẽ, thuyết phục. |

**Hoạt động 3: Tổng kết văn học hiện đại**

GV cho hs đọc yêu cầu bài tập 4, hướng dẫn hs tổng kết như 2 nội dung trên (kẻ bảng, điền nội dung).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | Tên văn bản | Thời gian | Tác giả | Những nét chính về nội dung và nghệ thuật |
| Truyện ký | *Sống chết mặc bay* | 1918 | Phạm Duy Tốn | Tố cáo tên quan phủ vô nhân đạo. Thông cảm với nỗi khổ của nhân dân, nghệ thuật miêu tả tương phản, đối lập và tăng cấp |
| *Những trò lố hay là Va – ren và Phan Bội Châu* | 1925 | Nguyễn Ái Quốc | Đối lập 2 nhân vật: Va ren – gian trá, lố bịch; Phan Bội Châu – kiên cường bất khuất. Giọng văn sắc sảo, hóm hỉnh. |
| *Tức nước vỡ bờ (trích Tắt đèn)* | 1939 | Ngô Tất Tố | Tố cáo xã hội phong kiến, tàn bạo, thông cảm nỗi khổ của người nông dân, vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông thôn. Nghệ thuật miêu tả nhân vật... |
| *Trong lòng mẹ (trích những ngày thơ ấu)* | 1940 | Nguyên Hồng | Những cay đắng tủi nhục và tình yêu thương người mẹ của tác giả thời thơ ấu. Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật |
| *Tôi đi học* | 1941 | Thanh Tịnh | Kỷ niệm ngày đầu đi học Nghệ thuật tự sự xem miêu tả và biểu cảm |
| *Bài học đường đời đầu tiên (trích Dế mèn phiêu lưu ký)* | 1941 | Tô Hoài | Vẻ đẹp cường tráng, tính nết kiêu căng và nỗi hối hận của Dế Mèn khi gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt. Nghệ thuật nhân hoá, kể chuyện hấp dẫn |
| *Lão Hạc* | 1943 | Nam Cao | Số phận đau thương và vẻ đẹp tâm hồn của Lão Hạc, sự thông cảm sâu sắc của tác giả. Cách miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể chuyện hấp dẫn. |
| *Làng* | 1948 | Kim Lân | Tình yêu quê hương đất nước Cà Mau rộng lớn, hùng vĩ đầy sức sống hoang dã. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên qua cảm nhận tinh tế của tác giả. |
| *Sông nước Cà Mau* | 1957 | Đoàn Giỏi | Chợ Năm Căn, cảnh sông nước Cà Mau rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên qua cảm nhận tinh tế của tác giả |
| *Chiếc lược ngà* | 1956 | Nguyễn Quang Sáng | Tình cảm cha con sâu đậm, đẹp đẽ trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Cách kể chuyện hấp dẫn, kết hợp với miêu tả và bình luận |
| *Lặng lẽ Sa Pa* | 1970 | Nguyễn Thành Long | Vẻ đẹp của người thanh niên với công việc thầm lặng. Tình huống truyện hợp lý, kể chuyện tự nhiên. Kết hợp tự sự với tình cảm và bình luận. |
| *Những ngôi sao xa xôi* | 1971 | Lê Minh Khuê | Vẻ đẹp tâm hồn và tính cách của những cô gái thanh niên xung phong trên đường Trường Sơn. Nghệ thuật kể truyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung, miêu tả tâm lý nhân vật. |
| *Vượt thác*  *(trích Quê nội)* | 1974 | Võ Quang | Vẻ đẹp thơ mộng, hùng vĩ của thiên nhiêm và vẻ đẹp sức mạnh cỉa con người trước thiên nhiên.Tự sự kết hợp với trữ tình |
| *Lao xao (trích tuổi thơ im lặng)* | 1985 | Duy Khánh | Bức tranh cụ thể, sinh động về thế giới loài chim ở một vùng quê. Cách quan sát miêu tả tinh tế |
| *Bến quê* | 1985 | Nguyễn Minh Châu | Trân trọng những vẻ đẹp giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương. Tình huống truyện giàu tính biểu tượng, tâm lý nhân vật |
| *Cuộc chia tay của những con búp bê* | 1992 | Khánh Hoài | Thông cảm với những em bé trong gia đình bất hạnh. Nghệ thuật miêu tả nhân vật, kể truyện hấp dẫn. |
| *Bức tranh của em gái tôi* | 1990 | Tạ Duy Anh | Tâm hồn trong sáng, nhân hậu của người em đã giúp anh nhận ra phần hạn chế của chính mình. Cách kể chuyện theo ngôi thứ 1 và miêu tả tinh tế tâm lý nhân vật |
| Tuỳ bút | *Một món quà của lúa non: cốm* | 1943 | Thạc Lam | Thứ quà riêng biệt, nét đẹp văn hoá. Cảm giác tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc. |
| *Cây tre Việt Nam* | 1955 | Thép Mới | Qua hình ảnh ẩn dụ, ca ngợi cây tre (con người Việt Nam) anh dùng trong lao động và chiến đấu, thuỷ chung chịu đựng gian khổ hy sinh |
| *Mùa xuân tôi* | Trước 1975 | Vũ Bằng | Nỗi nhớ Hà Nội da diết của người xa quê, bộc lộ tình yêu quê hương đất nước. Tâm hồn tinh tế nhạy cảm và ngòi bút tài hoa. |
| *Cô Tôi* |  | Nguyễn Tuân | Cảnh đẹp thiên nhiên và vẻ đẹp của con người vùng đảo Cô Tô. Ngòi bút điêu luyện, tinh tế của tác giả |
| *Sài Gòn tôi yêu* |  | Minh Hương | Sức hấp dẫn của thiên nhiên, khí hậu Sài Gòn. Con người Sài Gòn cởi mở, chân tình, trọng đạo nghĩa. Cách cảm nhận tinh tế, ngôn ngữ giàu sức biến cảm. |
| Thơ | *Cảm giác vào nhà ngục Quảng Đông* |  | Phan Bội Châu | Phong thái ung dung , khí phách kiên cường của người chiến sĩ yêu nước vượt lên cảnh tù ngục. Giọng thơ hào hùng, có sức lôi cuốn |
| *Đập đá ở Côn Lôn* |  | Phan Chu Trinh | Hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp gian nguy. Bút pháp lãng mạm, giọng thơ hào hùng |
| *Muốn làm thằng cuội* |  | Tản Đà | Bất hoà với thực tại tầm thường muốn lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng. Hồn thơ lãn mạn pha chút ngông nghênh |
| *Hai chữ nước nhà* |  | Trần Tuấn Khải | Mượn câu chuyện lịch sử để bộc lộ cảm xúc và khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước của đồng bào. Thể thơ phù hợp, giọng thơ chữ tình thống thiết. |
| *Quê hương* | 1939 | Tế Hanh | Bức tranh tươi sáng, sinh động về vùng quê. Những con người lao động khoẻ mạnh đầy sức sống. Lời thơ bình dị, gợi cảm, thiết tha. |
| *Khi con tu hú* | 1939 | Tố Hữu | Lòng yêu cuộc sống nỗi kháo khát tự do của người chiến sĩ giữa chốn lao tù. Thể thơ lục bát giản dị thiết tha |
| *Tức cảnh Pắc Bó* | 1941 | Hồ Chí Minh | Vẻ đẹp hùng vĩ của Pắc Bó, niềm tin sâu sắc của Bác vào sự nghiệp cứu nước. Lòng giản dị, trong sáng mà sâu sắc |
| *Ngắm trăng* | 1942 | Hồ Chí Minh | Tình yêu thiên nhiên tha thiết giữa chốn tù ngục và lòng lạc quan cách mạng. Bài thơ sử dụng biện pháp nhân hoá rất linh hoạt, tài tình |
| *Đi đường* | 1943 | Hồ Chí Minh | Nỗi gian khổ khi bị giải đi và vẻ đẹp thiên nhiên trên đường. Lời thơ giản dị mà sâu sắc. |
| *Nhớ rừng (thi nhân Việt Nam)* | 1943 | Thế Lữ | Mượn lời con hổ bị nhốt để diễn tả nỗi chán ghét thực tại tầm thường, khao khát tự do mãnh liệt. Chất lãng mạn tràn đầy cảm xúc trong bài thơ. |
| *Ông đồ (thi nhân Việt Nam)* | 1943 | Vũ Đình Liên | Thương cảm với ông đồ với lớp người "đang tàn tạ" lời thơ giản dị mà sâu sắc, gợi cảm. |
| *Cảnh khuya* | 1948 | Hồ Chí Minh | Cảnh đẹp thiên nhiên, nỗi lo vận nước. Hình ảnh thơ sinh động, cách so sánh độc đáo |
| *Rằm tháng giêng* | 1948 | Hồ Chí Minh | Cảnh đẹp đêm rằm tháng giêng ở Việt Bắc, cuộc sống chiến đấu của Bác, niềm tin yêu cuộc sống. Bút pháp cổ điển và hiện đại |
| *Đồng chí* | 1948 | Chính Hữu | Tình đồng chí tạo nên sức mạnh đoàn kết, yêu thương, chiến đấu. Lời thơ giản dị, hình ảnh chân thực |
| *Lượm* | 1949 | Tố Hữu | Vẻ đẹp hồn nhiên của Lượm trong việc tham gia chiến đấu giải phóng quê hương. Sự hi sinh anh dũng của Lượm, Thơ tự sự kết hợp trữ tình |
| *Đêm nay Bác không ngủ* | 1951 | Minh Huệ | Hình ảnh Bác Hồ không ngủ, lo cho bộ đội và nhân dân. Niềm vui của người đội viên trong đêm không ngủ cùng Bác. Lời thơ giản dị, sâu sắc. |
| *Đoàn thuyền đánh cá* | 1958 | Huy Cận | Cảnh đẹp thiên nhiên và niềm vui của người trong lao động trên biển. Bài thơ giàu hình ảnh sáng tạo. |
| *Con cò* | 1962 | Chế Lan Viên | Ca ngợi tình cảm mẹ con và ý nghĩa lời ru đối với cuộc sống con người. Vận dụng sáng tạo ca dao, nhiều câu thơ đúc kết những suy ngẫm sâu sắc. |
| *Bếp lửa* | 1963 | Bằng Việt | Những kỷ niệm tuổi thơ về người bà, bếp lửa và nỗi nhớ quê hương da diết. Hình ảnh thơ chân thực giàu sức biểu cảm. |
| *Mưa* | 1967 | Trần Đăng Khoa | Cảnh vật thiên nhiên trong cơn mưa rào ở làng quê Việt Nam. Thể thơ tự do, nhịp nhàng, mạnh, óc quan sát tinh tế, ngôn ngữ phóng khoáng |
| *Tiếng gà trưa* | 1968 | Quân Quỳnh | Những kỷ niệm của người lính trên đường ra trận và sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Cách sử dụng điệp ngữ "tiếng gà trưa" và ngôn ngữ tự nhiên. |
| *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* | 1969 | Phạm Tiến Duật | Những kỷ niện của người lính trên đường ra trận và sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Cách sử dụng điệp ngữ tự nhiên. |
| *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* | 1971 | Nguyễn Khoa Điềm | Tình yêu con gắn với tình yêu quê hương đất nước và tinh thần chiến đấu của người mẹ Tà - Ôi. Giọng thơ ngọt ngào, trìu mến, giàu nhạc tính |
| *Viếng Lăng Bác* | 1976 | Viễn Phương | Tình cảm nhớ thương, kính yêu, tự hào về Bác. Lời thơ tha thiết, ân tình, giàu nhạc tính |
| *Ánh trăng* | 1978 | Nguyễn Duy | Nhắc nhở về những năm tháng gian lao của người lính, nhắc nhở thái độ sống uống nước nhớ nguồn. Giọng thơ tâm tình, tự nhiên, hình ảnh giàu sức biểu cảm |
| *Mùa xuân nho nhỏ* | 1980 | Thanh Hải | Tình yêu và gắn bó với mùa xuân, với thiên nhiên. Tự nguyện làm mùa xuân nhỏ dâng hiến cho đời. Thể thơ 5 chữ quen thuộc, ngôn ngữ giàu sức truyền cảm. |
| *Nói với con (thơ Việt Nam)* | 1945-1984 | Y Phương | Tình cảm gia đình ấm cúng, truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương, dân tộc. Từ ngữ, hình ảnh giầu sức gợi cảm. |
| *Sang thu* | 1948 | Hữu Thỉnh | Sự chuyển biến nhẹ nhàng từ hạ sang thu qua sự cảm nhận tinh tế, qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm |
| Nghị luận | *Thuế máu (trích bản án chế độ thực dân Pháp)* | 1925 | Nguyễn Ái Quốc | Tố cáo thực dân đã biến người nghèo ở các nước thuộc địa thành vật hi sinh cho các cuộc chiến tranh tàn khốc. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực. |
| *Tiếng nói của văn nghệ* | 1948 | Nguyễn Đình Thi | Văn nghệ là sợi dây đồng cảm kỳ diệu. Văn nghệ giúp con người sống phong phú và tự hoàn thiện nhân cách. Bài văn có lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh và cảm xúc |
| *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* | 1951 | Hồ Chí Minh | Khẳng định, ca ngợi tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  Lập luận chặt chẽ, giọng văn tha thiết, sôi nổi thuyết phục |
| *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* | 1967 | Đặng Thai Mai | Tự hào về sự giàu đẹp của tiếng Việt trên nhiều phương diện, biểu hiện của sức sống dân tộc.  Lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục cao |
| *Đức tính giản dị của Bác Hồ* | 1970 | Phạm Văn Đồng | Giản dị là đức tính nổi bật của Bác Hồ trong đời sống, trong các bài viết. Nhưng có sự hài hoà với đời sống tinh thần phong phú, cao đẹp. Lời văn tha thiết, có sức thuyết phục |
| *Phong cách Hồ Chí Minh* | 1990 | Lê Anh Trà | Sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loịa, giữa thanh cao và giản dị. Đó là phong cách Hồ Chí Minh. |
| *ý nghĩa văn chương* | NXB 1998 | Hoài Thanh | Nguồn gốc của văn chương là vị tha, văn chương là hình ảnh của cuộc sống phong phú. Lối văn nghị luận chặt chẽ, có sức thuyết phục |
| *Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới* | 2001 | Vũ Khoan | Chỗ mạnh và chỗ yếu của tuổi trẻ Việt Nam. Những yêu cầu khắc phục cái yếu để bước vào thế kỷ mới. Lời văn hùng hồn thuyết phục |
| Kịch | *Bắc Sơn* | 1946 | Nguyễn Huy Tưởng | Phản ánh mâu thuẫn giữa cách mạng và kẻ thù chung của cách mạng. Thể hiện diễn biến nội tâm nhân vật Thơm. Nghệ thuật thể hiện tình huống và mâu thuẫn |
| *Tôi và chúng ta* | NXB sân khấu 1994 | Lưu Quang Vũ | Quá trình đấu tranh của những người dám nghĩ, dám làm, có trí tuệ và bản lĩnh để phá bỏ cách nghĩ lề lối làm việc cũ. |

=====================

**\* Hoạt động 6: HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM: CON CÒ ( 5’)**

**I.Mức độ cần đạt:**

- Hiểu và cảm nhận được giá trị nghệ thuật độc đáo, nội dung sâu sắc của văn bản.

**II. Trọng tâm:**

**1. Kiến thức:**

- Vẻ đẹp và ý nghĩa của hình tượng con cò trong bài thơ được phát triển từ những câu hát ru xưa để ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng và những lời hát ru ngọt ngào.

- Tác dụng của việc vận dụng ca dao một cách sáng tạo trong bài thơ.

**2. Kĩ năng:**

- Tự nghiên cứu, đọc – hiểu một văn bản thơ trữ tình.

- Cảm thụ những hình tượng thơ được sáng tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng.

**II - Chuẩn bị**

- Chuẩn bị của thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- Chuẩn bị của trò: Đọc trước bài, trả lời câu hỏi/sgk.

**III. Hướng dẫn đọc thêm:**

- Yêu cầu HS về nhà tự đọc, nghiên cứu sgk, tài liệu tham khảo để nắm được các nét chính về tác giả, nội dung, nghệ thuật của văn bản:

***\* Về tác giả:***

- Chế Lan Viên (1920-1989) - Tên là Phan Ngọc Hoan, quê ở Quảng Trị, lớn lên ở Bình Định. Là nhà thơ xuất sắc của nền thơ hiện đại Việt Nam. Trước cách mạng tháng Tám, là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào thơ mới qua tập thơ “Điêu tàn” (1937)

- Phong cách nghệ thuật rõ nét độc đáo: suy tưởng, triết lí, đậm chất trí tuệ và tính hiện đại. Trong đó chất suy tưởng, triết lí là nét độc đáo trong thơ Chế Lan Viên thể hiện qua chủ đề Tố Quốc, nhân dân và Cách mạng.

***\* Về nội dung bài thơ:***

-Bài thơ ca ngợi tình mẹ. Khẳng định ý nghĩa của lời ru.

- Bài thơ là những lời hát ru được chia thành 3 khúc. Nội dung chính của mỗi khác ru là:

+ Đoạn 1:  ***Hình ảnh con cò qua những lời ru của tuổi ấu thơ.***

- Giọng thơ thiết tha, êm ái, vận dụng ca dao một cách sáng tạo.

- Hình ảnh con cò đến với tâm hồn ấu thơ một cách vô thức, nuôi dưỡng tâm hồn của bé bằng những âm điệu dịu dàng, ngân nga của tình mẹ.

- Bằng những câu cảm thán, biện pháp nhân hóa, so sánh, nhịp 2/2… tác giả làm cho ý thơ càng thêm sâu sắc.

=> Khẳng định cuộc sống của con yên bình, được che chở trong vòng tay yêu thương của mẹ qua âm điệu ngọt ngào của lời ru.

+ Đoạn 2: ***Hình ảnh con cò trên suốt chặng đường đời.***

- Cánh cò trở thành bạn đồng hành của con người trên suốt đường đời từ ấu thơ đến khi trưởng thành.

- Hình ảnh con cò có ý nghĩa biểu tượng về lòng mẹ, về sự dìu dắt, nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ: Từ giấc ngủ trong nôi đến tuổi đến trường, lúc trư­ởng thành.

+ Đoạn 3: **Suy ngẫm của tác giả**

- Con cò biểu tượng cho tấm lòng mẹ lúc nào cũng ở bên con.

- Sự suy t­ưởng thành quy luật mang ý nghĩa triết lí về sự bền chặt vĩnh hằng của tình mẹ.(Tình yêu của mẹ dành cho con là bất tử)

***\* Về nghệ thuật của bài thơ:***

- Thể thơ tự do đ bộc lộ cảm xúc 1 cách linh hoạt nhiều chỗ lặp lại đ gợi âm điệu lời ru. Giọng thơ êm ái, đều đặn nhẹ nhàng mà thấm thía.

- Sáng tạo hình ảnh quen thuộc cụ thể như­ng đầy ý nghĩa biểu tượng và chất chứa giá trị biểu.

**\* HDVN: 2’**

**-** Học thuộc 2 bài thơ, nắm vững giá trị nội dung, nghệ thuật của bài.

- chuẩn bị bài: Nghị luận về một bài thơ (đoạn thơ)

**Ngày soạn: 26.3.2013**

**Ngày dạy: .3.2013**

**Lớp: 9A**

**Tiết 150: KIỂM TRA VĂN ( PHẦN TRUYỆN)**

**I.Mức độ cần đạt:**

- Học sinh nắm vững các tác phẩm, đoạn trích truyện hiện đại đã họctrong chương trình ngữ văn 9, làm tốt bài kiểm tra trên lớp. Có kĩ năng cảm thụ về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

**II. Trọng tâm:**

**1. Kiến thức:**

- Kiến thức về thể loại, hoàn cảnh sáng tác của các tác phẩm.

- Tư tưởng chủ đề của các tác phẩm thơ hiện đại.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng khái quát hoá kiến thức, kĩ năng nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, tinh thần cống hiến, hi sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Trung thực, tự giác, trong khi kiểm tra.

**III. Chuẩn bị:**

- Giáo viên: Ra đề, biểu điểm, đáp án.

- Học sinh: Ôn tập kiến thức phần truyện hiện đại.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

**\* Hoạt động 1**: Phát đề

***Đề bài:***

**I. Trắc nghiệm ( 2 điểm)**

***Ghi lại chỉ một chữ cái trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất.***

**Câu 1.** Nhân vật Nhĩ trong Truyện ngắn “*Bến quê”* là loại nhân vật nào ?

A. Nhân vật hình tượng. B. Nhân vật tư tưởng. C. Cả hai ý A và B.

**Câu 2.**Nghệ thuật đặc sắc của truyện ngắn “*Bến quê*” là gì ?

A. Tác giả tập trung miêu tả thế giới nội tâm của nhân vật và tạo ra một điểm nhìn phù hợp để miêu tả.

B. Nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế, nhiều hình ảnh giàu tính biểu tượng, cách xây dựng tình huống, trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật.

C. Tạo tình huống nghịch lí, khắc hoạ nhân vật tài tình, cách dẫn truyện tự nhiên hấp dẫn, câu văn giản dị mà đậm đà, mang hơi thở của đời sống.

D. Miêu tả sắc nét diễn biến tâm trạng của nhân vật chính trong truyện. Nội dung truyện cô đọng, sâu sắc.

**Câu 3.**Ý nào là thông điệp phù hợp nhất mà truyện “ *Bến quê*” gửi đến người đọc ?

A. Trước khi xa quê, hãy biết sống gần với quê hương của mình.

B. Quê hương, gia đình luôn là nơi nương tựa trong những ngày cuối đời...

C.Hãy trân trọng những vẻ đẹp, những giá trị bình dị gần gũi của cuộc sống quê hương.

D. Con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái vòng vèo hoặc chùng chình.

**Câu 4.**Thời kì nào, Nguyễn Minh Châu nghĩ và viết nhiều về đời thường về số phận và phẩm cách con người trong sự phức tạp của xã hội đổi mới ?

A. Trước 1954. B. Từ 1954 - 1975. C. Từ 1972 - 1975. D. Sau 1980.

**Câu 5.**Nối A với B cho phù hợp :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. Hình ảnh mang tính biểu tượng** | | | **B. Biểu tượng** | | |
| a) Bức tranh thiên nhiên: Bãi sông màu vàng thau xen màu xanh non, con thuyền, cánh buồm, những người dân ở ven sông. | | | 1. Biểu tượng cho tình quê thân thương, trĩu nặng. | | |
| b)Người vợ (Liên), lũ trẻ, cụ giáo Khuyến… | | | 2. Biểu tượng cho sự sống của Nhĩ đang ở vào những ngày cuối cùng. | | |
| c) Những bông hoa bằng lăng cuối mùa, bờ đất lở dốc đứng của bờ bên này, những tảng đất đổ oà… | | | 3. Biểu tượng cho những khát khao và lời thức tỉnh của Nhĩ: mọi người dứt khỏi những cái vòng vèo, chùng chình mà chúng ta đang sa vào trên đường đời… | | |
| d) Con trai Nhĩ sa vào đám người  chơi phá cờ thế trên hè phố. | | | 4. Biểu tượng cho những vẻ đẹp giản dị, gần gũi và bền vững của quê hương. | | |
| e) Nhĩ giơ cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát… | | | 5 Gợi những điều mà Nhĩ gọi là vòng vèo, chùng chình trong cuộc sống. | | |
| a ------- | b ------ | c ------- | | d ------- | e -------- |

**II. Tự luận ( 7 đ’)**

**Câu 1( 2 đ’):** Nêu tình huống truyện trong truyện ngắn “Bến quê” của Nguyễn Minh Châu?

**Câu 2 ( 5 đ’):** Trình bày cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

**\* Hoạt động 2:** Học sinh làm bài.

- Yêu cầu HS làm bài tự giác, nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài.

- Giáo viên thu bài đúng giờ. Nhận xét giờ kiểm tra.

**\* Hoạt động 4** : HDVN

- Soạn bài: Con chó Bấc

**\*Ma trận đề:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ tư duy  Nội dung | **NHẬN BIẾT** | | **THÔNG HIỂU** | | **VẬN DỤNG THẤP** | | **VẬN DỤNG CAO** | | **TỔNG** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| Bến quê | 2  0,5đ' |  | 3  1,5đ' |  |  |  |  |  | 5  2đ' |
| Những ngôi sao xa xôi |  |  |  |  |  |  |  | 1  8đ | 1  8đ |
| Cộng số câu.  Tổngsố điểm | 2  1đ' |  | 3  1đ' |  |  |  |  | 1  8đ | 6 câu  10 đ' |

**# Biểu điểm:**

**I.Trắc nghiệm** ( 3đ’)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1(0,25đ’) | 2(0,25đ’) | 3(0,25đ’) | | 4(0,25đ’) |
| Đáp án | B | B | C | | D |
| Câu5(1đ’) | | | |
| a - 4 b - 1 c- 2 d - 5 e - 3 | | | |

**II. Tự luận** (8đ)

***- Biết làm dưới dạng bài nghị luận về một nhân vật văn học (trong đoạn trích truyện).***

***- Bài làm cần thể hiện được các đặc điểm sau của nhân vật Phương Định:***

+ Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...

+ Phương Định là nhân vật đầy nữ tính.Cô đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca- chiu-sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát. Những bài hát về cuộc đời, về tình yêu và sự sống cất lên giữa cuộc chiến tranh ác liệt tôn thêm vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong có niềm tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc.

- Phương Định là cô gái dũng cảm. Hành động phá bom của cô cùng đồng đội đã góp phần thông mạch giao thông. Cảnh phá bom vừa hồi hộp, vừa căng thẳng, cho người đọc hình dung cuộc chiến tranh tàn khốc như thế nào nhưng cô vẫn bình tĩnh vì một ngày ít nhất các cô phải phá bom ba lần, đó là chuyện thường tình. Có lúc Phương Định nghĩ đến cái "chết" nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính liệu mìn có nổ, bom có nổ không?

- Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn.

=> Là một cô gái thật đáng yêu, đáng cảm phục.

======================

**TIẾT 163,164: TÔI VÀ CHÚNG TA**

**I.Mức độ cần đạt:**

- Thấy được cuộc đấu tranh gay gắt giữa những con người có tư tưởng đổi mới, tiến bộ với những kẻ mang tư tưởng bảo thủ, lạc hậu.

- Nắm vững hơn những kiến thức về thể loại kịch

**II. Trọng tâm:**

**1. Kiến thức:**

- Tính cách của các nhân vật tiêu biểu (Hoàng Việt, Nguyễn Chính) và cuộc đấu tranh gay gắt giữa cái mới và cái cũ, giữa tư tưởng tiến bộ và tư tưởng lạc hậu, bảo thủ.

- Nghệ thuật xây dựng tình huống, tạo mâu thuẫn kịch.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc – hiểu một văn bản kịch.

3. Thái độ: Giáo dục tinh thần mạnh dạn đổi mới, dám nghĩ dám làm vì quyền lợi của tập thể.

**III . Chuẩn bị**

- Chuẩn bị của thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- Chuẩn bị của trò: Đọc văn bản, soạn bài.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định***

***2. Kiểm tra***

- Thuộc ghi nhớ đoạn trích Bắc Sơn. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng kịch của tác giả Nguyễn Huy Tưởng.

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

**\* Hoạt động 1: Tạo tâm thế**

- Thời gian: 1'

- Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật : Động não

***\* Giới thiệu vào bài:***

Ở tiết trước, chúng ta đã được học trích đoạn trong một vở kịch. Hôm nay, ta sẽ tìm hiểu các tình huống, tính cách nhân vật qua vở kịch “tôi và chúng ta” của tác giả nổi tiếng Lưu Quang Vũ.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | | **Trò** | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
|  | |  | |  |  |
|  | |  | |  |  |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Nội dung cần đạt** | **Ghi chú** |
| **\* Hoạt động 2: Tri giác**  - Thời gian: 8'  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.  - Phương pháp: Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | |  |
| **\* HD đọc và tìm hiểu chú thích:**  ? Giới thiệu chung về tác giả Lưu Quang Vũ?  - Nhà thơ, nhà sáng tác kịch trưởng thành từ quân đội.  - Ông bắt đầu sáng tác thơ khoảng giữa những năm 60 của thế kỷ 20, và từ đó về sau đã có nhiều bài được bạn đọc yêu mến. Đầu những năm 80, từ thơ và truyện ngắn, ông chuyển hẳn sang lĩnh vực sân khấu.  - Đặc điểm kịch: đề cập đến thời sự nóng hổi trong cuộc sống đương thời -> xã hội đang đổi mới mạnh mẽ.  - LQV được nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật năm 2000  ? Xuất xứ đoạn trích?  - GV giới thiệu về vở kịch, giới thiệu về bối cảnh hiện thực đất nước sau 1975-1980.  - Hướng dẫn HS đọc phân vai.  ? Xác định các nhân vật chính, phụ? Đọc phân vai.  - Yêu cầu 1 HS tóm tắt:  Tại một cuộc họp, giám đốc mới của xí nghiệp là Hoàng Việt cho công bố "Kế hoạch mở rộng sản xuất và phương án làm ăn mới của xí nghiệp. Kế hoạch này lập tức bị một số người trong đó có Phó giám đốc Nguyễn Chính phản đối, nhưng lại được các công nhân và kỹ sư ủng hộ" | | **I. Đọc – Chú thích**  - Dựa vào chú thích giới thiệu.  - Nêu xuất xứ đoạn trích.    - Nghe  - HS xác định các nhân vật chính, phụ. Đọc  - Tóm tắt.  - Suy nghĩ trả lời. | | **I. Đọc – Chú thích**  ***1. Tác giả***  ***2. Tác phẩm :***  - Trích trong 'tuyển tập kịch"  - Ra đời năm 1984, trong bối cảnh xã hội đang chuyển mình mạnh mẽ sang một thời kỳ mới xây dựng và phát triển đất nước  Gồm 9 cảnh  - Đoạn trích học thuộc cảnh  ***3. Đọc, tóm tắt*** |  |
| **\* Hoạt động 3: Phân tích, cắt nghĩa:**  - Thời gian: 25'  - Mục tiêu: Thấy được tính cách của các nhân vật tiêu biểu (Hoàng Việt, Nguyễn Chính) và cuộc đấu tranh gay gắt giữa cái mới và cái cũ, giữa tư tưởng tiến bộ và tư tưởng lạc hậu, bảo thủ. Nắm được nghệ thuật xây dựng tình huống, tạo mâu thuẫn kịch.  - Phương pháp: vấn đáp, giảng bình, thảo luận nhóm nhỏ...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | | |  |
| **\* HD đọc – hiểu văn bản:**  ? Nêu đại ý đoạn trích?  Cuộc đối thoại gay gắt công khai đầu tiên giữa 2 tuyến nhân vật diễn ra trong phòng làm việc của Giám đốc Hoàng Việt.  ? Cách tổ chức cảnh 3 của vở kịch này có gì giống và khác so với hồi bốn vở kịch Bắc Sơn?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm, trình bày.  \*GV bổ sung:  + Giống:  - Tổ chức sự việc theo xung đột  - Chủ yếu dùng ngôn ngữ trực tiếp của nhân vật qua đối thoại  - Để tính cách bộc lộ trong xung đột quanh hành động nói là chính.  + Khác:  - Không cấu trúc theo lớp mà cấu trúc theo cảnh.  - Lượng nhân vật nhiều hơn và không đổi, cùng hiện diện trực tiếp  GV giới thiệu về khung cảnh trước đó xí nghiệp Thắng Lợi để HS hiểu tình huống kịch ở cảnh 3.  ? Trong kịch có 2 tuyến nhân vật, hãy chỉ ra những tuyến nhân vật đó? Mỗi tuyến đại diện cho những tư tưởng nào.  GV: Chỉ rõ mâu thuẫn cơ bản giữa 2 tuyến ở những mặt nào trong mối quan hệ công việc điều hành tổ chức sản xuất và quản lý trong xí nghiệp? | | **II. Đọc – hiểu văn bản**  - Suy nghĩ trả lời.  - Thảo luận nhóm theo bàn, trả lời.  - Nghe.   * Nghe.   - Phát hiện trả lời. | | **II. Đọc – hiểu văn bản**  ***1. Tìm hiểu khái quát:***  \* Đại ý:  \* Tình huống kịch và những mâu thuẫn cơ bản  - Tình trạng ngưng trệ sản xuất ở xí nghiệp đòi hỏi có cách giải quyết táo bạo - >Giám đốc Hoàng Quốc Việt (mới nhận thức hơn năm) quyết định công bố kế hoạch sản xuất mở rộng và phương án làm ăn mới.  - Có nghĩa là anh Hoàng Việt với kĩ sư Lê Sơn - đã công khai "tuyên chiến" với cơ chế quản lý phương thức tổ chức lỗi thời mà Nguyễn Chính và Trương là tiêu biểu.  - Xung đột (mâu thuẫn) cơ bản giữa 2 tuyến.   |  |  | | --- | --- | | Hoàng Việt (giám đốc) và Sơn (kĩ sư)  Tư tưởng tiên tiến dám nghĩ, dám làm | Phòng tổ chức lao động, tài vụ (biên chế, tiền lương) quản đốc phân xưởng (hiệu quả tổ chức)  Bảo thủ, máy móc |   Mở rộng quy mô sản xuất phải có nhiều đổi thay mạnh mẽ, đồng bộ. |  |
| ? Đọc cảnh kịch ấn tượng của em về những nhân vật nào?  ? Theo em Hoàng Việt là người như như nào?  - GV gợi ý: qua những lời nói, cử chỉ của nhân vật để thấy thái độ, tính cách.  ? Nhận xét của em về kĩ sư Lê Sơn?  ? Phó giám đốc Chính là người như thế nào? | | - Tự bộc lộ.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời. | | ***2.Tìm hiểu chi tiết:***  2.1Những nhân vật tiêu biểu  a/ Giám đốc Hoàng Việt  + Người lãnh đạo có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, dám nghĩ dám làm.  + Thẳng thắn, trung thực kiên quyết đấu tranh với niềm tin vào chân lý  b/ Kỹ sư Lê Sơn  +Có năng lực, trình độ chuyên môn giỏi, gắn bó nhiều năm cùng xí nghiệp  + Sẵn sàng cùng Hoàng Việt cải tiến toàn diện hoạt động xí nghiệp  c/ Phó giám đốc Chính  + Máy móc, bảo thủ, gian ngoan, nhiều mánh khoé  + Vin vào cơ chế nguyên tắc chống lại sự đổi mới, khéo luồn lọt, xu nịnh  d/ Quản đốc phân xưởng Trương |  |
| ? Thực tế cái mới chưa được thử thách có thể chấp nhận không?  ? Dự đoán về kết quả, cảm nhận của em?  GV bình: vì nó phù hợp với yêu cầu thực tế đời sống, thúc đẩy sự đi lên của xã hội. Họ không đơn độc mà được sự ủng hộ của số đông trong xã hội . | | - Suy nghĩ trả lời. | | ***2.2 Ý nghĩa của mâu thuẫn kịch và cách kết thúc tình huống***  - Cuộc đấu tranh giữa 2 phái: đổi mới và bảo thủ  => Phản ánh tính tất yếu và gay gắt những tình huống xung đột kịch nêu lên là vấn đề nóng bỏng của thực tế đời sống sinh động.  - Cuộc đấu tranh gay go nhưng cái mới sẽ thắng. |  |
| **\* Hoạt động 4: Đánh giá, khái quát:**  - Thời gian:4'  - Mục tiêu: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp  - Kĩ thuật: Động não | | | | | Cho HS thảo luận nhóm. |
| **\* HD tổng kết:**  ? Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích? | **III.Tổng kết**  - Khái quát trả lời. | | **III. Tổng kết**  - Nghệ thuật: Kịch với nhân vật tính cách rõ nét  - Nội dung: vấn đề đổi mới trong sản xuất | |  |
| **\* Hoạt động 5: Luyện tập, củng cố:**  - Thời gian:5'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Vấn đáp, bình.  - Kĩ thuật: Động não. | | | | |  |
| **\* HD luyện tập, củng cố**:  - Yêu cầu HS trình bày cảm nhận:  ? Suy nghĩ của em về vấn đề được đặt ra trong vở kịch? | | **IV. Luyện tập:**  - Suy nghĩ, trình bày cảm nhận. | | **IV. Luyện tập:**  Bài tập: Suy nghĩ của em về vấn đề được đặt ra trong vở kịch? |  |

**\* HDVN: 2’**

- Học thuộc ghi nhớ, nắm nội dung đoạn trích.

- Chuẩn bị bài: Tổng kết Tập làm văn

**Tiết 153,154 : ÔN TẬP VỀ TRUYỆN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp dạy | Ngày soạn | Ngày dạy | Tiến độ thực hiện chương trình | | | Lí do |
| Nhanh | Đúng | Chậm |
| 9A | 3.4.2015 | 10,11.4.2015 |  | x |  |  |

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững kiến thức về đặc trưng thể loại qua các yếu tố nhân vật, sự việc, cốt truyện, những nội dung cơ bản của các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học, những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam

***3.Thái độ:***

**-**  Qua các tác phẩm truyện, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo, ý thức tự nguyện cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Những nội dung cơ bản của các tác phẩm truyện hiện đại Việt nam đã học.

- Những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học.

***2. Kĩ năng:***

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam

***3.Thái độ:***

**-**  Qua các tác phẩm truyện, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo, ý thức tự nguyện cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

**III. Chuẩn bị**

+Thầy:- Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

-Phương pháp: vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình...

+ Trò: Làm đề cương ôn tập theo gợi ý trong SGK.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ: 2’***

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\* Hoạt động 1: Tạo tâm thế**  - Thời gian: 1'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | | | |
| ***Giới thiệu bài:*** Trong chương trình ngữ văn 9, các em đã được học một số tác phẩm (truyện ngắn và trích đoạn truyện dài) của Việt Nam. Đề tài và nội dung rất đa dạng, mở ra bức chân dung rất sinh động đời sống của con người Việt Nam. Hôm nay, chúng ta sẽ thực hiện ôn tập về các tác phẩm truyện đã học ấy. | | - Lắng nghe, suy nghĩ | | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. | |
| **\* Hoạt động 2,3,4: Tri giác - Phân tích, cắt nghĩa- Đánh giá, khái quát:**  - Thời gian: 20’  - Mục tiêu: Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam. Nắm vững những nội dung cơ bản của các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học.  - Phương pháp: Lập bảng , vấn đáp  - Kĩ thuật: Động não | | | | | | |
| \* **HD lập bảng ôn tập thống kê các tác phẩm truyện hiện đại:**  Giáo viên yêu cầu HS dựa vào đề cương đã chuẩn bị ở nhà, trình bày kiến thức cơ bản về các truyện .  - Giáo viên nhận xét, chữa. | | | | **I. Lập bảng ôn tập thống kê ...**  - Trình bày đề cương đã chuẩn bị. | | **I. Lập bảng thống kê các tác phẩm truyện hiện đại.** |
| **Bảng thống kê các tác phẩm truyện hiện đại**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tác phẩm** | **Tác giả** | **Năm ST** | **Thể loại** | **Tóm tắt nội dung** | | 1 | Làng | Kim Lân | 1948 | Truyện ngắn | Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với long yêu nước và tinh thần kháng chiến của nhiều nông dân. | | 2 | Lặng lẽ Sa Pa | Nguyễn Thành Long | 1970 | Truyện ngắn | Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông hoạ sĩ, cô kỹ sư mới ra trường với người thanh niên làm việc một mình tại núi cao Sa Pa. Qua đó, ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến hết sức mình cho đất nước | | 3 | Chiếc lược Ngà | Nguyễn Quang Sáng | 1966 | Truyện ngắn | Câu chuyện éo le và cảm động về hai cha con ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khi căn cứ. Qua đó, truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh. | | 4 | Bến quê | Nguyễn Minh Châu | Trong tập "Bến quê" 1985 | Truyện ngắn | Qua những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật Nhĩ vào lúc cuối đời trên giường bệnh, truyện thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống, của quê hương | | 5 | Những ngôi sao xa xôi | Lê Minh Khánh | 1971 | Truyện ngắn | Cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái thanh niên xung phong trên đỉnh cao ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh chống Mĩ cứu nước. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của họ. | | | | | | | |
| **\* Hoạt động 5: Luyện tập:**  - Thời gian: 60’  - Mục tiêu: Hệ thống hoá các truyện theo tiến trình lịch sử văn học. Biết trình bày cảm nhận về một chi tiết nghệ thuật trong một tác phẩm truyện đã học...  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm, bình  - Kĩ thuật:Động não, khăn trải bàn. | | | | | | |
| **\*HD ôn tập những nét chính về nội dung tác phẩm truyện Việt Nam:**  ? Các truyện được sắp xếp theo các thời kỳ lịch sử như thế nào? Em hãy sắp cho phù hợp?  H: Các tác phẩm trên phản ánh điều gì? | **II.Nét chính về nội dung tác phẩm ...**  - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời. | | **II/ Nét chính về nội dung tác phẩm truyện Việt Nam:**  - Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (Làng - Kim Lân)  - Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ: Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng), Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long), Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê).  - Từ sau 1975: Bến quê (Nguyễn Minh Châu)  \* Hình ảnh đất nước và con người Việt Nam được phản ánh:  + Các tác phẩm trên đã phản ánh được 1 phần những nét tiêu biểu của đời sống xã hội và con người Việt Nam với tư tưởng, tình cảm của họ trong nhiều thời kỳ lịch sử có nhiều biến cố lớn lao từ sau Cách mạng tháng 8 1945, chủ yếu là trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. | | | |
| H: Hình ảnh các thế hệ con người Việt Nam yêu nước trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ được miêu tả qua những nhân vật nào?  ? Phân tích một hình ảnh về con người Việt Nam tiêu biểu trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước ? | - Hoạt động nhóm, trả lời.  - Phân tích theo bài chuẩn bị ở nhà, thảo luận nhóm bổ sung | | \* Hình ảnh con người Việt Nam yêu nước thuộc nhiều thế hệ trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã được thể hiện sinh động qua một số nhân vật: Ông Hai (Làng), Người thanh niên (Lặng lẽ Sa Pa), ba cô gái thanh niên xung phong (Những ngôi sao xa xôi).  VD:Truyện “ Những ngôi sao xa xôi” làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mộng mơ, tinh thần dũng cảm trong cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, mất mát và hi sinh ngưng rất hồn nhiên lạc quan… | | | |
| H: Em hãy nêu những nét nổi bật về tính cách và phẩm chất ở mỗi nhân vật?  ***(Hết tiết 153, chuyển tiết 154)*** | - Suy nghgĩ trả lời. | | **VD:** - Ông Hai: Tình yêu làng thật đặc biệt, nhưng phải đặt trong tình cảm yêu nước và tinh thần kháng chiến.  - Người thanh niên trong truyện Lặng lẽ Sa Pa: Yêu thích và hiểu ý nghĩa công việc thầm lặng một mình trên núi cao, có những suy nghĩ và tình cảm tốt đẹp trong sáng về công việc và đối với mọi người.  - Bé Thu: Tính cách cứng cỏi, tình cảm nồng nàn, thắm thiết với người cha.  - Ông Sáu: Tình cha con sâu nặng, tha thiết trong hoàn cảnh éo le và xa cách của chiến tranh.  - Ba cô gái thanh niên xung phong: Tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh. Khi làm nhiệm vụ hết sức nguy hiểm tình cảm trong sáng, hồn nhiên lạc quan trong hoàn cảnh chiến đấu đặc biệt. | | | |
| **\* Yêu cầu HS phát biểu cảm nghĩ**  H: Nêu cảm nghĩ về nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc?  ( Gọi 4- 5 HS) | **III. Phát biểu cảm nghĩ**  - Tự bộc lộ. | | **III . Phát biểu cảm nghĩ** | | | |
| **\* HD khái quát nghệ thuật của truyện:**  ? Những truyện nào có tình huống đặc sắc? Nêu tình huống truyện ?  H: Các tác phẩm đã được tường thuật theo các ngôi kể nào? Những truyện nào có nhân vật kể chuyện trực tiếp xuất hiện (Nhân vật xưng "Tôi"). Cách tường thuật này có ưu thế như thế nào? | **IV. Nghệ thuật của truyện**  - Nêu những tình huống truyện đặc sắc.  - Suy nghĩ trả lời. | | **IV. Nghệ thuật của truyện**  \* Tình huống truyện:  VD: Chiếc lược ngà : cha con được gặp nhau…  Bến quê: Nhĩ- một người đã từng đi khắp nơi trên thế giới - cuối đời muốn đặt chân lên bãi bồi bên kia sông mà không thực hiện được…  Làng: Ông Hai yêu làng -> nghe tin làng theo giặc…  \* Ngôi kể: - Về phương diện tường thuật: ở ngôi thứ nhất (Nhân vật xưng "tôi"). Nhưng có những tác phẩm tuy không xuất hiện trực tiếp nhân vật kể truyện xưng "Tôi" mà truyện vẫn được tường thuật chủ yếu theo cái nhìn và giọng điệu của một nhân vật, thường là nhân vật chính.  - Ở kiểu thứ nhất: Nhân vật xưng "tôi" có các truyện: Chiếc lược ngà, Những ngôi sao xa xôi.  - Ở kiểu thứ hai có các truyện: Làng, Lặng lẽ Sa Pa, Bến quê.  - Tác dụng: Chiếc lược ngà: Câu truyện trở nên chân thực, gần gũi hơn qua cái nhìn và giọng điệu của chính người chứng kiến câu chuyện.  - Làng: Không gian truyện mở rộng hơn, tính khái quát của hiện thực dường như được tăng cường hơn. | | | |

**4. Củng cố: 5’**

- Qua các truyện trên em hiểu gì về đất nước và con người Việt Nam cũng như của các nước trên thế giới?

**5. HDVN: 2’**

- Ôn lại các truyện đã học. Kể sáng tạo một trong những câu chuyện (Đổi ngôi kể, thêm phần kết mới, có yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận).

- Chuẩn bị bài: Hợp đồng ( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)